

góc nhìn
sử Việt

HOA BẰNG

Quang Trung

*"Dành cho đế đàng tâu,
dành cho đế đàng cày,
dành cho nữ chính quân lữ đoàn,
dành cho nữ phần giúp bắt quân,
dành cho nữ trí Ngạn quốc' anh hùng
chí bất khuất...";*

Xuất bản lần đầu năm 1944

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời giới thiệu

Bạn đọc thân mến!

Lịch sử văn hóa của một dân tộc không phải của riêng cá nhân nào, chính vì vậy, việc bảo tồn, gìn giữ và phát triển lịch sử văn hóa cũng không phải riêng một người nào có thể gánh vác được, nó thuộc về nhận thức chung của toàn xã hội và vai trò của từng nhân tố trong mỗi chặng đường lịch sử. Lịch sử là một khoa học. Lịch sử không phải là việc thống kê sự kiện một cách khô khan rời rạc. Bởi mỗi sự kiện trong tiến trình đó đều có mối liên kết chặt chẽ với nhau bằng sợi dây vô hình xuyên suốt không gian và thời gian tạo nên lịch sử của một dân tộc.

Dân tộc Việt Nam trải hơn một nghìn năm Bắc thuộc, gần trăm năm dưới ách cai trị của thực dân, đế quốc, nhưng con cháu bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... vẫn kiên trì bền chí, tin tưởng ở quá khứ hào hùng, không ngừng tranh đấu hướng tới tương lai rộng mở vì độc lập tự do của đất nước.

Một dân tộc, một quốc gia muốn trường tồn và phát triển, ngoài việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật, điều quan trọng hơn nữa là phải có một nền tảng giáo dục vững chắc. Trong đó, giáo dục về lịch sử và lòng tự hào dân tộc là cần thiết để ghi khắc trong tâm trí các thế hệ, đặc biệt là tầng lớp thanh niên, ý thức về nguồn gốc dân tộc, truyền thống văn hóa và nội lực quốc gia, đồng thời giúp định hình góc nhìn thấu đáo về vai trò của từng giai đoạn, triều đại và nhân vật - dù gây tranh cãi - tạo nên lịch sử đó.

Chính vì những giá trị to lớn đó, vấn đề học tập, tìm hiểu lịch sử nước nhà hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước và toàn xã hội. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam, Tạp chí Xưa và Nay... và rất nhiều những tổ chức khác đã và đang kiên trì con đường thúc đẩy sự phát triển của nền khoa học lịch sử quốc gia, phổ biến tri thức lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc tới toàn xã hội.

Đồng hành với mối quan tâm của toàn xã hội, Công ty Cổ phần Sách Alpha - một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, với tôn chỉ "Tri thức là sức mạnh" - đặc biệt quan tâm tới việc góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về truyền thống văn hóa lịch sử đất nước.

Theo nhiều kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu của bạn đọc cho thấy, "lỗ hổng lịch sử" ở không ít người trẻ hiện nay hoàn toàn có thể bù đắp một phần dựa trên nhiều nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu, sách cổ sách quý hiện đang được các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân lưu giữ. Để chung tay tái hiện một cách rõ nét những mảnh ghép lịch sử dân tộc, Công ty Cổ phần Sách Alpha đã triển khai dự án xuất bản mang tên Góc nhìn sử Việt với mục đích xuất bản lại và xuất bản mới một cách có hệ thống các công trình, tư liệu, sách nghiên cứu, sách văn học có giá trị... về lịch sử, bước đầu hình thành nên Tủ sách Alpha Di sản.

Cuốn sách bạn đang cầm trên tay là một trong những sản phẩm đầu tiên của dự án này.

Xin trân trọng giới thiệu.

CÔNG TY CP SÁCH ALPHA

Lời đầu

Ở đời, muôn sự của chung,

Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi!

Lê đồ! Chiêu Thống cầu viện nhà Thanh.

Thả sít bắt sộp, người Thanh chực đớp nước Nam, chứ yêu gì Lê, ghét gì Nguyễn (Tây Sơn)!
Giá bấy giờ không có vua Quang Trung, thì nước ta ra sao?

Vậy, công giết Nghi Đống, đuổi Sĩ Nghị, quét 20 vạn quân Thanh, tranh giữ tự do và chủ quyền cho Đại Việt thật chẳng kém Trần phá Nguyên, Lê đánh Minh thuở trước.

Vả, muốn mạnh thế nước, rộng bản đồ, vua Quang Trung lại mài nanh, giũa vuốt, luyện tướng, rèn binh, định khôi phục lấy đất Lưỡng Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây). Giá ngài thêm thọ, đừng vội ôm chí mà thác, thì nước Nam sẽ lại ra sao?

Ôi, là người đồng thời và ngang hàng với Nã-phá-luân (Napoléon 1er), Quang Trung cũng có thiên tài về quân sự, cũng có thủ đoạn thần tốc trong việc hành binh, cũng có chí hăng, hoài bão lớn... Vậy mà Nã được gửi nằm xương trong đền Invalides để cho người sau viếng thăm ca tụng! Còn Quang Trung? Sự nghiệp oanh liệt phải vùi sâu trong vục thẳm thời gian!

Trèo lên Đống Đa (ở ấp Thái Hà, Hà Đông), trông ra bốn mặt: nào gái, nào trai, nào áo, nào mũ, nào ngựa kéo xe, trâu cày ruộng, gió bụi lưng trời mờ mịt... Vua Quang Trung nào đâu?

Cảm vì thế, tôi viết lại trang sử Quang Trung.

Cẩn chí

TÁC GIẢ

Phần thứ nhất: Quật khởi

Thời loạn

Thời cực nước ta hồi cuối thế kỷ XVIII: một mớ tơ rối đương phủ xã hội mục nát; một bầu không khí nặng nề đương vây bọc nhân dân nghẹt ngòi!

Nguyên từ năm Quang Hưng thứ 16 (1593), nhờ sức vùa giúp của Bình An vương Trịnh Tùng (1570-1623), vua Lê Thế Tông (1573-1599) tuy khôi phục được Thăng Long, nhưng ngọn đèn “trung hưng” của Lê từ đó ngày một hắt hiu lèo lẹt! Đến đời Hiến Tông (1740-1786), dầu gần cạn, bắc hầu tàn. Dân chúng bấy giờ âm thầm sống trong cơn lờ mờ, hồi hộp!

Ngoài Bắc Hà, từ hồi tháng ba năm Kỷ Sửu, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 30 (1769), việc chúa Tĩnh Đô Trịnh Sâm (1767-1782) bắt giam Hoàng thái tử Lê Duy Vỹ¹ đã làm xao xuyến tâm thần nhân dân, hạng người bấy lâu vẫn ngấm ngầm ghi nhớ công ơn bình Ngô của vua Lê Thái Tổ (1428 -1433). Qua hai năm sau, cái chết của Duy Vỹ lại lấy được bao giọt nước mắt của mọi người ở phố phường, chợ búa²!

Vả, sau cuộc “đảo chính” (tháng mười, năm Nhâm Dần, 1782) của quân Tam phủ (Hà Trung, Thiệu Hóa và Tĩnh Gia)³, cái gai chúa của nhà Trịnh từ đó càng thêm lung lay!

Gia dĩ⁴, từ khi Đoan Nam vương Trịnh Khải (1782-1786) giết hại con em quận Huy Hoàng Đình Bảo, một tay quyền thần đã từng dan díu với Đặng Thị Huệ, mẹ Trịnh Cán, mầm loạn đã ngầm ẩn trong tòa vương phủ lộng lẫy nguy nga⁵.

Phải, thực lực bên Trịnh bấy giờ rỗng tuếch: tướng tá lười biếng, sợ trận mạc. Quân lính, từ hồi lộng quyền phể lập đến nay, ngày một kiêu căng rông rỡ, lồng lộn như ngựa bất kham, không chịu cương khốp.

Dân chúng, sống dưới chế độ phiến hà, chính sự nhùng nhịu, đã “dám” phê bình các nhà cầm quyền bằng giọng hài hước nhưng kín đáo giấu giếm trong lời đồng dao:

“Trăm quan có mắt như mờ!...”

Để chứng thực cái trạng thái mục nát của xã hội Bắc Hà thời ấy, xin mời các bạn hãy đọc thêm đoạn này của ông Tùng Niên, trong *Tang thương ngẫu lục*, truyện *Bùi công Huy Bích*:

Năm Nhâm Dần (1782), đời Cảnh Hưng (1740-1786). Điện Đô vương (Trịnh Cán) lên cầm quyền trong tuổi thơ ấu; gần xa đều nao nao... Ngày 25 tháng mười (Nhâm Dần, 1782), binh Tam phủ làm loạn, ủng lập Trịnh Tông (tức Khải), con cả của cố vương (Trịnh Sâm): ấy là Đoan Nam vương...

... Bấy giờ kẻ dưới thì lảng loạn, người trên thì suy đốn, rường mối triều đình ngày một sa sút hư hỏng. Ông Bùi Huy Bích lo âu về nỗi ấy, thường thường than thở trong khi đứng ở triều đình. Ông từng làm bài văn khóc ông Hồ Sĩ Đống chức quyền phủ, có câu rằng: “Trên chốn triều đình, việc chính trị không ra sao, lại thêm nỗi: nào nước lụt, nào hoàng trùng!...” (*Tang thương ngẫu lục*, tập dưới, tờ 46).

Xem đó đủ biết cực diện bên Trịnh bấy giờ đã dần dần đi đến bên hố diệt vong.

Trong Nam Hà, một danh từ hồi đó đối với Bắc Hà mà nói, vùng Thuận Quảng sống dưới trị quyền chúa Nguyễn từ năm 1588, bấy giờ cũng khắc khừ kêu rên trên giường bệnh!

Chúa Định vương (1765-1778), mới 12 tuổi, đeo cái “bung xung” lên ngôi “làm vì”. Chính quyền nắm cả trong tay Trương Phúc Loan!

Phúc Loan, một con dân, khoác áo “quốc phó” làm giàu bằng nghề bán quan buôn ngục. Xây biệt thự Phấn Dương trên đồng mồ hôi, nước mắt và máu thịt của nhân dân, Loan dùng nó làm nơi chứa của. Sau trận nước lụt, Loan sợ của “mục”, phải sai phơi vàng dưới ánh nắng tung bùng trên sân biệt thự. Vàng đỏ, lấp lánh dờn ánh dương, làm quáng cả mắt thèm thường

những tội tở hấn. Ấy là chưa kể các động sản khác như trâu, ngựa, châu ngọc, gấm vóc và các bất động sản như nhà cửa, ruộng, vườn...

Dân đã khổ lại khổ thêm, khó cầm hơi nổi trước cơn mất mùa đói kém! Bức tranh “cơ cật” treo khắp dân gian. Những thân hình đói rạc kheo khư do nét bút thần “Hung niên” đã phác vẽ, trung bày trên cái biệth thự huy hoàng lộng lẫy ở làng Phấn Dương, thật là một cảnh mâu thuẫn mai mỉa!

Phần khổ vì chính sự bất lương, phần cơ cực vì ma đói ám ảnh, dân chúng ngắc ngoải dưới bàn tay sắt của Trương Phúc Loan, biết tìm đâu lấy chút sinh thú!

Sống không hi vọng, lòng họ lạnh như băng, tan nát như cám, ngấm ngấm ôm mối “tư loạn”.

Nói tóm lại, ngoài Bắc, trong Nam vào khoảng mấy năm cuối đời Lê Hiến Tông (1740-1786) đương lưng bụng đau đặng như mắc cái ung độc, tất phải chích ra cho vỡ mới mong lành mạnh được.

Thần Chiến tranh đứng rình trước thời cục nghiêm trọng. Thùng thuốc súng chỉ chực tàn lửa rớt xuống tức thì nổ bung.

Chàng áo vải

Dưới mái một nhà bình dân trại Tây Sơn⁶ thành Quy Nhơn (nay là Bình Định), năm Quý Dậu (1752), cậu bé Nguyễn Huệ ra đời rồi lớn lên trong cảnh khổ sở nheo nhóc như trăm nghìn dân quê khác. Thật không ai biết trước bằng cậu bé ấy sẽ có những thủ đoạn phi thường, tương lai oanh liệt sẽ làm một trang anh hùng dân tộc, lật đổ Nguyễn, diệt tan Trịnh, đánh bại Mãn Thanh, thống nhất cả Việt Nam vào cuối thế kỷ thứ XVIII.

Trước cửa nhà Nguyễn Huệ, róc rách một con suối ấm đêm ngày kêu. Tiếng kêu có lúc ai oán như giọng hậm hực bất bình của lũ dân đen bấy giờ đương bị nghẹn ngào đè nén nhưng có lúc hùng tráng hăng hái như tiếng kèn của toán nhạc binh thúc giục người ta phải tranh lấy quyền sống còn.

Là con Nguyễn Phi Phúc⁷ và Nguyễn Thị Đồng. Nguyễn Huệ, tóc quăn, da sần, tiếng nói sang sảng như tiếng chuông, cặp mắt hùng thư mà sáng như chớp, có thể thấy rõ mọi vật trong đêm tối.

Về gốc tích nhà Tây Sơn, có nhiều thuyết khác nhau:

Theo *Lê kỷ* là một cuốn dã sử, thì anh em nhà Tây Sơn bấy giờ đương ở trong hàng ngũ quân dân dưới triều Nguyễn Định vương, thấy Trương Phúc Loan hại nước tàn dân, bèn lui về nơi thảo dã khởi nghĩa, mưu việc đánh đổ Phúc Loan, tên quốc tặc.

Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập* (quyển 30, tờ 1a-b), thì tổ tiên Nguyễn Huệ vốn người huyện Hưng Nguyên, trấn Nghệ An. Khoảng niên hiệu Thịnh Đức (1653-1657), nhà Lê chung số phận với đám dân chiến bại ở bảy huyện xứ Nghệ, sau một trận Nguyễn, Trịnh giao tranh, tổ bốn đời của Nguyễn Huệ bị bên chúa Nguyễn bắt đi, an sát ở Tây Sơn Nhất⁸, huyện Quy Ninh⁹ thuộc Quy Nhơn để khai khẩn đất hoang, ruộng cỏ.

Khi ông tổ bốn đời ấy mới bị đi vào ở Quy Nhơn thì ở tại ấp Tây Sơn Nhất thuộc huyện Quy Ninh, đến đời cha là Nguyễn Phi Phúc mới dời đến ở ấp Kiên Thành¹⁰ thuộc huyện Tuy Viễn¹¹.

Theo *Tây Sơn liệt truyện* (sách viết của trường Bác Cổ) thì tổ bốn đời của Nguyễn Huệ bị chúa Nguyễn khoảng năm 1653-1657 đem vào phía nam. *Tây Sơn lược thuật* (sách viết của trường Bác Cổ) cũng chép: tổ tiên Nguyễn Huệ là người huyện Nghi Xuân (Nghệ An). Năm 1672-1673, chúa Nguyễn lấy được bảy huyện Nghệ An, di dân vào Nam; tổ của Huệ cũng ở trong số di dân ấy.

Trong gia đình đó, Nguyễn Huệ thường gọi là chú Thơm. Em thứ 3 dưới Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ.

Thụ nghiệp Giáo Hiến¹², anh em Nguyễn Huệ, từ trẻ, dắt nhau cùng đi học, được Giáo Hiến ngó bằng cặp mắt riêng.

Giáo Hiến? Một môn khách nhà Trương Văn Hạnh, ngoại hữu dưới triều Định vương (1765-1778). Vì sợ và lây sau khi Hạnh bị Phúc Loan giết chết, Hiến phải trốn vào Quy Nhơn, mở trường ở ấp Yên Thái, dạy cả văn võ.

Thấy Nguyễn Huệ nhanh nhẹn, khỏe mạnh, can đảm, mắt như chớp sáng, tiếng như chuông vang, Hiến biết ngay là một thanh niên lỗi lạc có cái tương lai phi thường!

Hằng ngày, chắc Huệ cũng được nghe những lời Giáo Hiến thúc giục Nguyễn Nhạc bằng câu sấm: *“Tây khởi nghĩa, Bắc thu công”*. Rồi Hiến lại nói sát sạt: “Anh là người Tây Sơn, cứ cố đi!”

Không hay những lời Giáo Hiến kích thích Nguyễn Nhạc đó có làm rung động trái tim Nguyễn Huệ? Nhưng một cố hiển nhiên khiến Huệ từ trại Tây Sơn phất cờ cách mạng chính là tiếng gọi của thời thế: Thời thế tạo anh hùng! Phải, ta thấy cái động cơ này đã đẩy Nguyễn Huệ lên vũ đài chính trị:

Vả bây giờ thần nịnh, chúa hôn, gương bình trị lòng trên ắt muốn.

Lại gặp hội binh kiêu, dân oán, sửa kỷ cương tài cả phải ra¹³.

Cái hoài bão muốn cứu sinh linh ấy lại tỏ rõ trong bức thư sính La Sơn Phu Tử đề ngày mùng 10 tháng tám năm Thái Đức thứ 10 (1787), khi Nguyễn Huệ làm Đại nguyên súy Tổng quốc chính Bình vương... *“Thiên hạ loạn thế này, nhân dân làm than thế này! Vậy mà nhà thầy cứ nằm cao không vùng dậy, thì đối với thiên hạ nhân dân ra sao?”¹⁴*

Đứng bên anh

Đối với xã hội hồi đó, việc võ trang bạo động của bọn Nguyễn Huệ, về cận nhân, chính làm đại biểu cho cuộc phản kháng ngấm ngấm cái chế độ bất lương đang sôi nổi trong đáy lòng dân chúng. Về viễn nhân, nó lại làm đại biểu cho cái khuynh hướng phản đối cuộc nội tranh kéo dài từ năm 1627 đến năm 1672 và mãi về sau còn rớt lại những khí âm ỉ gùm ghè, hần học, cuốn bao máu thịt vào vòng khói lửa để làm vững cái “ngai” chúa cho hai nhà: Trịnh và Nguyễn!

Khi dân chúng cần nhà Tây Sơn để thực hành cho họ cái tinh thần mạnh mẽ, cái nguyện vọng thiết tha (nguyện vọng của họ bấy giờ là tìm lấy đời sống tốt đẹp hơn, sung sướng hơn), thì họ ủng hộ ngay lúc bọn ông nhảy lên nắm quyền chính, đem binh ra Bắc Hà. Nhưng, về sau, thấy Quang Toản (1793-1802) tỏ ra bất lực, không làm cho đời họ được thay đổi sáng sủa hơn, họ liền lià bỏ, nên triều đại Tây Sơn (1788-1802) phải sụp đổ!

Vậy có thể nói Quang Trung (1788-1792) chỉ là con đẻ của thời đại. Cuộc quật khởi của nhà Tây Sơn chỉ là đại biểu cho khuynh hướng của phái nông dân bấy giờ.

Năm Tân Mão (1771), niên hiệu Cảnh Hưng thứ 32 đời vua Lê Hiến Tông, tức năm thứ 6 đời chúa Nguyễn Duệ Tông (Định vương), một năm tối quan trọng, ghi bằng chữ máu trên trang sử Nam Bắc phân tranh!

Từ một anh tuần biện lại ở Vân Đồn, Nguyễn Nhạc, được hai em Huệ và Lữ đứng bên nâng đỡ trong 7 năm trường, nhảy một bước lên chiếc ngai Thái Đức Hoàng Đế (1778): một cái “phi thường” trong “sổ” các nha lại xưa nay!

Làm tuần biện lại, Nhạc đóng vai thu thuế trong một đồn để sung vào công khổ. Nhưng vụ thuế năm Tân Mão (1771) đó thu được bao nhiêu, Nhạc nướng vào cuộc đổ đên hết sạch!

Dưới quyền Đốc trưng Đàng, Nhạc trước còn bị thẳng thúc¹⁵ “đổ” thuế, sau bị truy tố và lùng bắt riết.

Túng phải tính, Nhạc xoay qua chiến lược: chẳng những không phải đền, không phải tội, mà lại “phất to” là khác.

Thế rồi, trên nóc trại ở Thượng Đạo¹⁶ ấp Tây Sơn bỗng phấp phới bay lá cờ cách mệnh.

Thì ra Nguyễn Nhạc, quăng lại đằng sau cái chức “lại quên”, ngằm kéo hai anh em, vào núi, dựng trại, lập đồn, xưng hùng với oai rừng thẳm!

Thế là Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đặt được viên đá đầu tiên để dần dần xây thành lâu đài triều đại Tây Sơn từ đó.

Núp dưới bóng cờ Tây Sơn, bọn vong mạng có, tội mừng mán cũng có. Thủ hạ Tây Sơn bấy giờ đã lên đến con số đáng kể: Vài nghìn người.

Sẵn quân gia, khí giới, Tây Sơn cứ việc tung hoành.

Các nhà giàu, hồi đó, trong những đêm trường rừng rợn, sống trước cảnh hồi hộp âm thầm!...

Mỗi lần có tiếng trống ngũ liên, là một lần nhà giàu mất cướp! Nhưng trong số mất cướp đó toàn là những nhà giàu cay nghiệt, ăn kết quả của nước mắt mồ hôi kẻ khó, xây cơ nghiệp trên nền “bất nhân”.

Sau bất cứ một đám cướp nào ở vùng đó, người ta cũng thì thầm: “Lại quân gia Tây Sơn.”

Quả thế, cứ mỗi lần “làm tiền” anh em Tây Sơn lại được những tiếng ca tụng ra từ miệng dân nghèo sống dưới phạm vi thể lực của họ:

Người ta khen vì được phân phát cho tiền của.

Người ta cảm phục vì thấy đó là một động tác có tính cách nghĩa hiệp.

Tài chính là vấn đề cần nhất trong việc chiến tranh: “Làm tiền” bằng cách cướp bóc tuy có cận hiệu, nhưng trong trại Tây Sơn bấy giờ vẫn không đánh thắng bằng được số chi thu. Thành thử họ lại phải gõ mạnh vào những cửa lòng khinh tài, trọng nghĩa.

Huyền Khê, một tay giàu lớn ở hạt Quy Nhơn bấy giờ đáp ngay tiếng gọi của Tây Sơn, ngấm ngấm giúp họ về mặt tài chính.

Nhờ có bầu sữa của Huyền Khê, Tây Sơn cứ hăng hái xông pha trên đường tiến thủ: mộ lính, sắm khí giới, nhằm theo cái đích lật đổ Trương Phúc Loan.

Đồ đảng ngày thêm nhiều, lại được thổ hào Nguyễn Thung¹⁷ giúp sức, thanh thế Tây Sơn càng lâu càng mạnh mẽ; kéo đánh các ấp xung quanh, đến đâu được đó.

Như ngọn lửa càng bốc to càng cháy dữ, lại gặp luồng gió thuận tiện thổi thêm, Tây Sơn mặc sức bén ngang, lém dọc, không còn sợ tắt dưới tay dập tưới của quan địa phương.

Anh em Tây Sơn thấy gian thần Trương Phúc Loan đương đóng vai Tần Cối trên sân khấu chính trị, biết rằng cơ hội đến rồi, quyết gãi ngay vào chỗ ngứa của dân chúng: một mặt kể tội Phúc Loan: nào buôn tước bán quan, thay đen đổi trắng trong việc hình ngục, nào hút dầu mỡ dân để nuôi béo nhà... Một mặt định đón lập Hoàng tôn Dương để gây cảm tình với lê thứ¹⁸.

Làm theo phương lược đã định, Tây Sơn truyền hịch đi khắp nơi, tuyên bố cái có phải đánh đổ Trương Phúc Loan và tỏ việc đón lập chúa mới: Hoàng tôn Dương! Thế là giang sơn chúa Nguyễn bấy giờ bỗng chia hai phe: Phe Quốc phó Trương Phúc Loan đội cái “bung xung” bằng chúa Định vương; phe Tây Sơn đeo cái chiêu bài bằng Hoàng tôn Dương, khiến nhân dân không còn biết phe nào là triều, phe nào là giặc nữa. Người ta phải dùng mấy tiếng sau này để phân biệt của hai phe đó: một là “quân Quốc phó”; một là “quân Hoàng tôn” (Tây Sơn). Cho nên tục ngữ bấy giờ có câu: “*Quân Triều, quân Quốc phó; quân ¹⁹, quân Hoàng tôn.*”

Tấn công

Gió heo may dào dạt lướt qua những đợt cỏ tranh tiêu điều. Một vài chiếc lá châu đã lốm đốm vàng úa. Cảnh vật năm Quý Tỵ (1773) bấy giờ đã đượm màu thu.

Sẵn cái đà bước đầu thắng lợi, Tây Sơn đem quân tiến đánh, chiếm lấy ấp Kiên Thành²⁰.

Phạm vi thống trị đã hơi mở rộng, họ tính ngay đến việc sắp đặt các cơ quan hành chính.

Nguyễn Nhạc làm chúa trại Nhất, quản trị hai huyện Phù Ly và Bồng Sơn.

Nguyễn Thung chúa trại Nhì, coi quản huyện Tuy Viễn²¹.

Huyền Khê đóng vai chúa trại Ba, cung cấp lương thực.

Họ cũng không quên gây lấy vây cánh bên trong và liên lạc lực lượng với nước ngoài: chiêu dụ những tay lục lâm như Nhưng Huy và Tứ Linh²² ở An Tượng Nguyên (thuộc huyện Tuy Viễn).

Họ lại bí mật ước hẹn với nữ chúa Chiêm Thành đem quân ập sang, đóng trại ở Thạch Thành, làm thế ỷ dốc.

Thế là Tây Sơn xây vững được địa vị và thế lực từ đó.

Cách hành động của họ như thế rất có phương pháp. Song công việc sắp đặt và mưu mô bày vẽ trong lúc này là do óc ai nghĩ ra? Nguyễn Nhạc! Nhạc là tay cơ trí, mà lại đóng vai chủ động trong bước khởi đầu, nên chỉ những việc đó đều ra từ cơ mưu của chú “tuần biện lại”. Còn Nguyễn Huệ, hồi đó, hãy còn là phụ động, chắc phải ở dưới quyền sai phái của anh. Nhưng con người trí dũng có thừa kia tất phải là một cánh tay mặt của Nhạc.

Hạ thành Quy Nhơn

Tây Sơn bấy giờ đã có một lực lượng mạnh mẽ. Trông về tương lai, họ có vẻ lạc quan vô cùng.

Lại được Nguyễn Huệ là tay thiện chiến, Nguyễn Nhạc là người cơ mưu, nên họ có thể làm được sự nghiệp lớn lao bằng hai bàn tay trắng.

Với cái tướng tài và cơ trí đó, Tây Sơn hạ phủ lý Quy Nhơn chỉ nội một đêm.

Tại sao họ làm được nhanh chóng đến thế?

Nguyên bấy giờ phủ lý Quy Nhơn đương thuộc dưới quyền quản trị của Nguyễn Khắc Tuyên, Tuần phủ bên Nguyễn. Chắc Tuyên là người vô tài, kém trí, nên bị Tây Sơn đập đổ cái ghế Tuần phủ dễ dàng như trở bàn tay.

Bữa đó, sau một cuộc mật bàn cử sự, Nguyễn Nhạc cất đặt mọi việc cho quân gia với một mệnh lệnh nghiêm minh. Rồi tự vào ngồi trong cũi, Nhạc sai thủ hạ, mặc bộ đồ lù khù nhưng trong gầm giấu mỗi người một thanh đoản đao, lễ mễ khiêng “ông tướng trá hàng” lên phủ lý. Những tiếng luân báo truyền từ miệng người nọ đến người kia rồi lọt đến cửa tai Tuần phủ họ Nguyễn: “Bất sống được Biện Nhạc rồi! Dem nộp quan Tuần để lĩnh thưởng!”

Cửa thành mở. Trước bộ dạng bệ vệ và dưới cặp mắt khinh khỉnh của Khắc Tuyên, Nguyễn Nhạc, bấy giờ như con cọp lâu năm bị nhốt trong chuồng sắt, đã làm cho người ta có thể đọc lầm những nét “ngoan ngoan hiền lành” phủ trên khuôn mặt giả dối tâm ngầm.

Thế là không phải khó nhọc, Nhạc đã vào lọt trong thành với mấy tên đồ đảng.

Màn tối từ từ buông phủ. Cảnh vật thành Quy Nhơn dần dần chìm đắm trong cơn khuya khoắt rợn rùng.

Dịp may đã đến! Phá phăng cũi, Nhạc nhảy phút ra, mở toang cửa thành, đón cái tương lai rần rần rộ rộ đến...

Nghe rõ tiếng pháo hiệu do Nhạc từ trong thành báo ra, một cánh quân Tây Sơn do Nguyễn Thung cầm đầu ở ngoài ập vào, đốt dinh trại, giết tướng sĩ, làm cho cả thành tan vỡ vì một trận đánh không ngờ!

Trong cơn hoảng sợ, Khắc Tuyên không kịp đóng ngựa, vội vã nheo nhóc chạy trốn, bỏ lại đằng sau cho Tây Sơn một thành trì mà mình có nghĩa vụ phải sống chết với nó.

Nhân dịp đắc thắng đó, Nhạc kéo quân đánh dốc đến Càn Dương và Đạm Thủy, hai nơi này

đều thuộc thành Quy Nhơn. Đốc trung Đàng và Khâm sai Lượng theo gót Khắc Tuyên cũng chạy ráo!

Một mặt tịch thu hết kho tàng thóc lúa ở Càn Dương và Đạm Thủy, một mặt Nhạc đuổi theo giết chết cả Lượng lẫn Đàng. Vì thù viên Đốc trung Đàng này đã làm khó dễ với mình trong cơn thiếu thuế độ nọ, Nhạc chu di cả họ Đàng.

Lá cờ Tây Sơn, từ đó, đường hoàng phấp phới trên thành Quy Nhơn. Năm đồn Trung, Tiền, Hậu, Tả, Hữu, dưới tay chỉ huy của Nhạc, đàng giăng nghiêm mật đóng từ thành ấy đến tận địa phận Quảng Nam (1773).

Thành Quy Nhơn thất thủ! Một tin sét đánh đã đến tai Trương Phúc Loan! Nhưng Loan vẫn mơ màng những chuyện làm giàu bằng cách bán quan, buôn ngục!

Trận thắng ở Thạch Tân

Quân Tây Sơn có cái khẩu hiệu riêng: hễ kéo đến đâu cũng hò reo la ó đến đó. Kẻ hú, người thưa, rầm rộ, ầm ĩ, làm cho thanh thế mạnh mẽ hăng hái như sóng vỗ bờ đê, gió khua hang núi. Vì vậy nhân dân hồi đó dùng hai tiếng “quân Ó” để chỉ về quân gia Tây Sơn.

Sau khi hạ được Quy Nhơn, Tây Sơn đang hát khúc khải ca, thì có một tin báo bên Nguyễn sai hai Chưởng cơ Nguyễn Cửu Thống, Nguyễn Cửu Sách, Tổng nhung Tống Sùng và Tán lý Đỗ Văn Hoảng kéo quân đến Bản Tân (giáp ranh huyện Bình Sơn thuộc Quảng Ngãi và huyện Hà Đông thuộc Quảng Nam) để quyết một phen “ăn thua” trên mặt trận.

Sắp đặt phương lược đối phó, Nguyễn Nhạc, dặn sẵn quân gia cứ làm theo mưu kế mình định, một khi đụng nhằm quân Nguyễn.

Kịp khi quân Nguyễn kéo đến bên trại, từ ngoài đánh vào, quân Tây Sơn phải lùi chạy sau một trận mưa đá dồn lũy chống cự lại.

Lui giữ Thạch Tân, Tây Sơn nhử cho quân Nguyễn quen mui dắc thắng kéo dài đến. Chẳng dè quân phục đồ ra, hăng hái đánh riết, kết liễu tính mệnh Sùng và Hoảng ở ngay mặt trận và làm cho bọn Nguyễn Cửu Thống phải đại bại dưới bóng cờ quân Ó!

Từ đó, thế lực Tây Sơn ngày một bùng bột như mầm cây tơ dưới ánh dương xuân, tung bùng rực rỡ như mặt trời mới mọc buổi sớm!

Họ lại lợi dụng bọn giặc khách là Tập Đình gọi là Trung nghĩa quân và Lý Tài gọi là Hòa nghĩa quân làm vây cánh.

Để mập mờ đánh lộn với toán giặc khách kia, Tây Sơn lại lựa thêm những người Nam ta cao lớn lực lưỡng, cũng cho mặc quần áo xanh, cũng cho gióc²³ tóc kết bím, lập thành một toán quân Tàu “giả hiệu”. Mỗi khi ra trận, chúng uống rượu thật say, cởi trần tròng trọc, đầu quấn khăn đỏ, cổ đeo râu vàng lá bạc, tay cầm cái khiên và thanh đại đao. Chúng đánh khỏe và liều chết²⁴.

Dùng đội cảm tử đó làm quân tiền xung, xông pha trước trận, Tây Sơn quả nhiên hái được bông trái tốt tươi: quân Nguyễn không sao địch nổi với lưỡi đại đao của chúng.

Gió bắc dào dạt thổi. Cây cỏ ngủ yên trong giấc mùa đông li bì. Một cái thủ cấp hãy còn đầm máu bỗng làm ngạc nhiên trước mắt quân Tây Sơn!

Té ra đó là đầu lâu viên Tiết chế bên Nguyễn: Tôn Thất Hương!

Nguyên tháng Chạp năm Quý Tỵ (1773) đó, Hương đem nội quân và các toán thân binh đi tiêu, khi đến núi Bích Khê thuộc huyện Phù Mỹ tỉnh Bình Định, bị phục binh của bọn Tập Đình và Lý Tài xông ra giết chết. Còn quân sót lại của Hương thì tan vỡ hết! Đó là trận thắng lợi đầu tiên do Tây Sơn lợi dụng bọn người Thanh.

Lấy Quảng Ngãi, Bình Thuận

Sau một trận giao chiến với Tôn Thất Bản, cai cơ bên Nguyễn, Tây Sơn chiếm được Quảng Ngãi. Rồi nhân cái đà thắng trận này, Nhạc lại thúc quân đánh luôn lấy hai phủ Diên Khánh và Bình Khang. Thế là Tây Sơn cứ việc kéo buồm trước cơn gió thuận, nghiễm nhiên làm chủ nhân ông từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận! Sau lại tiến đánh Quảng Nam, họ thường được thắng lợi, trừ ra một trận bị cai đội Nguyễn Cửu Dật, bên Nguyễn đánh úp nên thua.

Trương Phúc Loan bấy giờ vẫn cứ mơ màng ôm chân nắp bóng nhà Thanh, mong nhờ thế lực ngoại quốc để chống họ Trịnh ngoài Bắc. Loan sai sứ đi đường tắt, sang Thanh dâng biểu xin làm “thần tử” phiên thuộc và hiến đồ cống.

Rồi từ đó, Loan đặt triều nghi, đổi phục sắc, thay pháp độ, lập thành khuôn khổ một nước riêng, không chịu “lép vế” với chúa Trịnh nữa (1774). Nhưng cơn thất bại vẫn rình ở sau lưng, vì Loan chỉ lo “trả miếng” với Trịnh ở ngoài Bắc, chứ quên lưng Tây Sơn đương tung hoành ở trong!

Tây Sơn bấy giờ tuy có vẻ “đáng sợ” dưới con mắt Tôn Thất Thăng đến nỗi Thăng phải bỏ quân, luôn ban đêm chạy trốn về, mặc dầu chưa hề giao phong lấy một trận; nhưng sau khi bị thua bởi tay Nguyễn Cửu Dật từ năm ngoái (1773), Tây Sơn đã phải lui giữ thế thủ ở Thiên Lộc (thuộc phía nam chợ Củi mà chữ nho dịch là Sài thị). Qua mùa hè năm nay (1774), lại bị thua luôn dưới bóng cờ của tướng sĩ năm dinh là các đạo quân ứng nghĩa do Tổng Phúc Hiệp và Nguyễn Khoa Thuyên cầm đầu. Thành thủ ba phủ Bình Thuận, Diên Khánh và Bình Khang kế tiếp mất cả! Rồi Phú Yên cũng lọt vào tay quân Nguyễn nốt! Song, những trận thất bại đó mới chỉ là cái bắt lực của từng cánh quân một chứ đại doanh của Nguyễn Nhạc đóng ở Quảng Nam vẫn vững, không núng.

Dịp may cho họ Trịnh

Tình hình nội biến trong Nam do một người “Đường Trong”²⁵ cáo tố với viên Trấn thủ Nghệ An Bùi Thế Đạt. Viên này bèn viết thư cho chạy ngựa trạm về Thăng Long nói với Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm (1767-1782) cái tình hình có thể lấy Thuận Hóa được.

Quyền thần Phúc Loan làm mưa làm gió ở trong: một cái ung độc của triều Nguyễn!

Lá cờ Tây Sơn phấp phới ở ngoài: lại một cái gai mắt của triều Nguyễn!

Nhưng bao nhiêu những cái không may, không lợi của họ Nguyễn lại chính là dịp tốt để “thả câu” của nhà Trịnh ở Bắc Hà.

Quả thế, khi hay tin trong Nam đương “đục nước” như vậy, Trịnh Sâm mừng quýnh: “Với Trịnh, Nguyễn vốn là thế thù. Sở dĩ bấy nay Trịnh phải làm thinh, chẳng qua chỉ cốt đợi thời. Bấy giờ dịp may đã đến, Trịnh sao lại chịu bó tay ngồi nhìn để cho họ Nguyễn ngang nhiên tranh hùng mãi!”

Phải trị!

Rồi Hoàng Ngũ Phúc²⁶ và Nguyễn Nghiễm lại tán thành thêm vào.

Sau một mệnh lệnh từ vương phủ, quận Việp Hoàng Ngũ Phúc (do hoạn quan xuất thân) cầm ấn thượng tướng, kéo ba vạn quân, thẳng trẩy vào Đường Trong.

Khi Ngũ Phúc đã đi, Trịnh Sâm lại sai đưa cho bức thư chính tay mình viết: “Ông đến Nghệ An, nên tùy cơ mà liệu định, trước hãy đưa thư cho biên tướng bên Nguyễn, nói giả tảng rằng chuyển đi này chỉ cốt để phòng quân Tây Sơn tràn xuống để dò xem tình ý đã. Nếu Tây Sơn đã yên thì lại đưa thư cho Nguyễn bày tỏ ý ấy rồi kéo quân về, chứ đừng để họ sinh nghi, lại gây ra sự hiềm khích ở nơi biên giới...”²⁷

Ban bố 40 điều quân lệnh, Phúc tỏ ra một tay lão tướng cầm quân có kỷ luật nghiêm minh.

Bấy giờ Thuận Hóa luôn mấy năm mất mùa đói kém, không còn rờ vào đâu mà làm quân lương được. Bèn Trịnh phải trù tính cách vận lương và chia lập ba chỗ lương trường:

1) Lương trường Sơn Nam lập ở Mỹ Lộc: chi tiền cho bốn trấn đóng thóc trong bản hạt, xay giã làm gạo, chứa vào kho, rồi do đường thủy tải vào Nghệ An.

2) Lương trường Nghệ An lập ở Hà Trung: đóng thóc gạo của nhà giàu trong vùng, rồi hợp với lương ở trường Sơn Nam kia, tùy tiện đi đường thủy hay đường bộ mà vận tải vào Quảng Bình.

3) Lương trường Quảng Bình lập ở Động Hải: phải liệu tính cho điều độ để cấp phát lương thực cho quân gia.[28](#)

Xem bên Trịnh khó khăn về việc quân lương như vậy, đủ biết Đàng Trong hồi đó đói kém đến đâu! Dân chúng bấy giờ nheo nhóc điều đứng đến đâu!

Tướng Trịnh lột miệng bằng những tiếng “đạo đức sáo”: nào Trịnh với Nguyễn vốn có họ ngoại, nay đem quân vào giúp “bà con” trong cơn nguy biến; nào cốt trừ tên gian thần Trương Phúc Loan, cứu nhân dân khỏi vòng nước sôi, lửa nóng; nào không có tâm địa gì nhân dịp người ta có tai nguy mà mình kiếm lợi... Thế rồi Phúc kéo quân vào châu Bố Chính (coi bản đồ) hồi tháng chín năm Giáp Ngọ (1774).

Qua tháng mười năm đó, Phúc vượt sông Gianh (Linh Giang), chiếm được Lũy Thầy (tên chữ Hán là Sài Lũy, do Đào Duy Từ xây đắp), tóm lấy chìa khóa cửa ngõ của bên Nguyễn, đường hoàng vào đóng quân ở Quảng Bình.

Trong có nội loạn, ngoài có ngoại xâm, triều Nguyễn bấy giờ bị cuốn vào vòng sóng gió đầy ghê khiếp!

Muốn êm chuyện, chúa Nguyễn sai trói Trương Phúc Loan[29](#) đem nộp cho Hoàng Ngũ Phúc; làm vậy tướng có thể đẹp lòng chúa Trịnh, dập được ngọn lửa binh tranh. Ngờ đâu tướng Trịnh dầu tóm được con mọt dân Phúc Loan, dầu nhận “vi thiềng”[30](#) của tên quốc tặc này hàng nghìn vàng rồi, vẫn cứ một mực hăng hái tiến binh, không còn nghĩ gì đến tình “họ ngoại” như lời thanh minh khi mới kéo quân vào Nam nữa!

Phúc lại đưa thư cho triều Nguyễn, xin đem binh đến hợp ở Phú Xuân (nay là Huế) để giúp sức đánh dẹp Tây Sơn cho yên bờ cõi. Đó chỉ là một cách bên Trịnh mượn cớ để thực hành cái kế hoạch xâm lược giang sơn của “người bà con họ ngoại” thôi!

Van lơn không xong, bên Nguyễn phải cương quyết động binh để đối phó với tình thế: Tôn Thất Nghiễm, nội hữu chưởng doanh, bấy giờ đang cầm đại binh ở Quảng Nam, đương đầu với Tây Sơn, được triệu về để chống quân Trịnh.

Tây Sơn khởi thế công

Từ khi quân Trịnh Nam xâm, Tây Sơn lại đứng vào tình thế mới.

Phải cầm cự với Nguyễn Cửu Dật, một tay tướng tài bên Nguyễn vừa đến thay chân Tôn Thất Nghiễm, Tây Sơn thua luôn vài mươi trận, phải rút lui giữ Bản Tân để đợi dịp sau.

Mùa đông năm Giáp Ngọ (1774), thấy quân Trịnh tiến đến Phú Xuân, Nguyễn Duệ Tông (1765-1778) phải chạy đi Quảng Nam, Tây Sơn khắp khởi mừng, nhấp nháy lại muốn đoạt động.

Con thuyền Tây Sơn đương mắc cạn, cơ hội bỗng đâu đem đến cho họ dòng nước xuôi, cơn gió thuận để họ cứ việc ung dung mở lái, giương buồm...

Trịnh cứ thắng!

Nguyễn thua hoài!

Nguyễn Duệ Tông phải chạy đi Giá Tân!

Nguyễn Cửu Dật phải triệu về hành tị để nghị sự.

Đó là những dịp tốt thúc giục Tây Sơn nhảy múa trên trường quân sự, nảy những hi vọng

mon mơn như đóa hoa hồng dưới bóng xuân non.

Tây Sơn chia việc: bọn Lý Tài đem quân thủy lên ra cửa biển Đại Áp; Nhạc cầm bộ binh, đi men núi, sẵn đến phía đông Thu Bồn. Hai đường thủy bộ cùng nhằm một đích: ập đánh quân Cửu Dật!

Quả nhiên, Tây Sơn đại thắng, Cửu Dật phải chạy bạt về Trà Sơn (1775).

Trước đây, Hoàng tôn Dương thừa cơ trốn thoát khỏi tay lợi dụng của Tây Sơn, về với chúa Duệ Tông, được lập làm Đông cung (xuân Ất Mùi, 1775), rồi phải lui giữ Câu Đê (thuộc huyện Hòa Vinh) sau khi Duệ Tông chạy đi Gia Định. Bấy giờ Đông cung Dương lại thành một cái đích để cho Tây Sơn ngắm kỹ mà chộp lấy, mà hành động... Cuộc chia cắt quân gia sau đây chỉ là một bước tấn tới để họ làm đạt mục đích ấy.

Thống suất Diện và Tiên phong Tường đem hai nghìn người đóng ở Thúy Loan và Bồ Bản làm quân Thượng đạo.

Tập Đình và Lý Tài đốc suất hai nghìn người đóng ở Ba Độ làm quân Trung đạo.

Đốc chiến Phong và Hồ tướng Hãn dẫn hai nghìn quân đóng ở Hà Thân làm quân Hạ đạo.

Một giải “đánh cuộc” treo giữa ba cánh quân đó: hễ ai bắt được Đông cung Dương nấy chiếm công to nhất.

Bọn Diện và Tường giựt được kỷ lục trước nhất. Nhưng vì nghe lời Đông cung, họ định theo vào Nam, nên dọc đường bị bọn Lý Tài giựt lại. Rồi Dương bị ép phải về Hội An (thuộc huyện Diên Phúc, tỉnh Quảng Nam).

Chạm trán quân Trịnh

Tháng tư năm Ất Mùi (1775), quận Việp Hoàng Ngũ Phúc kéo quân qua Hải Vân sơn (thuộc địa phận hai huyện Phú Lộc và Hòa Vinh), tiến vào Quảng Nam, chỗ đất Tây Sơn đang tranh hùng với họ Nguyễn.

Cờ bí nước! Mặt trước có quân Trịnh, phía sau có quân Nguyễn: Tây Sơn bị kẹp bằng hai lưỡi kiếm, nhưng cứ đánh...

Nhạc cất Tập Đình làm tiên phong, Lý Tài làm trung quân, còn mình tự làm hậu đội, đón đánh quân Trịnh ở Cẩm Sa (thuộc huyện Hòa Vinh).

Toán quân Tập Đình xông đánh rất hăng, làm cho đội tiền xung của Ngũ Phúc không sao địch nổi và một viên nha hiệu bên Trịnh phải chết trận!

Bên Trịnh thấy quân Tập Đình đánh rất như vậy, hai Tào sĩ³¹ Hoàng Đình Thế và Hoàng Phùng Cơ bấy giờ làm tướng tiền xung, vội thúc đội phi kỵ xông vào đánh giết toán quân Tập Đình một trận rất kịch liệt. Rồi Ngũ Phúc lại hô quân tiến lên, xô xát một chập nữa. Toán quân người Tàu bên Tây Sơn này, phần bị chém chết, phần bị giày đạp, chết và bị thương đến quá nửa.

Trước tình thế bất lợi đó, Nguyễn Nhạc không chống đánh nữa, nhưng kéo bọn Lý Tài rút lui, giữ lấy Bản Tân, rồi đem Đông cung Dương về thành Quy Nhơn (1775).

Sau trận đắc thắng này, Hoàng Ngũ Phúc bên Trịnh kéo quân vào đóng ở Quảng Nam. Còn bên Nguyễn thì tướng Tổng Phúc Hiệp đóng giữ ở Phú Yên.

Tình hình trong Nam bấy giờ hơi giống “cuộc cờ” Tam quốc: Nguyễn giống Ngụy, Phúc giống Ngô, Tây Sơn hãy còn là Lưu Bị lệt đệt.

Tạm hàng Trịnh

Để chống “Tào Tháo” phía bắc, Tây Sơn tất phải đồng hòa “Tôn Quyền”.

Kế đã định. Anh em Nguyễn Nhạc dọn sạch vàng bạc, của báu đem về chừa ở Tây Sơn thượng; thiên Đông cung Dương về Hà Liêu và An Thái để làm “món hàng buôn bán” sau này.

Trời tháng sáu. Một dải Hoàn Sơn đã hun người bằng thứ nóng như rang, lại nhả ra cái khí nặng nề độc địa kết hợp bằng lam chướng rừng núi và hơi hướng người chết trong khi nạn binh đao đương khắp nơi xung xích!

Thần Ôn dịch tha hồ hoành hành! Quân lính sống sót nơi sa trường nay một số lớn lại phải làm mồi cho vị hung thần đó (1775).

Sợ oai dịch lệ hơn sợ chiến tranh, Hoàng Ngũ Phúc không dám tiến, phải triệt binh về nghỉ.

Tây Sơn dùng chước hoãn binh, sai bọn Phan Văn Tuế đi mua lòng Hoàng Ngũ Phúc bằng vàng bạc, của báu. Lại đưa thư đến tướng Trịnh, xin hàng phục, xin triều cống, xin làm chân tiểu tướng coi giữ ba phủ Quảng Ngãi, Quy Nhơn và Phú Yên, xin tình nguyện làm tiền khu³² theo Trịnh đi đánh chúa Nguyễn đương long đong ở Gia Định.

Phần muốn cho quân yên nghỉ sau trận tàn sát của thần Dịch lệ, phần muốn lợi dụng Tây Sơn làm mũi tên độc để bắn lại nhà Nguyễn là kẻ thế thù của họ Trịnh, Phúc dần lòng ưng thuận, quyền phong Nguyễn Nhạc làm Tây Sơn Hiệu trưởng, Tráng tiết Tướng quân. Rồi sai gia khách, chưởng thư ký Nguyễn Hữu Chính, tức Cống Chính, đem ban cho Tướng quân “trá hàng” này: gươm, cờ, ấn, sắc luôn với áo, mào và ngựa. Chẳng dè chuyển Cống Chính đi này lại mở cho Tây Sơn một đường tương lai rất mới mẻ, rất rộng rãi và rất may mắn!

Cất nhắc cho Tây Sơn đã êm, Phúc chia quân đóng các phiên trấn, giữ từ Hải Vân sơn đến Thuận Hóa.

Ở Thuận Hóa hai năm, Phúc tỏ ra một tay khéo chinh phục “thuộc địa”: sửa đồn lũy, khai hào trì, đặt quan lại, chia định sưu thuế, đổi lại phong tục cho “đồng hóa” với bên Trịnh ngoài Bắc.

Nói tóm, Phúc cải cách hết mọi mặt để xóa nhòa hẳn cái dấu vết một “triều đình” nó đã biệt lập một cách rõ rệt từ ngày Đào Duy Từ xây đắp Lũy Thầy đến giờ.

Sau đó, Trịnh Tĩnh Đô vương triệu Phúc về Bắc cử các viên này lên thay giữ Thuận Hóa:

Hoàng Phùng Cơ³³, Phạm Ngô Cầu làm Đại tướng.

Hiệp giúp ba viên ngạch võ đó, Tiến sĩ Nguyễn Trọng Đàng³⁴ đóng vai đốc thị...

Thế là cuộc cờ Thuận Quảng bấy giờ lại xoay nước mới. Nước đi mới này rất lợi cho Tây Sơn tấn công, vì bọn Ngô Cầu vô tài, kém xa lão tướng Hoàng Ngũ Phúc và không phải địch thủ của Nguyễn Huệ, nên một khi Huệ kéo quân đánh thành, họ phải dăng cay dốc chén “thất bại”.

Lại trá hàng Nguyễn

Chẳng những trước đã hàng Trịnh, bây giờ lại sai người đến xin hàng tại nơi quân thứ Phúc Hiệp bên Nguyễn, Tây Sơn tỏ ra “biết điều” và “ngoan ngoãn” quá. Nhưng “binh bất yếm trá”, chiến thuật khôn khéo này đã đem lại cho Tây Sơn một cái lập trường vững chắc để làm đạt tới mục đích tranh bá, đồ vương.

Nhạc lại đem Đông cung Dương về Bồng Giang, ghép duyên với con gái mình là Thọ Hương. Rồi ép Dương phải lên ngôi vua mặc dầu chúa Duệ Tông bấy giờ hãy còn sò sò. Nhưng, Dương không chịu để cho Tây Sơn lợi dụng, cứ bai bãi từ chối cái chức “vua hờ” đó.

Nhân sứ giả của Phúc Hiệp sắp tới, Nhạc lại được dịp thi hành cái kế hoạch đã định ấy.

“Bày” Đông cung Dương ngồi chững chạc trên sập kê ở gian giữa, ngảnh mặt về hướng nam, bọn Nhạc đứng bên tả, cho Tôn Thất Chất đứng bên hữu.

Đó là cuộc trần thiết để đón tiếp sứ giả bên Nguyễn.

Đó cũng là một lễ sắp đặt để Nhạc “phong” Dương làm vua.

Rồi Nhạc đồng dạ cất giọng nghiêm nghị:

– Năm dinh tướng sĩ thật đã hết lòng trung nghĩa trong việc cần vương. Chừ (bây giờ) đã trị được tên gian thần (chỉ Trương Phúc Loan), đã cứu được nạn nước, chính là lúc chúng ta nên lập Hoàng tôn lên ngôi cho yên nghiệp lớn. Cái công muôn đời bất hủ này ta quyết không nên bỏ qua. Chư tướng tính sao?

Sứ giả bên Nguyễn dè dặt:

– Minh công có lòng dục đới như vậy, nghĩa thanh lừng lẫy, ai chẳng nghe theo? Song le, chừ (giờ) tướng sĩ năm dinh kéo đến, ngài truyền cho đóng ở mô?

Ngẫm nghĩ hồi lâu, Nhạc bảo Đông cung Dương:

– Việc đó xin để điện hạ khuôn xếp, chi chi chúng tôi cũng vâng.

Dương đáp:

– Tùy các ông, liệu mà làm.

Im lặng...

Sau khi hạ màn tấn kịch “thiết trào” này, Nhạc viết các điều kiện giảng hòa giao cho sứ giả đem về đưa Phúc Hiệp.

Tiền phong Tướng quân

Đối với Nguyễn Huệ, một người em đã từng dày công giúp mình, nhất là nay lại đánh được Phú Yên, Nhạc muốn tỏ ý đền bồi cái công ra tử vào sinh ấy.

Khi Hoàng Ngũ Phúc chưa ra Bắc, Nhạc đã đem cái chiến công hạ được Phú Yên của Huệ nói với tướng Trịnh, để nhờ cất nhắc cho em.

Trước khi đi, Phúc không quên làm một ơn huệ không tốn kém gì: quyền phong Huệ làm Tây Sơn hiệu Tiền phong Tướng quân.

Đó chẳng qua là một thuật anh em Tây Sơn dùng để phỉnh gạt tướng Trịnh, chứ hoài bão của họ nào có phải chỉ nhằm cái chức Hiệu trưởng hay Tướng quân quyền ấy đâu!

Tây Sơn hạ được Phú Yên vào lúc nào mà nhanh thế?

Nguyên, sau cuộc tiếp đón sứ giả của Nguyễn Phúc Hiệp ở Bông Giang, Nhạc không bỏ lỡ cơ hội: sai ngay Tôn Thất Chất vào Phú Yên, dụ Hiệp giúp lập Hoàng tôn Dương cho yên xã tắc.

Rồi nhân lúc bên Hiệp không phòng bị, Nguyễn Huệ, vâng mệnh anh, đem binh đánh úp Phú Yên; giết ngay cai đội Nguyễn Văn Hiền ở mặt trận và bắt sống cai cơ Nguyễn Khoa Kiên. Thế là, nhanh như chớp, Phú Yên đã lọt vào tay Nguyễn Huệ.

Sau, Khoa Kiên bị giết vì không chịu hàng; Nguyễn Huệ được phong làm Tiền phong Tướng quân như trên đã nói.

Từ đó, công cuộc chinh chiến của chúa Trịnh cũng chết theo Hoàng Ngũ Phúc ở dọc đường, nhường chỗ cho sức phát triển bùng nổ của Tây Sơn.

Mùa đông năm Ất Mùi (1775). Tây Sơn đứng trước một tình thế đáng lo ngại:

Sau khi hạ được Phú Yên, họ cắt Lý Tài đóng quân chống giữ, chẳng ngờ Lý Tài bỗng trở mặt, xuống hàng Phúc Hiệp vì một chuyện bất bình với Tây Sơn!

Nay hai phủ Thăng, Điện ở Quảng Nam lại mất vào tay nghĩa binh bên Nguyễn là bọn Tôn Thất Quyền và Tôn Thất Xuân.

Theo nạn binh đao, ma đói ác nghiệt cứ rần vật hành hạ dạt dào thẳng dân hoài!

Dân Quảng Nam đã khổ vì nội chiến, lại khổ vì đói kém trong cơn mất mùa!

Dưới ảnh hưởng cơ cận này, quan Tôn Thất Quyền sút hẳn tinh thần hăng hái vì thiếu lương thực.

Một dịp tốt cho Tây Sơn. Nhạc hết sức thúc quân đánh phá, quét sạch toán quân Tôn Thất Quyền. Giao lại Quảng Nam cho Nguyễn Văn Huệ đóng giữ, Nhạc kéo quân về Quy Nhơn.

Để lật đổ Nguyễn, Tây Sơn gọi hết nhân dân ra lính. Số binh đã tăng nhiều (1776), họ theo đuổi chương trình tấn công đến triệt để.

Không chống nổi đội thủy quân của Tiết chế Nguyễn Lữ, chúa Huệ Tông bên Nguyễn phải bỏ Gia Định, chạy đi Trấn Biên (nay là Biên Hòa). Thành Sài Gòn từ đó nằm nép dưới bóng cờ Tây Sơn. Sau nó lại trở về chủ cũ vì có Đỗ Thanh Nhân dấy binh giúp Nguyễn. Nhưng nó chỉ còn cái vỏ xơ xác, chứ bao nhiêu thóc lúa trong kho là ruột và mạch máu của nó đều bị Nguyễn Lữ rút về Quy Nhơn hết rồi (Bính Thân, 1776).

Bước lên chiếc ghế phụ chính

“Chọc trời, khuấy nước, mặc dầu

Đọc ngang nào biết trên đầu có ai!”

Câu đó của thi sĩ Nguyễn Du dường vì anh em Tây Sơn mà đặt ra vậy.

Từ khi được Trịnh phong cho cái “chức suông”, Tây Sơn tự làm lấy về mặt thực tế: Theo chỗ đất cũ của Chiêm Thành, họ đắp thành Đồ Bàn cho cao và to gấp bội. Thành này phía tây có Kim Sơn đứng trấn, phía đông có tháp Cảnh Tiên hộ vệ, phía nam có Tam tháp triều cung, phía bắc có Thập tháp đỡ che. Gia dĩ, núi Phong Sơn ở bên hữu làm lũy, bể Thi Nại ở bên tả làm hào, phía trong có long bàn là núi Cù Mông, phía ngoài có hồ cứ là đèo Bến Đá: Thật là một cảnh thiên nhiên hiểm trở³⁵.

Bấy giờ Tây Sơn tu tạo lại: giữa nơi thành lũy kiên cố đó nổi lên những tòa cung điện đồ sộ xây bằng đá ong.

Tháng hai năm Bính Thân (1776), Nhạc xưng là Tây Sơn vương, đúc ấn vàng.

Tổ chức thành cái triều đình mới, Nhạc phong Huệ làm phụ chính, Lữ làm thiếu phó và tùy công ban thưởng cho các đồ đảng theo mình.

Từ đó chúa Tây Sơn trữ lương thực, luyện binh lính, điểm duyệt tướng sĩ, dung nạp và thu dụng những tên dân vong mạng và các tay hào kiệt bất đắc chí. Chính vì cửa thành Đồ Bàn rộng mở như thế, nên sau này Cống Chính đem đến cho Tây Sơn cái đề nghị đánh Thuận Hóa và cái phương sách diệt Trịnh, phò Lê.

Bấy giờ Lý Tài lại phản nhà Nguyễn, chiếm giữ Chiêu Thái Sơn. Nghe tin Đông cung Dương từ Tháp Mười vượt biển trốn vào Gia Định (tức Sài Gòn), Lý Tài bèn đem quân hạ Sài Gòn, lập Dương làm Tân Chính vương và tôn Huệ Tông làm Thái Thượng vương.

Muốn dựa sức Trịnh để vật lại Nguyễn, Nhạc sai Đỗ Phú Tuấn ra Bắc, xin Trịnh cho mình coi quản toàn xứ Quảng Nam (1777).

Chúa Trịnh bấy giờ đã chán chối việc binh vì gặp nhiều cơn thất bại trong cuộc Nam xâm, nên muốn cho xong chuyện, phong ngay Nguyễn Nhạc làm Quảng Nam Trấn thủ tuyên úy đại sứ Cung Quốc công.

Triều Nguyễn vẫn là cái đối tượng để Tây Sơn tấn công, sau khi Nhạc đã yên tâm, tạm gác việc đối phó với Trịnh.

Hai đường thủy bộ của quân Tây Sơn, do Huệ và Lữ cầm đầu, rần rộ cùng tiến vào Gia Định.

Bị đánh, quân Lý Tài thua vỡ, Dương phải chạy về Trà Tân (thuộc Định Tường).

Thừa thắng, anh em Nguyễn Huệ cứ tiến, hạ được Ba Vạc (thuộc Vĩnh Long); luôn dịp lại đuổi Dương và Huệ Tông đến Long Xuyên (thuộc Hà Tiên), rồi ám hại cả hai ở đó (1777). Vết

thương này đâm suốt trái tim nhà Nguyễn, nên mối thù oán giữa Nguyễn và Tây Sơn càng ngày càng sâu, càng buộc càng chặt!

Hát bài khải ca, anh em Nguyễn Huệ kéo về Quy Nhơn, để lại bọn Tổng đốc Chu, Hồ tướng Hãn và Tư khấu Oai đóng giữ Gia Định.

Giúp anh nhảy lên ngai vàng

Năm Mậu Tuất (1778), cái năm đáng ghi bằng những nét tối quan trọng trên trang sử Tây Sơn, cũng là cái năm rắc rối trên tờ niên biểu của bộ Việt sử.

Lê còn chính sóc.

Trịnh còn quyền hành.

Nguyễn chưa mất hẳn ngôi chúa

Nguyễn Nhạc nay lại nhảy lên chiếc ngai Thái Đức Hoàng đế.

Trên mảnh đất chữ S này thật chưa bao giờ có nhiều vua, lắm chúa đến thế!

Người ta tranh nhau cái ngai vàng, nhưng người ta quên lửng đám dân đen là cái đệm, cái kê của chiếc ngai kia, nên họ không ngần ngại đem chúng làm mồi cho súng đạn, cho dịch lệ, cho đói kém!

“Trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết”

Dẫu vậy, con muỗi của nhà ngụ ngôn La Fontaine có lúc còn làm cho sư tử phải nguy khốn thay, huống chi là trâu với bò!

Thấy chúa Tây Sơn Nguyễn Nhạc đặt niên hiệu là Thái Đức, có người háo sù đoán chiết tự rằng: *“Ba người tranh một nước (tam nhân tranh nhất thủy: chiết tự chữ “Thái” 泰), mười bốn năm nữa sẽ mất!”* (Thập tứ niên vong: chiết tự chữ “Đức” 德). Song đó là loài sấm vĩ, nay hãy gác ra một bên.

Kể từ năm Tân Mão (1771), Nguyễn Nhạc khởi binh đến năm Mậu Tuất (1778) nhảy lên chiếc ngai Hoàng đế này: tám năm thấm thoát qua!

Thế là tôi đã dẫn các bạn đi khúc đường lịch sử khá dài rồi.

Trước đây tám năm, anh em Tây Sơn chỉ có hai bàn tay trắng, thế mà một bước nhảy lên vương, hai bước nhảy lên đế, quát thét một dải Hoàng Sơn!

Các bạn nên nhận biết: trong khoảng tám năm ấy, trên con đường sáng nghiệp của Tây Sơn, tuy có Nguyễn Huệ – Long Nhương Tướng quân (1778), giúp sức khai phá, nhưng nó hãy còn chật hẹp, nhỏ nhen và phần nhiều chỉ quan hệ quanh cái ngai vàng “Thái Đức”.

Nay về sau, xin mời các bạn cùng tôi đi thăm một con đường khác. Con đường này của riêng Nguyễn Huệ, tay mai, tay cuốc, mở rộng từ Trung ra Bắc, rồi lại từ Bắc chực mở sang Quảng Đông, Quảng Tây. Nó rộng rãi, thênh thang, in lại nhiều vết oanh liệt...

Khi dọn đường này, chính vai chủ động – Nguyễn Huệ – lắm phen đã phải phấn đấu với thú dữ, rắn độc, phấn đấu với mưa, nắng, chông gai. Nhưng kết cục, vì can đảm, vì nghị lực, vì thiên tài, người khai phá đó đã cao giọng hát bài đặc thắng!

Vật ngã Xiêm

Trước khi thuật võ công của Nguyễn Huệ, tôi xin mượn lời Gia Luân Tướng quân mà tặng ông: “Người có thiên tài về quân sự.”

Phải, Nguyễn Huệ quả có thiên tài, quả có thể gọi là Nã-phá-luân Đại Việt!

Bình cơ? Rất thần tốc!

Hiệu lệnh? Rất nghiêm minh!

Ra trận? Bao giờ Huệ cũng đi đầu các tướng sĩ!

Đối với quân lính? Ông sẵn lòng chia ngọt, đắng, sẻ vui, buồn.

Ông là Ngô Khởi: “Ăn chung mặc chạ với hạng lính hèn mọn nhất, hút mũ cho tên quân đầu nhọt đáng thương.”

Ông là “chú cai con” Nã-Phá-Luân: “Cho mọi người tự do đến gần mình, phân lao với kẻ khó nhọc, khuya sớm thăm nom sĩ tốt ở bên lề, san sẻ với họ từ một thìa súp.”

Phủ khắp bộ thuộc một bầu không khí êm ái..., Nguyễn Huệ chiếm được trái tim của quân nhân!

Dầu vậy, ông không nhãng bỏ chữ “oai”. Chính cái ân oai nhằm đường đó đã tặng ông đóa hoa chiến thắng và dẫn ông đến bước thành công:

Bốn lần vào đánh Gia Định, quân Nguyễn thấy đều kinh sợ khi thấy bóng ông tướng “tóc quăn, da sần, cặp mắt hùng thư” mà sáng như chớp đó!

Năm Nhâm Dần (1782), ông đem mấy trăm chiếc thuyền vào cửa biển Cần Giờ, đánh với quân Nguyễn ở Ngã Bảy (chữ nho dịch là Thất Kỳ giang): Quân Nguyễn phải đại bại dưới bóng cờ ông tướng “thiện chiến” ấy.

Có lần ông kéo quân đến Lữ phụ, bày trận ngạnh lưng xuống nước, công kích rất hăng (tháng tư năm Nhâm Dần, 1782), làm cho chúa Nguyễn Ánh, tức vua Gia Long tương lai, phải chạy ra đảo Phú Quốc.

Qua năm Quý Mão (1783), ông và anh là Lữ lại vào Cần Giờ, ngược dòng, lên đánh tan quân Chu Văn Tiếp bên Nguyễn vì toàn quân này, hồi tháng tám năm ngoái (1782), từ Phú Yên vào cứu Gia Định để đón chúa Nguyễn Ánh do đảo Phú Quốc quay về nội địa.

Trận đó, quân Tây Sơn bắt được Nguyễn Hoàng Đức, tướng đi chặn hậu cho chúa Nguyễn, và làm cho Nguyễn vương phải chạy đi Côn Lôn. Phò mã Tây Sơn Trương Văn Đa, đuổi theo, suýt bắt được chúa Nguyễn Ánh. Nhưng vì bấy giờ trời mưa như trút, cơn dông tố ầm ầm nổi lên, mặt nước mờ tối, lôi thuyền Tây Sơn xuống nơi thủy phủ rất nhiều, nên chúa Nguyễn Ánh lại chạy ra Phú Quốc được.

Lại để Văn Đa đóng giữ Gia Định, Nguyễn Huệ trở về Quy Nhơn với vòng hoa thắng trận.

Trong cuộc nội chiến giữa Nguyễn và Tây Sơn này có một việc tối quan trọng đã xảy ra năm Giáp Thìn (1784):

Đó là việc chúa Nguyễn rước Xiêm sang cứu giúp.

Đó là keo Việt – Xiêm đọ sức trên chiến trường.

Nước Xiêm tức Tiêm La, kêu theo chữ Hán, ngày nay đang đứng ngang hàng với liệt cường thế giới. Nhưng, trước đây ngót một trăm sáu mươi năm, Xiêm sánh với Đại Việt ra sao? Các bạn đọc qua mấy hàng sử ký sau đây khắc biết.

Năm Giáp Thìn (1784), Chiêu Tăng, Chiêu Xương, hai tướng Xiêm, kéo hai vạn thủy binh và 300 chiến thuyền sang Đại Việt!

Trảy đi đến đâu, quân Xiêm nhữnh nhiễu đến đó: dân gian phải uống những “hớp” khổ sở, đắng cay!

Quân Xiêm tuy đánh bại được Văn Đa (tướng Tây Sơn), tiến đóng tận Long Hồ, nhưng không phải là tay đối địch của Nguyễn Huệ.

Quả thế, Nguyễn Huệ, khi hay tin quân Xiêm kéo đến, Văn Đa đã thua, lập tức đem quân vào Gia Định, quyết vật một keo với ngoại binh.

Thoạt giao chiến, quân Tây Sơn lùi... và cứ lùi... như quân Xiêm đến Mỹ Tho. Một ám hiệu nổi dậy, toán kính binh (quân cứng mạnh) mà Huệ đã sai phục ở Xoài Mút (thuộc Định Tường) bên Rạch Gầm, thành linh xông ra đánh giết. Quân Xiêm đang khốn đốn vì gặp phục binh của Tây Sơn, lại bị hai mặt quân thủy, lục do Huệ thúc đến công kích rất dữ, đành phải ở nơi đất khách làm bao con quỉ cụt đầu! Sau trận đại bại này, bên Xiêm chỉ còn vài nghìn tàn binh nheo nhóc điêu linh vừa chạy về vừa thom thóp sợ oai Nguyễn Huệ.

Ấy đó, ngay đời Nguyễn Huệ, địa vị Tiêm La hãy còn thấp kém, sức lực Tiêm La hãy còn bé mọn, binh bị Tiêm La hãy còn không địch nổi Tây Sơn, thế mà bây giờ:

“Trần ai, ai đã biết ai?”

“Tôi già rồi! Ai địch nổi!”

Nhắc lại: năm Ất Mùi (1775), Hoàng Ngũ Phúc, tướng Trịnh, khi còn đóng quân ở Châu Ô (thuộc Quảng Ngãi) có nói với tướng tá ở bộ thuộc mình, lúc Phúc mới bắt đầu vướng phải bàn tay ác nghiệt của thần Dịch lệ: “Tây Sơn bây giờ đang như ngọn lửa bốc mạnh! Tôi già mất rồi! Còn các tướng, tôi e, không phải là tay đối địch với họ được!” Lời “biết người, biết mình” của viên lão tướng đó dường vì sau đây mấy năm, cảnh cáo Phạm Ngô Cầu.

Bị chúa Trịnh triệu về, Ngũ Phúc để Bùi Thế Đạt đóng giữ Thuận Hóa, đem binh trả ra Bắc, nhưng mất ở dọc đường.

Xưa, người mình mê tín địa lý, hễ thấy ai quật cường nổi lên, thì cho ngay là “đất phát nghịch”, nhà nào xây lâu đài lồng lẩy trên nền “hàn vi” thì cho là “hòn đất đã dậy!” Rất đối đối với quân quốc trọng sự, người ta cũng dùng đến cái “chiến thuật” đào mả hoặc đoạn tuyệt long mạch để chực “triệt” nhau. Cái cử động vô ý thức đó thường diễn trên sân khấu tranh vương đồ bá của người mình.

Trình độ đời Lê bấy giờ cũng không vượt khỏi cái nấc “mê tín” ấy.

Tây Sơn vùng dậy với tiếng hùng cường, chẳng những là cái sợ riêng cho triều Nguyễn trong Nam, mà lại là cái lo lớn cho Chính phủ³⁶ Bắc Hà nữa.

Chả thế, có nhà đương đạo bên Trịnh phải xét đến mả nhà Tây Sơn mà nói với triều đình Bắc Hà rằng:

– Cứ theo kiểu đất Tây Sơn, thì *thập nhị niên cường, kỳ cường mạc ngữ!* (mạnh 12 năm, cái mạnh ấy không ai chống nổi!) Vậy xin triều đình phải sớm dẹp đi, ngõ hầu sau mới khỏi lo...

Nhưng mạt vận đương tràn ngập vua Lê, chúa Trịnh! Ai người đi dẹp Tây Sơn? Chẳng những không dẹp nổi, mà hai phủ Thăng (Thăng Bình), Điện (Điện Bàn) thuộc Quảng Nam bấy giờ lại bị Tây Sơn chiếm cứ³⁷, nên Trịnh Sâm cũng phải nói tay: phong nước cắt đất cho họ để mong êm chuyện (1777).

Sau khi lật đổ họ Nguyễn, chúa Trịnh giựt lấy miếng đất Thuận Hóa, phái 3.000 đồn binh, 30.000 thú binh đóng giữ³⁸. Cầm nắm cơ quan chính trị và quân sự ở đó, một đại tướng, một phó tướng và hai viên chánh, phó đốc thị.

Ngồi ghế trọng trấn Thuận Hóa, sau Hoàng Ngũ Phúc là Bùi Thế Đạt³⁹, sau Đạt là Phạm Ngô Cầu.

Ngô Cầu? Con người vô tài, vô năng, tham lam, nhút nhát, mà lại đa nghi. Cầu, tay cầm cái ấn Đại tướng ở biên cương, chỉ cốt kiếm lợi bằng cách vơ vét đục khoét, chứ không có một chủ trương gì tỏ ra là người xứng đáng cả.

Đối với phó tướng Hoàng Đình Thế, một người có tư cách hơn Cầu, Cầu vẫn nhìn bằng con mắt ghen ghét.

Cái chân tướng bất xứng chức đó của Cầu đã bị lộ trần dưới mắt “củ soát” của quyền Phủ xứ

Hồ Sĩ Đống. Nhưng cái đề nghị xin cử người khác thay Cầu chưa được triều đình Bắc Hà làm theo, thì Đống đã chết, nên Cầu vẫn cứ ngồi vững trên ghế trọng trấn miền Nam: làm anh bù nhìn giữ “dưa” cho chúa Trịnh và làm cái “bàn đạp” cho Nguyễn Huệ nhảy lên để phóng ra Bắc Hà...

Đế vương trong tay chúng tôi!

Lê chưa “vong”, Trịnh đã đến lúc sắp “bại”!

Tướng đóng ngoài biên: Phạm Ngô Cầu, một người đốn kém như trên đã nói.

Quân ở trong? Một tụi lính tráng kiêu căng, rông rở, ngang ngạnh! Họ “úp sọt” cả vua lẫn chúa, ngang nhiên rờ mó đến cái thần khí xưa nay vẫn coi là thiêng liêng.

Cây “Trịnh”, bấy giờ, rễ đã lữa, ruột đã sâu, quyết không sao khỏi đổ khi gặp một trận gió “Tây” lay giựt!

Đầu thiên “lich sử ký sự” này, tôi đã nói sơ đến thói kiêu hoành của chư quận bên Trịnh, nay cần thuật thêm cho rõ nguyên ủy:

Nguyên từ hồi trung hưng (từ năm 1533 trở đi), nhà Lê chỉ lấy binh đình ở ba phủ Thanh Hoa và mười hai huyện ở Nghệ An. Vì nhà Lê dấy lên từ Thanh Hoa, binh lính ở hai nơi Thanh Nghệ đã từng chia sẻ với quốc gia những nỗi gian lao vất vả, nên được triều đình coi hạng lính ở đất căn bản ấy như móng vuốt, ruột rà, đối đãi một cách ưu hậu⁴⁰. Vì vậy, bấy giờ họ được mang cái danh hiệu rất đẹp đẽ là “quân Tam phủ” hoặc “Ưu binh”.

Được làm “con cưng” của vua chúa, họ dần dần được đẳng chân lân đẳng đầu.

Năm Lê Gia Tông Dương Đức thứ 2 (1673), quân Tam phủ, vì thấy việc thuyên thụ (thuyên bổ và cho phẩm trật) có hơi kém, bèn nổi dậy làm loạn, giết Bồi tụng Nguyễn Quốc Hòe, đốt nhà quốc lão Nguyễn Công Trứ rồi cướp của cải⁴¹.

Qua năm Cảnh Hưng thứ nhất (1740), họ ức vì việc Tham tụng Nguyễn Quý Kính (có âm nữa là Cảnh) hơi đê nén một cách trái lệ, liền hò nhau đến phá nhà Quý Kính, cướp hết của cải và đồ vật⁴².

Năm Nhâm Dần (1782).

Tháng chín, Trịnh Tĩnh Đô vương, trước khi nhắm mắt, giao phó việc giúp lập con là Trịnh Cán vào tay bảy người tâm phúc là bọn Hoàng Đình Bảo.⁴³

Nhưng vì Đình Bảo chuyên quyền và Trịnh Cán không được lòng người, gây thành một cuộc phế lập “tháng mười” do quân Tam phủ đứng làm chủ động.

Nay Ưu binh, sẵn võ khí trong tay, tự do làm việc họ muốn:

Lập Trịnh Tông (tức Khải) làm Đuan Nam vương (1782-1786).

Phế Trịnh Cán làm Cung Quốc công.

Giết Đình Bảo.

Lung tung cướp phá nhà Đình Bảo và các nhà thân thuộc của Đặng Thị Huệ (mẹ Trịnh Cán) luôn với các nhà phe đảng Đình Bảo!...

Chư quân còn thanh ngôn muốn giết cả vương cữu nữa. Thái phi nhà Trịnh phải ra kêu khóc xin tha, họ mới thôi.

Luôn mấy ngày, kinh thành sống trong cơn khủng bố rối loạn!

Đình thần im tiếng.

Sau việc “đảo chính” này vài ngày, chư quân lại kéo đến nơi ngục thất, trả lại tự do cho các

con của cố Thái tử Lê Duy Vỹ là Duy Lưu và Duy Chi⁴⁴.

Còn Duy Kỳ⁴⁵ cũng con của cố Thái tử nhà Lê, được họ thả ra từ hôm phế lập.

Lần thứ nhất họ đã được vua Lê Hiến Tông trọng thưởng tiền bạc và “chức tước” như biện lại hoặc cai quản,...

Lần sau họ lại đến “vòi” Lê để về việc buông tha được hai Hoàng tôn ra khỏi nhà tù.

Không thiết 2.000 lạng bạc của ông vua nghèo, họ trả lại bạc nhưng đòi xin “danh phận” lần nữa.

Sẵn “cây nhà lá vườn” vua Lê lại sai làm sắc phong cho họ: trong đám chư quân, kẻ nào đã được phẩm trật lần trước rồi, nay không muốn nhận nữa, thì họ lại nhường cho bà con hoặc người quen thuộc họ.

Cũng chiều theo ý họ, triều đình bèn “chế tạo” ra một thứ sắc gọi là “Dực đối tượng nhượng sắc” để ban cho kẻ nào mà chư quân muốn nhường.

Bởi chư quân, Trịnh Tông đang bị truất bổng được lên ngôi vương.

Cũng bởi chư quân, các cháu vua Hiến Tông nhà Lê đang bị xiềng xích bổng được thở hút không khí tự do.

Trách nào họ chẳng tự phụ: “Các ngôi đế vương đều tự trong tay chúng tôi mà ra cả!”

Thế là, từ đó, họ như đàn ngựa không cương khớp: Họ cật! Họ đá! Triều đình là một “sân quần” của họ. Họ, động một tí, đánh mõ inh ỏi, tụ họp lại, kéo thành đàn hàng chục hàng trăm: không không giông lượn, kêu gọi la ó ầm ĩ...

Họ yêu cầu Nhà nước cho họ hưởng các lợi quyền ở nơi quan ải, bến đò, đầm, hồ, bãi sông, chợ búa (1783).

Ấy là không kể vụ tháng mười năm Nhâm Dần (1782), nhiều nhà giàu trong thành đã bị vạ lây vì họ cướp bóc phá phách, sau lúc đánh đổ phe đảng Hoàng Đình Bảo.

Mà từ đó trở đi, họ càng “vòi” được các mối lợi của Nhà nước bao nhiêu, thì dân gian lại càng bị họ khuấy nhiễu bấy nhiêu. Vì mỗi lợi họ được có đụng chạm đến dân gian: một khi chợ búa, bãi sông... đã lọt vào tay họ, thì dân quê lẽ tất nhiên bị họ bóc lột tàn nhẫn!

Vì thế, mỗi căm hờn ngày một ăn sâu vào xương tủy dân gian. Giữa dân và lính đào sâu một hố cừ thù.

Ngay những cố lão ở hồi Thành Thái (1889-1907) gần đây hãy còn hay dùng câu này để chỉ những cử động nhiễu nhiễu của kẻ không giữ kỷ luật: “Làm gì như quân Tam phủ ấy thế!” Đủ biết cái nạn Ưu binh ở đương thời ghê gớm là chừng nào!

Nội tình bên Trịnh bấy giờ là thế (1782-1783).

Con điều biển!

Trước khi thuật việc Nguyễn Huệ hạ thành Phú Xuân, ta không thể không nói đến một nhân vật đã đóng vai tối qua trọng trên sân khấu chính trị bấy giờ.

Người ấy là một vai “công kên” để Nguyễn Huệ “trèo” vào thành Phú Xuân.

Người ấy là một dịp cầu bắc để Nguyễn Huệ từ Phú Xuân nhảy một bước ra Bắc Hà.

Người ấy là anh “dàn cảnh” để vua Lê Hiến Tông sống lại một ngày oanh liệt.

Người ấy là anh chàng “đánh hôi”: đập đổ cái ngai chúa Trịnh Kiểm (1545-1570) đến Trịnh Khải (1782-1786).

Người ấy lại là một bác “mai dong”⁴⁶ khiến Ngọc Hân Công chúa nhà Lê được đẹp duyên với anh hùng Nguyễn Huệ.

Nói tóm, người ấy là một tay núp sau Nguyễn Huệ, xoay trở thời cục hồi cuối Lê một cách ngửa nghiêng điên đảo...

Người ấy là ai?

Nguyễn Hữu Chỉnh, tức Cống Chỉnh!

Chỉnh, người Đông Hải, huyện Chân Phúc, trấn Nghệ An, vốn thông mẫn và có tài năng từ thuở bé. Mới ít tuổi đã đỗ Hương cống. Sau tập võ nghệ, Chỉnh lên kinh sư, thi Tạo sĩ, nhưng không đỗ.

Tức mình, xoay phá ngang, Chỉnh vào yết kiến quận Việp Hoàng Ngũ Phúc, kiếm một con đường tiến thân ngoài lề lối thường.

Thấy Chỉnh là người kỳ kiệt. Phúc dùng làm môn khách: giắt nghiên cài bút theo đi tòng quân.

Năm Giáp Ngọ (1774), nhân có việc Ngũ Phúc quyền phong Nguyễn Nhạc làm Tráng tiết Tướng quân, Chỉnh được sai đem đến cho Tây Sơn sắc, ấn, cờ, kiếm: Lần thứ nhất Chỉnh chạm trán với anh em Tây Sơn. Khi về, Chỉnh có nói với Ngũ Phúc: “Anh em Tây Sơn là tay ngấp nghé khác thường, chắc không chịu ở lâu dưới ai đâu.”

Nhưng trong khi đang mài miết tìm một lập trường trên mảnh đất chính trị ấy, Chỉnh có biết đâu rằng dân chúng ở tầng lớp dưới đương chết đói vì hạn hán, mất mùa. Nguyên, bấy giờ thóc đang kém, gạo đang cao, nhân dân đang thiếu đói; thế mà đến tháng Bảy mùa thu năm Bính Thân (1776) lại gặp cơn đại hạn, đồng ruộng cháy khô, nhà nông không sao làm được công việc. Những người nghèo hết qua cửa quyền nọ lại đến nhà sang kia cũng không sao kiếm được một chân làm thuê, làm mướn. Vì vậy, trộm cướp nổi lên như rươi, khuấy nhiễu chốn dân dã, làm cho người ta không sống yên được⁴⁷.

Sau khi Ngũ Phúc qua đời, Chỉnh nương tựa nơi con nuôi Phúc là quận Huy Hoàng Đình Bảo⁴⁸.

Hồi Đình Bảo đóng ở Nghệ An, Chỉnh được sung chức võ, làm hữu tham quân. Giữ việc điều khiển các thủy thủ chống giữ mặt biển, Chỉnh tỏ ra là một tay nhanh nhẹn giỏi giang về nghề thủy chiến.

“Con Điều biển” (Hải diêu)! đó là cái tước hiệu người ta kêu Chỉnh để khen tặng Chỉnh trong hồi bấy giờ⁴⁹.

Chẳng bao lâu “Con Điều biển” đó được quản Tiền Ninh cơ ở Nghệ An và được phong làm Bằng Lĩnh hầu.

Cuối đời Cảnh Hưng, Trịnh Sâm phế con trưởng là Trịnh Tông, lập con nhỏ là Trịnh Cán. Và, để giữ vững địa vị cho con nhỏ này, Trịnh Sâm giao quyền binh và việc gửi gắm vào tay Hoàng Đình Bảo.

Nhưng, như trước đã nói, sau khi Sâm mất, chư quân nổi cuộc đảo chính (tháng mười, năm Nhâm Dần (1782): Phế Trịnh Cán! Lập Trịnh Tông! Giết hại phe đảng Đình Bảo!

Tin biến động đó do biên sinh Hoàng Viết Tuyển, thủ hạ Chỉnh, từ kinh báo đến Nghệ An: Cống Chỉnh sợ!

Đứng trước thời cục gay go đó, giải quyết thế nào đây?

Có hai cách: Một là kéo cờ độc lập, thoát ly hẳn triều đình, Hai là... trốn!

Một ý nghĩ vụt nảy trong óc, Chỉnh vội sang bàn với trấn thủ Vũ Tá Giao:

– Nguy đến nơi rồi! Chi bằng ta kết hợp với phó tướng ở Thuận Hóa là Hoàng Đình Thế và đồn thủ ở Đông Hải là Khôi Xuân, xui họ giết đại tướng (chỉ Phạm Ngô Cầu), chiếm giữ lấy thành, đứng làm một tay cứu viện. Còn ông (chỉ Vũ Tá Giao), ông cứ giữ lấy trấn Nghệ An này,

gây thế “thần xỉ” (môi và răng) với các tướng Thuận Hóa, rồi chen đường Hoàng Mai, đóng trọng binh ở Quỳnh Lưu. Như vậy có thể giữ vững được lâu dài. Còn việc phòng giữ mặt biển thì chính Chỉnh này xin cáng đáng hết. Ông tính sao?

Tá Giao lắc đầu:

– Việc ấy tôi không làm nổi.

Kế thứ nhất đó không thành. Chỉnh phải tính đến chước thứ hai: chạy!

Chạy vào Quy Nhơn (1782), sau khi Chỉnh từ già Tá Giao về nhà.

Chạy vào Quy Nhơn, Chỉnh được anh em Tây Sơn hoan nghênh nhiệt liệt!

Nguyên vì từ ngày vâng mệnh Hoàng Ngũ Phúc đem sắc, ấn, cờ, kiếm vào cho Tây Sơn Hiệu trưởng, Chỉnh đã được anh em Tây Sơn biết là con người thế nào rồi. Nay Chỉnh túng bước, cùng đường, phải dắt gia quyến và Hoàng Viết Tuyển vượt biển vào đây chính là dịp tốt cho Tây Sơn lợi dụng.

“Cô gái làm đom vì người yêu.” Chỉnh, có thể nói, trở tài vì tri kỷ.

Sau khi về với Tây Sơn, Chỉnh hết lòng làm việc: nào bày mưu, vạch kế, nào diễn đồ pháp để luyện binh lính. Nào lập phép thi để lựa chọn nhân tài... Một việc này làm cho Tây Sơn càng thêm thân tín: Chỉnh thẳng tay giết luôn người em rể (lấy em gái Chỉnh) khi người này vâng lệnh chúa Trịnh vào Quy Nhơn chực dụ Chỉnh về.

Năm Bính Ngọ (1786), Phạm Ngô Cầu⁵⁰ tướng Trịnh, đóng ở Thuận Hóa, muốn dòm nội tình hư thực của Tây Sơn, có sai bọn Nguyễn Phú Như và Võ Vĩnh Thành đi “thuyết” anh em Nguyễn Nhạc. Nhưng ngờ đâu Phú Như lại là cố nhân của Chỉnh, trở thành một chiếc tên độc bắn lại Ngô Cầu! Bao nhiêu tình hình Thuận Hóa, Phú Như mách bảo Cố Chỉnh hết cả, và không quên kết luận một câu: “Thực trạng Thuận Hóa như nay, có thể lấy được lắm.”

Ngoại tình bên Trịnh bấy giờ đã nguy ngập là thế, nội tình lại càng nhiều nỗi gay go: Từ tháng ba năm Bính Ngọ (1786), giá gạo cao lên vùn vụt, trong kinh kỳ và bốn trấn Đàng Ngoài bị nạn cơ cận giày vò: dân đói, chết như ngã rạ. Bấy giờ chỉ có bát gạo là đáng quý, chứ chẳng ai – dù là người giàu – thiết đến chức tước gì cả. Một chứng cứ: Chúa Trịnh Khải ra lệnh cho dân hễ ai quyên tiền thì được ban chức, nhưng không ai đáp theo tiếng gọi của triều đình, đến nỗi chúa Trịnh phải đem sắc lệnh ép gán cho nhà giàu để lấy tiền mà phát chẩn.

Hạ thành Thuận Hóa

Thuận Hóa vẫn là miếng mồi ngon trước mắt thềm thường của Tây Sơn.

Nội tình bên Trịnh đã đem lại cho Tây Sơn cái dịp có thể giựt được miếng mồi ấy.

Lời Chỉnh khuyên lấy Thuận Hóa lại càng làm cho Tây Sơn quả quyết và mau chóng thực thành ý định ấy.

Trước hết Tây Sơn sai một tay thuật sĩ đến Thuận Hóa, đem chuyện họa phúc hăm dọa Ngô Cầu.

Sợ lời “truật” đó của tay sai bên Tây Sơn, Cầu ra lệnh cho tướng sĩ lập đàn làm chay: chực chờ giọt nước cành dương rảy mát tâm hồn “hèn nhát”.

Chuông trống nổi...

Đàn chay linh đình...

Chẳng dè lẫn bên khói hương “cầu nguyện” kia quân sĩ Tây Sơn ầm ầm kéo đến!

Ngày 18, tháng năm, năm Bính Ngọ (1786), dưới quyền cắt cử của Nguyễn Nhạc, Huệ làm Long Nhương Tướng quân, tiết chế các quân thủy bộ, Võ Văn Nhậm (người Quảng Nam, rể Nhạc) làm Tá quân Đô đốc, Nguyễn Hữu Chỉnh làm Hữu quân. Hai đạo thủy, lục bên Tây Sơn

cùng tiến nhằm theo một đích: đánh thành Thuận Hóa.

Quân thủy đi đường biển. Quân bộ đi đường Hải Vân quan.

Ngày 24 tháng đó, quân bộ Tây Sơn qua Hải Vân quan, bốn mặt đánh thúc vào đồn An Nông: Thủ tướng bên Trịnh là Hoàng Nghĩa Hồ⁵¹ thể cô, sức kiệt, thuốc đạn hết, phải tự vẫn trên mình voi sau khi cố chết chống đánh một cách anh hùng.

Đàn chay của Phạm Ngô Cầu tưng bừng rộn rịp trong bảy ngày đêm: lời cầu nguyện dường theo khói trầm, triệu hương bay sang Thiên Trúc...

Thì tin quân khẩn báo làm choáng váng Cầu!

Lật đặt từ trai đàn trở về, Cầu bàn tính việc đem quân chống giữ.

Nhưng, quân sĩ đóng ở Thuận Hóa bấy giờ chịu ảnh hưởng xấu của chư quân ở kinh đô, cũng kiêu rông, cũng khinh lờn kỷ luật, làm nhiều điều tàn ngược tai hại cho nhân dân, gieo vào lòng họ một mối căm hờn vô hạn! Vả, phần vì mỗi một vì binh đao đã lâu, phần vì đi xa nhớ nhà, quân lính chẳng còn bụng dạ nào thiết đánh chác nữa!

Một bức mật thư lạc vào vòng quân Ngô Cầu. Cầu nghĩ bụng: “Thể và Chính, trước kia, đều là môn hạ Hoàng Ngũ Phúc, bây giờ, chúng bí mật thông nhau, chắc có chuyện bất lợi cho mình! Vả, quân Tây Sơn đương như nước lụt ầm ầm đổ đến, Đình Thế nếu lại đứng trong làm nội ứng thì ta hơi sức đâu chống nổi với họ? Chi bằng xoay theo chiều gió, ta kéo cờ hàng là hơn...”

Bức thư gì có sức mạnh hơn trăm cây súng, nghìn lưỡi gươm thế?

Bức thư “ly gián” theo chiến thuật của Nguyễn Huệ⁵²!

Nguyễn Huệ biết Cầu, đối với Hoàng Đình Thế, bấy nay vẫn đem lòng ghen ghét hằn học; mà Thế bất bình trước cách đối đãi ấy của Cầu, nên Huệ quyết dùng chiến thuật “tháo tung bó dũa ra, rồi sẽ bẻ gãy từng chiếc một”; mật sai Chính viết bức thư kín phong trong sấp, hẹn Đình Thế làm nội ứng, nhưng giả đồ bản lạc vào nơi Ngô Cầu.

Quả nhiên kế đó đem lại cho Tây Sơn cái kết quả đẹp.

Cầu chưa tính xong nước cờ bí; Nguyễn Huệ đã kéo hai mặt thủy bộ đến rồi!

Bất đắc dĩ Cầu phải làm việc “bốn phận”: sai Đình Thế đem quân ra ngoài thành nghênh chiến.

Sừng sững đứng ngay bờ sông, vách thành Thuận Hóa bấy nay vẫn ngạo nghễ với sương ghê, gió lạnh.

Chân thành cách mặt sông độ hơn 2 trượng. Một cái khó cho quân thủy Tây Sơn, vì không tiện ngửa lên bắn vào được.

Thình lình phát đại bác bên Trịnh bắn ra: một chiếc chiến thuyền Tây Sơn chìm lỉm!

Thủy binh Tây Sơn hơi lùi.

Sau, nước sông lên to⁵³, nâng thuyền Tây Sơn lên cao ngang với mặt thành.

Súng Tây Sơn theo dịp may đó, cứ dùng đoàn bắn vào thành, ngọn nuốt quân dân Thuận Hóa trong vòng khói đạn!

Các cửa thành bị quân bộ Tây Sơn rần rộ bổ vây và ầm ầm đánh phá.

Hết sức xông pha, chống chọi, Đình Thế và hai con⁵⁴ cùng quân bản bộ đã thiệt được vài trăm quân Tây Sơn. Nhưng bây giờ thuốc đạn đã hết.

Thuốc đạn hết? Tướng tài đến đâu cũng đành phải bó tay!

Thuốc đạn hết? Mặc! Phạm Ngô Cầu cứ bịt tai giả điếc trước những tiếng Đình Thế gấp rút

đòi xin tiếp tế đạn dược và cầu cứu thiết tha!

Không thể nhìn tức trước thái độ tàn nhẫn đó của Cầu, Thế định quay về thành, giết phẳng Ngô Cầu trước đã, rồi lại ra quyết “ăn thua” với quân địch sau. Nhưng Thế thấy trên thành đã kéo cờ trắng: đầu hàng rồi!

Thế vừa căm giận, vừa tức bực, nhưng vẫn không quên làm phận sự đến phút cuối cùng:

Thế, tay cầm đoản đao, thúc quân cứ tiến, vùng sang tả, quật sang hữu, chém giết một hồi, làm rụng đến vài mươi chiếc đầu của quân địch.

Hai con của Thế đã chết vì bị trọng thương!

Tỳ tướng Vũ Tá Kiên⁵⁵ lại chết ở vòng trận!

Thế cũng tự vẫn trên mình voi, chết vì nghĩa vụ sau khi sức lực đã kiệt và thuốc đạn đã hết nhẵn.

Bên Trịnh, đốc thị Nguyễn Trọng Đàng⁵⁶ và nhiều tướng khác hoặc bị dập dấy trong vòng loạn quân, hoặc bị vùi dập nơi hào nước, sẽ theo những hồn cô trung âm thầm rên rỉ trên bãi sa trường trong những đêm gió mưa ảm đạm!

Nguyễn Huệ ung dung kéo binh vào thành giữa những tiếng hò reo thắng trận của ba quân.

Để xin hàng, Cầu sợ cuống, vội sai trói mình đem nộp⁵⁷ trước gót chân nhà chiến thắng. Nhưng, van lạy người ta cũng không xong, Cầu phải làm một tên tù binh điệu về Quy Nhơn, rồi bị giết chết tại đó!

Trước khi xảy ra trận chiến này, Thuận Hóa đã kéo bao người Nghệ An đến để chực kiếm ăn vì Nghệ có nạn mất mùa đói kém. Ai ngờ chưa tránh khỏi thân Cơ cấn, họ lại gặp ngay con quỷ Bình đao! Họ, một hạng dân quê vì đói phải tha hương cầu thực, bỗng bị chết oan vì khói lửa: thây xác lấp nghẽn cả sông! Không những họ chết, ngay những tướng sĩ và “kiều dân” Bắc Hà cũng chỉ còn được vài trăm người sống sót chạy về thôi.

Về số người chết vì trận này, Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập, có chép:

Nguyễn Huệ lừa quân vào thành, tha hồ giết gióc: Vài vạn quân Bắc ở trong thành đều bị thit ráo! Còn những tên lính nào chạy trốn ra ngoài thành thì lại bị nhân dân tranh nhau giết chết! (Quyển 30, tờ 19).

Còn trong Khâm định Việt sử quyển 46, tờ 16a thì chép:

Tây Sơn “ồ ạt kéo binh vào thành, tha hồ giết gióc. Trong số hơn vài vạn tướng sĩ đóng đồn ở đấy chỉ còn vài trăm người qua sông về Bắc được thôi.

Nhưng trong *Lê quý kỷ sự* chép:

... Quân Bắc vài vạn người đóng ở trong thành, bị chết không biết bao nhiêu mà kể!

Sau khi hạ được Phú Xuân, Nguyễn Huệ sai thiên tướng (cũng như tì tướng) là Nguyễn Lữ đánh hãm hai đồn Cát Doanh⁵⁸, Động Hải⁵⁹. Tướng Trịnh đóng ở Động Hải là Ninh Tồn bỏ thành chạy. Các tướng ở đồn Cát Doanh cũng theo gót trốn hết. Thế là mảnh bản đồ mà Trịnh Sâm trước đây đã nhọc công tốn của giựt được khỏi tay triều Nguyễn, nay lại lọt vào trong “túi” Tây Sơn!

Tiếng ca đắc thắng vang dậy một bầu không khí Thuận Quảng. Nguyễn Huệ hội họp chư tướng, bàn định lại sai quân lính sửa sang trường lũy ở Động Hải, cứ giữ mốc cũ La Hà, lấy con sông đó làm giới hạn ngăn chia Nam, Bắc.

Nghe lời Chính, Nguyễn Huệ ra lệnh tha về hết cả mọi người các nơi đến nơi cư trú ở Thuận Hóa đã sống sót sau trận chiến tranh này.

Cờ chiến thắng của Tây Sơn đã cao bay ở thành Thuận Hóa, bên Trịnh hãy còn lúng túng

trầm trọng trong cơn tê liệt!

Phải, tê liệt cả mặt nội chính lẫn mặt quân sự. “Người ốm yếu” đó sao đứng vững nổi trước sức tiến công hăng hái của Tây Sơn?

Tình hình ngoài Bắc sau khi Phú Xuân thất thủ!

Giặc!

Bên Trịnh đương loay hoay dẹp giặc.

Nhưng Thiêm Liên⁶⁰, với vài trăm chiếc thuyền, vẫn tung hoành ở hải phận Quảng Yên! Sử Thục vẫn vẫy vùng khuấy nước ở Kinh Bắc!

Hết quân nọ đi tiểu đến tướng kia đi càn, rút cục góc đông nam ngoài Bắc Hà vẫn ngụt ngụt mùi thuốc súng và nhân dân miền đó vẫn bị các tướng lục lâm giày vò!

Binh lực rỗng không.

Nước rỗng không.

Họ Trịnh đương dất nhà Lê lão đảo bên vực rỗng không!

Ngày 24, tháng năm, năm Bính Ngọ (1786), quân Nguyễn Huệ đã vượt Hải Vân quan; biên thùy mới có tin báo đến triều đình.

Vấn đề “phòng thủ” được triều đình bệ vệ, khệnh khạng, rề rà bàn đi xét lại.

Quyển, một hoạn quan đắc sủng với Trịnh Đoan Nam vương, tiến cử người con nuôi tên là Mãn (có bản viết là Câu) làm Đô thống, chực cầm quân đương đầu với Long Nhương Tướng quân.

Nhưng bàn xét một lần, hai, ba lần: việc đó đình nghị vẫn chưa ngã ngũ!

Quân lính? Bấy giờ quen rộng rãi, sợ đi xa, không coi kỷ luật ra gì, họ chỉ có thể làm hạng quân nhân phế Trịnh Cán, giết Đình Bảo, chứ không thể xông pha mưa tên, rùng đạn, chống chọi với Tây Sơn!

Thuận Hóa đã ngoan ngoãn nép dưới bóng cờ của Long Nhương Tướng quân, triều đình ngoài Bắc, ngày mùng 3 tháng sáu, mới được dịch thư (thư chạy bằng ngựa trạm) do trấn Nghệ An mật báo đến!

Tin chẳng lành nhưng bí mật ấy, triều đình định bưng bít không cho dân biết.

Dẫu vậy, tiếng đồn đại mất Thuận Hóa, theo gió đông nam, cứ thổi thổi khắp dân gian!

Họ rùng rợn trước cuộc thế đổi thay! Họ công trẻ dất già, nhốn nháo bỏ kinh thành, tìm nơi lánh loạn!

Họ, khi gặp cơn chiến tranh, cảm thấy mình bị bỏ rơi: từ tính mệnh đến tài sản, không có gì gọi là được bảo đảm lấy một chút xíu!

Phần thứ hai: BẮC TIẾN

Cưỡi gió đông nam

Ngô Cầu đã rụng đầu!

Bản đồ Thuận Quảng đã bơi lại màu sắc.

Keo thứ nhất vật Trịnh đã hái được những tiếng hò reo đắc thắng lấy lòng!

Nguyễn Huệ, từ đây, tự do nhảy múa quát thét trên vũ đài quân sự và chính trị...

Đứng bên Huệ, Cống Chính “lên dây cót” cho “đồng hồ thời cục” một phen xoay chuyển...

Chính nói với Nguyễn Huệ:

– Việc binh, cốt quý thần tốc. Tướng quân mới đánh một trận đã lấy được Thuận Hóa: cái oai thần võ ấy làm cho mảnh đất Bắc Hà đã phải rung động! Tình thế dễ dàng như giương thẳng dao chẻ tre! Tướng quân nên thừa thắng, cứ đánh dần đi, thì lấy thiên hạ chắc dễ như trở bàn tay. Vả, hành binh có ba điều: “thời”, “thế” và “cơ”. Nếu gặp dịp có đủ ba điều ấy thì đâu chẳng nắm được phần thắng? Ngoài Bắc bây giờ: tướng biếng nhác, quân kiêu rông, triều đình không có kỷ cương gì cả! Ta nhân dịp đại thắng này mà kéo quân ra diệt kẻ loạn vong, có khó gì? Xin Tướng quân đừng bỏ qua “cơ”, “thời”, “thế” này!

Huệ trầm ngâm:

– Bắc Hà nhân tài còn nhiều, coi khinh thế nào đặng?

– Nhân tài ngoài Bắc chỉ có một Chính này thôi. Chính đã đi rồi, thì nước rỗng không! Xin Tướng quân đừng ngờ.

Huệ cười:

– Chẳng đáng ngờ người nào khác, có chẳng chỉ đáng ngờ ông.

Chính thất sắc, xin lỗi:

– Ý tôi muốn nói quá đi như thế: Chính đã là một tên ngu đần hèn mọn, vậy mà ngoài Bắc không ai hơn Chính, đủ biết trong nước vô tài đến thế là cùng!

Huệ lại ngọt ngào yên ủi:

– Chốc lát đi giựt lấy cái nước đã vài trăm năm kia, người ta sẽ cho quân mình là vin vào cái danh nghĩa chi mà làm vậy?

– Nay, Bắc Hà đã có vua, lại có chúa: thật là việc đại biến xưa nay chưa từng có. Họ Trịnh tiếng rằng phụ chính, nhưng kỳ thực hiếp đáp nhà vua! Người trong nước, từ lâu vẫn cho làm thế là quấy! Sở dĩ họ không dám cự lên chẳng qua vì sức không nổi. Tướng quân quả hay vin lấy cái danh “phò Lê, diệt Trịnh” mà hiệu triệu thiên hạ thì ai người chẳng hưởng ứng? Nghìn năm mới có một dịp này.

– Ông nói phải lắm! Song le mang tiếng là kiêu mạng thì sao? (Ý nói chưa được Nguyễn Nhạc sai đi, mình đã tự tiện đem quân ra Bắc: bị cho là mạn phép làm liều thì sao?)

– Trong Xuân Thu truyện có nói: “Kiểu là chuyện nhỏ, nhưng lập được công lại là việc lớn.” Thế là có công, sao lại gọi là “kiểu” được? Huống chi ngài không nghe nói ư: “Ông tướng cầm quân ở ngoài dù có mạng lệnh nhà vua truyền ra cũng mặc?”

Cuộc trao đổi ý kiến này là một chương trình, một phương lược xoay lại thời cuộc hồi cuối Lê trung hưng, là những nhát thuổng, nhát cuốc sắp bổ trên nền tảng mà chúa Trịnh Kiểm đã xây bằng những viên đá “tái tạo nhà Lê” rất kiên cố, cũng lại là cái thang để Nguyễn Huệ từ nấc Long Nhương Tướng quân trèo lên bực Bắc Bình vương, rồi leo lên cái nấc Quang Trung Hoàng đế.

Bốn chữ “phò Lê diệt Trịnh” thật là cái lá nhãn “chính trị” để Tây Sơn lợi dụng mà diễn tẩn hài kịch “thay họ đổi ngôi!”

Cái động cơ Chính khuyên Huệ kéo quân ra lấy Bắc Hà, có người bảo, là do Chính muốn báo thù cho Hoàng Đình Bảo và muốn tiện bề quay về cố hương nên mượn thế lực Tây Sơn để đập đổ Trịnh Tông, diệt phăng họ Trịnh.

Nói vậy không phải là người biết Chính. Chính là một tay gian hùng. Cái gì có lợi cho Chính thì Chính mới làm, chứ có nghĩ gì đến tình với nghĩa. Cái khẩu hiệu “phò Lê” của Chính chỉ là chuyện nhân nghĩa hão để phỉnh gạt dân chúng Bắc Hà bấy giờ đấy thôi. Chúng có: sau được vua Lê Chiêu Thống vời Chính vào kinh hộ vệ, Chính lại theo gót chúa Trịnh, hết sức hiếp đáp vua Lê. Chính, đối với vua Lê còn thế, huống chi Đình Bảo? Vậy có thể nói: Việc Chính vạch đường “Bắc tiến” cho Tây Sơn quyết không phải vì lòng muốn đền bồi Đình Bảo, cố đánh Trịnh Tông để trả thù cho chủ nhân xưa nay vậy!

Nguyễn Huệ, sau khi bị Chính uốn lười thuyết siêu, không ngần ngại gì mà không gươm, cò thăng chỉ ra Bắc.

Công việc Bắc tiến tức thì sắp đặt: Chính làm thủy quân tiên phong, sửa soạn chiến thuyền, đem thủy quân vượt biển đi trước. Huệ hẹn với Chính: khi đến Vị Hoàng (nay là Nam Định) thì cướp lấy kho lương ở đó, rồi đốt lửa làm hiệu để báo tin cho Huệ biết.

Để Nguyễn Lữ đóng giữ Thuận Hóa, Huệ viết thư về Quy Nhơn báo cáo cho Nhạc biết, rồi gươm sai, cò vía, Huệ đốc suất hai mặt thủy lục âm âm rần rộ kéo ra.

Chính đem quân đi, trước ra cửa Việt Hải⁶¹, rồi vào bến Nghệ An. Đến đâu cũng sai vài trăm du binh lên bộ đánh phá ở đó, làm cho quân thanh thêm mạnh, chiến khí thêm hăng và khiến dân tình bên Trịnh càng thêm xao xuyến, khiếp sợ.

Chậy! Chậy! Bọn Bùi Thế Tuy⁶², Tạ Danh Thùy, là những trấn tướng ở Thanh, Nghệ đều bỏ thành chạy!

Chính đến Vị Hoàng trước nhất, lấy được trăm vạn hộc⁶³ thóc dùng làm quân lương, (ngày mồng 6 tháng sáu năm Bính Ngọ, 1786).

Đồn binh bên Trịnh đóng ở đấy cũng theo mấy tướng Thanh, Nghệ mà chạy trốn nốt!

Xa xa thấy lửa hiệu bốc lên từ khoảng sông Vị, non Côi, Nguyễn Huệ biết quân Chính đã hái được bông hoa “thắng lợi” đầu mùa, lại càng nức lòng hăng hái, tức thì dẫn một nghìn chiến thuyền, vượt biển ra Bắc.

Gió đông nam thổi... thổi mạnh!

Cưỡi gió thuận, lướt dòng xuôi, đại đội chiến thuyền cứ vùn vụt tiến.

Trên trời, dưới nước mênh mông, cái nhuệ khí của quân Tây Sơn bấy giờ có lẽ đánh bạt cả loài thủy tộc!

Viết đến đây, kẻ cầm bút này lại chạnh nhớ đến mấy câu của nhà văn Tô Thức tả cái hào hùng của Tào Mạnh Đức trên sông Xích Bích đầy oai thanh:

*“... Phương kỳ phá Kinh Châu, hạ Giang Lăng, thuận lưu nhi Đông dã: Trục lưu thiên lý, tinh kỳ tế không... cổ nhất thế chi hùng dã!...”*⁶⁴

Mấy câu này, không ngờ ngót ngàn năm sau lại hợp như in vào cảnh anh hùng Nguyễn Huệ khi cưỡi gió đông nam, kéo thủy binh từ Nam ra Bắc dưới những bóng cờ rợp trời và giữa những tiếng hò reo vui vẻ của toán hùng binh đặc thắng.

Kéo quân đến Vị Hoàng, Nguyễn Huệ họp binh với Chính: thanh thế càng thêm mạnh mẽ.

Thực lực bên Trịnh?

Bao nhiêu những cái ươn hèn, đốn kém của các tướng trấn thủ ở biên thù đã kéo hết tằm

màn “màu mỡ” để lộ cho người ngoài trông thấy những cái ẩn tình “thối nát” ở trong mà bấy nay họ vẫn giữ rất bí mật.

“Đùng! ùng! ùng...” Tiếng súng quân Tây Sơn ã ầm ĩ ở cửa ngõ!

“Loạn to! Loạn to! Loạn to...!” nhân dân nhìn nhau bằng con mắt kinh hoảng, thất vọng! Họ là hạng người sống không ðược bảo ðảm. Bấy lâu họ, ðối với triều ðình, chỉ phải làm nghĩa vụ chứ không ðược hưởng quyền lợi tí gì! Trông về tương lai, ai sẽ là người nâng ðỡ họ?

Trước ðó, vấn ðề “Phú Xuân” là một việc rất quan trọng trong chương trình nghị sự của Chính phủ.

Trong ðám phủ liêu⁶⁵ nhiều người ðề nghị:

– Thuận Hóa xa xôi vốn không phải là bờ cõi của triều ðình, Tiên triều vì không suy kỹ, nghĩ sâu, nên mới nay ði chinh phạt, mai ðặt thú binh (quân ðóng canh giữ), rầm rầm rộ rộ, rút cục chỉ hao công, tổn của, chẳng ðược ích gì! Bây giờ phe ðịch lấy mất Thuận Hóa cũng là một cái may cho ta, vì ta khỏi phải ðặt thú binh cho thêm nhọc nữa. Thiết tưởng nay ta chỉ nên ðịnh rõ cái cương giới cũ, rồi cắt quân ðóng giữ từ Nghệ An trở ra Bắc là hơn. Vì Thanh Hoa có lãng tã cần phải giữ và ở ðó có ðịa hiểm có thể giữ vững ðược. Ta cho mất Thuận Hóa là may, thì họ chắc cũng lấy sự xâm lấn ta làm gương răn lại. Vả, “quân mọi phản nghịch” kia ðược ăn miếng ấy ðã no nê rồi, nó ðâu ðám ðột nhiên xông ra nữa?

Luận ðiều ðó ðánh ngay vào chỗ yếu của những bộ óc lười biếng nhút nhát và cầu an, ðược cả triều ðình tán ðồng.

Từ ðó, ai nấy yên tâm trong giấc mơ màng: hình ảnh Tây Sơn bị xóa nhòa trong trí nghĩ.

Nay?

Trấn Nghệ An ðã tan!

Trấn thủ Bùi Thế Tụy ðã chạy trốn sau khi ðốt cháy dinh trại.

Nguyễn Như Thái ðã ðược Nguyễn Huệ ðặt lên ngòì ghế trấn thủ Nghệ An. Trấn Thanh Hoa cũng vỡ: Thùy Trung hầu Tạ Danh Thùy, trấn thủ ở ðó, cũng chạy nốt!

Những tin sét ðánh ðó choáng tai Trịnh Khải.

Làn sóng “kinh hoảng” tràn ngập khắp cả ðô thành!

Để ðối phó với tình hình gắt gao, Trịnh Khải sai Thái ðình hầu Trịnh Tự Quyền làm thống lĩnh, ðem quan quân trong 27 cơ hiệu ði Thanh Nghệ nghinh chiến.

Quyền, chùng chình hơn 10 ngày, mới gắng gượng cắt quân ra ði. Khi Quyền vừa kéo quân lìa khỏi Hoàng Thành ðược 30 dặm, quân Tây Sơn ðã kéo gió ðông nam, “bay” ðến Vị Hoàng với cái thắng lợi oanh liệt (Bính Ngọ, 1786).

Chúa Trịnh phải ðổi lại mệnh lệnh ðiều khiển:

Ra giữ Sơn Nam: Trịnh Tự Quyền.

Đốc suất thủy ðạo: ðình Tích Như⁶⁶.

Để gây thế “ỷ ðốc” với lực quân của Quyền, Như⁶⁶ ðem các ðội thuyền Vệ tả, Vệ hữu, Ngũ hầu, Ngũ thiện và Ngũ Trung trạch ðến ðóng ở cửa sông Lục Môn⁶⁷.

Hoàng Tự Quyền ðóng ðại ðội ở Kim ðộng (nay thuộc Hưng Yên).

Chưởng Trung hầu ðỗ Thế ðận⁶⁸ trấn thủ Sơn Nam, ðem bộ binh ðàn ở bờ sông Phù Sa⁶⁹.

ðình Tích Như⁶⁶ ðàn chu sư trong sông Lũ Giang, bày thành trận thế chữ “nhất”.

Gió đông nam dào dạt thổi [70](#).

Nước lụt mới rút cạn.

Đội tiên phong Tây Sơn giương buồm thẳng tiến...

Theo sau năm chiếc thuyền mông xung [71](#), đại quân “Đàng Trong” cứ mạnh mẽ lướt sóng.

Thấy thuyền mông xung bên địch xông đến, Những hô quân nấp đạn vào súng “bảo lân” ủa ạt bắn...

Để tránh trận mưa đạn, quân Tây Sơn tạm lui vào bến sông.

Đàn dơi chao chát đớp muỗi trên mặt sông.

Màn tối cuốn cảnh vật vào trong đêm trường rùng rợn.

Khác với lúc thường, khúc sông Lục Môn đêm nay “sống” trong cảnh tượng hoạt động dưới bóng đèn đuốc lập lòe.

Lừ đừ vài mươi chiếc thuyền, nghênh ngang kẻ vác giáo, người cầm kích, thuận buồm cứ tiến... tiến bức đến tận tiền đội bên quân Trịnh.

Những thúc quân hăng hái bắn. Xa xa nhận thấy một chiếc thuyền Tây Sơn bị đắm chìm.

Nhưng còn các thuyền khác? Càng bắn, càng thấy im lặng, im lặng như tờ, không một ai bắn lại. Cũng không một ai theo giọng chế giễu của quân Đông Ngô xưa mà hô lớn: “Tạ ơn Thừa tướng cho tên”!

Trời đã sáng. Trí Những bấy giờ mới sáng.

Mấy chục chiếc thuyền ấy? Rặt thuyền không!

Bọn quân bơi chèo, cầm binh khí kia? Toàn bỏ nhìn!

Thôi, mắc mưu Nguyễn Huệ rồi! Đinh Tích Những đã hi sinh hết cả thuốc đạn để đổi lấy mớ xác “bỏ nhìn”!

Phải bỏ thuyền, quân Những chạy lên cạn!

Đại đội binh thuyền Tây Sơn kế tiếp sẵn đến.

Đạn súng đại bác vèo vèo bay.

Nhiều cây cổ thụ trên bờ rãng rắc gãy!

Trước cái sức mạnh đó của súng đạn Tây Sơn, quân Những hoảng sợ.

Nguyễn Huệ thúc toàn quân lanh lẹ xông lên bờ, hăng hái đuổi đánh...

Quan quân Bắc Hà chết như ngả rạ! Người nọ gối lên người kia! Đinh Tích Những? Chiếc thân chạy thoát!

Quân Đỗ Thế Dận? Bỏ trận chạy trốn!

Quân Trịnh Tự Quyền! Chưa đánh chác gì đã tụt tan vỡ trước!

Thuyền Tây Sơn cứ tiến và tiến mãi đến Hiến doanh.

Thế là trấn Sơn Nam hoàn toàn lọt vào tay Nguyễn Huệ (ngày 24, tháng sáu năm Bính Ngọ, 1786).

Vấn đề “chiến thủ” lại được Trịnh phủ rồi rút gấp rút bàn.

Một phương sách sau này nếu được ứng dụng có lẽ Long Nhương Tướng quân Nguyễn Huệ chưa chắc đã cảm cờ thẳng trận trên thành Thăng Long một cách dễ dàng:

Nguyễn Lệ⁷²: cựa Tham tụng! Hốt hải đến từ Nghệ An dâng kế cho Trịnh Khải:

– Nên cắt tướng giữ lấy kinh thành. Còn chúa thì hộ giá Lê Hoàng lánh đi Sơn Tây: nắm giữ lấy miền thượng du để tính nước đi về sau. Ở khúc sông bên bãi Tự Nhiên nên thả chông chà để át thuyền bè bên địch. Bổ đồn đóng bộ binh ở hai bên bờ sông để giữ cho khỏi xống xính. Lại dùng và ban quan tước cho bọn thủy phi (giặc cướp trên đường thủy) khiến chúng khuấy rối mặt sau thủy quân của Tây Sơn. Tây Sơn mượn tiếng tôn phù, nếu không níu được vua Lê thì lui tới đều bất lợi. “Quân mọi”, lương hết, thế tất không ở lâu được. Ta nên truyền hịch cho các hào mục ở miền Thanh, Nghệ dấy binh chặn lối họ về. Như thế dù không bắt sống được Nguyễn Huệ, cũng làm Tây Sơn phải bị trọng thương. Chứ giờ đánh với họ thì tất nhất bại đồ địa, vì tội kiêu binh của ta không thể dùng được.

Chiến thuật ấy của Nguyễn Lệ suýt được chúa Trịnh làm theo nhưng lại bị kiêu binh phá đám!

Vu vạ cho Lê dắt “giặc” về nhà, bọn kiêu binh tụ họp lại, ồn ào, rầm rĩ, thả hơi huyền não vào bầu không khí rối ren. Rồi chúng sùng sục chực bắt giết Lê. Lê phải chạy lên Sơn Tây.

Tình hình Bắc Hà càng phút càng trầm trọng!

Nhân dân ngong ngóng đón ngày tương lai, tốt đẹp hơn...

Một lá hịch giết một đời vương

Nguyễn Huệ, sau khi hạ được Sơn Nam, truyền hịch đi khắp các lộ, tỏ bày công việc diệt Trịnh, phò Lê.

Như mưa trút, gió giật, tin quân tấp nập từ biên thù bay về Trịnh phủ, làm cho các “ngài” mao cao áo rộng trống ngực thình thình!...

Chiến?

Thủ?

Tính sao đây?

Chẳng một ai dám thò tay gỡ mối tơ vò ấy! Cũng chẳng một ai muốn đeo đá vào mình!

Quan võ cũng như quan văn, thấy đều bối rối hoảng sợ, tất tả lo việc gia đình: giữ vợ gìn con, chôn tiền, giấu của... Quân sự? Mặc! Việc dân, việc nước? Cũng thây!

Chạy loạn!...

Dân chúng nhôn nhao chạy loạn! Công trẻ, dốt già, rình rịch luôn mấy ngày, họ bỏ thành chạy trốn. Nhưng trốn vào đâu? Vào lối tiền đồn tối tăm, không đảm bảo!

Trong cơn gấp rút, Trịnh Khải cố đi một nước để gỡ thế cờ bí: với quận Thạc Hoàng Phùng Cơ đem năm trăm quân nghĩa dừng từ Sơn Tây về kinh hộ vệ.

Mấy lời hăng hái của quận Thạc, khi vào ra mắt, làm cho chúa Trịnh càng thêm phấn khởi tinh thần:

– Chín cha con nhà tôi xin đem cái chết để đền ơn nước, chứ quyết không chịu cùng sống với giặc!

Trầm trồ khen, rồi chúa Trịnh ban cho 5.000 lạng bạc để Phùng Cơ dùng vào việc binh.

Lấy tư cách vị lão tướng, gánh công việc “phi thường”, Cơ xách túi bạc ra, lo việc binh bị. Trong một ngày “bạo vì tiền”, Cơ mộ được hơn nghìn thủ hạ.

Quận Thạc, cùng tám con (kể cả rể)⁷³, đem binh ra đóng ở hồ Vạn Xuân⁷⁴.

Tứ thị thủy sự dàn thuyền ở bến Thúy Ái⁷⁵.

Còn chúa Trịnh? Mặc nhưng phục, cưỡi voi, đem hết binh lính trong thành ra ngoài cửa Tây

Long76, bày trận ở dưới Ngũ Long lâu: hỏa pháo bắc, binh trượng bày, quân hộ vệ san sát... (ngày 25, tháng sáu, năm Bính Ngọ, 1786).

Gió đông nam vẫn lộng!

Mặt thủy vô cùng xung yếu!

Đánh tan chu sư của Đinh Tích Nhưỡng, Tây Sơn làm chủ suốt cả một dải trường giang.

Thừa thắng, Nguyễn Huệ kéo quân thẳng tiến kinh kỳ.

Cờ rợp trời. Trống trận lay động sóng. Quân Tây Sơn cặp bến Nam Du.77

Bỏ thuyền, lên cạn, họ đánh úp quân tứ thị thủy hiệu của Trịnh ở cửa sông Thúy Ái (ngày 26, tháng sáu, năm Bính Ngọ, 1786).

Trận đánh úp này cực kỳ thần tốc, nên quân Trịnh không kịp trở mình, phải đại bại dưới bóng cờ Long Nhương Tướng quân.

Số là, làm tướng quân Tây Sơn vẫn còn ở xa, quân Trịnh không để ý đề phòng, cứ việc phóng tâm: neo thuyền, lên bãi, tỏ vẻ ung dung trong lúc đang phải cơ cảnh cần mật. Chẳng dè đại đội chu sư “Đàng Trong” ập đến, đánh rốc vào chiến tuyến Thúy Ái ở Thanh Trì. Quân Trịnh bối rối hoảng hốt, không kịp xuống thuyền, tán loạn chạy!

Quân Nam vắn súng cự thuận ầm ầm bắn... bắn chết được người chiến sĩ can đảm nhất bên Trịnh: Ngô Cảnh Hoàn78, quản tiền phong cơ.

Thuận dao chẻ tre, Tây Sơn bắt được hết cả thuyền mảnh và khí giới của Trịnh.

Trước đó, thấy đồng bạn tan vỡ, tình thế nguy ngập, Ngô Cảnh Hoàn cứ làm phận sự đến phút cuối cùng: tay cầm thanh đao, đứng ở đầu thuyền Trung Trạch, cự chiến hơn một khắc. Sau thế cô, sức kiệt, trúng đạn của súng cự thuận bên Tây Sơn, Ngô phải gửi mình xuống dòng Thúy Ái trong mát.

Trận thua! Chồng chết! Một cái tang đau đớn cho Phan Thị Thuần, ái thiếp của Ngô.

Nhưng nàng Phan cứ trấn tĩnh với can đảm và nghị lực, âm thầm trong cảnh sinh hoạt quê mùa, nàng vẫn bận thường phục, có khác chẳng chỉ kém lúc thường cái vẻ diêm dúa, óng ả và trau chuốt. Nàng cười nhạt trước những tiếng mai mỉa nông nổi và những cái ngấm nguyết lỗ lảng! Nàng trả lời họ bằng việc làm sau khi quân Tây Sơn rút khỏi Bắc Hà: Mặc đồ tang, nàng đến bên sông Thúy Ái, tế một tuần, khóc một đêm rồi lên đĩnh một chiếc thuyền con, dưới vòm trời âm u thảm đạm, nàng tìm bạn trăm năm nơi Thủy phủ!

Thanh danh nàng đã rửa mặt cho quân Trịnh: cái nhục thua trận ở sông Thúy Ái này.

Sau khi bắn chết được Ngô Cảnh Hoàn, quân Tây Sơn đổ xô lên cạn, xông đánh vòng trận Phùng Cơ.

Quân Phùng Cơ, bấy giờ, đang ăn. Thấy quân Nam ập đến, ai nấy kinh khiếp rưng rờ, không kịp xếp thành hàng ngũ, chạy hoảng như đàn cừu trước miệng sói hung hăng!

Xông ra chặn đường quân Tây Sơn, Mai Thế Pháp79, thuộc tướng của Phùng Cơ, vác đao, thúc ngựa, tỏ gan mật trên chiến trường. Pháp vẫn đánh và cứ đánh mặc dầu bộ thuộc đều tan vỡ cả.

Giết được hơn 10 người quân “Đàng Trong” bằng cái khí lực vút hăng vì sắp tàn tạ, Pháp túng thế quá, phải nhảy tùm xuống sông với thanh đại đao vẫn khư khư vác.

Quận Thạc, thấy quân Tây Sơn đánh rất tới nơi, sáu con đã phải làm mồi cho đạn súng và mấy chục thủ hạ cũng đã chết tại trận rồi, bắt đắ dĩ phải cùng con trai là Hoàng Phùng Gia và con rể là Nguyễn Trọng Thu80 cố sống chết, cướp lấy một đường chạy về Hưng Hóa.

Không đuổi theo Phùng Cơ, quân Tây Sơn được thế, cứ việc xông pha chém giết: quân Trịnh làm mồi cá trong hồ Vạn Xuân không biết bao nhiêu mà kể.

Phá được quân Phùng Cơ rồi, Tây Sơn, trống đánh vang trời, rần rộ kéo thẳng đến bến Tây Long bắc “hỏa hổ” âm âm dữ dội...

Trịnh Khải, tay cầm cờ lệnh, cổ thúc chư quân xông vào chống đánh, song chẳng ma dại nào dám liều mạng hi sinh!

Tây Sơn bỏ thuốc súng vào ống, đốt lửa ném ra: Quân Trịnh không sao đương nổi.

Họ lại lấy hỏa hổ đốt voi bên Trịnh: voi sợ, chạy cuống81!

Cơ thất bại đang hầm hầm trút xuống! Trịnh Khải thúc voi quay về thành, chực vào vương phủ, nhưng đến cửa Tuyên Võ thì thấy cờ Tây Sơn đã ngạo nghễ bay trên sào huyết “nhà chúa” rồi. Lật đặt do cửa An Hoa, Khải chạy về phía tây. Theo sau chúa Trịnh còn có hơn trăm quân tàn (ngày 26, tháng sáu, năm Bính Ngọ, 1786).

Ngai “chúa” họ Trịnh cũng theo gót Khải đổ từ đây!

Trận này Nguyễn Huệ càng tán thán cái sức hùng cường của quân mình, càng phải ngạc nhiên trước cái bất lực của quân Bắc: đánh chác toàn nhờ Nghĩa binh, còn Ưu binh và Nhất binh ăn hại công khổ, bấy lâu đến nay chỉ là đàn vịt chạy dài!

Đắc thắng! Nguyễn Huệ kéo quân vào thành Thăng Long với cái triều khí đang hăng hái.

Thần Tàn phá đang lù lù xông đến: bao nhiêu nhà cửa quanh Trịnh phủ, sau một cơn khói lửa, chỉ còn mảnh vụn tro tàn.

Để thưởng tướng sĩ cái công vào tử ra sinh, Nguyễn Huệ, nhà chiến thắng, đem phân phát cho họ hết các gấm, vóc và vàng báu trong Trịnh phủ. Rồi lại đó, Nguyễn Huệ đóng quân, sống những phút huy hoàng xán lạn của đời vương giả.

Kho Hữu viên mở rộng: nhân dân ở xung quanh kinh thành nhờ bàn tay “Đức Lệnh” Tây Sơn, được hưởng cái ơn chấn tể.

Trật tự trong thành hoàn toàn khôi phục, sau khi lệnh chiêu an ban bố khắp nơi.

Bá cáo với dân nước? Nguyễn Huệ, muốn tỏ ý phò Lê, vẫn dùng ấn “Ngự tiền chi bảo” của vua Hiến Tông. Còn hiệu lệnh trong quân, Tây Sơn dùng riêng ấn chương đề chữ “Phụng Thiên thảo tội”.

Những nhà còn lại trong thành, muốn tránh sự cướp phá, đều tỏ ra không phải về phe với Trịnh. Mấy chữ này đề ở cổng ngõ dùng làm cái bùa hộ thân: “Nội điện82 gia thần” hoặc “Hữu quân83 gia thuộc”.

Giữ kỷ luật và theo quân lệnh; quân Tây Sơn rất nghiêm, không hề xâm phạm của dân một mảy tóc.

Khi quân Tây Sơn mới đánh đến Vị Hoàng, nhiều tay trung thần của chúa Trịnh vội ôm hai chữ “Cần vương” đi kêu gào thiên hạ: Chính thần Trương Đăng Quỹ84 và Thiêm Sai tri lại phiên Lý Trần Quán85 đều chạy theo cái mục đích đó.

Nhưng quân Cần vương chưa mộ xong, “vương” (chỉ chúa Trịnh Khải) đã bị bắt làm tù binh và tự chết rồi!

Nguyên, sau ngày 26, tháng sáu, năm Bính Ngọ (1786), Trịnh Khải thua trận cuối cùng ở Tây Long, phải chạy lên Sơn Tây. Định ẩn náu ở làng Giao Cốc, Khải sẽ liệu tính nước gở lại sau này.

Khi qua làng Hạ Lô, huyện Yên Lãng, chư quân đã trốn hết, Khải vào ngồi trong một cái quán, nói vờ là quan Hành tham long đong chạy loạn86.

Rồi người cho gọi Lý Trần Quán đến để bàn việc vì Khải biết Quán đương hoạt động ở vùng đó.

Bái quy! Một thứ lễ đã làm cho Khải thêm oai trong bình thì, chẳng dè chính nó lại làm cho Khải bấy giờ – thời loạn – phải chết uổng!

Quả thế, cái lễ nghi “bái quy” đã giết Trịnh Khải trong khi chạy loạn!

Nguyên, Lý Trần Quán được triệu đến, thấy Khải đang diễn cái cảnh “mạt lộ” của hạng “vua thua chạy dài”⁸⁷ tức thì thụp xuống toan làm lễ lạy chào: tỏ lòng “tôi con” trung nghĩa.

Khải tinh ý, vội đưa mắt gạt đi vì sợ người ta nhân đó biết ngay rằng mình là ông “chúa” bại trận.

Món buôn có lời đây! Một dịp làm nên phú quý đây!

Cái cử động giữa Quán và Khải đó đã lọt vào mắt thèm thường danh lợi của bọn Nguyễn Trang (tức tuần Trang) và Nho Liễu, người làng Hạ Lôi.

Họ sau khi biết đích “quan Hành tham giả hiệu” ấy chính là chúa Trịnh, tức thì đem vài chục đồ đảng ập đến vây bắt Trịnh Khải khi vừa rời khỏi địa phận làng Hạ Lôi một chút.

Trịnh Khải bấy giờ là một “mối lợi” đối với bọn người hám “miếng lập công”: Tên Ba, người làng Vân Điền⁸⁸ cũng xông xáo vào chục cướp lấy chúa Trịnh nhưng không được!

Hay tin chúa Trịnh bị bọn Trang bắt sống, Quán lật đật chạy đến, lấy nghĩa lý khuyên bảo họ, song Trang giội ngay thùng nước lạnh vào lòng sốt sắng của Quán bằng câu tàn nhẫn này:

– Sợ thầy⁸⁹ không bằng sợ giặc. Yêu chúa không bằng yêu mình.

Lời đạo đức của Quán đã không thuyết nổi Trang!

Giọt nước mắt, tiếng van lơn của Quán lại không xiêu được lòng Trang!

Giữa đêm tối mò mò, khí nóng nồng nặc bốc, bọn Trang điệu Trịnh Khải xuống thuyền, định trở lên kinh đô Thăng Long để nộp lấy thưởng.

Khi chưa đến bến Tây Long, trong lúc mọi người không để ý, Khải biết cơ không thoát được, liền rút dao tự đâm vào cổ. Vết thương còn nhỏ, sợ chưa chết ngay được, Khải lại thò ngón tay vào móc thêm cho toạc rộng ra (đêm 28, tháng sáu, năm Bính Ngọ, 1786).

Qua ngày 29⁹⁰, Lý Trần Quán cũng sửa soạn tự chôn sống.

Trước khi chết theo Khải, Quán còn cầm bút viết: “Nước vỡ (!) nhà tan, mình làm chức phủ dụ, chẳng được việc gì, thà chết còn hơn! Chỉ hận một nỗi: không chết trước chúa, lại chết sau chúa!”

Huyệt đã đào xong.

Quan tài đã lù lù đặt.

Lý Trần Quán áo mão chỉnh tề, khảng khái đi tìm cái chết⁹¹.

Đậy nắp quan tài rồi! Người ta định luận: Lý Trần Quán chết theo Trịnh Khải!

Xác Khải đã bị nộp. Nguyễn Huệ cho đặt ở ngoài cửa Tuyên Võ, rồi vỗ thây Khải: “Tiếc dữ! Một trang nam nhi như thế này can chi mà phải vội chết! Giả sử biết đằng lui tới, mang mình về với ta đây, đi đâu chẳng giữ được phú quý?”

Quan ván và đồ khâm liệm Trịnh Khải được Nguyễn Huệ lo liệu cho một cách chu đáo. Qua hai ngày sau, Huệ cử hoàng đệ Duy Quyết trông coi việc tang, theo lễ vương giả, táng Trịnh Khải tại đồng Dịch Vọng (thuộc phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông).

Đến đây, họ Trịnh hoàn toàn thất bại, người Bắc Hà đua nhau truyền tụng bài hịch do Cống Chính đã thảo dưới cái danh nghĩa “phù Lê diệt Trịnh”, trong có những câu sau như:

“Cơn gấp khúc chẳng thương lòng ngoại tộc, đã không rùng đuối thú thì thôi;

Dấu cưỡi rồng còn đợi đức Tiên quân, lại cuộc lỗ cày sân sao phải!"

Còn Nguyễn Trang? Được bổ làm trấn thủ lộ Sơn Tây, phong Tráng Liệt hầu (hoặc Tráng Nghĩa hầu)⁹².

Chúa đã chết, nhưng chưa hết chuyện triều đình!

Trận thay nhà đổi họ này là một tai vạ lớn trút trên đầu trên cổ thẳng dân thời đó!

Trong khi hỗn quân, hỗn quan, trật tự chưa lấy lại được, dân chúng hạng người không tên, không tuổi phải rốc cạn bao chén cay đắng trong cuộc biến dâu:

Họ kéo nhau xô bồ chạy ra khỏi thành, đi tìm nơi ẩn náu trong cái tương lai đầy bất trắc!

Nhưng, vừa rời khỏi kinh đô Thăng Long, là lò sát sinh chỉ chực làm thịt những kẻ vô tội, họ gặp ngay "hung thần" cướp bóc đứng chặn đường: Rắn bắt nhái, chim sẻ mổ bọ ngựa! Bọn "chạy loạn" nay là cái mồi ngon cho những kẻ hung tàn ở phụ cận quanh thành nổi lên như nấm!

Xóm cạnh làng bên tàn phá lẫn nhau.

Quần áo bị bóc lột.

Tiền nong bị cướp giựt.

Tiếng kêu khóc như ri vang động một góc trời đầy sát khí.

Đường xá vắng tanh nhuốm sắc chết.

Gia dĩ, bọn tàn binh, sau cơn thua trận, chạy tản khắp nơi. Chúng cầm gươm, vác súng, kéo đi từng đàn hàng trăm hàng nghìn đứa. Chúng là cái tai vạ ghê gớm cho nhân dân. Trẻ chăn trâu bò hễ thấy chúng kéo đến, thì sợ hãi rụng rời, bỏ của chạy trốn.

Bức tranh loạn ly treo khắp dân gian! Người ta, từng giây, từng phút hồi hộp trong cơn khủng bố kinh hoàng!...

"Đừng lung lạc ta bằng cái danh hào!"

Sau khi thành Thăng Long hoàn toàn lọt vào tay quân Tây Sơn và Trịnh Khải đã cuốn hết cơ đồ vương bá xuống nơi ở cuối cùng, Nguyễn Huệ sai chư tướng đem quân đóng giữ Hoàng Thành, lấy lại trật tự. Quân lính Tây Sơn rất nghiêm, không lấy của ai một mảy tóc. Người Bắc Hà bấy giờ gọi họ là "cha" vì "cha" là tiếng dân tục đương thời dùng kêu quân lính⁹³.

Ngày 26, tháng sáu (Bính Ngọ 1786), Nguyễn Huệ cho người vào nói với vua Lê Hiển Tông: xin đến ngày mai, sẽ vào bệ kiến.

Qua bữa sau, Huệ dẫn các tướng bộ hạ là bọn Cố Chính vào điện Vạn Thọ, xin yết kiến vua Lê⁹⁴.

Vị quý khách đó được mời lên điện thượng.

Thấy Nguyễn Huệ làm lễ, vua Hiển Tông vội sai người đỡ dậy, rồi mời ngồi ở một cái sập riêng kê ở bên giường ngự. Vua Lê thăm hỏi bằng giọng ôn tồn.

Nguyễn Huệ trước còn rụt rè không dám, sau vì cố ép, mới ghé ngồi vào cuối chiếu.

Nguyễn Huệ nói nhún:

– Tôi vốn là kẻ mặc áo vải ở Tây Sơn, nhân thời thế mà nổi dậy. Bộ hạ tuy không cho cơm ăn, áo mặc, nhưng tôi ở cõi xa xôi, bấy lâu vẫn kính mến thánh đức. Bữa nay được nhìn thấy mặt trời, đủ giải được tắc lòng khao khát. Họ Trịnh vô đạo, hiếp đáp hoàng gia, nên trời mới mượn tay tôi: một trận phá triệt ngay đặng. Ấy là nhờ oai đức Bộ hạ hết thảy.

Vua Lê úy lạo:

- Ấy là võ công của Tướng quân cả, chứ quả nhân nào có tài đức gì!

- Tôi chỉ cốt tôn phò, chứ dám kể đâu tới công lợi. Việc ngày nay đã xảy ra như thế thiệt bởi lòng trời xui nên hết thủy. Kể đến việc binh thì tôi cất đặt đặng quân lính, điều khiển đặng chiến thuyền; song lẽ tôi có sức chi khiến được nước lụt phải cạn, gió đông nam phải thổi ào ào? Thế là trời có ý xui Bệ hạ phần chấn kiên cương, thống nhất bờ cõi. Từ giờ xấp đi, Bệ hạ cầm cương, nảy mực, khiến cho trong êm, ngoài ấm, thì tôi đây cũng được ơn nhờ.

Nói dứt, Nguyễn Huệ trở Cống Chỉnh mà rằng:

- Người này là cố thần của Bệ hạ! Tôi được tới đây chính là nhờ người này giúp sức đó.

Vua Lê nói lấy lòng:

- Nhưng, Chỉnh được đến đây cũng là nhờ Tướng quân làm thành cho chứ!

Nghe vua Hiến Tông nói vậy, Chỉnh liền khấu đầu lạy tạ.

Chén trà thơm phức bốc một khí nóng hôi hổi, dấu hiệu một cuộc thân thiện đầm ấm nhưng chóng phai tàn.

Nguyễn Huệ nhấp chút hương vị của chén trà “đế vương”, nhưng không nhuần thấm được lòng dục vọng khát cái tương lai vĩ đại.

Nói chuyện hồi lâu, Huệ mới từ tạ lui gót.

Sau cuộc bệ kiến này, Đức Lệnh Tây Sơn không khỏi cười thầm những cách cử động nhờ nhàng, thừa gửi dờ dẩn của bọn gia thần hậu chực ở điện thượng vua Lê.

Cái có làm cho vị quý khách ấy phải cười? Chỉ vì, trong khi kinh thành tan vỡ, bách quan chạy trốn, không còn ai là người đủ tư cách xứng đáng ứng tiếp vị thượng tôn nhà vua!

Vì vậy, sau cuộc hội đàm này, vua Hiến Tông nghe theo lời Chỉnh, phải gọi đến các cựu thần như Trần Công Sán⁹⁵, Phan Lê Phiên⁹⁶, Uông Sĩ Điển⁹⁷...

Đến làm gì?

Sung chân chi hậu, ứng tiếp chủ sớ Tây Sơn.

Tia hy vọng ấm áp đã rơi vào lòng lạnh điếng của dân chúng.

Từ đây, lòng người đã yên: chợ lại họp, ruộng lại cấy. Con khùng bố bố rồi không còn vây phủ trong triều, ngoài nội như trước nữa. Các ông “triều”, mũ cao, áo rộng, bấy giờ mới lại mon men đến dần.

Chỉnh nói với chủ tướng Tây Sơn:

- Đức Lệnh đến đây đã lấy tiếng là tôn phò thì phải nên làm cho ra sự thực. Chuyển vào ra mắt vua Lê hôm nọ chỉ là một buổi tư yết. Việc làm ấy còn chưa tỏ rõ với đời. Vậy, tôi tưởng Đức Lệnh nên lựa ngày làm lễ triều kiến, khiến cho cả nước đều biết, mới là cử động quang minh.

Mồng 7 tháng bảy năm Bính Ngọ (1786), ngày tươi lại trẻ lại của cây “Lê” đã già cõi! Ngày oanh liệt nhất của một ông vua 70 tuổi, ôm cái ngai mốc ngò làm vì trong 47 năm! Nhưng cái tươi đó, cái trẻ đó, cái oanh liệt đó không phải tự tay mình làm nên được, nên chẳng mấy chốc, nó cũng vạc dần rồi tắt theo cái sinh lực hầu tàn của vua Lê Hiến Tông.

Ngày đó, chủ tướng Tây Sơn Nguyễn Huệ xin Hiến Tông Hoàng đế nhà Lê thiết lễ đại trào ở điện Kính Thiên.

Dưới bóng cờ quạt la liệt và giữa những tiếng chuông trống inh ỏi, chủ sớ Tây Sơn, cầm đầu chư tướng, từ cửa Đoan Môn, bước vào điện Kính Thiên với cái trịnh trọng nhưng ngầm chứa vẻ “ngạo nghễ” của con nhà chiến thắng.

Lễ “Ngu bài tam khấu” của Nguyễn Huệ làm tăng vẻ oai nghiêm hách dịch của cái triều đình đương khắc khừ!

Số quân dân do Tây Sơn đệ trình trước vua Hiến Tông bỗng làm cặp mắt lò dò yếu đuối của cụ già gương bệnh này vụt nảy tia sáng vui mừng: ngọn đèn cạn dầu bật sáng phừng phụt trước khi tắt ngấm!

Quang cảnh ngoài cửa Đại Hưng ngày đó bỗng khác hẳn mọi khi: Phá tan cái vẻ âm thầm vắng ngắt bấy lâu, bản chiếu thư “nhất thống” ban cho thiên hạ kéo được nhiều người đến xem, đọc hoặc thì thầm...

Đó là cái kết quả đẹp đẽ nhưng chóng “thui” sau khi chủ tướng Nguyễn Huệ làm lễ triều yết và vua Lê Hiến nhận quân dân bại tịch của Tây Sơn.

Qua hôm sau, Nguyễn Huệ được vua Lê Hiến Tông sai người sang tận nơi quân thứ Tây Sơn, tức bên Trinh thuở trước, phong làm Nguyên súy Dự chính Phù vận Uy Quốc công (元帥翊正扶運威國公) (có sách viết là Nguyên súy Phù chính Dự võ Uy Quốc công, lại có sách chép là Đại nguyên súy Phù chính Dự vận Uy Quốc công).

Nhận xong, Nguyễn Huệ sai người sang hoàng cung tạ ơn vua Lê. Rồi xẵng tiếng nói với Cống Chính:

– Ta mang vài vạn quân ra đây, một trận dẹp yên Bắc Hà. Vậy thì một thước đất, một người dân, bây giờ không phải là của ta thì là của ai vào đây nữa? Dầu ta muốn xưng đế, xưng vương chi chi, coi ai còn dám làm gì ta đặng? Thế mà ta còn nhường nhịn không làm, chẳng qua ta hậu đãi nhà Lê đó thôi! Cái danh mạng Nguyên soái Quốc công nó có làm cho ta hơn gì! Các đình thần Bắc Hà muốn lấy nước miếng cho cái danh hão, chực lung lạc ta sao? Đừng bảo ta là mán mọi được thế đã lấy làm vinh rồi đâu! Ta không nhận lấy, chắc người ta bảo ta là thất lễ; ta nhận mà không nói ra, người ta lại cho ta là không biết gì!

Dứt lời, chủ súy Tây Sơn “nổi xung”: hăm hăm trừng trợn..., dường muốn phá phách cho hả cơn nóng giận...

Nhưng mấy lời can khéo của Chính làm nguôi lòng Huệ dần dần.

Anh hùng với giai nhân

Nguyễn Huệ, sau khi nhận được cái tước hão của vua Lê phong cho, trong lòng bất mãn, nói toạc cho Nguyễn Hữu Chính biết rằng ông không chịu để người ta lung lạc bằng cái Nguyên súy hay Quốc công ấy được, vì nó, thực ra đối với ông, chỉ là một cái “tạp nhệp”, không làm cho ông thêm danh giá gì!

Chính biết Huệ không thỏa lòng dưới trận mưa móc “giỏ giọt” đó của vua Lê, lật đật sang bên hoàng cung tâu bày dần xếp, tìm hết cách làm đẹp lòng một người đương cầm vận mệnh cả triều đình, cả xã tắc, cả thành quách giang sơn của nhà Lê.

Sau một cuộc trao đổi ý kiến với Chính, vua Lê Hiến Tông thuận gả cho chủ soái Tây Sơn Nguyễn Huệ cô gái thứ 21, Ngọc Hân Công chúa⁹⁸, mới 16 cái xuân tở, yêu kiều và diễm lệ.

Đức Lệnh Tây Sơn đưa đồ sính lễ rất hậu: 10 thỏi vàng, 1.000 thỏi bạc, 100.000 quan tiền. Nguyễn Thời Thấu⁹⁹ người đời bấy giờ, có một bài vận văn ký thuật sự trạng đương thời, trong có mấy câu này chỉ việc nhân duyên của Ngọc Hân Công chúa:

...Ngựa thồ(?) thay mối xích thừng,

Ông Tơ, bà Nguyệt dẫu giăng chẳng ra,

Một ngày một vắng quê nhà,

Sáng từng từng nhớ, tối tà tà trông...

Bữa làm lễ cưới “chúa Tiên”¹⁰⁰, vua Lê đương “se mình”, cũng phải gắng bịnh thiết trào nhận

mừng, vui mừng trước cái tương lai đầy bắp bênh.

Qua bữa sau, bệnh tình nhà vua quá nặng, Công chúa Ngọc Hân giục phò mã Nguyễn Huệ vào hỏi thăm, song ông từ chối: “Tôi, chẳng sớm thì chầy, rồi cũng về Nam; việc nước, không dám dự đến. Vả, tôi xa lạ tới đây, chắc người ngoài Bắc hãy còn chưa tin mấy. Nếu vô nội viếng vua cha, muôn một xa giá châu trời, chẳng hóa ra tự mình chác lấy cái tiếng hiềm nghi không bao giờ giải tỏ đặng?”

Bầu trời sầm tối. Suốt đêm 17, dân thành Thăng Long sống trong cảnh “chờn chờn”, mưa như trút! Gió rợn rùng!

Trong thành ngập nước đến một thước!

Với 70 tuổi thọ, vua Lê Hiển Tông băng nhằm ngày 17¹⁰¹ tháng bảy, năm Bính Ngọ (1786) sau khi trở lại mấy lời cho Hoàng tôn Duy Kỳ: “Khách binh đương đóng ở đây; truyền nổi là việc quan trọng, cháu nên bàn cùng Nguyên súy (chỉ Nguyễn Huệ), chứ đừng tự tiện làm một mình.”

Suốt 47 năm ngồi làm vì trên ngai vàng, vua Lê Hiển Tông cứ nhắm mắt, cứ che tai, cứ thần nhiên tự tại.

Chúa Trịnh làm trời? Mặc! Làm đất? Cũng thầy! Vì vua theo đúng câu “châm ngôn” này của ngài đã đặt: “Vương (chỉ chúa Trịnh) mang lấy cái lo; ta hưởng lấy cái sướng, can gì chẳng vui?” Vậy mà nhân dân đương thời không biết tự trông vào mình, tự giúp lấy mình, song cứ mơ hồ trách vọng vào ngài, chẳng những oan cho ngài lắm?

Một vấn đề khó giải quyết “lăn lóc” giữa đình thần và tôn thất nhà Lê sau khi vua Hiển Tông thăng hà: lập Tự quân!

Trái với phái muốn lập Hoàng tôn Duy Kỳ, Công chúa Ngọc Hân hết sức phản đối, lấy cớ rằng Duy Kỳ không đủ tư cách. Ngọc Hân muốn lập Duy Cận, hết lời khen Duy Cận là người hiền.

Nghe vợ ngăn, Nguyễn Huệ muốn hoãn lễ đăng cực.

Cả triều nao nao. Bầu không khí “ngờ vực” phủ khắp Hoàng Thành.

Các tôn thất nhà Lê đổ rìet cho Công chúa Ngọc Hân cái tội “làm lỡ việc lớn”!

Ngọc Hân sợ, lật đật nói với Nguyễn Huệ thu xếp cho Duy Kỳ được nối ngôi ngay¹⁰².

Làm lễ đăng quang Duy Kỳ lấy niên hiệu là Chiêu Thống (sau mất ở Tàu, tên thụy là Mãn Đế) vì đang có tang vua Hiển Tông, nên mọi việc đều tỉnh giảm cả.

Đèn sáp lèo lẹt, khói trầm xen khói hương, tỏa mờ gian nội điện thâm nghiêm, u ảm. Chủ súy Tây Sơn lấy tư cách con rể, mặc áo tang trắng, đứng ở nơi điện tả, dự lễ tế thành phục vua Hiển Tông.

Một viên tiểu lại, trong bọn người chấp sự, hơi mუმ mუმ cười khi hành lễ. Nguyễn Huệ liếc mắt bắt gặp, cho thế là khinh mạn, bắt kính, liền truyền lính lôi ra chém ngay¹⁰³.

Triều đình, từ đó, len lét khiếp oai!

Ngày 25, đưa tử cung xuống thuyền để đem đi làm lễ Ninh lăng¹⁰⁴ ở Thanh Hoa, Nguyễn Huệ cũng mặc tang phục, thân đi hộ tang đến tận bên sông. Lại sai bộ tướng là Nguyễn Văn Kỳ¹⁰⁵ và Nguyễn Hữu Chính, mặc áo trắng, đi hộ tống đến Bàn Thạch lăng (thuộc huyện Lôi Dương, trấn Thanh Hoa), nơi ở cuối cùng của ông vua được hân hạnh làm bố vợ một trang anh hùng cái thế.

Làm xong mọi việc với vua Hiển Tông rồi, Nguyễn Huệ, với giọng tự phụ, nói nửa thật nửa bỡn với Ngọc Hân: “Tiên đế có 30 người con, thế mà không một người nào bằng một mình mình là gái! Trong việc tang Tiên đế, mình với các anh em, chị em khác, ai hơn nào?”

Ngơ nhau!

Sau khi Huệ đã kéo quân ra Bắc. Nguyễn Nhạc, ở Quy Nhơn, nhờ bức thư của Huệ¹⁰⁶ đưa về, mới hay tin “đại cử Bắc phạt” đó. Trước cái cử động ấy của Huệ, Nhạc rất không đẹp lòng vì cho rằng Huệ tự tiện làm việc như thế, là Huệ tỏ ra không thèm đếm xỉa đến vua anh. Nếu Huệ thành công, tất vua anh không thể kiềm chế được nữa. Hối hả, Nhạc sai người đến Phú Xuân để ngăn lại. Nhưng đã muộn rồi! Khi được tin Huệ đã hạ xong thành Thăng Long, Nhạc đâm lo sợ quá.

Huệ vốn là tay ngang tàng, sắc sảo, nay lại đóng binh ở ngoài sau một trận thành công lớn, Nhạc biết không thể gọi về bằng cách viết mấy chữ trên mảnh giấy được.

Tháng tám, năm Bính Ngọ (1786), Nhạc đem 500 thân binh và 100 voi, lật đật từ Quy Nhơn chạy ra Phú Xuân, lựa lấy thêm quân tinh nhuệ¹⁰⁷, rồi lại đi gấp ra Thăng Long, lót miệng bằng tiếng đem quân ra tiếp ứng chú Thơm (tên tục của Huệ) đương ở Bắc Hà.

Tin đó rung động gần xa: ai nấy nao nao, vừa ngờ, vừa sợ! Có người khuyên vua Chiêu Thống, để giữ vững chiếc ngai Hoàng đế, nên đưa biểu xin hàng.

Việc còn chùng chình, gót ngựa Thái Đức (Nguyễn Nhạc), sau bảy ngày đêm, đã từ Phú Xuân lộp cộp nên trên mảnh đất để đó.

Vua Chiêu Thống, cầm đầu bách quan, thân ra tận ngoài cửa Nam Giao, đón tiếp với thái độ của một kẻ “lép vế”: mặc!

Tụng quan quỳ đón ở bên đường: cũng mặc!

Thái Đức sai người mời vua Lê hãy cứ về cung, rồi ruổi quân đi thẳng, bỏ lại đằng sau cái khí ngạo ngễ lạnh lùng!

Tuy được Thái Đức hẹn đến bữa khác sẽ tương kiến, nhưng, qua hôm sau, vua Lê đã phải lóp ngóp sang tận chỗ vua Thái Đức đương đóng để tỏ cảm tình.

Nghe lời Chính khuyên, Thái Đức tiếp Chiêu Thống bằng lễ “hai vua tương kiến”, chứ không “lấy lụy” theo lễ hạ thần.

Thoạt thấy Chiêu Thống đến nơi, Thái Đức đứng trên thềm, sai em là Nguyễn Huệ xuống thềm đón.

Rồi Thái Đức ngự ở ghế giữa, mời Chiêu Thống ngồi ghế bên tây. Nguyễn Huệ ngồi ghế bên đông.

Giữa bầu không khí thân mật nhưng giả dối, Chiêu Thống nói lấy lòng khách bằng những lời yên ủi và cảm ơn.

Thấy vua Lê tỏ ý muốn cắt đất để làm lễ khao quân, Thái Đức vội gạt: “Giận họ Trịnh chuyên chính, anh em chúng tôi mới làm việc tôn phù này. Đất đai, nếu của họ Trịnh, một tấc chúng tôi không để; nhưng nếu của nhà Lê, một tấc cũng không lấy. Chúng tôi chỉ mong Tự hoàng cầm vững kiên cường, giữ yên bờ cõi; hai nước chúng ta đời đời hòa mục giao hiếu với nhau: thế là phúc!”

Hai nhà “ngoại giao” lại diễn một trò giả dối trong sự chèo kéo mời mọc nữa:

Chiêu Thống mời Thái Đức ở lại ít lâu để giúp mình.

Thái Đức nhận lời và hứa cột chặt hai nước bằng sợi dây liên lạc mật thiết.

Bấy giờ tướng sĩ Tây Sơn đóng lâu ở Thăng Long, lòng quê ai nấy không khỏi gửi đám mây xa những tứ nhớ nhung man mác.

Tả quân Vũ Văn Nhậm, vì ghét Hữu Chính là người tráo trở, hay vợ lấy quyền bính, nhân gièm Chính ở trước mặt Nguyễn Huệ rằng:

– Chính là kẻ bô thần, cùng đường phải về vớita. Hắn muốn cam tâm với cố quốc, nhờ sức ta làm được thành công. Nay ta lại phí hàng vài vạn người để làm vây cánh cho hắn thì còn gì bất trí hơn nữa! Và, hắn thường nói: Ở Bắc Hà, chỉ có một mình hắn là nhân tài. Bây giờ chi bằng ta kéo về bỏ hắn lại. Người Bắc oán hắn đến tận xương tủy; ta mượn tay họ để giết hắn đi. Khi Chính chết rồi, ta sẽ lấy Bắc Hà cho rảnh.

Nguyễn Huệ lấy làm phải, đã ngầm có ý bỏ Chính rồi, lại gặp Nguyễn Nhạc vừa ở Nam ra, bèn ngày đêm mật tính đường về, mà Chính bấy giờ đương đóng ở chùa Tiên Tích¹⁰⁸, say sưa trong cảnh tôn vinh, vẫn mơ màng không biết.

Về phần Chính, thấy Nguyễn Nhạc sai chọn ngày tốt, sắm lễ vật để yết nhà Thái Miếu, Chính cứ đồ chừng rằng anh em Tây Sơn chắc chưa rút lui.

Trong khi anh em Tây Sơn cùng ở Thăng Long, họ nhường nhịn nhau rất khôn khéo. Phàm việc, Nhạc muốn làm thế nào thì nên thế ấy. Huệ nhất nhất thuận nghe và các tướng sĩ cũng đều vâng theo mệnh lệnh của Nhạc.

Suốt ngày 17, tháng tám, năm Bính Ngọ (1786), Huệ với thái độ vồn vã niềm nở, giữ Nguyễn Hữu Chính ở lại trong dinh, nói chuyện lan man, không hề hở ra cho biết sắp lìa non Nùng, sông Nhị.

Nhưng, giữa trống canh ba đêm hôm đó, một ám hiệu truyền ra, quân gia Tây Sơn nai nịt đầu đầy, cả thủy lẫn lục thấy đều lạng lẽ kéo đi. Lễ cố nhiên là bao nhiêu của cải trong kho đụn đều cuốn đi sạch.

Sai người từ giã vua Chiêu Thống, anh em Tây Sơn vội vã về Nam, bỏ Chính ở lại đất Bắc.

Qua sớm sau, Chính có cái cảm giác như một cô gái “theo trai” bỗng bị tình lang phụ bạc! Rất bối rối bâng khuâng, Chính chưa biết xoay trở ra sao cả.

Vì không dám ở lại Thăng Long sợ chác oán mua thù với người Bắc, Chính liền “dày mặt” quyết theo để bám lấy anh em Tây Sơn.

Lập tức sáng sớm 18, Chính cùng với vài mươi thủ hạ lật đật chạy ra bến sông, cướp được một chiếc thuyền buôn, quẳng hết đồ đạc của người ta đi, giương buồm để vô Nghệ¹⁰⁹.

Trong khi đó nhiều người Kẻ Chợ đuổi theo, tranh nhau lấy gạch ngói ném Chính. Chính phải chính tay giết chết vài người mới đi thoát được.

Dọc đường, anh em Tây Sơn lần lượt dập tắt được những ngọn lửa “biến cố”.

Số là, khi quân Tây Sơn kéo đến Nghệ An, có gặp mấy cuộc tập công của những phần tử phản động.

Lê Hân, cựu quản Hậu thắng cơ ở Nghệ An và Lê Đình Hoán, cựu quản Hữu uy cơ ở Nghệ An, đứng lên chiêu mộ binh phu ở Nộn Liễu huyện Nam Đường (Nghệ An), chặn đường, cứ hiêm, chen đánh ở núi Đại Huệ thuộc địa phận làng Sa Nam, huyện Nam Đường. Nhưng Tây Sơn dong quân tràn qua núi: quân bọn Lê Hân thua lớn, bị giết đến 8, 9 phần 10.

Rồi ung dung đem quân vào trấn doanh Nghệ An, Nguyễn Huệ đóng lại hơn mười ngày, thu xếp mọi việc: giao trách nhiệm đóng giữ trấn đó cho bộ tướng là Nguyễn Văn Duệ. Lại cắt đô đốc Vũ¹¹⁰ Chiêu Viễn đóng ở Hà Trung, Vũ Văn Nhậm cầm trọng binh đóng ở Đông Hải, làm thế ỷ dốc với Duệ.

Khi Chính theo kịp đến Nghệ, Nguyễn Huệ bề trong tuy không bằng lòng, nhưng ngoài mặt vẫn vồn vã yên ủi. Huệ bảo Chính:

– Hiện nay tướng Trịnh là Hoàng Phùng Cơ và Đinh Tích Nhưỡng hầy còn, thì ngoài Bắc không có ông ở lại không xong.

20 lạng vàng, 200 lạng bạc, Huệ dùng món quà đó tặng Chính và khuyên đóng lại ở Nghệ An cùng làm việc với Nguyễn Văn Duệ.

Để trình thám những hành động của Chính, Nguyễn Huệ dặn ngầm với Vũ Văn Nhậm:

– Chính vốn là tên vong mạng. Túng thế, hắn mới chịu về với ta. Hắn quyết lắm! Không thể tin cậy được. Vả, người Bắc oán giận hắn dữ. Ta muốn bỏ hắn cho họ thịt đi, nên chỉ lúc về Nam, giấu bắt không cho hắn biết. Chẳng dè hắn lại trốn chết, theo về tận đây. Kể về tình nghĩa, ta không lẽ không dung hắn. Giờ ta cho hắn ở lại Nghệ An là quê hương hắn. Vậy thì các người phải hiệp lòng, đậu cật, phòng giữ cho cẩn thận. Hễ hắn làm chi, và lòng người yêu hay ghét hắn ra sao, các người phải dò xét cho kỹ. Thấy có sự chi khác, thì phải tức tốc báo cho ta hay.

Điều biến xổ lồng

Sau khi về Nam, Nguyễn Huệ được Trung ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc phong làm Bắc Bình vương (Đinh Mùi, 1787), đóng ở Quảng Nam, một trong ba chân kiềng đối lập với Quy Nhơn, địa bàn của Nhạc và Gia Định, đất phân phong của Đông Định vương Nguyễn Lữ. Anh em một nhà chia ba non nước¹¹¹: một thời kỳ rất thịnh trong bộ lịch sử Tây Sơn!

Bắc Bình vương, thân ở Quảng Nam, nhưng tai mắt vẫn nghe ngóng ở Nghệ An, nơi thả lỏng con “Điều biến” Nguyễn Hữu Chính.

Quả như Bắc Bình vương đã liệu trước, Chính từ khi ở lại Nghệ An, không quên kiếm cách để phá lồng để bay nhảy.

Bị Bắc Bình vương “ly dị”, Chính, một mặt thu dùng bọn lưu vong, một mặt luyện tập quân hương dũng, ngầm ngầm có chí chiếm lấy Nghệ An.

Ở Thăng Long, sau khi quân Tây Sơn rút khỏi, tình hình trở nên nghiêm trọng. Vua Lê vội vời các triều thần bàn rằng: bây giờ trong nước hư không, nếu có biến động cần kíp gì thì lấy chi mà trị được? Vua Lê bèn bay thư đi các nơi, triệu các cố thần trong các thế gia dấy binh vào vệ. Các hào mục các nơi đều chiếm giữ từng địa bàn, chiêu tập binh mã, lót miệng bằng tiếng bảo vệ nhà vua. Các cựu thần họ Trịnh cũng lộ ra, hoạt động về chính trị và quân sự.

Nhân dịp ấy, bọn vô lại cũng nổi lên đánh giết lẫn nhau, làm ồn ào rối ren cả một nước.

Có hai đảng tranh nhau giựt lại ngôi chúa: ấy là đảng Trịnh Lệ và đảng Trịnh Bồng.

“Công kên” Trịnh Lệ, Dương Trọng Tế đem binh từ Kinh Bắc sang Thăng Long, hiệu triệu bách quan lập Trịnh Lệ lên nối ngôi chúa.

Trịnh Bồng với một số đông thủ hạ, từ Chương Đức về kinh, xin vua Lê Chiêu Thống cho nối nghiệp vương.

Trước tình hình ấy, vua Chiêu Thống vốn nhu nhược và lép vế, rất khó xử.

Lá chiếu vắn hỏi Trịnh Lệ tự tiện làm chúa vừa ban ra, liền bị Trọng Tế xé bỏ trước mặt sứ giả.

Tình thế găng!

Sau vua Lê phải liệu chiều lui tới: phong Trịnh Bồng làm Nguyên súy Yến Đô vương vì nhà vua bị uy hiếp bởi Đinh Tích Nhưỡng và Hoàng Phùng Cơ.

Còn Trịnh Lệ, sau trận đại bại ở Cầu Muống (ở gần Khâm Thiên, Hà Nội), phải chạy về mạn Bắc.

Trịnh Bồng từ bữa được lên làm chúa, lại đi theo vết chân của các chúa trước, vơ nhặt cho kỳ hết các quyền chính mà vì khúc ngoẹo trên lịch sử, tình cờ đã lọt qua tay vua Chiêu Thống nhà Lê.

Vào hồi này, theo như các giáo sĩ đã tả trong quyển Sử ký Đại Nam Việt thì dân gian, bấy giờ, phải sống trong cảnh rối ren mất trật tự và ngoắc ngoải hoặc chết chóc vì cơ cặn, dịch lệ:

Làng nọ đánh làng kia, chẳng biết cậy ai cứu giúp... Đâu đó cũng có kẻ cướp, người ta giết lộn nhau... Vả lại, năm ấy, phải đại hạn, đoạn phải bão cùng lụt cả thế. Các đảng dề... về xứ Nam

Đình vữa (vỡ) hết, hai huyện Quỳnh Lưu và Đông Thành thì càng khốn nạn hơn nữa. Bão lớn lắm, cửa nhà sập hết; cây cối cùng sanh hoa đặng vật hao hại tận tuyệt chẳng còn giống gì... Nước biển tràn ra làm hư hỏng lúa, còn bao nhiêu khối lụt hư thì lại phải sâu keo (hoàng trùng). Năm ấy chẳng có ai gặt được, mà lúa năm trước còn lại ít nhiều thì kẻ cướp lấy hết, cho nên thiên hạ đói khát quá lẽ. Dầu có tiền bạc cũng chẳng biết liệu làm sao mà mua ăn, vì chẳng còn đồ ăn gì nữa. Kẻ đã chết đói thì vô ngần vô số kể chẳng xiết. Người ta chỉ ăn cỏ như bò (?) hay là ăn những rễ cây, gốc chuối, thì lại sinh bệnh dịch mà càng thêm chết hơn nữa... Trong xứ Nghệ An có xã chẳng còn sót người nào, hoặc chết đói, hoặc chết bệnh hết. (Sử ký Đại Nam Việt, trang 60, 61).

Dẫn nguyên văn đoạn Sử ký trên, tôi muốn tỏ cho độc giả biết rõ những trạng thái về chính trị, về kinh tế và về xã hội ở xứ ta hồi đó đương thối nát và tối tăm là thế nào! Các nhà đương cục bấy giờ chỉ chuyên tâm chú ý vào cuộc nội tranh, nhìn đâu đến nỗi đau khổ ở nơi hang cùng, ngõ hẻm!

Càng lắm than thảm đạm, dân chúng càng khát khao một cuộc đời sung sướng hơn. Lẽ tất nhiên họ phải mong tìm cho được bàn tay “tế độ” cứu họ ra khỏi biển khổ.

Nguyễn Huệ đại biểu cho cái khuynh hướng ấy của dân gian, nên dễ thành công trong những công cuộc phi thường: diệt Trịnh, thay Lê, quét sạch 20 vạn quân Tôn Sĩ Nghị.

Đáp lại tiếng gọi của Lê Chiêu Thống, Chính đem binh từ Nghệ An vào kinh Thăng Long hộ vệ, để đồ đảng là Lê Duật ở lại làm việc với Duệ.

Chính tỏ ý quyến luyến Duệ bằng lời đường mật; Duệ nâng chén tiễn chân Chính bằng cái thái độ ân cần. Cảm tình trong cuộc khứ lưu này đã gieo cái mầm thông đồng âm mưu vào lòng phản trắc của hai người đó.

Chính phát cờ “hộ vệ” đến đâu, thế lực và địa vị Trịnh Bồng đổ bẹp đến đó. Ngai vương tôn quý của họ Trịnh, sau cơn bại vong của ông chúa cuối cùng này, phải nhường chỗ cho con “Điều biến”!

Vì có công đuổi Trịnh Bồng, Chính được Lê Chiêu Thống phong chức Bình chương Quân quốc Trọng sự, Đại tư đồ, Bạng Trung công.

Từ đó, lòng lấy uy quyền, Chính đem vây cánh chia giữ các yếu chức trong triều đình và ngoài các trấn. Phạm việc, Chính cứ tự tiện quyết định, chẳng cần bàn hỏi vua Lê.

Chính đi theo vết chân họ Trịnh còn in lại: lập trại quân Võ Thành, đóng tương doanh ở Trịnh phủ, cho con là Nguyễn Hữu Du lập phủ “Thế tử” ở phía đông dinh mình. Chính sống một thời hách dịch, lắm liệt.

Thấy Chính lảng bực như vậy, vua Chiêu Thống phát chán, bèn mật mưu với bọn nội hàn Ngô Vi Quý¹¹² định vời Hữu Chính vào tiện điện (đền tư để vua ngự trong lúc bình cư) để bàn việc rồi nhân dịp đánh thuốc độc mà giết đi.

Một hôm, Vũ Trinh¹¹³ vào yết kiến; vua Lê đem việc đó nói với Trinh. Trinh giật mình, tâu rằng: “Ai bày mưu ấy cho Bệ hạ thế? Thần trộm lấy làm nguy lắm đấy. Vì nay cường địch (chỉ Tây Sơn) đương lảng bực, tin cảnh báo ngoài biên thù đương gấp rút, triều đình chưa hòa, lòng người chưa yên, chính là lúc Bệ hạ nên dựa vào Chính mà dùng làm móng vuốt, chứ Chính chưa lộ hình tích là người gian trá và bất tín, sao Bệ hạ lại vội đón trước, đoán phỏng mà chực giết kẻ cường thần? Muôn một thủ hạ của Chính nổi dậy làm biến thì xã tắc sẽ ra sao?”

Chiêu Thống nghe ra, bấy giờ mới thôi.

Nghe biết việc đó, Chính từ đấy trở đi, luôn bỏ lễ triều yết, cứ buông rộng thả dài cho bọn thủ hạ muốn làm gì thì làm.

Hào kiệt bốn phương ai cũng ôm mối thất vọng. Nơi này chốn khác lòng dậy, bốc lên, đâu cũng nêu cao một danh nghĩa: khôi phục Trịnh, diệt Nguyễn Hữu Chính.

Cầm quyền ở Thăng Long, Chính thường trao đổi thư từ với Duệ và, để mua lòng Duệ, Chính hay dùng quà “ngoại giao” biếu bạn rất hậu.

Muốn dò tình thế Tây Sơn và ý hướng của Duệ, Chính lại mật gọi Lê Duật, tay sai, vào kinh.

Dịp tốt đã đến với Chính:

Ở Bắc, Chiêu Thống, ông vua quá nhu nhược, tha hồ dễ vằn như quả lãn tròn!

Ở Nam, anh em Tây Sơn bất hòa, xáo thịt nhau bằng nồi da, nứt một khe hở cho người dòm dò!

Chính lại tiếp được thư Duệ báo tin cho biết cái ngày vô Nam khởi sự: chục vạn Tây Sơn.

Mừng! Chính mừng phen này quyết bỏ Nghệ An vào “túi”!

Chính liền sai Duật đem biếu Duệ 10 lạng vàng, 10 tấm gấm và dặn thuyết Duệ bằng cách dụ dỗ lợi, hại, họa, phúc để Duệ trở giáo, chiếm lấy Nghệ An, chặn đường Chiêu Viễn kéo ra. Một khi làm được thành công, Chính sẽ noi theo dấu cũ tiền triều đã vạch: đắp lũy ở Hoành Sơn, chia sông Gianh (Linh Giang) làm giới hạn, diễn lại tấn tuồng “Nam Bắc phân trị” như xưa.

Khi đó, Vũ Văn Nhậm, một tướng thân tín của Tây Sơn, đã dò biết hết câu chuyện. Nhậm dùng binh phù (ấn tín của nhà binh) gọi Duệ, song bị Duệ cự lại:

– Ông tướng cầm quân ở ngoài, dầu có mạng lệnh nhà vua cũng không theo. Khi Đại vương (chỉ Nguyễn Huệ) về Nam giao ta đóng giữ đất này, vậy không thể lìa bỏ mà đi đâu được.

Trước khi về Nam, anh em Tây Sơn có để Nguyễn Duệ ở lại đóng giữ Nghệ An. Đến nay, Tây Sơn có việc “huých tướng”, là một dịp để cho Nguyễn Duệ ngờ, sợ. Đó vì Duệ thấy mình là tướng cũ của Nhạc, e chuyển này sẽ không được Huệ dùng chằng.

Duệ bèn mật kết với Tiền tham nghị Nguyễn Đình Viện và bảo Viện ngầm thông với Hữu Chính, hẹn nhau hợp sức cùng đánh Bắc Bình vương: nếu việc xong xuôi thì Duệ sẽ giao trả đất Nghệ An, đời đời cố kết cái tình lân hiếu.

Đình Viễn đem việc đó vào nói với Chính. Chính còn ngần ngại chưa trả lời, thì tin mưu phản ấy của Nguyễn Duệ đã lọt đến tai Vũ Văn Nhậm.

Vũ Văn Nhậm lập tức báo thư vào Nam, trình bày sự biến ấy với Bắc Bình vương: “Ngày trước dùng Chính, khác nào chứa cọp trong nhà; nay lưu dụng Duệ, cũng tựa nuôi ong tay áo! Xin Đại vương kíp đem binh ra Bắc: trước giết Duệ ở Nghệ, sau bắt Chính ở Thăng Long. Thật là một dịp dẹp loạn, yên nước, xin Đại vương đừng bỏ qua...”

Bấy giờ Nguyễn Huệ đương đứng “giữa hai luồng lửa”: Chính phản ở ngoài Bắc; gia biến xảy ở trong Nam! Phải dùng toàn lực để giữ bên trong, lẽ tất nhiên không thể trì khu¹¹⁴ ra ngoài ngay được.

Dẫu vậy, từ mùa đông năm ngoái (1786), hay tin Cống Chính đem quân vào phò vua Lê, Bắc Bình vương đã phải hành động để đề phòng trước: Sai Nguyễn Văn Đức kéo binh ra đóng Diễn Châu, cùng gánh công việc trấn thủ với Duệ¹¹⁵.

Nay tiếp được thư Nhậm, Bắc Bình vương vội sai người ra bảo Nhậm: “Hãy ập ra Nghệ An, bắt sống Duệ, tịch thu lấy quân và lương, rồi chia binh đóng giữ những nơi hiểm yếu. Bấy giờ mới đưa thư hỏi Chính về tội thông mưu với Duệ, xem Chính nói sao. Nếu Chính còn biết sợ oai, kiếm lời chối chữa, thì hãy để sau sẽ liệu, không cần trị tội làm gì. Bằng hấn chống lại, thì vin có đó kéo quân ra đánh lập tức!”

Được lệnh, Nhậm đem đại binh đi gấp, một ngày đêm đến trại Kỳ Hòa.

Khi Nhậm sắp đến, bọn Duệ, vì biết tin trước, đã vội bỏ xứ Nghệ, đi đường tắt, trốn về với Nhạc, và dặn Đình Viện chiếm giữ lấy Nghệ An.

Bộ tướng của Duệ là Nguyễn Thuyên ở làng Sa Nam (thuộc huyện Nam Đường, trấn Nghệ An)

không theo Duệ, lại đánh Đình Viện. Viện thế cô, cùng với mấy con là Ngọc Liễu, Ngọc Triệu, Ngọc Chấn và rể là Thiều Tôn Hiệp đều chết vì đánh trận.

Còn Đức là đồng đảng của Duệ, khi thấy Duệ đã về Nam rồi, liền trốn sang Xiêm.

Tới Nghệ An, Nhậm điểm binh, thu thuế, sửa khí giới, kinh lý mọi nơi, xếp đặt mọi việc thiện hậu.

Sứ bộ đi đòi đất Nghệ

Nguyễn Hữu Chính, từ khi vào kinh hộ vệ, sống một mẫu đời “ông chúa” đầy oai quyền.

Đường trời mở rộng thênh thênh,

Ta đây cũng một triều đình, kém ai?

Người ta cho hai câu đó là của ông Cống Chính “trả lời” Bắc Bình vương sau khi bị bỏ ở Bắc.

Cuộc nội tranh của nhà Tây Sơn hé một kẽ hở cho Chính gấp ghé nom dòm!

Sứ bộ Bắc Hà, gồm có Trần Công Sán¹¹⁶, Ngô Nho¹¹⁷ và Hoàng thân Lê Duy Hiến¹¹⁸, mạo hiểm vô Nam, “đòi” đất tỉnh Nghệ (Đình Mùi, 1787).

Khi sứ bộ đi, Chính tiễn Công Sán, ngủ một đêm ở chùa Thịnh Liệt (Sét).

Công Sán bảo Hữu Chính rằng:

– Nguyễn Huệ là người sâu hiểm và tráo trở, rất khó dò lường. Đi chuyến này tôi dù cố nói cũng chưa chắc ông ta chịu nghe đâu. Nhưng tôi xin gắng tranh biện ráo riết, dù chết cũng cam. Sau khi tôi đi, ngài nên để ý càng hơn, chứ đừng coi thường. Những miền giáp núi ở vùng Thanh Hoa, nên chia quân đóng đồn để át bộ binh, và các nơi cửa bể ở mạn Sơn Nam, nên đóng cọc cắm rào để chặn quân thủy bên địch. Nếu họ bội ước đến đánh thì ta đã có sẵn sàng để chế trị rồi. Như vậy không đến nổi nước đến chân mới nhảy, lâm khi có việc, cuống quýt vội vàng.

Chính đáp

– Xin cứ đi, đừng lo ngại. Từ lệnh của tiên sinh nói ai mà chẳng chuyển? Bằng việc chẳng xong thì cái ngón trị quân lữ của tiểu sinh đây tưởng chưa mấy kẻ đã ăn đứt! Muôn một có biến thì tiểu sinh há lại không làm được một phen sấm vang, chớp búa, biển lệch, non nghiêng cho hả lòng? Nguyễn Huệ đâu kiệt kiệt đến đâu, cũng chưa dễ đã giở được thủ đoạn gì. Tiên sinh chẳng cần phải cần dặn kỹ quá.

Khi Sán đến huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An), Vũ Văn Nhậm bên Tây Sơn sai đồn tướng kiểm soát các phẩm vật của sứ bộ, chỉ cho đi 3 vị sứ thần, 18 người hành giới; còn vàng, đoạn, lụa, vải này khác đều bắt đem trở về cả.

Tại Vĩnh Doanh¹¹⁹, Nhậm đặt tiệc thết sứ bộ, rồi bảo Công Sán: “Văn võ ngoài Bắc Hà có mấy người được như lão ông? Lê Tự quân giao nước cho bạn thần¹²⁰, Chính, chẳng hay ý nghĩ thế nào? Bản chức cầm binh phù, vác gươm ra Thăng Long, sẽ chém đầu Chính và hỏi Lê Tự quân có sao lại bội đức, dung nạp kẻ bạn thần! Rồi báo rõ cho thân sĩ Bắc Hà biết cái bản ý phải dụng binh là thế. Tự quân không giữ nổi quốc gia, thì đến cả Thanh Hoa trở ra Bắc, nếu ta không lấy, chung quy cũng đến lọt vào họ khác mất thôi! Nghệ An là ấp cón con, có cắt hay không cũng chẳng quan hệ gì đến đại cục còn mất. Các ông từ xa đến kêu xin chẳng qua chỉ chác lấy cái khổ lận lộn! Chỉ e chim đã lìa tổ, khi bay về, không còn cành nào đậu nữa!”

Ngô Nho cả sợ, bàn với Công Sán: đổi quốc thư đòi đất Nghệ An làm bức thư cầu Tây Sơn cho vua Lê được tập phong, song Sán không nghe¹²¹.

Khi đến Phú Xuân, sứ bộ Bắc Hà vào yết kiến Bắc Bình vương và dâng trình “quốc thư” một cách trịnh trọng.

Với vẻ ghẻ lạnh, Bắc Bình vương cầm xem lá thư của vua Lê Chiêu Thống do Chính nộp sau xúi làm.

Đại ý:

Nghệ An, đất căn bản trong đời trung hưng của bản triều, liền nối với Thanh Hoa như chân với tay. Tại đó nảy được nhiều tay văn võ. Cũng tại đó, lựa chọn và rèn luyện được quân túc vệ. Nếu dùng người, bỏ đất, để đến nỗi họ hàng phải chia lìa, quê hương phải xa cách thì thật không hợp với lòng người!

Quý quốc vương¹²² vốn giàu lòng tin thực, trọng tình mục lân¹²³. Suy bụng ta ra bụng người, dầu việc nhỏ nhặt đến đâu cũng còn soi xét biết được; huống chi việc này rõ rệt sờ sờ là thế.

Lại nghĩ: hồi mới ra Bắc, Quý quốc vẫn lấy việc “tôn phù” làm nghĩa cốt nhất. Tiên đế (chỉ vua Lê Hiến Tông), khi còn, đã từng mời Quý vương ngồi chơi ở sập, cầm tay nói chuyện ân cần. Tiếng ngọc hãy còn văng vẳng bên tai, đã quên sao được?

Kịp khi dựa ghế trời trăng, Tiên đế áy náy chỉ lo quả nhân trẻ người non dạ, nên muốn nương tựa Quý quốc để nhờ chút phúc.

Gần nay, nghe thấy Quý quốc sai tướng ra giữ Nghệ An, nhiều người trong nước đem lòng ngờ vực. Có lẽ là do biên thần gây sự, chứ không phải thật ra từ ý Quý vương.

Quý quốc vin cơ mùa thu năm ngoái (Bính Ngọ, 1786) tộ quốc muốn cắt đất khao quân, nên nay Quý quốc mới làm ra sự thật.

Quả nhân mới lên trị vì, không rõ nguyên nhân ngày trước ra sao. Vậy đã sai đình thần xét lại bản ước nhường đất, thì thấy chỉ là hai châu Bố Chính¹²⁴ và Ma Linh¹²⁵ thôi, chứ không dính dáng đến bờ cõi xứ Nghệ. Khi đó, Quý vương đã dạy: đất đai nếu của nhà Lê thì một tấc cũng không lấy.

Nhưng, khao quân bằng đất sao bằng khao quân bằng tiền? Vậy xin tính theo số đất, xem tổng số mỗi năm thu được bao nhiêu, bèn dùng làm lễ khao lạo. Rồi hằng năm cứ dâng nộp Quý quốc, giữ thành lệ lâu dài.

Xin Đại vương lượng xét, khiến cho tình nghĩa hai nước được vẹn tuyền...

Bắc Bình vương xem sơ một lượt, cả giận, ném thư xuống đất, quát ầm: “Đứa nào làm cái thư này thế? Nói rỗng những lời vô nghĩa, vô lý! Có phải tự mưu thắng Chính không? Hẳn là một tên cùng đinh lạc phách, nhờ ta tô mày vẽ mặt mới được ra người. Chừ (giờ) hẳn bay nhảy ở Bắc Hà, hiệu lệnh một nước, nghiêm nhiên làm như chúa Trịnh xưa. Nay hẳn lại dám chống nghịch cùng ta, muốn tranh lấy cả xứ Nghệ. Không giết thằng cha này, còn trị đặng ai nữa? Hẳn chỉ quen múa mép lừa người! Ta có phải là con nít đâu mà các người chực phỉn gạt đặng?”

Cộng Sán không biến nét mặt, ung dung thưa:

– Xin Đại vương chớ vội nóng. Để tôi nói cạn một lời, rồi muốn giết tôi, tôi xin chịu chết.

Bắc Bình vương nhớ lại, khi ở Thăng Long, vào yết kiến vua Lê Hiến Tông, được nhà vua cho quần thần theo thứ tự đến ra mắt. Vương đã lấy làm lạ trước những cử chỉ ung dung và tự nhiên của Công Sán. Lúc bấy giờ, vương luôn hỏi Công Sán về việc Bắc Hà: hỏi đến đâu thì Sán tùy liệu mà đối đáp đến đó với những giọng rào đón biện luận, không hề chịu khuất một chút nào.

Vốn trọng Công Sán từ đó, nên nay Bắc Bình vương mới đầu dụ:

– Xưa ta vượt biển ra Bắc: phá Thăng Long, diệt họ Trịnh, cả trào suốt nước, ai cũng sờn ốc, bó tay hết, có dám làm chi đặng ta đâu! Khi đó nếu ta chiếm lấy cả nước, xưng đế, xưng vương, muốn chi chẳng được? Song ta chỉ kính mến ân đức Tiên đế (chỉ vua Lê Hiến), nên mới trao lại hết cả bờ cõi cho nhà Lê. Bản đồ nhất thống chính ta tái tạo cho đó, triều đình nhà Lê hòng báo đáp ta bằng cái danh hiệu hảo: tước Thượng công! “Thượng công” là cái chi? Đeo cái “Thượng công”, ta có hơn chi hả?

Bắc Bình vương cứ tiếp:

- Rồi đến Tiên đế (chỉ vua Lê Hiến) thăng hà, ta phải lo liệu cho lễ Ninh lăng; Tự vương (chỉ vua Chiêu Thống) nổi ngôi, ta lại phải thu xếp cho việc sách lập. Nay nhà Lê đã không biết đền ơn trả nghĩa, lại còn thu dùng tên bạn thần (chỉ Cố Chính), hần học, tranh giành, chực đòi lấy đất xứ Nghệ! Các người làm vậy, có ai nhìn đặng không? Ta đã phái hai vạn binh mã ra tuốt Thăng Long để lấy đầu cha con thằng Chính đó! Thấy quân ta kéo tới, có lẽ Chính đã bức bách Tự tôn (Chiêu Thống) rồi! Trong chỗ tên bay đạn lạc, ngọc đá xô bồ, chẳng hay Tự tôn có hề chi không. Người nước chẳng rõ, không khéo lại oán giận ta đấy!

Vời vẻ trấn tĩnh, lý sự và khảng khái, Công Sán phản đối lại từng khoản một:

- Xưa vua Lê Thái Tổ đánh đuổi giặc Ngô, khôi phục đất Việt: công đức to như núi, cao như giời. Truyền đến vua Thánh Tông: giời Nam một dải, tô điểm thái bình, làm rạng công nghiệp thuở trước, mở rộng đường lối cho đời sau. Từ Thạch Bi¹²⁶ lên Bắc, Đại Lĩnh¹²⁷ về Nam, thần dân một nước ai cũng một dạ yêu mến kính tôn cả.

Sau đó hơn trăm năm, họ Mạc tiếm nghịch, người nước thấy đều đau lòng. Tiên vương (chỉ ông Nguyễn Kim) bèn liên hiệp đồng chí, lập lại nhà Lê. Về sau, họ Trịnh nổi lên, cũng lớt miệng bằng tiếng phù Lê, nên mới hiệu lệnh được bốn phương, khiến cho ai cũng hưởng ứng.

Vài đời sau dẫu bị họ Trịnh hiếp đáp, song chính sóc vẫn chính sóc Lê, non sông vẫn non sông cũ.

Đại vương (chỉ Bắc Bình vương) một phen lên ngựa, đến thẳng kinh thành. Đó dẫu bởi ngài có danh lớn, oai to, nhưng cũng vì Ngài vin vào nghĩa cả tôn phù, nên lòng người mới chịu tin phục. Bằng chẳng, bước chân vào đất nước người, sao được dễ thế?

Đức Tiên đế tiếp đãi Đại vương, lễ mao rất long trọng: trước phong công, sau phong vương, đó là điển lễ vốn có của bản triều. Đền bồi như thế, không phải không hậu. Xin Đại vương đừng coi rẻ.

Một nước cũ hơn ba trăm năm đã được giời tựa, người mến, Đại vương lấy rồi trả lại đất đai, chính là làm một việc thuận ý giời, theo lòng người, chứ sao kể là ơn đức được?

Khi Tiên đế sắp băng. Tự hoàng lên trị vì, mọi việc đều bầm bặt ngài. Vậy Đại vương không chủ trương, còn để ai vào đây? Đã đến bước không sao dừng được thì cũng là lý thế tất phải như thế. Quả tôi không dám bợ đỡ nói khen Ngài đâu.

Vẫn giọng trôi chảy và mạnh dạn ấy, Công Sán cứ cãi lý:

- Hồi đại quân về Nam, Nguyễn Hữu Chính đi theo, được Đại vương để cho ở lại Nghệ An, sao gọi là phản bạn được? Nghệ An vốn là đất cũ của bản triều, sao gọi là tranh giành được? Đại vương phái binh mã ra Bắc để tiện thỉnh an, thì bản triều vẫn có điển lễ đón tiếp. Nếu không, người xưa đã nói: nước nhỏ có quân chinh phạt, thì nước nhỏ cũng có cách chống giữ. Tôi đã ra khỏi bờ cõi, sự đó không dám biết đến. Tự hoàng nước tôi đã có chân mệnh đế vương thì tên đạn tưởng cũng phải kiêng nể. Xin Đại vương đừng lo.

Đại vương làm theo chiều thuận: cứu lúc nguy, giúp khúc gấp, phù tá cho nhà Lê, thì thần dân trong nước ai chẳng kính mến? Công đức còn chẳng dám quên, dám đâu oán giận?

Nếu không thế, thì cuộc đời xoay chuyển, công việc đổi thay, rồi sau sẽ ra thế nào, ý chúng tôi thật không thể đoán trước được.

Uốn lười hùng biện, Công Sán hết sức chống cãi, đón trước, rào sau, không chịu lún một lời nào.

Hoàng hôn! Vạn vật dần chìm trong bóng tối.

Bắc Bình vương bảo Sán bằng giọng dịu dịu.

- Vậy thì ông hãy cứ vô quán khách nghỉ ngơi, để ta nghĩ kỹ ba lần, rồi sẽ liệu định.

Nú được câu ấy của vương, Công Sán đánh ngay vào chỗ yếu:

– Nghĩ một lần cũng đã đủ chán. Nghĩ đến ba lần, e lại lẩn tránh. Tôi đây xin liều một chết cho rồi chuyện.

Bắc Bình vương cả giận, truyền nhốt Công Sán vô khám.

Còn Hiên và Nho? Hai viên Phó sứ này cũng chịu chung một số phận như Chánh sứ Công Sán, song mỗi người bị giam một nơi.

Bề ngoài tuy ra oai nộ nạt, nhưng trong lòng vốn trọng Công Sán là người trung trực, dũng cảm, Bắc Bình vương vẫn muốn thu dùng, nên sau khi truyền giam Công Sán, ngài luôn cho người dò xét động tĩnh của viên Chánh sứ ấy.

Thì một câu đối của Công Sán đề ở nhà giam đã tỏ được lòng sắt son, chí khảng khái làm tiêu biểu cho sĩ phu Bắc Hà:

達德有三縱未能之願學

小心無二行其素也何尤

Đạt đức hữu tam, tóng vị năng chi, nguyện học.

Tiểu tâm vô nhị, hành kỳ tố dã, hà vu?

Dịch:

Ba đức được tôn, dẫu chưa hay, xin thử học.

Một lòng không đổi, cứ để mặc, dám trách ai?

Một cuộc hội đàm giữa Bắc Bình vương và Tư mã Ngô Văn Sở. Sở xin giết Công Sán. Song vương còn ngần ngại vì tiếc Sán là người có tài, muốn giữ lại để trọng dụng.

Sán đương nằm thừ trong cùm, nhưng vẻ mặt vẫn trấn tĩnh, tự nhiên, bỗng thấy Trung thu Trần Văn Kỷ và Lễ bộ Vũ Văn Trụ vâng mật lệnh của Bắc Bình vương, đến “thuyết” Công Sán. Họ nói khích:

– Cụ ơi, sao cụ tự làm khổ mình thế?

Sán nghiêm nghị:

– Thôi, thế nào cũng là số mệnh cả.

– Đã là người quân tử, tự mình phải liều cơ xoay sở, chứ sao lại chịu bó tay phó mặc số mệnh? Ví như đánh sóc đĩa, có chắn, có lẻ; ta phải nghe chiều mà đánh “mặt đèn” mới là tay “lỗi bạc”.

– Thế là mảnh khỏe con bạc, chứ không phải là đạo người quân tử. Sán này nghe người xưa có nói: “Làm tôi phải chết vì trung.”

Biết không thể đỡ nổi, Kỷ và Trụ trở ra, nói với nhau: “Trần Công Sán nhà Lê khác nào Tô Tử Khanh nhà Hán: đáng ghét nhưng cũng đáng thương!”

Nhà Tây Sơn bấy giờ đương có nội chiến. Bắc Bình vương sợ sứ bộ nhà Lê ở lâu, tai vách mạch gừng¹²⁸, biết rõ nội tình, ngộ họ bày kế phản gián, gây chuyện rối ren thì cũng đáng ngại! Nếu thả bổng cho về, họ sẽ làm lộ công chuyện Đảng Trong, chẳng cũng mang tiếng với Đảng Ngoài? Chi bằng thả họ ra biển, rồi liệu bài tính đi là hơn hết.

Nét hồng tía trong vườn hoa đã phai tàn; cây đào xanh rờn những lá non và đã kết trái li ti bằng khay áo một. Nay đã là cuối xuân Đinh Mùi (1787).

Bắc Bình vương căn dặn sứ bộ nhà Lê với vẻ mặt niềm nở: “Các ông hãy cứ về trước, đợi khi ra Bắc, ta sẽ liệu khu xử việc này... Trăm lạng bạc đây là đồ lễ của Công chúa (Ngọc Hân) gửi tặng, xin chớ từ chối.”

Gió xuân già dào dạt thổi.

Vũ Văn Nguyệt, Đô đốc Tây Sơn, giương buồm vài chiếc thuyền biển, bắt đầu vào hồi tháng ba, đi từ cửa biển Tư Dung, “tiễn đưa” sứ bộ về Bắc. Dưới vòm trời xanh lơ, con thuyền “cô trung” của Công Sán lướt sóng vèo vèo trôi... Những lúc “nắng mới” phản chiếu ánh chiều xuống từng đợt nước trong trắng, chói lòa, dễ gọi lòng viên Chánh sứ muốn phơi gan dạ sắt son dưới bóng thanh thiên bạch nhật!

Đi được mười ngày, thuyền đến cửa biển Đan Nhai thuộc Nghệ An, bỗng dung cả đoàn sứ bộ nhà Lê Công Sán và 20 người ôm bầu máu nóng, theo thuyền chìm lìm xuống dòng biển trong!

Đã làm tròn phận sự ngầm đục thuyền, giết sứ bộ rồi, Nguyệt, với vẻ tươi cười của phái đắc thắng, quay chiếc thuyền giả đồ sống sót lên bờ, nhưng không quên nói phao phao những lời đã soạn thành bài sẵn: “Sứ bộ đi biển, gặp bão, không may chết đuối mất cả!”

Bấy giờ Cống Chính mới phục lời Công Sán nói từ già Chính khi cầm cờ tiết đi sứ: “Minh công nên lưu tâm đến việc nước. Tôi chỉ có đi, không có về!”

Những biến cố xảy ra sau vụ Công Sán

Sau khi sứ bộ Công Sán bị hại, Bắc Hà có xảy mấy biến cố, xin ghi chép ra đây để các bạn thấy rõ những tấn tuồng rối loạn trước khi Tây Sơn ra Bắc lần thứ 2.

1) Việc Dương Trọng Khiêm, tức Trọng Tế, mưu khôi phục họ Trịnh, nhưng thất bại, bị giết hồi mùa hạ năm Đinh Mùi (1787).

Nguyên trước đây, Trọng Khiêm từ Bình Vọng chạy đến làng Lạc Đạo¹²⁹ cùng với cháu Dương Vân, học trò Nguyễn Mậu Nễ mộ binh ở huyện Gia Lâm, đắp lũy từ làng Như Kinh¹³⁰ đến làng Phú Thị¹³¹ chia quân đóng giữ. Rồi Trọng Khiêm truyền hịch đi các huyện, hẹn cùng khôi phục họ Trịnh.

Hữu Chính sai tướng Hoàng Viết Tuyển đem binh đi đánh Khiêm. Viết Tuyển lừa quân rần rộ tiến lên, bốn mặt cùng bắn. Khiêm thua, đang đêm phải chạy trốn, bị dân làng Ngọc Xá¹³² bắt sống, đưa về kinh sư. Vua Lê Chiêu Thống hạ chiếu kể tội Trọng Khiêm, đại lược: “Là tôi mà phản vua, tội ấy thực khôn dung trong giới đất; làm giặc đã có tiếng, tên này đáng giết chết bởi quốc dân.” (Nguyên văn chữ Hán là: Dĩ thần bạn quân, vô sở dung ư thiên địa; kỳ danh vi tặc, đắc cộng chu vu quốc nhân.)

Rồi vua Lê sai giết Trọng Khiêm ở nhà Thái Học.

2) Việc Hoàng Phùng Cơ mưu cắt quân bảo vệ, nhưng bị Hữu Chính đánh bại rồi giết chết hồi tháng tám năm Đinh Mùi (1787).

Bấy giờ Phùng Cơ ở trấn Sơn Tây, truyền hịch đi các lộ Quảng Oai và Quốc Oai, mưu kéo quân vào Thăng Long để giết Hữu Chính.

Chính sai tướng Nguyễn Duật¹³³ đón đánh ở làng Đại Phùng¹³⁴, còn mình thì đốc suất đại quân tiếp chiến.

Mới giao phong với Phùng Cơ, Duật đã rút binh kéo lui. Con Cơ là Gia khuyển Cơ nên thừa thắng, ruổi dài, thẳng đến kinh thành cho khỏi bỏ lỡ dịp tốt; song Cơ không nghe. Khi quân Phùng Cơ tạm nghỉ và đang ăn, thì Duật thu quân quay lại, kết trận xông lên mà phản công, làm cho quân Phùng Cơ trở tay không kịp, cuống quýt tan chạy. Cơ và con trơ trọi trên mình voi, cố sức chiến đấu, trong khi quân Duật bốn mặt bổ vây.

Bấy giờ Hữu Chính ập đến, thúc quân thiết kỵ bắn dồn vào chỗ Phùng Cơ. Cơ từ trên bành voi ngã xuống, bị bắt đưa về Thăng Long: Sắp sửa đem chém, thì vua Lê cho Cơ được uống thuốc độc để tự tử vì lấy cớ rằng trước đây Cơ có công đánh lui Mậu Nễ.

3) Việc Trịnh Bồng mưu lấy lại quyền vị, nhưng bị Hoàng Viết Tuyển và Hoàng đệ Lê Duy Lưu đánh bại ở huyện Đông Quan¹³⁵ hồi cuối thu, năm Đinh Mùi (1787).

Trước đây, Trịnh Bồng chạy đến làng Quế Ổ¹³⁶ cùng bọn Nguyễn Trọng Mai chia đồn cố giữ

để mưu toan khôi phục lấy quyền vị của nhà chúa xưa. Bồng lại sai thuộc tướng là Đắc Võ (không rõ họ của Võ là gì) giữ lũy Đông Triều để làm phen giậu che đỡ cho được củng cố.

Thấy vậy, Hữu Chinh sai bọn Nguyễn Như Thái tiến công Trịnh Bồng.

Bồng thua, chạy về Hải Dương, được Đinh Tích Nhưỡng ủng hộ bằng một lực lượng khá mạnh.

Sau Hữu Chinh sai Hoàng Viết Tuyển, trấn thủ Sơn Nam, tiến đánh. Tích Nhưỡng đại bại, chỉ chạy được thoát thân, bỏ lại Trịnh Bồng cho Lê Dương hầu Phạm Đình Thiện đem đến huyện Đông Quan rồi lại vào đóng đồn ở ấp Bái Hạ¹³⁷.

Trái mấy tháng tiến công, bọn Hoàng Viết Tuyển không hạ được Đông Quan. Sau nhân thấy Hoàng đệ Duy Lưu đem cấm vệ thân quân đi đốc chiến, Viết Tuyển bèn hợp binh với Nguyễn Như Thái cùng giáp công, rồi rong quân đốt phá Đông Quan: Trịnh Bồng trước còn lẫn ở Yên Quảng, rồi trốn lên Lạng Sơn, rồi chạy đi Hữu Lũng¹³⁸, sau không biết đi đâu và kết cục ra sao.

Vì những cuộc thắng trận ấy đã đem lại cho Bằng Trung công bao cái vẻ vang rực rỡ, nên Chinh lại càng dương dương “ta đây”; nhưng cũng vì những trận nội chiến ấy đã làm cho Bắc Hà càng thêm mục nát liệt tê, nên rồi ra, quân Tây Sơn ra đánh lại càng dễ dàng như vào cái thành “bỏ ngõ”.

Chinh đang đắc chí, bỗng tiếp được thư Vũ Văn Nhậm hạch hỏi về tội âm mưu với Duệ. Chinh phải phúc đáp bằng giọng trần tình và tạ lỗi:

Trước kia vào Nam qui phụ, tôi được Đại vương (chỉ Nguyễn Huệ) quá yêu, cất dưng ở bên màn trướng, cho theo đòi cung kiếm trái bốn, năm thu. Mùa thu năm ngoái (Bính Ngọ 1786), Đại vương rút quân về Nam, không cho tôi biết. Chính ý Đại vương muốn thử xem tôi lui tới thế nào đấy. Khi đó, người Bắc cố nèo tôi ở lại, nhưng tôi cũng cứ quyết tâm đi theo. Tấm lòng trung thành này, tướng bậc cao minh cũng đã xét thấu.

Khi theo đến Nghệ An, tôi vào ra mắt Đại vương ở Vĩnh Doanh, xin đi tòng quân, thì Đại vương lại dạy: Các tướng bên Trịnh là bọn Thạc¹³⁹, Nhưỡng¹⁴⁰ hãy còn khuấy rối, thế tất phải trừ. Vậy hãy cho ở lại để trị tiết bọn họ đi. Lẽ nào tôi dám trái mạng?

Dâng thân hèn mọn, hết sức xông pha tên đạn, tôi quyết “sống mái” với bọn Thạc, Nhưỡng, nào dám quản ngại gì đâu? Chỉ mong trị xong hai tên giặc đó, tôi sẽ một người, một ngựa, vào Nam tỏ tình.

Ngờ đâu, tháng trước, đánh vùng Sơn Tây, mới bắt được quân Thạc. Còn Nhưỡng hãy còn vùng vẫy ở miền Hải Dương, chưa dẹp yên được; nên tôi chưa kịp về hầu đó thôi.

Thấy tôi ở lại Bắc Hà, lắm kẻ đem lòng ghen ghét, nói vu thế nọ, thế kia...

Xin xét tình cho: sau khi Đại vương về Nam, tôi ở lại Nghệ có hơn mười ngày, rồi ra Bắc ngay, còn kịp đâu âm mưu với Duệ? Vả, từ đó trở đi, kẻ Nam người Bắc, mỗi đảng một việc, có từng đi lại với nhau nữa đâu?

Tình thật, lòng ngay tướng cũng không cần phải cãi. Huống chi tôi với Tướng quân (chỉ Vũ Văn Nhậm) đồng sự đã lâu, nếu có lòng nào thì giấu sao được?

Xin nhờ, Tướng quân thưa giùm với Đại vương cho, tôi đội ơn lắm.

Đọc kỹ bức thư trên, Nhậm thấy lời lẽ khiêm tốn, biết Chinh còn có ý sợ. Để làm cho Chinh yên lòng, Nhậm viết phúc thư yên ủi Chinh bằng lời ôn tồn thân mật. Nhậm lại khuyên Chinh cố đánh dẹp nốt Nhưỡng, khi nào thành công thì kéo quân vào Nam để tỏ lòng ngay thật.

Hỏi tội Cố Chinh

Ai mang con sáo sang sông?

Để cho nay sáo xõ lồng bay cao!

Bay cao thì mặc bay cao,

Lưới gòai đã rộng thoát nào được đâu?

Bốn câu đó, người ta nói là chỉ về việc Bắc Bình vương cầm hờn Cống Chính, một “con sáo” đang bay nhảy trên đất Bắc Hà!

Cuộc giảng hòa trong Nam đã hàn lại vết thương “cốt nhục” giữa Nhạc và Huệ.

Rảnh việc trong, Bắc Bình vương, từ đây, có thể dùng toàn lực để đối phó với việc ngoài.

Một kỳ quân sự hội nghị nhóm giữa Quảng Nam

Ngồi ghế chủ tịch, Bắc Bình vương kể tội Cống Chính trước mặt các tướng chân tay:

– Chính là một thằng sa cơ lỡ bước. Nhờ tay ta, hấn mới ra người. Giờ hấn được ôm chân vua Lê, vẫy vùng ở đất Bắc Hà, hấn dám mưu mô tranh lấy Nghệ An, chực đặt trong trấn tại đó, hòng lại Nam xâm như chúa Trịnh xưa! Thằng giặc này, ta phải giết chết mới đặng. Chẳng hay hấn có bao nhiêu binh mã? Liệu có chọi nổi một trận với ta?

Ý định giết Chính đó liền được thực hiện.

Vâng lệnh Bắc Bình vương, bọn Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân đem quân ra Nghệ An, họp bàn với Vũ Văn Nhậm, viên tướng trấn thủ xứ ấy, lo việc Bắc phạt.

Khi bọn Văn Sở đi, Bắc Bình vương dặn ngầm họ: “Nhậm là một tay tướng tài, song ta vẫn không tin hấn. Chuyến này cho hấn giữ ấn Tiết chế, cầm trọng binh, coi chư tướng, gánh vác quân quốc trọng sự, chưa chắc không khỏi sinh biến đâu! Ta chỉ ngại một mình hấn, chứ có lo gì Bắc Hà. Các ngươi nên xét nét cho thật kỹ, hễ có điều chi, phải lập tức mật báo cho ta biết.”

Gió đông vi vút thổi. “Bột” mưa đòi cơn rây rắc ngang mây chinh phu!

Vũ Văn Nhậm kéo quân trảy qua Thổ Sơn, thuộc xã Văn Trai, huyện Ngọc Sơn (Thanh Hoa) (tháng mười một, năm Đinh Mùi, 1787) để tiến công đất Bắc.

Lê Duật thủ hạ của Chính, bấy giờ đang đóng ở Thanh Hoa, không dám chống cự, đã vội thu quân lui giữ Trinh Sơn giang, thuộc địa phận làng Trinh Sơn, huyện Mỹ Hóa (Thanh Hoa).

Đang ngự trên ngôi quyền quý, thánh thần Nguyễn Hữu Chính, trong một ngày, 9 lần nhận được tin gấp rút từ biên thùy mặt Nam báo đến!

Ngựa trạm tấp nập, rình rịch ngoài đường!

Kinh đô Thăng Long bị cuốn vào luồng “nước xoáy” kinh động!

Lòng người càng giờ càng nôn nao!

Tấn náo kịch “dắt díu, bồng bế chạy loạn” cảnh nọ tiếp cảnh kia, cứ diễn ra một cách đau khổ ê chề trên các đường nối đô thành với các làng mạc!

Màu tang nhuộm dẫm để đô. Các cửa hàng im ỉm đóng, âm thầm, rùng rợn, khép nép trước oai thần Chiến tranh sắp xông vào!

Phố xá dần dần vắng tanh: không mấy người còn can đảm dám qua lại. Chỉ các đương chức, vì công việc bó buộc, phải ở lại trong các tòa, các dinh.

Để đối phó với tình hình nguy ngập, vua Chiêu Thống nhóm quân sự hội nghị ở trong dinh quận Bằng Nguyễn Hữu Chính.

Mọi người bàn:

– Văn Nhậm đem toán cô quân thành linh kéo đến như thế, ta nên kíp điều khiển lấy trọng binh mà quyết chiến với chúng. Thành hay bại, là ở chuyến này. Có điều cần là ta chớ đem binh

lượng mà nuôi béo chúng để gây thành thế lực cho bên địch.

Chỉnh, với vẻ nhơn nhơn, ung dung nói: “Cần phải trấn tĩnh, đừng nên bối rối kinh hoàng, làm cho lòng người nao động. Lê Duật giữ đất, thấy giặc đến, phải phi báo, đó là phận sự của hãn ta. Nhưng hãn cũng là một tay tướng tài, Văn Nhậm chưa dễ đã nuốt được nổi. Vả, hai sông Trinh Giang¹⁴¹ và Thanh Quyết¹⁴², lòng sâu, nước cả, dẫu có muôn ngựa ngàn binh cũng khó vượt qua được! Phương lược đánh giữ, tự tôi đã định liệu cả rồi; can chi phải sợ hãi, cuống quýt?”

Bề ngoài Chỉnh tuy nói thế để cố trấn tĩnh lòng người, nhưng thực ra, Chỉnh vẫn sợ sệt Văn Nhậm. Vả, vì vợ con Chỉnh bây giờ còn ở bên Tây Sơn¹⁴³, khác nào một loạt con tin bị giữ làm vật đảm bảo, nên Chỉnh chỉ muốn ủy khúc hòa nghị cho xong chuyện thôi.

Sau một chập thảo luận việc lựa tướng đi ứng chiến, Chỉnh nhất định cử Nguyễn Hữu Thái làm thống lĩnh. Mà Thái cũng nghị nhiên xin đi. Còn Ninh Tồn được cử làm Tham tán quân vụ, cùng Thái đem quân vào Thanh.

Bên Tây Sơn, quân Văn Nhậm kéo đến đóng ở phía nam sông Trinh Giang, sau khi đã dồn được Lê Duật rút lui tới đó.

Nhậm mật phái Ngô Văn Sở đem một toán quân đi men núi, lén qua sông Tất Mã¹⁴⁴ để đánh tập hậu Lê Duật.

Duật bấy giờ, tuy đã phòng thủ cẩn mật, song vẫn không khỏi chột dạ trước sức tấn công mãnh liệt của các tướng Tây Sơn. Duật rất phân vân đối với mấy lời kêu ngạo trong chiến thư của tướng Văn Nhậm: “Ngày mai, quân ta sẽ qua sông. Người có dám đánh thì cho bày trận trước mà đợi. Nếu không thì bó tay trước mà hàng đi!” Nào ngờ, trong khi Duật còn đương bối rối ngơ sợ ấy, thì quân Văn Sở đang đi để ập đến sau lưng mà chẹn Duật đấy.

Dưới vòm trời vẫn đục cấn một vài nét sao mờ, quân Lê Duật, vì tự liệu không giữ nổi Trinh Giang, phải lật đật trong bóng tối, trốn lên con đường đầy gian nan! Nhưng sau đêm rừng rợn, lại tiếp luôn đến ngày khủng khiếp: Vừa chạy đến Cao Động, đã thấy quân Văn Sở đóng đầy ở cả đó rồi! Duật trước mặt sau lưng đều thụ địch, bị giết chết ngay trong vòng loạn quân! Còn quân gia? Tan vỡ trong cơn hoang mang kinh khiếp. Khí giới và quân nhu của phái chiến bại ấy đều bị Tây Sơn chiếm được ráo.

Nguyễn Như Thái, được quận Bằng Nguyễn Hữu Chỉnh phát cho quân tinh nhuệ ở bản đạo và điều bát binh các đạo khác tất cả được hơn hai vạn người. Kéo quân đến Châu Cầu, hay tin Lê Duật đã chết trận, Thái vội họp Ninh Tồn bàn việc quân cơ.

Tồn nói: “Theo Binh pháp, hễ ai tranh được núi, chiếm được hiểm thì tất thắng lợi. Núi Tam Điệp (đèo Ba Dội) ở Thanh Hoa là một bức rào ngăn cách trong, ngoài có bề hiểm yếu thiên nhiên do bàn tay thợ Tào xếp đặt. Ta nên kíp đem binh đến đóng giữ núi đó, đừng để bên Tây Sơn chiếm mất. Nếu được thế, thì từ Tràng Yên¹⁴⁵ trở ra Bắc hã còn là địa phận của ta. Nhược bằng bỏ mất cái địa lợi ấy thì một dải Sơn Nam, đất phẳng, đường liền, khó lòng tranh hùng với chúng được nữa. Muốn một rui ro ra sao, việc nước tất hỏng bét!”

Trước lý luận ấy, Thái thấy làm phải.

Quân Bắc bị khua lừa thúc giục, kiên kiệt suốt đêm, gập đường thẳng tiến. Tảng sáng đã qua đò Gián Khẩu¹⁴⁶ rồi.

Thái sai một viên tướng giữ bến đò Gián Khẩu; còn mình dẫn đại quân do đường tắt đến bến đò Nghệ¹⁴⁷, chực đánh úp vào đằng sau quân địch. Nhưng đến Đầm Sá¹⁴⁸ thì gặp Quỳnh¹⁴⁹, tướng Tây Sơn. Hai bên giao chiến, Thái đại bại, phải chạy đi Sơn Minh¹⁵⁰.

Trước đó, bên Tây Sơn thừa dịp đánh thắng Lê Duật, đã vượt qua núi Tam Điệp từ lâu rồi. Văn Lân thúc quân tuyển phong đến đóng ở Đa Mai trước chờ giao phong với quân Bắc Hà.

Chưa kịp tới Tam Điệp, Thái đã bắt lợi ngay từ trận đầu, lại thấy phe địch ập lại gần mình chỉ còn cách độ vài dặm, Thái kinh ngạc vô cùng!

Thái dẫm ngực, la lớn: “Thôi chết rồi! Sao chúng nó nhanh thế!”

Bên quân Bắc vừa bày trận cách nước xong, thì bên Tây Sơn đã âm âm kéo đến chia đường đánh phá rất hăng.

Thế đã cô, lại không có quân cứu, Thái phải tể ngựa chạy, sau một trận kịch chiến từ sáng đến trưa, thuốc đạn hết sạch.

Văn Nhậm thúc quân đuổi riết, bắn chết cả Thái lẫn quân gia!

Riêng Ninh Tồn được thoát vì trốn ẩn ở nơi dân gian.

Văn Nhậm đánh tan bọn Thái rồi, cứ việc kéo quân thẳng tiến...

Bốn ngựa xé xác Chinh

Nguyễn Như Thái đã làm mồi cho súng đạn!

Toán quân ứng chiến ấy đã hoàn toàn bại vong!

Tin dữ ấy đã lọt đến tai Bằng Quận công Nguyễn Hữu Chinh.

Ném dưa đứng dậy, Chinh, với vẻ bàng hoàng thất sắc, chạy vào nhà trong, bảo con là Nguyễn Hữu Du: “Ta chỉ có bốn tay chiến tướng: nay Duật và Thái đã không may chết cả rồi! Tuyển ở Sơn Nam, Thuộc ở Kinh Bắc, giờ muốn gọi về cũng không sao kịp. Nước đã đến chân! Chính ta phải làm tướng cầm quân ra trận. Còn con? Con phải sửa soạn binh lương, cùng đi với cha mới được...”

Tỏ dáng hăng hái, can đảm, Hữu Du nói: “Con xin đi trước, quyết một phen kịch chiến với chúng nó, chứ không dám để phiền đến cha. Cha cứ đi sau đốc chiến...”

Rồi, với thái độ kiêu căng, Du khoác lác: “Con xin đi lấy đầu thằng Vũ Văn Nhậm đem về nộp cha!”

Tin bại trận ấy đồn dây kinh đô, ai nấy nôn nao sợ hãi. Vua Lê Chiêu Thống trao cho Chinh cờ tiết và cây việt mà dụ rằng:

– Chuyển này khanh đi, quan hệ đến cuộc an nguy của xã tắc. Mong khanh sớm báo tin thắng trận cho trẫm được yên lòng!

Bằng giọng gian hùng, Chinh cố làm cho vua Lê vững tâm và tin cậy ở tài thao lược của Chinh:

-Văn Nhậm không phải là địch thủ của thần. Thần chỉ đi đốc chiến, chứ để bắt sống Văn Nhậm, thần sai tí tướng đi cũng đủ rồi.

Thế rồi từ biệt vua Lê, Chinh kéo hơn ba vạn quân (gồm cả binh ở Thăng Long và binh tướng ở các đạo khác) đi... đi đến con đường thất bại!

Kéo đến Hoàng Mai, Chinh sai Hữu Du cầm đầu Ngũ nhuệ cơ quân đi trước, hi vọng đón lấy bó hoa chiến thắng ở tương lai.

Du đến sông Thanh Quyết đắp lũy đất ở bờ bên bắc sông ấy, bố đóng 18 đồn, phòng giữ có vẻ cẩn mật.

Tháng chạp, vài khóm lau sậy xơ xác đứng bên sông, nhọc mệt tựa mình trước cơn gió đông vi vút. Đêm ấy, cóc nhái khiếp oai thần Rét, không dám hòa ca cùng đàn giun để nép mình trong hang sâu.

Vây quanh những đồng lửa lèo lẹt, quân bên Hữu Du, từng tốp, từng chòm, đương sưởi ấm. Trước làn khói cay nồng mở tỏa, họ nói chuyện, họ bông đùa...

Cơn kinh khiếp thành linh xông đến: bao nhiêu những chỗ có lửa sáng đều có đạn súng vèo vèo bay!

Vô số quân toi mạng trong lúc không phòng bị!

Té ra, giữa đêm đông trời rét như cắt ấy, Văn Nhậm chia quân ra từng toán, bắc cầu phao, vượt qua sông, lẳng lặng đào khoét lũy đất bên địch, chĩa súng vào những chỗ có lửa sáng, bắn loạn xạ.

Không đủ tài lực đối phó với cuộc nguy biến ấy, quân Bắc tan vỡ lập tức.

Du vội nổi hiệu thu quân, chỉ còn 2, 3 phần mười!

Du phải lui giữ Châu Kiều¹⁵¹. Giùng giằng chờ đợi hậu quân cứu viện. Du không dám đánh, cũng chưa dám chạy về¹⁵².

Chỉnh đang đóng ở Bình Vọng¹⁵³, giật mình sợ hãi khi thấy bại binh về báo: Du đã thua vỡ, quân Tây Sơn sắp đuổi đến nơi!

Trước cơn khó khăn đó, Chỉnh bối rối không biết lui tới ra sao!

Tướng sĩ bộ hạ cũng đều rùn chí, ngã lòng, đua nhau nói: “Thế giặc mạnh lắm! Ta khó tranh phong với chúng được. Vả, kinh thành ít binh, sợ không giữ nổi. Chi bằng ta hãy kéo về, chia quân đóng giữ Kinh Bắc, lấy sông Nhĩ Hà¹⁵⁴ làm giới hạn; rồi sẽ liệu chước đánh giữ là hơn cả.”

Sau đó, thấy Du chạy đến, Chỉnh bèn cùng con kéo quân về, đang đêm vào thành, sai Nguyễn Khuê bảo vua Lê Chiêu Thống: Sớm mai, phải chạy đi Kinh Bắc để lánh nạn!

Xăm xăm vào thẳng trong phủ, Chỉnh sai người hộ vệ vợ con, qua sông chạy trước.

Từ đây, vua Lê sẽ sa vào bước đường cùng!

Cũng từ đây, cha con Hữu Chỉnh sẽ sống trong cơn ác mộng!

Không khí khủng bố vây bọc khắp cả hoàng cung!

Hay tin gia quyến quận Bằng đã trốn trước, vua Chiêu Thống tất tả, bệu rịch chạy sang Soái phủ, nắm lấy tay Cố Chỉnh mà hỏi: “Nông nổi đã đến thế này, tính làm sao giờ?”

Chỉnh vẫn tỏ vẻ cứng cáp, vững vàng: “Tâu Bệ hạ, ở kinh đô này, trừ cửa ô, mặt tây nam chưa có hào lũy. Trống trải như thế, đánh đã không xong, mà giữ cũng khó. Phen này Tây Sơn thừa thắng kéo ra, ta lấy gì làm rào giậu để tự toàn được?”

Trầm ngâm một lát, Chỉnh lại tiếp: “Hiện nay Kinh Bắc (tức Bắc Ninh bây giờ) có Nguyễn Cảnh Thước là tay dũng lược đáng tin cậy. Vả, ở đấy có thành trì kiên cố để ẩn náu, sông lớn để ngăn ngừa, có thể giữ thế thủ được.”

Xin Bệ hạ hãy đi giá sang Kinh Bắc, rồi hạ chiếu cần vương: truyền thông khí mạch suốt từ Thái Nguyên, Sơn Tây đến Hải Dương, Sơn Nam (nay là Nam Định), thì chẳng bao lâu, chắc sẽ triệu tập được một đạo binh lớn. Bấy giờ ta sẽ liệu cơ làm việc, mới mong khôi phục được cơ đồ.”

Lại lên mặt “biết người, biết mình” Chỉnh quả quyết: “Phải đi xa, quân Tây Sơn đã mỏi; lại có sông sâu cách trở, chắc chúng không dám đuổi ta đâu.”

Rồi Chỉnh nói qua quít cho xong chuyện: “Xin Bệ hạ về cung, cứ mời Hoàng thái hậu đi trước. Thần sẽ thân đem tướng sĩ đến đợi ở bến sông.”

Trông về tương lai đầy những nét mây ảm đạm, vua Chiêu Thống bấy giờ chẳng những ngờ vực người, mà cũng không tin đến cả mình nữa.

Hối hả đi bộ từ bên phủ quận Bằng trở về hoàng cung, vua Lê nhận rõ từng nét “kinh khủng” đang in trên bức tranh “biến dâu”, không khỏi mũi lòng trước tấn bi kịch thay triều đổi họ!

Màu tang đã nhuộm trắng phố xá! Hung thần “Chiến tranh” đang đe dọa hiếp đáp bọn dân chạy loạn! Bọn côn đồ mặc sức thả câu trong hồi nước đục: chúng cướp đường, chúng bóc lột, chúng cầm quyền sinh sát giữa kinh đô đương “sốt rét”.

Trong lúc “hỗn quân, hỗn quan” đó, Chiêu Thống chỉ là một “nạn nhân” chờ đợi “mũ gai” đau

đón. Quả thế, khi nhà vua đang neoh nhóc chân đẫm đá chân chiêu ở dọc đường, thì có kẻ xông ra, túm lấy, khám túi, lần lưng, thấy không có gì, bấy giờ mới “sinh phúc” cho đi thoát.

Thoát nạn về đến hoàng cung, vua Chiêu Thống vội hiệu triệu lính thị vệ, nhưng chỉ được 17, 18 tên! Còn đâu cả? Chúng đi trốn sạch!

Lạch đạch, khê nê, ùy oạch, chật vật theo sau Hoàng thái hậu và Nguyên tử, một bọn tôn thất và cung nhân giẫm trên gió bụi, lấm than.

Vất vả lắm mới tới được bến sông, họ tranh nhau xuống thuyền.

Hết thấy sống trong cảnh xô bồ, hỗn độn. Chỉ có sức khỏe là lá bùa thứ nhất để hộ thân, mạnh ai nấy tranh được trước, bấy giờ không còn đạo đức lễ độ gì nữa! Người ta xô đẩy nhau trên bãi cát, chen chúc nhau trong các thuyền. Tiếng kêu vì ngã bị giẫm bẹp hòa với tiếng cầu cứu vì thuyền đắm: oai oái thảm thê¹⁵⁵.

Sông ơi! Biển ơi! Sao mi không yên, không lặng, lại cứ nay sóng, mai gió, cuốn mất của người ta biết bao hạnh phúc vào trong lòng mi!

Chập tối Văn Nhậm kéo quân vào thành Thăng Long: Một mặt kéo bằng chiêu an, một mặt sai bộ tướng là Nguyễn Văn Hòa đuổi đánh Cố Chính.

Chạy! Chạy!... Cố Chính và các văn thần đem vua Chiêu Thống chạy về phía bắc. Quân lính đi đứng lộn xộn, không còn bộ ngũ trật tự gì nữa!

Đến trấn Kinh Bắc, quân lính đã trốn mất quá nửa, chỉ còn hơn 430 đầu người và 60 cỗ ngựa.

Chính đem tàn binh qua sông Như Nguyệt¹⁵⁶, vừa thoát đóng đồn ở núi Tam Tầng¹⁵⁷, thì Nguyễn Văn Hòa, tướng Tây Sơn đã kéo binh ập đến.

Một cuộc giao chiến định rõ số phận Nam, Bắc.

Văn Hòa chia binh làm đôi: sai một toán đi vòng sau núi, đánh tập hậu.

Rối loạn, quân Chính tan vỡ! Hữu Du bị bắt và bị chặt đầu. Chính tể ngựa chạy trốn, bỗng ngã vật xuống vì ngựa bị thương. Đường đường quận Bạng nay phải làm tù binh trong lúc cùng đường, kiệt sức!

Sau khi bắt sống được Chính, quân gia Tây Sơn tranh nhau toan chặt lấy đầu; song Chính la lớn bảo chúng: “Cứ bắt sống tớ mà nộp lấy công, chứ đừng giết tớ ở đây vội!”

Xúm lại, chúng trói Chính đóng vào cũi, và treo đầu Hữu Du ở bên cũi Chính, khiêng về Thăng Long.

Trước là bạn, nay là tù, Chính với Văn Nhậm bây giờ cách nhau như trời với vực.

Với giọng bệ vệ, oai nghiêm của phái chiến thắng, Nhậm kể tội Chính không sót kẽ tóc, chân tơ. Nhưng gọn thon lớn, Chính chỉ đáp lại mấy lời cứng cáp khi Nhậm vặn hỏi tại sao làm phản:

– Chỉ vì cái “thế” mà thôi!

Rồi, Nhậm “cảm ơn” bạn đã làm mình giựt được cái chiến công lừng lẫy này bằng cách khẹp Chính vào một thảm hình: buộc chân tay Chính vào bốn con ngựa, xé xác ra làm mấy mảnh¹⁵⁸.

Chính khi mới lọt lòng mẹ, oe oe mấy tiếng khóc, đã làm cho ông giám sinh họ Đỗ ở Thanh Chương (Nghệ An) phải thốt ra lời kinh hãi lúc qua cổng nhà Chính ở Đông Hải, huyện Chân Phúc, trấn Nghệ An: “Đứa trẻ khóc đấy sẽ là một tên gian hùng đời loạn”¹⁵⁹! Quả nhiên, từ một ông Hương cống (tức Cử nhân), Chính đã xoay hẳn lại thời cục Bắc Hà và đại thể nước Đại Việt ở cuối thế kỷ XVIII. Như trước đã nói, Chính nguyên làm gia khách Hoàng Ngũ Phúc, sau lại nương dựa Hoàng Đình Bảo, cháu của Phúc. Hồi quân Tam phủ nhà Lê nổi loạn, Bảo bị giết bởi lưỡi gươm của bọn kiêu binh ấy! Chực lợi dụng thời cơ, Chính xui Vũ Tá Giao, chồng của em gái Đình Bảo giữ trấn, chống lại triều đình Bắc Hà. Thấy Giao không nghe, Chính sợ mắc vạ, phải chạy theo Tây Sơn.

Trong hai năm trời, Chinh đập đổ chúa Trịnh, xoay tít vua Lê, làm khó dễ với Bắc Bình vương, những thủ đoạn gian hùng ấy kém gì “ông cử” Tào Tháo!

Ngoài ngón thao lược, Chinh còn có tài về văn nôm nữa. Dưới đây là một bài thơ Chinh làm khi nhàn rỗi trong một ngày mưa xuân:

Lửa hồng từ dậy mái thành đô,

Đòi chốn làm than thuở được thua!

Xanh biếc cảnh xen người ẩn dật,

Bạc đen đường vẫn khách bôn xu¹⁶⁰!

Cái có Cố Chinh sở dĩ thất bại, gồm trong ba chữ “tham, bạo, kiêu” như lời Đinh Nhạ Hành đã viết trong tờ biểu tạ Lê Chiêu Thống:

Từ khi đem quân vào hộ vệ, Nguyễn Chinh tham, bạo và kiêu, khiến cho trên dưới nghi ngờ, lăm người ta oán. Lúc được cầm quyền, Chinh lại ra tay tàn sát: những huân thần, túc tướng, lệnh tộc và thế gia bị giết hại rất nhiều! Cho nên quân Tây Sơn, khi ra lần nữa, mới đánh một trận, thế mà ba quân bên ta (Lê) đã tan vỡ, đến nỗi Kinh thành thất thủ, xã tắc diên nguy! Cứ kể cái tội hại nước hại dân ấy; dầu bằm chém Chinh làm muôn nghìn mảnh cũng chưa đáng!

Giết Đại tướng

Hạ xong Thăng Long, Vũ Văn Nhậm vẽ vang hát bài chiến thắng, khóa lấp những lời than, tiếng khóc của Trịnh Lê!...

Nào ngờ nấp sau cánh cửa “Khải hoàn”, thần Chết vẫn rình đợi Tướng quân họ Vũ!

Vũ Văn Nhậm nguyên xưa làm Tiết chế bên chúa Nguyễn, nên người bấy giờ thường kêu là Chế Nhậm. Hồi tháng năm, năm Bính Ngọ (1786), Nhậm thua trận Gia Định, bị Tây Sơn bắt sống, toan tự vẫn, nhưng rồi nghe lời Đức Lệnh (Nguyễn Huệ) dụ hàng, Nhậm theo Tây Sơn từ đó. Nay Nhậm tuy là tả tướng ở Sứ phủ Bắc Bình vương, nhưng là con rể của vua Thái Đức. Mà từ năm ngoái tới giờ, Nhậm chỉ huy quân sự, cũng tỏ ra cây mình là quốc tế. Đạo anh em Tây Sơn thất hòa¹⁶¹, Nhậm vẫn trung lập và vâng theo mệnh lệnh của Bắc Bình vương, nhưng vẫn không quên cái tình ông nhạc và con rể. Khi ở Động Hải, nghe tin nội biến, Nhậm xin về triều cận, song Bắc Bình vương không cho, truyền phải đi thẳng ra Nghệ. Sau trận ra Bắc Hà, giết Hữu Chinh, Nhậm càng lập được kỳ công, Vương càng ngờ sợ! Ngờ sợ vì Nhậm là một tay tướng tài.

Vả, theo Thanh triều sử lược, quyển VI, tờ 19b (tác giả là Tá Đẳng Sở Tài, người Nhật Bản), thì sau khi chiếm cứ Đông Kinh (Bắc Hà), Nhậm (trong sách này chép là họ Nguyễn: Nguyễn Nhậm) “giữ bốn mặt hiểm yếu, cũng có chí tự vương”¹⁶². Vì vậy, Nhậm đối với Bắc Bình vương, lại càng như cái gai trong mắt.

Dòm thấy cái khe hở đó, bọn Sở hết sức tìm cách thêu dệt, miễn sao cho Nhậm mau chết theo Chinh, họ mới hả lòng.

Sau khi Bắc Hà đã yên, có người nói với Văn Nhậm: “Ngoài Bắc dẫu oán Cố Chinh, nhưng lòng người vẫn nhớ nhà Lê. Nay vua Chiêu Thống đã đi rồi, chưa biết bao giờ lại về được. Sùng Nhượng công Lê Duy Cận, con thứ 4 vua Hiến Tông, khi còn Tiên đế (chỉ vua Hiến Tông) đã được lập làm Đông cung, nhưng qua năm Nhâm Dần (1782), bị quân Tam phủ truất bỏ. Nếu bây giờ Tướng quân (chỉ Văn Nhậm) lại lập Sùng Nhượng công lên ngôi chính thống, rồi yết bảng ra cửa Đại Hưng, hiệu triệu triều thần thì, độ vài ngày, văn võ bách quan sẽ lại quay về rầm rập, làm việc nước sẽ dễ như trở bàn tay.”

Đề nghị ấy được Nhậm tán thành.

Rồi việc ấy thực hiện: Duy Cận được đón lập làm Giám quốc đóng ở điện Cần Chính.

Đã bất mãn lối độc đoán của Nhậm, lại không ưng cái tư cách của Duy Cận, Ngô Văn Sở nói

riêng với Nhậm:

– Tôi xem bộ dạng Duy Cận như vậy, còn hòng cai trị được ai? Nên lấy, ta cứ lấy phắt đi, cần chi phải mượn thằng cầu bơ cầu bất ở đâu về làm bồ nhìn, rồi chúng mình lại đóng quân trong thành, canh cửa cho nó!

Nhậm lạnh lùng:

– Lòng người Bắc Hà vẫn còn nhớ Lê; nên nay hãy cứ làm theo dân vọng. Việc đó, đã có tôi chủ trương. Các ông chỉ việc đánh khỏe là đủ.

Làm thỉnh, Sở ra bảo Văn Lân:

– Lão Chế Nhậm khinh người quá! Chẳng hay lão có tài đức chi mà dám coi ta như một tên lính!

Đình ninh nhớ nhời dặn ngầm của Bắc Bình vương, Sở, từ khi bước chân đi Bắc, vẫn chăm chăm rình miếng vật Nhậm để dâng công.

Cơ hội đã đến rồi. Mấy nhời Nhậm nói nặng Sở kia đủ làm tàn lửa đốt thùng thuốc súng!

Từ đó, công thành ra tội, việc làm phải lẽ hóa ra phản trạng nặng nề: Nhậm sẽ chung một mối oán với Nguyễn Cảnh Dị và Đặng Tất (người cuối Trần)!

Vẫn biết Văn Nhậm ngang tài với mình, song muốn lợi dụng cho được việc một lúc, rồi sẽ liệu bài trừ sau: Bắc Bình vương nghĩ thế. Khi cho Nhậm ra Bắc, vương đã dặn bọn Sở phải coi chừng. Nay bỗng tiếp được tin Sở mật báo, lại thấy Văn Lân đứng làm chứng, vương càng quá quyết giết Nhậm, không tha.

Lập tức hạ lệnh động binh, Bắc Bình vương, thanh gươm, yên ngựa, lên đường, ngày đêm đi gấp ra Bắc¹⁶³...

Vượt suối, lách rừng, leo núi..., hơn mười ngày, Bắc Bình vương đã đến Thăng Long.

Đêm tháng tư, cảnh vật như bị nấu chín trong lò lửa hạ! Tiếng đẽ khóc cuộc hưng vong dưới chân Hoàng Thành mờ phủ lớp rêu cần cối bồng bị khóa lấp vì trống canh tư chậm rãi điểm hồi.

Nằm trên oai quyền lẫm liệt, Tiết chế Vũ Văn Nhậm đang nồng giấc “chinh phu”.

“Tôi có tội gì?” Tiếng kêu chưa dứt, Nhậm đã âm thầm ôm mộng thác oan!

Ai giết Nhậm?

Thì ra, nhân lúc không ngờ, Bắc Bình vương Nguyễn Huệ đang đêm ập vào trong quân thú, sai võ sĩ Hoàng Văn Lợi đâm chết Chế Nhậm, rồi chôn xác ngay ở sau phủ, vùi sâu sự nghiệp một đời tướng tài¹⁶⁴!

Sáng ra, vương cải tổ lại quân ngũ, nhắc Ngô Văn Sở lên thế chân, cầm binh quyền.

Chỉ vì chén thuốc độc

Ở Nam đã hòa với vua Thái Đức; ra Bắc, lại “sửa” xong Vũ Văn Nhậm, Bắc Bình vương, lúc này, có thể rảnh tay để lo việc thiện hậu ở Bắc Hà.

Muốn được mời lên ngự chiếc ngai vàng, vương sai triệu tập các tôi cũ nhà Lê, ép phải làm biểu liên danh khuyến tiến.

Nhưng việc ấy bị thất bại vì chén thuốc độc của Tham tri chính sự Nguyễn Huy Trạc, người chỉ trông thấy có ba chữ “Lê Thái Tổ”, chứ không sợ uy võ của Tân trào!

Không muốn “già néo”, Bắc Bình vương dùng cái chiến thuật “làm dần”. Trước hết hãy chia chức, đặt quan, khiến cho bộ máy cai trị cứ quay chuyển đã: Đô đốc Hòa Nghĩa hầu trấn thủ Sơn Nam; Lôi Quang hầu trấn thủ Sơn Tây; Nguyệt Quang hầu trấn thủ Kinh Bắc; Hám Hồ

hầu¹⁶⁵ trấn thủ Hải Dương. Giác Hòa hầu giữ Lại bộ; Lộc Tài hầu giữ Hình bộ; cả bốn hầu này cùng ngồi ghế hiệp trấn.

Vương lại ra lệnh cho bách quan làm việc “cử tri”: tiến cử người mình biết là hiền năng để Tân trào bổ đi cai trị các huyện. Mỗi huyện đặt hai viên văn võ cầm đầu: văn phân tri và võ phân suất. Còn ty thuộc trong các trấn? Ngô Văn Sở được tùy tài bổ dụng, rồi bắm lên để cấp văn bằng.

Trong đám Lê thần xoay về với Tây Sơn đây, có Phan Huy Ích¹⁶⁶ và Ngô Thì Nhậm là những tay rất đặc lực về việc tử lệnh giao thiệp với nhà Mãn Thanh sau này.

Ngô Thì Nhậm suýt bị Lễ quan Vũ Văn Ước bắt đem trị tội “dám” ngồi cùng chiếu với Ước, khi Ước sắp dẫn các cựu thần nhà Lê vào ra mắt Bắc Bình vương.

Trốn được thoát, Ngô tự đến yết Trung thư lệnh Trần Văn Kỳ, nhờ Kỳ tiến dẫn lên Bắc Bình vương.

Gặp Ngô, vương yên ủi:

– Trước kia, chúa Trịnh không dùng khanh, khanh phải trốn tránh: nghĩ cũng đáng buồn! Nếu ta không tới đây, khanh đâu được có cái may mắn này? Có lẽ trời có ý để dành lại cho ta dùng đó?

Ngô lạy tạ.

Vương ngoảnh lại bảo Kỳ:

– Ngô Thì Nhậm là người được ta tái tạo cho đó!

Vương lập tức sai thảo chế, phong Ngô làm Lại bộ Tả thị lang Tình Phái hầu, cho với Ước cùng quản lĩnh các viên chức văn võ ban thuộc triều Lê.

Phá tan quang cảnh lạnh lẽo, tiêu điều, đèn Chính trung bữa nay trở nên náo nhiệt, oai nghi, tấp nập. Đưa mắt nhìn bọn đương e dè tiến lên điện để lạy chào kia, Bắc Bình vương hỏi thử một người:

– Người làm chi.

Người ấy đáp:

– Thừa Thám hoa.

– Thám Hoa là cái chi? Có làm dạng tổng trưởng (tức Chánh tổng) không?

Rồi vương truyền cho mọi người lên cả trên thềm, dụ họ bằng giọng sang sảng như tiếng chuông:

– Lê Tự hoàng đầu do ta lập lên thật, song Tự hoàng là người ngu muội, ươn hèn, không đáng nổi trọng trách. Khi ta về Nam, Tự hoàng bị Cố Chính nó xoay đến nổi tự chuốc lấy vạ, thật không đáng thương! Nay lập Sùng Nhưong công làm việc Giám quốc giữ việc thờ cúng nhà Lê: chính phải làm. Các khanh nên gắng ở lại giúp đỡ thì hơn. Mai kia ta lại vô Nam, thật không lấy Bắc Hà làm lợi. Song, vì sợ Tự hoàng tranh giành với Giám quốc, người nước lại đổ lỗi tại ta gây ra mối loạn, nên chỉ phải để Đại tư mã Ngô Văn Sở hãy tạm đóng binh coi giữ; đợi khi bốn phương yên ổn, bấy giờ ta sẽ triệu về.

Ăn kết quả của cuộc chiến thắng, Bắc Bình vương nhấp “chén” thành công mua vui với thân thần; trước khi trở về Thuận Quảng.

Nồng như rượu, đậm đà như món ăn, vương ngọt ngào dặn bảo bọn họ:

– Ngô Văn Sở (Đại tư mã), Phan Văn Lân (Nội hầu): nanh vuốt của ta; Nguyễn Văn Dụng (Chưởng phủ), Trần Thuận Ngôn (Hộ bộ Thị lang) tâm phúc của ta, Ngô Thì Nhậm (Lại bộ Thị lang) tuy là mới nhưng là bậc tâm thần (寶臣) ta coi như khách. Nay ta giao cho các khanh hết

thấy mọi việc quân quốc, coi quản 11 trấn trong toàn hạt. Hễ có điều chi, ta cho cứ được tiện nghi làm việc. Song các khanh cần phải họp bàn với nhau, chứ đừng phân bì kẻ mới, người cũ, miễn sao làm cho được việc, ta mới yên lòng...

"Người mới vui cười, người cũ khóc"

Vua Lê Chiêu Thống, sau khi bỏ thành Thăng Long, chạy sang Kinh Bắc: chẳng những không được dung nạp, lại bị thủ hạ của Nguyễn Cảnh Thước, trấn thủ xứ Bắc, lột lấy áo bào!

Sau trận Cống Chỉnh bị bắt ở Mục Sơn¹⁶⁷, Chiêu Thống lại phải trốn vào sơn trại huyện Bảo Lộc¹⁶⁸!

Bấy giờ Thăng Long còn đương nép dưới “cây gậy tiết chế” của Vũ Văn Nhậm. Thấy Nguyễn Văn Hòa loay hoay trước bức lũy ở phía bắc sông Nguyệt Đức¹⁶⁹ do Nguyễn Trọng Linh, thổ mục Bảo Lộc đắp lên để hộ vệ cho cá thể Chiêu Thống, Nhậm cho là một vết không vinh dự cho nhà binh Tây Sơn. Lập tức đại binh từ Thăng Long kéo đến, do Nhậm cầm đầu, đánh thắng được Linh sau một ngày một đêm kịch chiến.

Trái cơn thất bại ở Bảo Lộc, Chiêu Thống đọc rõ những nét “muốn phản” trên mặt Linh, phải quay về Chí Linh¹⁷⁰ nương nhờ Trần Quang Châu và Lê Ban, mưu đánh trấn Hải Dương làm đất căn cứ.

Quân nghĩa dưng nhiều nơi nổi dậy, đáp theo tiếng gọi của lá chiếu cần vương.

Thay chân Nhậm, Văn Sở đang sống trong những phút tung bưng ở kinh đô Thăng Long, càng khắp khởi mừng khi thấy Trần Liên do Đinh Tích Nhưỡng ở Hải Dương sai đến cáo tử cho Chiêu Thống đang trốn tránh.

Sắc đêm nhuộm đẫm cảnh vật. Trăm tên lính Tây Sơn, theo tay chỉ điểm của Liên, giẫm bóng tối, vin rễ cây, bám hốc đá, vượt núi đỉnh vào bắt sống vua Lê phen này! Chẳng dè cả lũ đều toi mạng dưới tay làm việc có phòng bị của Châu và Ban.

Sở hay tin tức đó, tức tốc phái binh lùng bắt Chiêu Thống, một nạn nhân long đong nay Chí Linh, mai Hiệp Sơn, mốt Chân Định.

Mặt khác, Sở sai bộ tướng đi dẹp những nơi hễ có làn khói phản đối Tân trào: đã đánh quy Việt Tuyển ở Hoàng Giang¹⁷¹, lại đuổi bắt bọn Châu, Ban ở mạn xứ Đông, khiến cho Chiêu Thống phải đứng với sức hiệu¹⁷² là vua “Mống Siêu” từ đó.

Dưới vòm trời nặng trĩu mây tối, chiếc thuyền bôn ba của vua Lê vừa chèo đến Đông Ngạn để tới Hoàng Giang thì đùng một cái, tin Việt Tuyển thua¹⁷³ chạy về Nghệ An làm rụng rời khách lưu ly điên bái!

Như nước, lòng vua Lê cồn cồn! Như con thuyền, thân thể vua Lê lênh đênh! Phó mặc may rủi, Chiêu Thống cứ xuôi theo dòng nước đi liêu về phía nam. Rồi, theo gió, thuyền nhà vua cứ “đi phiếm” ra biển khơi. Mây trôi hờ hững. Đàn sóng vật nhau trên mặt biển mông mênh. Chiêu Thống cảm thấy thân mình là bọt biển dạt dào, gia đình mình là những hoa sóng tan tác!

Thuyền đến hải phận Biện Sơn, Chiêu Thống gặp Lê Ban, lại kéo nhau quay về Thanh Hoa. Rồi lúc lên đi Kim Bảng, lúc vi phục về Kinh Bắc, lúc tạm ẩn ở Lạng Giang, lúc lẩn quất vùng Từ Sơn, ông vua cuối đời Lê trung hưng này nếm trải đủ mùi đắng cay trong cơn gió bụi. Hai câu trong bài thơ Chiêu Thống gửi cho Trần Danh Án đã chứng rõ nỗi gian truân ấy:

社稷有懷常鬱結

江湖飽歷苦流連

“Xã tắc hữu hoài thường uất kết!

Giang hồ bão lịch, khổ lưu liên!”

Dịch:

Xã tắc ngựa nghiêng, lòng nghề thất!

Giang hồ lây lất, cảnh long đong!

Đường đã cùng, sức đã kiệt, Chiêu Thống không còn xoay được chiến thuật gì khác, ngoài kế rước voi! Nằm chờ ở vùng Phương Nhõn, Chiêu Thống gửi hết hy vọng hưng phục vào chú Mãn Thanh, khi đã sai Lê Duy Đản và Trần Danh Án sang Tàu cầu viện.

Mặt khác, Thái hậu và Nguyên tử nhà Lê cùng bọn thị thần Lê Quýnh, sau khi chạy được lên đến Cao Bằng, nương dựa Đốc đồng Nguyễn Huy Túc, cũng gõ cửa nhà Thanh, van lơn cầu cứu.

Trước đó, Nguyễn Huy Túc và Lê Quýnh hộ vệ Thái hậu và Nguyên tử trốn đến xã Bắc Sơn¹⁷⁴ giáp đất Tàu, thì bị quân Tây Sơn đuổi tới (mùng 9 tháng năm năm Mậu Thân, 1778). Bọn Túc chạy đến bến sông, cầu người Thanh cứu giúp và xin cho vào trong quan ải.

Khi các nhà chuyên trách bên Thanh giữ việc tuần phòng cửa ải đang xét hỏi bọn Túc thì bên này sông Phất Mê, có đến hơn trăm quân Tây Sơn chực xông sang bắt. Nhưng vì thấy chỗ đổi cửa ải bên Tàu có quân lính Mãn Thanh, nên bọn hơn trăm quân đó lại rút lui, chứ không qua sông nữa. Vì vậy, bọn Túc mới dẫn tất cả đàn ông, đàn bà cộng tới hơn 62 người¹⁷⁵ vượt được qua sông.

Chịu qua một lượt tra xét, kiểm điểm, bọn Túc được các chú cho vào trong ải mà ở đậu¹⁷⁶.

Thấy Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh tâu lên Thanh đình việc bọn Túc đem quyến thuộc vua Lê sang nương nhờ đất Tàu ấy, vua Càn Long (1736-1795) nhà Thanh liền truyền Tôn Vĩnh Thanh cứ mật xét hỏi bọn Túc, chứ không cần đợi Tôn Sĩ Nghị đến rồi mới làm¹⁷⁷.

Rồi vua nhà Thanh xuống dụ rằng: "... Hiện nay quyến thuộc Duy Kỳ cần phải an sắp cho được thỏa đáng, dầu tốn bao nhiêu của kho Nhà nước cũng không nên tiếc..."¹⁷⁸

Bấy giờ quân Tây Sơn tràn sang biên giới đất Tàu, triều đình nhà Thanh không khỏi nao nao hồi hộp, tính ngay đến việc phòng thủ. Vua Thanh tức tốc hạ lệnh: ở nơi quan ải bên Tàu tuy đã điều bát đến 1.000 binh chia đồn đóng giữ, nhưng sợ số quân như thế chưa được nhiều, nhờ quân Tây Sơn ở đối diện bờ sông bên này thấy quân Thanh còn ít mà sinh sự ra chẳng, vậy cần phải điều bát thêm lấy hai, ba nghìn lính nữa, mà chia đóng rải rác trong quan ải để làm cho mạnh thêm thanh thế¹⁷⁹.

Nguyễn Hữu Túc, sau khi sang lọt Long Châu¹⁸⁰, nhờ người bạn Tàu là Ngô Sơn Tiều Ẩn (không rõ tên thật là gì) giới thiệu với viên Đô tư Trần Hồng Thuận ở Long Bằng doanh. Rồi, như trên đã nói, việc cầu viện đó được đạt đến Tôn Vĩnh Thanh, sau lại lên tới Thang Hùng Nghiệp, Tả giang Bình bị đạo, và Tôn Sĩ Nghị, Lưỡng Quảng Tổng đốc.



Phần thứ ba: Đối ngoại

Cọp thanh chục vồ thịt việt

Mùa hạ năm Đinh Mùi (1787), Bắc Bình vương ra Thăng Long lần thứ 2, giết Tiết chế Vũ Văn Nhậm, xếp đặt ngạch quan quân, chỉnh đốn việc quốc chính, rồi lưu 3.000 [181](#) binh đóng giữ Bắc Hà, lại trở về Nam.

Gánh lấy trọng trách vương đã giao phó, bọn Ngô Văn Sở và Ngô Thì Nhậm không giám “giấu ta lằng” [182](#) trong khi vắng chủ.

Hễ đâu có sức phản công bùng nổ thì sai tỳ tướng đem quân đi dẹp, cũng đủ làm cho nước lạng sông trong.

Phủ huyện có văn án đệ trình, thì tùy liệu phân xử, không để đọng lại một việc.

Việc canh phòng biên giới giáp với Mãn Thanh? Đã có đô đốc Nguyễn Văn Diễm [183](#) đem du binh đi tuần, xét hỏi giấy phép, cấm ngặt những ai lén lút sang Tàu.

Sống trong thời oanh liệt, bọn Sở mua vui với nhau bằng cách quần ngựa khiên hừng và chuốc chén tiêu nhàn.

Nhưng, họ có ngờ đâu, dưới bóng cờ chiến thắng, đã ẩn ngầm những biến động tày đình khiến họ phen này, ngựa trận phải đổ mồ hôi, tóc Tướng quân phải pha màu tuyết:

Nguyên bọn Tham tri chính sự Lê Duy Đản và Phó đô Ngự sử Trần Danh Án, sau khi vâng mật chỉ của Chiêu Thống, cải trang giả làm lái buôn Tàu, nhập bọn với tụi khách, đi lọt được sang đất Mãn Thanh, sốt sắng vận động cuộc cứu viện.

Bọn Án nhờ người canh gác cửa ải giới thiệu, vào ra mắt viên phân phủ họ vương ở phủ Thái Bình (Tàu). Họ kêu khóc kể lể những nỗi Tây Sơn xâm lăng từ năm Bình Ngô (1786). Hiện nay, vua quan nhà Lê long đong điên bái, “không chỗ gối đầu”!

Trước những ngôn ngữ cử chỉ của họ, vương phân phủ trước còn ngờ, tướng Tây Sơn bày mưu sai người sang thám thính, nên cứ vắn vẹo bọn Án mãi. Sau, cảm động vì những giọt nước mắt thành thực của Án và Đản, họ Vương phải hứa sẽ nói giùm với Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh và Lương Quảng Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị để Nghị đề đạt việc này lên triều Thanh.

Khi đã nghe thấu cả hai tiếng kêu của bọn Án và của bọn Nguyễn Huy Túc, Tôn Sĩ Nghị giờ ngay lối văn sáo cũ nói với bọn liêu thuộc:

– Nước Nam xưa “vốn” thuộc Hán, Đường. Mãi đến đời Tống, họ Đinh mới cựa được lên, giữ lấy nước. Từ đó trở đi, đời nọ nối đời kia gây thành một nước độc lập. Nay cuộc thế xoay vần, họ không giữ nổi, có lẽ ý trời muốn ban cho chúng ta chiếm làm quận huyện đấy nhỉ?

Nghị liền sang Long Bằng doanh, họp bàn với Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh.

Vĩnh Thanh, với giọng lý sự, phản đối:

– Gây sự với ngoài là việc lớn. Lợi hại không phải vừa. Cứ như Ngòi (chỉ Tôn Sĩ Nghị) nói, thì Lê Tự tôn cũng đáng thương thật; song thế lực Tây Sơn chưa chắc đã đến tận thế, vì Nguyễn Huệ là tay thảo trạch vùng lên, hành binh từ thừa để chỏm. Một phen ra tay đã đánh đổ được cái triều đình hơn 300 năm (chỉ nhà Lê) thì lực lượng ấy, tưởng không phải yếu.

Hướng chi nước Tàu chúng ta hàng 200 năm nay thái bình vô sự, dân không quen biết việc binh; một sớm giông ruổi vào nơi viêm chướng, chưa chắc đã đánh được, mà được cũng chẳng vinh gì! Muôn một rủi ro thì thiệt hại lắm. Ngòi (Nghị) là đại thần nhà nước, cần nên giữ vững bờ cõi, chứ đừng cả tin người ngoài, vội gây sự với lân bang. Cái gương tày liếp của Hoàng Ngũ Phúc, Trương Phụ (đều người đời Minh) ở hồi Vĩnh Lạc (1403-1424), Tuyên Đức (1426-1435) nào đã mờ đâu!

Tôn Sĩ Nghị cãi lại:

– Nhà Lê chịu phong, đòi giữ lễ cống. Nay nước người gặp cơn biến loạn, lễ nào không cứu mà lại ngồi nhìn?

Xếp lý luận ra một xó, Nghị nhúng tay vào việc: đòi gọi bọn Nguyễn Hữu Túc, Lê Quýnh, Hoàng Cái Hiếu, Nguyễn Đình Trạc và Nguyễn Đình Mai đến quân môn cung trượng.

Nghị lại đưa một bản đồ cho Lê Quýnh coi rồi hỏi xem bộ vị và phương diện trong bản đồ ấy có đúng với thực tế không. Thấy Quýnh cho rằng bản đồ sai đến bốn, năm phần mười, Nghị liền sai họa công đến sửa lại theo Quýnh chỉ bảo. Phàm những chỗ còn, mất, hư, thực và anh em Lê Hoàng hiện đang ở đâu đều phải biên chua vào bản đồ cho rõ ràng kỹ lưỡng.

Rồi Nghị dặn bọn Túc: “Việc này, để ta còn tâu lên triều đình. Khi nào được chỉ, ta sẽ giúp cho các người. Các người hãy cứ về nước, tìm cho đến chỗ Tự hoàng đang ở, thám thính tình hình Tây Sơn bây giờ ra sao và người nước xu hướng bây giờ thế nào, lập tức phải phi báo sang để ta phước tấu. Bấy giờ ta sẽ kéo binh qua cửa ải: chống lại cái nhà đã đổ và dựng lại cái nước đã tan.”

Vua Thanh Càn Long¹⁸⁴ (1736-1797) nhận được tờ biên của Tôn Sĩ Nghị nói về nội tình nước Nam và việc vua Lê đem Thái hậu cùng Nguyên tử chạy sang cầu viện liền hạ chiếu thư dụ bảo Nghị:

Tự tôn Duy Kỳ khi đem gia quyến sang đất Bắc (Tàu), là do Trào Châu ruổi đến Long Châu. Cứ theo như lời Tôn Sĩ Nghị tâu, thì ra Lê Duy Kỳ cũng cùng đến cả. Nhưng Duy Kỳ đã thân đem gia quyến sang nội địa, mà sao trong tờ trình vẫn để di quan (quan mọi) Nguyễn Huy Túc đứng tên?

Vả, bọn thổ tù Nguyễn Nhạc đã công phá đô thành nhà Lê, sau thấy Lê Duy Kỳ chạy trốn, lại đem binh đuổi theo để chực giết.

Nếu nước ấy đã bị họ Nguyễn (Tây Sơn) chiếm hết cả mà Duy Kỳ đem quyến thuộc chỉ có hơn 60 người, thì suốt dọc đường sao lại yên ổn mà sang đến tận nội địa này được?

Hiện Duy Kỳ đã tới Long Châu. Vậy truyền Tôn Sĩ Nghị sau khi đến Long Châu nên hỏi tận mặt Duy Kỳ: họ Nguyễn (Tây Sơn) làm loạn, xét ra là vì có gì mà gây nên biến? Duy Kỳ gặp nạn gửi mình nơi nội địa phải chăng chỉ cốt bảo toàn lấy tính mạng mẹ con, còn đất đai thì đem nhường cho họ Nguyễn? Hay là chỉ tạm nương náu bên nội địa để trốn tránh, trong bọn thần hạ của Duy Kỳ còn có kẻ có thể vì Duy Kỳ mà giết giặc mà khôi phục rồi đón mẹ con y về nước? Vậy hỏi xem chủ kiến của y như thế nào? Nếu y không biết được rành mạch tỏ tường thì nên đến xét hỏi tận bọn Nguyễn Huy Túc...

Lần này Tự tôn nước ấy cùng quần quá lắm mới phải gửi thân nơi nội địa. Trong tờ trình đầu không thấy nói xin cứu binh, nhưng bọn trấn mục của y nếu quả có thể triệu tập được dân binh, quét tan được hung nghịch, đón Tự tôn về thì cố nhiên là hay lắm rồi.

Nếu họ Nguyễn (Tây Sơn) chỉ chiếm một dải đất của đô thành Lê mà chỗ khác vẫn còn của Lê, bọn trấn mục tuy không trừ diệt được họ Nguyễn (Tây Sơn) nhưng vẫn có thể làm yên được việc mà đón Tự tôn về thì bấy giờ ta sẽ vì họ mà khôn xếp cất đặt. Thế thì dòng nước họ Lê không đến nỗi bị đoạn tuyệt, ta cũng không bỏ dấy quân, thay họ làm đỡ việc lớn.

Nếu họ Nguyễn công phá đô thành Lê rồi lại chiếm cứ hết đất đai An Nam, hoặc con cháu họ Lê đều bị giết hại hết cả thì Tự tôn mai sau chung quy cũng chẳng còn có nước đâu mà về được nữa.

An Nam thần phục bản triều rất là cung thuận, nay bị cường thần tranh cướp, gõ cửa ải mà kêu xin gửi nhờ nội địa, nếu ta bỏ mà không xét đến thì thật không phải là đạo võ yên nước nhỏ, làm sống lại kẻ luân vong.

Vậy nên hạp tập binh bị cho dày sức rồi kể tội kẻ cường thần mà tiến sang đánh. Đến bấy giờ tự Trẫm sẽ xếp đặt quyết định...”¹⁸⁵

Mới đọc xong tờ dụ trên, chắc các bạn tưởng vua Thanh giàu lòng nhân đạo khi thấy vua Chiêu Thống đương thất thủ đi đến bên hồ luân vong, nhưng khi xem đến lời chiếu dưới đây, sẽ thấy rõ cái dã tâm của vua tôi nhà Thanh hồi đó:

Nay Lê Duy Kỳ dẫu phải bôn vong, nhưng toàn cõi chưa đến nỗi mất hết. Mà thần dân trong nước hãy còn yêu mến họ Lê thì cũng có cơ hưng phục được. Vậy cho khanh đem quân đóng ở biên thủy, xa làm thanh thế cứu viện. Rồi bảo Duy Kỳ phải triệu tập nghĩa binh thu phục lấy quốc thành, chứ ta không cần phải động binh đánh giúp cho nhọc công, tốn của. Khi họ lấy được kinh thành rồi, khanh sẽ đem quân hộ tống Duy Kỳ về nước. Nếu Tự tôn không làm nổi việc và Tây Sơn cứ rông rở thì bấy giờ khanh sẽ đem binh hỏi tội. Rồi thừa cơ chiếm lấy nước Nam.

Nghị liền thông tư đi Vân Nam và Tứ Xuyên đốc lấy binh mã.

Khi sắp xuất quân, Nghị lại làm sớ tâu vua Thanh đại lược:

... Nội lực nhà Lê yếu lắm, rồi ra chắc cũng không giữ nổi nước đâu. Nay thấy họ sang cầu viện, đối với danh nghĩa bề ngoài, triều ta không lẽ không cứu... Nhân dịp này, nếu hưng phục cho Lê được rồi ta sẽ đặt thú binh mà giữ lấy nước. Thế là vừa có ơn với Lê, lại vừa lấy được An Nam: nhất cử lưỡng lợi!

Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh tuy bác bẻ lời sớ của Nghị là “trước dùng nghĩa, sau mưu lợi”, Nhưng Vĩnh Thanh cũng lộ cái dã tâm muốn nuốt nước Nam trong mấy câu này:

... Chi bằng ta cứ đóng binh không động, đợi khi Lê và Tây Sơn cả hai cùng kiệt quệ, bấy giờ ta sẽ thừa cơ đánh lấy cũng chưa muộn nào!

Rồi lời thỉnh cầu của Nghị được chuẩn y, giấc mộng xâm lược của Nghị được thành sự thực. Binh mã bốn tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Quảng Đông, Quảng Tây, tất cả 20 vạn quân rần rần rộ rộ chia làm ba đường, đồng thời vào xâm nước ta:

Một đạo của Lương Quảng Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị và Đề đốc Hứa Thế Hanh đi theo con đường từ Nam quan rồi do Lạng Sơn đổ xuống.

Một đạo của Vân Quý Đề tổng họ Ô (không rõ tên gì) từ Tuyên Quang¹⁸⁶ tràn vào.

Còn một đạo nữa của Điền Châu Tri phủ Sầm Nghi Đống thì từ Cao Bằng kéo xuống.

Hứa Thế Hanh: Đề đốc;

Trương Triều Long:¹⁸⁷ Tiên phong;

Thượng Duy Thăng: Tả dực;

Sầm Nghi Đống (Điền Châu Thái thú): Hữu dực.

Hết thấy tướng tá và 20 vạn quân đều ở dưới quyền gươm ấn của Tôn Sĩ Nghị.

Khi quân Thanh trảy đi, tuy ai nấy phải đeo khí giới tùy thân, nhưng mỗi tên lính lại có một tên phu theo phụ¹⁸⁸.

Dữ giặc vào sâu

Muốn biết rõ lực lượng chiến đấu của quân ta bấy giờ ra sao, nay cần nên biết thêm về mặt đối phương một chút.

Khi kéo sang, Tôn Sĩ Nghị có ban ra tám điều quân luật. Ngoài những điều khuyên răn quân lính của Nghị không cần dùng làm đối tượng để nghiên cứu, còn có ba điều dưới đây cũng có thể dựa làm bằng chứng để cho ta thấy sơ phượng lược của tướng Thanh định ứng phó trước cái oai võ của các chiến sĩ Đại Việt ở đương thời và chiến lược của vua Quang Trung toàn vượt ra ngoài chỗ Nghị sở liệu cả.

Điều thứ 2 - Ở ngoài quan ải (chỉ nội địa bên ta) có non cao, núi hiểm, địa thế vốn dễ mai

phục; trước nên bat bỏ đá núi, đốn phát rừng núi, khiến cho trông ra quang đặng, có thể phóng tâm mà tiến lên. Nếu thấy ở đâu có đất mới lở ngổm thì càng nên để ý xem xét kéo mắc mưu chước quỷ quyết.

Điều thứ 4 – Người Nam, khi ra trận hay dùng voi. Voi không phải là món người Tàu quen thạo. Hễ gặp voi thường cứ chạy tránh đi trước. Nhưng nào có biết sức voi dẫu có lớn chung quy vẫn là con vật có huyết khí, không thể đương nổi với đồ dẫn hỏa của ta. Vậy hễ thấy voi ra trận, nếu xa thì bắn bằng súng, nếu gần thì trị bằng dao và cung, khiến voi bị thương, đau phải chạy quay lại, rồi tự giầy đạp lẫn nhau. Quân ta (Thanh) thừa cơ ấy mà tiến công, tất thắng, không còn phải ngờ nữa.

Điều thứ 5 – Quân Nam toàn dùng cái ống phun thuốc súng làm lợi khí, gọi là “hỏa hổ”. Khi hai quân giáp nhau, quân Nam tất phải trước dùng thứ đồ ấy để đốt cháy quần áo người ta khiến cho phải lui. Nhưng so với sang pháo của Tàu chúng ta thì kém xa lắm. Hiện ta đã chế được vài trăm cái mộc băng da trâu sống (không thuộc). Nếu thấy quân Nam bắn hỏa hổ thì quân ta một tay cầm mộc để đỡ lửa, một tay cầm dao để chém bừa.

Quân luật của Nghị như thế kể cũng ráo riết, nhưng đến mùng 5 tháng giêng, năm Kỷ Dậu (1789) này, sự thực sẽ trả lời Nghị:

Quân Nam không cần cật hiểm, đặt quân phục, thế mà quân Thanh đến phải lách khe núi, luồn rừng cây mà trốn về!

Quân Nam có dùng voi, nhưng chỉ để giầy đạp quân Thanh, chứ không đến nỗi chà lộn nhau như Nghị đã tính trước.

Quân Nam vẫn dùng hỏa hổ để công phá làm cho vài trăm chiếc mộc da trâu của quân Thanh đều thành vô hiệu!

Đang sống trong những phút “đế vương” hưởng bao bông đẹp trái ngon trong 11 trấn, Ngô Văn Sở bỗng được tin quân gấp rút, tấp nập như gió mưa. Móng chân bịt sắt của ngựa Mãn Thanh đang chà nát luống cây thương du miền Bắc. Thổ binh vì sợ hãi, đã chạy trốn mất quá nửa! Phan Khải Đức¹⁸⁹ một trong hai tướng đang giữ Lạng Sơn, đã xuống hàng giặc! Tướng Nguyễn Văn Diễm, thấy thế cô, phải rút quân về Kinh Bắc, hiệp sức với lưu thủ Nguyễn Văn Hòa, cố giữ lấy thành trì ấy.

Sở lập tức nhóm các văn võ quan liêu nhà Lê, sai thảo bức thư nói với tướng Thanh xin hoãn binh dưới đứng tên Giám quốc Sùng Nhượng công Lê Duy Cận. Rồi cắt bọn Trần Bá Lãm, Nguyễn Đình Khoan, Lê Duy Chủ đem thư đưa cho Tôn Sĩ Nghị.

Ngồi ghế chủ tịch, Văn Sở nhóm quân sự hội nghị, bàn chước chiến, thủ. Dự hội nghị ấy có Lân, Dụng và Thì Nhậm...

Chưởng phú¹⁹⁰ Nguyễn Văn Dụng nói:

– Cuối đời Trần, người Minh sang chiếm nước ta. Bọn Hoàng Ngũ Phúc, Trương Phụ, Mộc Thạnh, Liễu Thăng đều là những tướng kiệt kiệt. Vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn: đồ sức ra, khó lòng địch nổi chúng. Nhưng vua Lê biết hành binh, khéo mai phục, nhắm vào chỗ yếu của giặc, ập ra đánh giết, nên mình ít mà vật được nhiều: làm khốn Vương Thông ở bến Đông Bộ¹⁹¹, giết được Liễu Thăng ở núi Mã Yên¹⁹². Võ công ấy nghìn thu hãy còn thơm nức. Nay người Thanh vượt suối, trèo non, từ xa kéo lại: chúng nhọc lắm rồi! ta đang nhàn rồi, sức hãy còn hăng. Chi bằng đặt sẵn quân phục ở nơi hiểm yếu, đợi chúng mới thoát đến đổ ra thịt sống cả đi. Làm vậy, lo gì chẳng thắng?

Với giọng nho nhã, thâm trầm, Thì Nhậm bàn lại:

– Tình cảnh giống nhau, nhưng thời thế đổi khác. Xưa nước ta thuộc nhà Minh, suốt nước cầm gươm cái thói tham tàn, độc ác của quân Ngô, ai cũng muốn vùng dậy mà đánh đuổi chúng.

Cho nên vua Lê hô lên một tiếng, gần xa thấy đều vang theo. Khi đánh với quân Minh, người nào cũng trở tài, gắng sức. Nghe tin thắng trận, lòng ai cũng hớn hởi vui mừng. Nhân tâm như thế, nên mai phục được kín đáo, không ai dám để lộ cho giặc thông rõ tỏ tường. Vì vậy, vua Lê mới thắng và bá cáo được bài “Bình Ngô”.

Ngô Thì Nhậm lại tiếp:

– Bây giờ khác hẳn. Các bộ thần nhà Lê đâu đâu cũng có. Nghe tin người Thanh đến cứu, họ đều nghiêng cổ trông mong, chực chờ bàn tay ngoại viện làm nên công việc hưng phục. Vả, dân mình lại nhẹ dạ, trúng cái mưu độc “diệt Hồ lập Trần” thuở trước, họ cũng náo nức đi đón quân Thanh. Như vậy, quân ta mai phục ở đâu, địa thế hiểm hay dễ, số quân ít hay nhiều, thế nào chẳng có nội công cáo tử. Người Thanh sẽ nhân kế của ta mà vật lại ta: đổ ra bốn mặt lưng bắt cho kỳ hết quân phục, chẳng hóa ra tự mình mua lấy cái chết? Quân cơ đã lộ, còn mong gì đánh úp được ai?...

Sở nói:

– Vậy thì tính sao bây giờ?

Nhậm đáp:

– Dụng binh có hai cách: đánh và giữ. Nay quân Thanh kéo đến, thanh thế đã vang dậy rồi, người mình lại có lắm kẻ làm nội ứng, đồn đại quá lời, làm cho lòng người càng thêm náo động. Ta có việc gì sai người ra khỏi thành chắc sẽ bị chúng bắt giết. Vả, những lính Bắc Hà được dịp này, lại dễ trốn lẩn. Thế mà chực đem quân đó đi đánh, khác nào thả dê đánh cọp, tài nào chẳng thua? Muốn đóng cửa thành cố sức giữ, lại sợ không thể tin cậy ở lòng người, tất có nội biến... Đánh đã không xong, giữ lại không vững, bây giờ chỉ còn một chước: rút lui, dử giặc vào trong nội địa.

– Tướng quân, – Vẫn lời Thì Nhậm, – Nên mau truyền lệnh cho quân thủy đóng thật nhiều lương thực vào các thuyền, chở ra đồn Biện Sơn trước. Rồi ta sẽ kéo bộ binh, gióng trống, mở cờ, lui giữ lấy núi Tam Điệp¹⁹³, liên lạc với quân thủy. Cố giữ cho vững chỗ hiểm yếu ấy, bấy giờ mới bay thư về báo Đại vương (chỉ Nguyễn Huệ) cũng chưa muộn nào.

Sở nói:

– Khi Đại vương về Nam, Ngài đã giao phó thành này cho ta. Nay giặc đến ta phải sống chết với thành, trước là khỏi thẹn là bày tôi giữ đất, sau mới không phụ cái trọng trách cầm binh quyền. Nếu bây giờ sợ bóng gió, chưa chi đã vội chạy, bỏ thành cho giặc thì chẳng những có tội với Đại vương, mà lại để tiếng cười với người Bắc Hà nữa.

Nhậm giảng giải:

– Tướng giỏi đời xưa liệu giặc rồi mới đánh, tính chước rồi mới làm, lâm cơ, ứng biến, vào quỷ, ra thần, cũng như tay cao tính nước, tùy thế mà đánh cờ vậy. Ta kéo đủ quân về, không phí một người lính, một mũi tên, cho giặc ngủ nhờ một đêm rồi lại đuổi đi, nào có mất gì mà sợ? Nếu vì rút lui mà mang tội, thì tôi xin giải bày với Đại vương, chắc Ngài cũng sẽ soi xét. Xin Tướng quân đừng ngại.

Trận đấu bất lợi

Sở mật truyền các trấn thủ ở Kinh Bắc và Lạng, Thái rút quân lui về, nhưng phải thanh ngôn là đi hội quân để đắp lũy đất ở bên sông Nguyệt Đức¹⁹⁴.

Sở lại hẹn ngày cho các trấn thủ ở Hải Dương và Sơn Tây phải đem quân về họp ở thành Thăng Long. Trấn Sơn Nam phải sửa soạn thuyền, đợi quân thủy đến thì cùng tiến phát.

Năm hôm sau, các đạo đều hội binh ở dưới bóng cờ Tiết chế Văn Sở. Lễ duyệt binh bắt đầu trang nghiêm cử hành ở bên sông Nhĩ. Sở hạ lệnh cho các bộ binh phải sắm sẵn lương khô để đợi sai phái. Thuộc tướng Đặng Văn Chân được lệnh quản đốc thủy quân, đường hoàng xuôi xuống Đông trước.

Sở vừa phân phái xong, thì trời đã vàng tối, bọn Trần Bá Lãm và Nguyễn Đình Khoan về tới Kinh thành. Họ nói: “Khi đến Nam quan, bị tên hậu lại nhà Thanh ngăn cản không cho vào. Hiện nay quân Thanh đã vượt qua Nam quan, lính bộ kỳ tiền phong của họ đã tiến đến địa phận huyện Phượng Nhãn¹⁹⁵.”

Giữa vòng các tướng, Sở lại bàn định rút lui...

Nội hầu Phan Văn Lân phản đối:

– Nước không cứ lớn, quân không cứ nhiều, cần phải biết mẹo mới được. Chúng mình nay làm tướng, cầm quân ở ngoài, thế mà giặc đến không đánh, bàn nhau rút lui, còn gọi làm tướng sao được! Vậy tôi xin đem một nghìn tinh binh, qua sông Nguyệt Đức, đánh cho chúng nó một trận, xem Nam khỏe hay Bắc khỏe nào? Có thể, chúng mới biết ta đây là hạng người gan mật chứ?

Được Sở tán thành. Lân liền ruổi quân qua đò sang Bắc. Gấp đường đi suốt ngày đêm, Lân kéo đến bờ bên nam sông Nguyệt Đức thì lều sương vừa điểm trống canh ba.

Mấy cây gồi cời trần đứng bên sông, lò mờ chỏm tóc xác xơ đòi cơn rũ rượi trước những luồng gió lạnh buốt. Lù lù bè rong, bè ngổ, dường cũng sợ rét, dạt nép vào bờ hoang vu.

Trời rét? Mặc! Sông ngăn? Mặc! Lân cứ hăng hái thúc quân tiến vì thấy quân Sĩ Nghị đã đến đóng ở núi Tam Tầng¹⁹⁶.

Khi bấm bụng lội tràn qua sông Nguyệt Đức, quân Tây Sơn phải một mẻ buốt thịt xương, run bầy bầy. Có người, vì không chịu nổi rét, chết ngay ở trong sông.

Đổ bộ được sang bờ bên kia, Nội hầu Phan Văn Lân thúc quân vây dinh của Tôn Sĩ Nghị, nhưng phần vì mặt trận quân Thanh kiên cố, phần vì súng đạn ở trong bắn ra rào rào, quân Tây Sơn không sao đến gần được. Lại bị Trương Triều Long¹⁹⁷, tiên phong bên Thanh, xông xáo đánh giết và cung tên của hai cánh quân tả hữu dục bên địch bắn châu vào, quân Lân núng thế, chết mất vô kể.

Trước đó, Tôn Sĩ Nghị phái ra một toán kỳ binh từ mạn thượng lưu vượt qua sông, đi tắt đánh úp lấy dinh Thị Cầu.

Thấy trong dinh Thị Cầu phát hỏa, quân Lân cả sợ, vội vượt lũy rút về. Giặc Thanh nhân cái đà thắng lợi đó, ruổi dài, tiến tràn, làm cho quân Lân phải một mẻ bất lợi¹⁹⁸!

Tin Lân thua chạy ấy là một tin vừa đáng kinh, vừa nhục nhã cho Ngô Văn Sở! Hết sức giữ bí mật, Sở không muốn cho vết dầu ấy loang trên “tờ giấy” Thăng Long.

Lệnh Tiết chế vừa hạ: các quân, đội nào ngũ ấy, nghiêm chỉnh kéo đi. Họ đã trẩy qua Phúc Châu¹⁹⁹, mặt trời mới tròn bóng. Bấy giờ người Bắc mới biết quân Tây Sơn đã rút khỏi Thăng Long.

Đến Yên Mô²⁰⁰ (ngày 20 tháng mười một năm Mậu Thân, 1788), Sở chia bộ binh bố đóng núi Tam Điệp (đèo Ba Dội), liên lạc với quân thủy ở hải phận Biện Sơn.

Từ Trường Yên²⁰¹ trở vào bị quân Sở chẹn giữ, cắt hẳn Thanh, Nghệ với các trấn Đường Ngoài²⁰², nên tình hình hai đảng bị ngăn cách hẳn.

Bắc Hà dưới gót sắt giặc Thanh

Để đón quân Thanh, Lê Chiêu Thống sai Bình chương Phạm Đình Dũ và Tham tri Võ Trinh đem thư với 10 con bò, 100 vò rượu lên tận Hòa Lạc²⁰³ vấn an Tôn Sĩ Nghị.

Ôm cái dã tâm xâm lược, Tôn Sĩ Nghị vượt qua cửa ải, xuống Lạng Sơn, rồi kéo đến Kinh Bắc với bao nhiêu cái dễ dàng.

Khi Nghị đến trấn Kinh Bắc, vua Lê lóp ngóp từ Phượng Nhãn, thân đem quần thần đến khúm

núm yết kiến và mời Nghị hãy vào đóng trong trấn dinh. Song Nghị nói: “Đây cách quốc thành (Thăng Long) không xa, nên đến ngay, chứ không nên chùng chình ở lại.” Nghị bèn sai bắn 9 phát súng, rồi nghiêm chỉnh đội mũ mà tiến đi.

Bóng lạnh đã ngả về chiều, Nghị mới kéo quân đến bờ phía bắc sông Nhĩ. Vua Lê xin trước qua sông, vào thành Thăng Long, sai sửa soạn màn trướng ở trước điện Kính Thiên để mời Nghị đóng.

Nghị không ưng nói: “Chỗ ấy không phải là hành doanh của đại tướng, vì có nhiều điều không tiện cho việc hành binh.”

Nghị bèn sai chia đồn cắm đóng ở những nơi bãi cát rộng rãi bên sông Nhĩ lại sai làm cầu phao ở trong sông để tiện đi lại²⁰⁴.

Ngày 21, tháng mười một (Mậu Thân 1788), Nghị lừa quân vào thành Thăng Long trống rỗng, đặt tướng doanh tại Tây Long cung²⁰⁵.

Khi Sĩ Nghị ra quân, vua Thanh giao sẵn cho sách và ấn, dặn rằng hễ lấy được đô thành Thăng Long thì phong Tự tôn Duy Kỳ làm An Nam quốc vương để ràng buộc lấy lòng người.

Vâng lĩnh ý chỉ của vua Thanh Càn Long, Sĩ Nghị thấy bấy giờ đã có thể thực hành được sứ mạng đó, bèn bảo vua Lê chọn ngày để làm lễ sách phong; song vua Lê giải bày rằng lăng tẩm ở Thanh Hoa hãy còn sa vào trong Tây Sơn, chưa đến bái yết được thì lễ đâu lại vội làm cái thịnh điển này. Thế rồi Chiêu Thống khóc xin Nghị hãy tạm hoãn.

Nghị nói: – Những lời của Tự quân thật ra là chí tình, nhưng Hoàng đế (chỉ vua Thanh) đã có mệnh lệnh bảo làm thì không thể chầy hoãn được. Tự quân há nên vì tình riêng mà xin hoãn lại cho nhảm?

Cố nhiên, Nghị bảo sao vua Lê phải nghe vậy.

Vì thế qua ngày 22²⁰⁶ Sĩ Nghị làm lễ phong vua Lê làm “An Nam quốc vương” ở điện Kính Thiên.

Trong bài văn sách phong có câu đặc sệt cái mùi đạo đức giả:

披十有一道之提封原非利扶土地

遡百五十年之職貢能不念其祖宗

Phi thập hữu nhất đạo chi đề phong, nguyên phi lợi phù thổ địa;

Tổ bách ngũ thập niên chi chức cống năng bất niệm kỳ tổ tông.

Dịch:

Mở dư đồ mười một đạo, lợi đâu hám ở đất đai?

Trải chức cống trăm rười năm, tình nghĩ cảm vì tông tổ.

Mặc dầu phải mặc áo cốn, đội mũ miện, quì ở sân điện (Kính Thiên) mới được người Thanh “ban” cho danh hãn hiệu hờ, vua Lê vẫn khép nép e dè, không dám đường hoàng, trên văn thư dùng niên hiệu Chiêu Thống, nhưng vẫn phải đề hiệu Càn Long nhà Thanh (bấy giờ là năm Càn Long thứ 53, Tây lịch 1788).

Hằng ngày, vua Chiêu Thống cưỡi ngựa đi trước, Lê Quýnh cưỡi ngựa theo sau, với vài chục lính hầu cong cóc sang Tây Long cung nơi Sĩ Nghị đóng, chầu chực công việc quân quốc.

Nghị với vẻ ngạo nghễ tự tôn, không thèm đếm xỉa đến vua tôi nhà Lê gì cả. Có khi Chiêu Thống tiến yết, Nghị không tiếp, chỉ sai người đứng dưới gác chuông truyền ra bảo vua Lê rằng: “Nay không có việc quân quốc gì, hãy cứ về cung mà nghỉ!”

Luôn mấy năm mất mùa, dân gian đương bị hung thần “Đói kém” hành hạ! Sịch một cái, giặc Thanh lại kéo sang, lừa nhân dân vào giữa hai ngọn lửa! Trên bức phong thời sự, bên những

tấm thân tàn trong cảnh sống ngặt nghèo, lại điểm thêm mấy nét khói lửa loạn ly! Những tiếng kêu than ra từ lòng không dạ rỗng lẫn cả bao tiếng khóc lóc nghiêng rặng trước những thảm kịch cướp của, đánh người, luân gian, hãm hiếp do bọn quân Thanh gây nên!

“Đứa ở ăn hiếp chúa nhà!” nạn ấy thường xảy những nơi như Hà Khẩu phường trong thành Thăng Long, phố Cơ Xá bên Kinh Bắc và phố Hiến thuộc trấn Sơn Nam! Hàng vạn Thanh kiều ở tản trong những nơi đó, đã sống lâu năm bên ta, am hiểu phong tục, nói thạo tiếng Nam, nay bỗng nắm được “Cây gậy thần thế” của Tôn Sĩ Nghị giở ngay thủ đoạn nhờ gió bẻ măng: họ hoặc đến phụ theo quân đồn, hoặc lập riêng cái điểm “Liếm đế” công nhiên cướp của, hiếp gái ở giữa chợ hay ngoài đường, không còn kiêng nể e dè gì cả! Rất đời họ tìm nhiều cách vu hãm lương dân để tranh chiếm lấy đất, ruộng, tài sản của đồng bào Nguyễn Huệ!

Đã khổ vì đói kém, khổ vì bị hiếp đáp, dân gian lại phải trịu vai oè cổ gánh vác việc cung đốn giặc Thanh! Vắt từ mồ hôi nước mắt của hạng người khéo khư ồm đói, vua quan nhà Lê nặn lấy rượu thịt, cơm, gạo, cho quân gia Thanh và rơm, cỏ, lá tre, ngô, thóc, cho lừa ngựa chúng! Chỉ thiếu một gánh cỏ, một đấu thóc, anh dân đen cũng đủ nát thịt hay một gông rồi!

Chẳng những vậy, sự dâng nộp lại là cái tai nạn ghê gớm đối với dân gian: đã mất của “đổ sông Ngô” lại mất công quy lụy châu chực! Gia dĩ một tang, hai ngoại, hạng người ngẩn cổ bé miệng chỉ có cách gạt nước mắt bấm bụng chịu dầu trước những cái tàn ác của kẻ lạm bố phù thu!

Sống mặc bay! Chết cũng mặc bay! Quân Thanh cứ việc ăn chơi phưỡn phệ!

Dù đến đục, đục đến sãng, vua tôi nhà Lê cũng sụt trán về việc liệu lý binh lương, nhưng nạo vét được bao nhiêu thì lại “cúng sống” khách binh hết cả!

Đã trót đáp theo tiếng gọi Cần vương, nghĩa binh các nơi riêng chịu bóp bụng tòng quân chứ đừng hòng triều đình phát tiền, phát gạo mà nhờ!

Bắc thành trước ý yêu ghét của Chiêu Thống

Sau ngót một tháng đã phục được kinh thành Thăng Long, nhưng hiệu lệnh của vua Lê chỉ choèn choèn ở 5 lộ Ứng (Ứng Hòa), Thường (Thường Tín), Từ (Từ Sơn), Thuận (Thuận Thành), Quảng (Quảng Oai) thôi. Còn từ Trường Yên (Ninh Bình) trở vào Nam đều bị ngăn cách không thông tin được²⁰⁷.

Lê Chiêu Thống, một người có tính hẹp hòi khắc nghiệt, sau khi nhờ sức quân Thanh, thu phục được Thăng Long, làm luôn những việc báo ân trả oán, cốt thỏa tư ý yêu ghét thiên lệch và riêng theo tình cảm cá nhân không chính đáng, chứ chẳng cân nhắc bằng lý trí mà đặt vấn đề quân quốc lên trên hết mọi sự.

Nên chi, trong dịp này, chính là một cơ hội tốt để Chiêu Thống lộ hết cái bản tướng bất xứng chức của mình!

Hồi tháng mười một năm Chiêu Thống thứ 2 (Mậu Thân, 1788), vua Lê trị tội những người xuống hàng Tây Sơn. Bấy giờ trong họ nhà vua có người tông nữ kết duyên với tướng Tây Sơn đã có mang, vậy mà vua Lê sai mổ bụng lấy thai giết chết cả hai mẹ con vô tội. Chính Chiêu Thống lại sai chặt chân ba người hoàng thúc quăng ra giữa chợ trong cung²⁰⁸.

Ấy là không kể những vụ như: giết Phạm Như Tuy, trấn thủ Tuyên Quang, vì Tuy bắt Hoàng đệ Duy Lưu đem nộp Tây Sơn và khép Phò mã Dương Bành vào tử hình vì Bành dẫn quân Đàng Trong đuổi bức ngự giá²⁰⁹.

Mấy việc này chẳng những làm cho lòng người nôn nao ngờ vực và không nhất tâm, lại còn khiến cho bà Thái hậu (mẹ của Chiêu Thống) đau đớn tức bực nữa. Nguyên, khi Thái hậu từ Tàu về đến Thăng Long nghe biết những việc ngang trái của vua Lê đã làm ấy, bà phát bần lên rằng: “Ta cay đắng mới xin được quân cứu đến đây. Nước nhà phỏng được mấy phen cứu ân báo thù để phá hoại thế này! Hồng đến nơi rồi!” Rồi bà kêu khóc, không chịu vào cung. Tụng thần là Nguyễn Huy Túc khuyên giải mãi, bấy giờ bà mới thôi²¹⁰.

Đến khi ban thưởng, chia chức, vua Chiêu Thống lại rất thiên từ tây vị: chỉ rảy mưa móc cho bọn bày tôi hoặc tông vong hoặc ở nơi hành tại²¹¹, chứ không nghĩ gì đến những cựu thần và hào kiệt các nơi. Vì vậy nhiều người thất vọng và ngã lòng.

Bấy giờ, Kinh Bắc Hiến sát Phó sứ Ngô Tường Đạo có dâng sớ khuyên vua Lê rằng:

... Việc binh quý ở thần tốc. Nếu gặp cơ hội có thể làm được thì sao cứ phải chuyên cậy vào ngoại binh để động tí lại ngừng lại đến hàng tuần nhật? Hiện nay quân cần vương ở các lộ ai chẳng muốn cố sức chết để đền bồi? Bấy giờ quân Tây Sơn đã lui, ta nên đem ngay đại binh mà đuổi theo, làm như sấm choẹt không kịp bung tai, khiến cho bên địch không còn rảnh rang mà lo tính được nữa. Hai xứ Thanh, Nghệ nghe biết tất nhiên hưởng ứng. Văn Huệ thì cách trở ở phía nam Hoàn Sơn, bọn Văn Sở thì thể côi không có quân cứu, hình thế xa cách nghẽn tắc, hai bên không thông được với nhau, thì không ngoài mười ngày ta có thể bắt sống được cả. Một khi đã bắt được vây cánh của họ rồi, ta sẽ có thể lần lượt phá sạch được hang tổ của họ đấy. Cái cơ trung hưng chính ở ngay đây, xin đừng bỏ lỡ...

Nhưng Chiêu Thống chỉ hoàn toàn ỷ lại vào quân Thanh, coi Tôn Sĩ Nghị như vị cứu tinh, như bức Vạn lý Trường thành; Sĩ Nghị bảo sao thì nghe vậy, chứ mình chẳng có một chút năng lực tự động gì cả!

Một cố cung nhân đến từ Trường Yên đã phải phàn nàn với Lê Thái hậu: “Nguyễn Huệ là tay anh hùng lão luyện, mạnh tợn, giỏi nghề hành binh, lúc ra Bắc, lúc về Nam, xuất quỷ nhập thần, chẳng ai có thể dò lường được: chẳng thể bắt Hữu Chinh như túm trẻ con, giết Văn Nhậm như thịt con lợn: không một người nào dám nhìn thẳng vào mặt hắn bao giờ. Hễ thấy hắn trở tay hay lườm mắt, thì người ta đã sợ quá sấm sét: phách lạc hồn siêu cả rồi! Tôi trộm e: chẳng bao lâu hắn sẽ lại đến đây. Tôn Tổng đốc (Sĩ Nghị) đem đàn quân có nạn nội cố này chực địch với hắn, phỏng sao đương nổi? Tôn chẳng qua là khách, sang đây cũng chỉ nghe ngóng tình thế khó hay dễ mà liệu chiều lui hay tới thôi. Còn quốc gia của ta thì sao!”

Thấy gần đến tết, vua Lê theo lời Lễ quan tâu xin, cho phong ấn cất đi (hạ ấn) từ ngày 25 tháng Chạp (Mậu Thân, 1788), và làm lễ miếu xã triều đình theo lệ thường. Cho bách quan và quân lính nghỉ mười ngày để đón mừng xuân mới. Còn đối với “Đại sứ của Thiên triều” (chỉ Tôn Sĩ Nghị) thì nghi phẩm cung đốn theo lệ khoản tiếp “Thiên sứ” sang sách phong, nhưng nay gia hậu bội phần.

Chúng nó chỉ mua lấy cái chết

Đường hoàng giữa cảnh sông Hương núi Ngự, Bắc Bình vương đương chú mắt vào thời cục Bắc Hà, thì Nguyễn Văn Tuyết²¹² từ núi Tam Điệp, vâng lệnh Ngô Văn Sở phi ngựa trạm, đem tin khẩn cấp vào thành Phú Xuân (ngày 24 tháng mười một năm Mậu Thân, 1788): Tôn Sĩ Nghị lột miệng bằng tiếng “cứu Lê” đã kéo binh sang chiếm Thăng Long, giày đạp dân chúng! Khí diễm quân Thanh đang ngùn ngụt như lửa bốc dữ! Thú binh ở Bắc của ta không sao địch nổi, đã phải rút lui đóng giữ từ Thanh Hoa trở vào.

Với vẻ cương quyết như Trần Hưng Đạo khi có giặc Mông Cổ: “Đầu tôi chưa rụng xuống đất, đừng lo!” Và với giọng khảng khái như Lê Lợi khi có giặc Minh: “Tài trai phải cứu nạn đời, lập công lớn, lưu tiếng thơm ngàn thu, chứ sao chịu để cho người sai khiến?” Bắc Bình vương lớn tiếng mắng nhiếc quân Thanh trước cái kinh hoàng của Tuyết: “Vẻ chi anh em sợ hoảng lắm mấy? Đàn Ngô cầu chỉ đem thân đến để mua lấy cái chết đó thôi!”

Bấy giờ các tướng ta ai cũng khuyên vương: Nên hãy trước chính vị hiệu để ràng buộc lấy lòng người Nam, Bắc, rồi sau sẽ ra bắt sống quân hùm beo ấy cũng chưa muộn nào!

Chiều ý chư tướng, Bắc Bình vương sai chọn ngày lập đàn Giao ở Bân Sơn, phía nam núi Ngự Bình, làm lễ tế trời đất và các thần sông, núi. Rồi với bàn tay danh thép như Nã-phá-luân thứ nhất, vương tự làm lễ “gia miện” lấy. Thế là, từ ngày 25 tháng mười một năm ấy, được mang cái hiệu Quang Trung nguyên niên (1788) thay vào hai niên hiệu: Chiêu Thống thứ 2 và Thái Đức thứ 11.

Ngày hôm đăng quang, vua Quang Trung tự làm tướng cầm đầu đại binh, đốc thúc các tướng sĩ ở tể đàn, kéo cả quân bộ, quân thủy rầm rộ ra Bắc Hà với cái triều khí đang tung bùng bùng bột.

Bữa 29, trẩy đến Nghệ An, nhà vua đóng quân, ở lại hơn mười ngày, sai tướng Hồ Hồ hầu²¹³ tuyển lính Nghệ: cứ 3 suất đình thì lựa lấy một người làm lính. Binh số cộng được hơn 10 vạn người²¹⁴, voi trận được vài trăm con.

Nghiêm như sắt đá Trà Sơn, hoạt bát như làn nước Hồng Thủy, vua Quang Trung tại trấn doanh Nghệ An, làm lễ điểm duyệt binh lính.

Thân quân Thuận Quảng, chia làm bốn doanh: Tiền, Hậu, Tả, Hữu. Tân binh Nghệ An đặt làm trung quân.

Khi ở Nghệ, vua Quang Trung sai vời “thầy La Sơn” Nguyễn Thiệp²¹⁵ đến, hỏi thử rằng: “Quân Thanh kéo sang xâm; ta nay làm tướng thân chinh đây. Chước đánh, giữ và số được thua ra sao, nhà thầy thử nói cho ta nghe nào!...”

Thiệp thưa: “Bây giờ trong nước rỗng không, lòng người tan nát. Quân Thanh từ xa kéo đến không rõ tình hình khỏe yếu và phương thế đánh giữ gì đâu. Chúa công ra chuyến này, chẳng qua mười ngày thì dẹp được giặc.”

Thấy Thiệp nói hợp với ý chỉ mình, vua Quang Trung mừng lắm.

Chỉ nội mười ngày quét sạch giặc Thanh

Đội mũ trụ, mặc áo giáp, cưỡi voi, vua Quang Trung ra khỏi tướng doanh, vỗ về yên ủi quân sĩ bằng một thái độ ôn tồn.

Rồi lệnh truyền “cho ngồi” vừa hạ, chư quân phăng phắc im tờ, chăm chú ngồi nghe nhà vua diễn dụ:

Quân Thanh kéo sang xâm lấn, hiện đương chiếm cứ Thăng Long, các người đã hay tin chưa?

Trong vòng trời, đất, chia theo phân sao Dực, Chấn, Nam Bắc vẫn riêng một non sông. Người Tàu không phải nòi giống ta thì tất khác lòng khác da. Từ nhà Hán về sau, họ cướp đất đai ta: cắt thịt nhân dân, vợ vét của cải, nông nổi ấy thật khó chịu quá! Người nước ai cũng phải nghĩ đánh đuổi đi.

Đời Hán, có Trung Nữ vương, đời Tống có Lê Đại Hành; đời Nguyên có Trần Hưng Đạo; đời Minh có Lê Thái Tổ. Các cụ không chịu bó tay ngồi nhìn quân Tàu tàn bạo, nên phải thuận lòng người, dấy quân nghĩa, đánh thẳng chúng rồi đuổi cổ về Tàu. Trong những khi ấy, Nam Bắc đâu lại phân đó, bờ cõi yên ổn, vận nước lâu dài. Từ nhà Đinh tới nay, chúng ta không đến nỗi phải cái khổ thuộc nước Tàu như xưa nữa. Đó lợi, hại, được, thua chuyện cũ rành rành là thế.

Nay người Thanh không soi gương Tống, Nguyên, Minh, lại sang mưu chiếm nước Nam ta đặt làm quận huyện! Vậy, ta phải vùng ra mà khu trừ đi!

Các anh em, hạng người có tri thức, có tài năng, phải cùng ta đồng lòng gắng sức, khiến cho việc lớn được nên, chứ đừng giở thói phản trắc, nhị tâm đó! Hễ việc lộ ra ta quyết giết chết, không tha một ai, bấy giờ đừng trách ta không báo trước.”

Tiếng dụ vừa dứt, tướng sĩ thấy đều cảm kích. Ai nấy tỏ vẻ hăng hái hy sinh, quyết tâm “làm thịt” giặc Mãn.

Qua bữa sau, vua Quang Trung hạ lệnh trẩy quân.

Hơn mười vạn binh, nhất là đám thân quân, đều được huấn luyện thành thực: họ bơi lội rất giỏi, đi đường rất nhanh; thật không phụ với hai tiếng “tì hưu” xưa kia người ta vẫn dùng để tặng hạng quân hùng kiệt.

Để làm như binh mã từ trời sa xuống, vua Quang Trung muốn cho cực kỳ thần tốc trong lúc

hành binh, Ngài ra lệnh này cho đám quân Bắc phạt: cứ ba người một tốp, luân phiên vòng lần cho nhau, suốt dọc đường, anh lính nào cũng phải vòng người và được người vòng. Như thế, hết lượt anh này phải đi, lại đến lượt anh khác được nghỉ. Nghỉ, đi, đi, nghỉ, cứ đồng lần mãi cho ra đến chỗ đất mục đích. Vì thế, vừa trảy được nhanh, vừa khỏi kiệt quân lực.

Quân lính đi trước, vài trăm voi trận đi sau²¹⁶ người ta đồng được, hăng hái bước trên con đường dẫn đến thành công.

Ngày 20 tháng Chạp năm Mậu Thân (1788), vua Quang Trung đã đến núi Tam Điệp (chỗ tiếp giới Thanh Hoa và Ninh Bình).

Để nhận việc rút lui là tội đáng chết, Sở và Lân, cả hai vác gươm ra đón Quang Trung hoàng đế.

Vua quở trách: – Các khanh đem quân theo ta, làm đến quân soái. Ta đã giao cho toàn hạt mười một trấn, được phép tiện nghi làm việc. Vậy mà thấy giặc đến, không dám đánh một trận nào đã vội trốn! Cái tội đó, cứ kể đáng chết thật. Vì theo binh pháp: thua trận thì tướng phải chết chém.

Ta đã biết trước: các khanh chỉ thạo nghề võ, gặp giặc thì đánh khỏe; chứ đến liệu cơ chế thắng, chắc không phải là ngón sở trường. Vậy nên, trước khi về Nam, ta phải cử Ngô Thì Nhậm ở lại làm việc với các khanh.

Vả, Bắc Hà mới dẹp yên, lòng người chưa thật quy phục. Mà thành Thăng Long bốn mặt đều là chiến trường không có chỗ nào hiểm trở có thể giữ vững được. Nghiêm ngay như năm xưa ta ra lấy Bắc Hà, chúa Trịnh quả không trông nổi thì đủ biết. Các khanh đóng quân ở đây ngoài thì giặc Thanh đến lấn, trong thì người Bắc làm nội công, các khanh còn biết xoay trở làm sao được nữa!

Các khanh chịu nhin, tránh mũi gươm đang bén của giặc, rút quân chẹn các nơi hiểm yếu để, mặt trong, kêu mỗi tức tối của quân ta, mặt ngoài, tăng thêm cái khí kiêu căng của quân địch. Chước đó kể cũng phải đấy. Mới nghe, ta đã đoán ngay là mưu kế của Thì Nhậm; kịp hỏi Văn Tuyết, quả nhiên không sai.

Thì Nhậm, bấy giờ, cũng ra lạy tạ nhà vua và thuật rõ gót đầu công chuyện.

Vua Quang Trung lại tiếp: – Nay ta tới đây, thân đốc việc binh, chiến thứ ra sao đã có phương lược định sẵn. Chỉ nội mười ngày nữa, thế nào ta cũng quét sạch được giặc Thanh. Song le ta nghĩ: nước chúng lớn hơn nước mình mười lần. Chúng bị thua rồi, tất lấy làm then, chắc phải tìm cách rửa hờn. Nếu cứ để binh lửa kéo dài, mãi không yên ổn, thật không phải là phúc nhân dân, lòng ta sao nở? Nên chi, sau khi chiến thắng, ta nên khéo đường từ lệnh thì mới dập tắt được ngọn lửa binh tranh. Việc từ lệnh đó, ta sẽ giao cho Ngô Thì Nhậm.

Rồi xây²¹⁷ ra phía Nhậm, ngài nói: – Vậy khanh phải tùy cơ mà liệu ứng phó với chúng?

Dọn lại giọng, vua Quang Trung nói cách khảng khái: – Cứ thả cho ta mười năm nữa, quân ta mạnh, nước ta giàu, thì có sợ gì chúng nó?

Ngài lại ngọt ngào yên ủi bọn Sở, Lân: – Các khanh làm vậy cũng là một mẹo như giặc đó. Thôi, nay ta hãy cho đối tội lập công, trông mong ở chỗ các khanh rấn sức sau này...

Mấy lời hùng lược tự tín của vua Quang Trung trên kia nay cần lặp lại: “Chỉ nội mười ngày nữa, thế nào ta cũng quét sạch được giặc Thanh!”

Rồi mở tiệc linh đình, khao lạc tướng sĩ. Ngài với giọng quả quyết cương nghị bảo họ rằng: “Bữa nay ta hăng ăn tết Nguyên Đán trước (bữa ấy mới là ngày 20 tháng Chạp) sang xuân, ngày mồng 7, ta sẽ lại vào ăn tiệc ở thành Thăng Long. Các người cứ nhớ lấy lời ta xem có đúng thế không!”

Để kêu gọi lòng trung dũng, khí hăng hái của ba quân, vua Quang Trung, trước khi tan tiệc tất niên không quên gắn bó họ bằng “khẩu hiệu” này:

“Một là ăn đặng Tết; hai là đành chịu chết! Các tướng sĩ phải thật hết lòng cùng ta!”

MỖI NGÀY SĨ NGHỊ XỬ TỬ HÀNG ba, bốn CHỤC NGƯỜI!

Sau khi bọn Ngô Văn Sở đã rút lui về Nam, Tôn Sĩ Nghị kéo quân qua sông Nhị tràn vào thành Thăng Long với vẻ “ta đây, các chú Thiên triều!” bố đồn đóng quanh thành²¹⁸, từ cửa ô Thăng Long đến Hà Hồi (thuộc huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, Hà Đông). Nghị chia khoảng từ đồn nọ đến đồn kia, đặt súng đại bác, lại chôn địa lôi ở ngoài đồn trại; cắm chông sắt ở phía trước Tây Long cung bên bờ sông. Nói tóm, đồn lũy đàng giang của quân Thanh có vẻ liên lạc và kiên cố lắm.

Việc canh gác kho khí giới và lương thực của quân Thanh? Giao cho viên đề lĩnh họ Đinh với một toán quân già.

Khi đóng quân ở quanh thành như vậy, tướng lĩnh của Sĩ Nghị kém nghiêm minh, không ngăn cấm được những sự làm càn của quân lính: cái nạn cướp chợ và hiếp dâm phụ nữ không ngày nào, không chỗ nào không thấy xảy ra²¹⁹. Thành thử mỗi thù oán gây bởi đám quân sai lang không kỷ luật ấy càng lâu càng thấm sâu vào tận xương tủy dân chúng!

Nghị lại phi sức cho các quan nhà Lê phải tra xét, lùng bắt, dâng nộp những tướng sĩ của vua Quang Trung hãy còn rớt rớt tại các thôn trại. Hàng ngày số người không may bị Nghị bắt giết ấy có tới hàng ba, bốn chục! Lâu dần tổng số chết đến hơn nghìn mạng người²²⁰!

Cầm đầu 20 vạn quân, Sĩ Nghị không nghĩ đến bốn chữ “kiêu binh tất bại” trong binh pháp, song chỉ tìm cuộc vui suốt buổi, trện cười thâu đêm ở trong soái phủ; ngoài rượu nồng, gái đẹp hai món quà của vua Lê Chiêu Thống đưa tặng, Nghị không hề hành động chi hết. Vì vậy, từ hôm Nghị đóng quân ở Thăng Long, ngày nào trước cửa soái phủ cũng thấy cao treo tấm bài “miễn tiếp”.

Khi nhận được tờ sớ của Ngô Tử Đạo khuyên kịp tiến quân như trên đã nói, vua Chiêu Thống có sai Lê Quýnh đến nói với Sĩ Nghị, nhưng viên tướng Thanh kiêu căng này lại bảo là không nên²²¹.

Từ sau khi lấy được Thăng Long, hào kiệt các trấn đi cần vương tranh đến cửa quân xin tiến binh Sĩ Nghị đều bỏ qua, chẳng hỏi gì đến²²².

Khi thấy vua tôi nhà Lê khẩn khoản thúc giục về việc tiến quân ấy, Nghị lại khoác lác: “Cần gì bối rối sợ hãi! Việc này ta chỉ coi như thò tay vào túi mà móc lấy đồ vật thôi: lấy sớm thì xong sớm, lấy muộn thì xong muộn. Nay đã ngày hết tết đến, đại binh mới từ xa lại, chính là lúc hãy nên nhân hạ nghỉ ngơi, không nên đánh vội. Giặc (!) còn gầy, ta hãy cứ nuôi cho béo, để chúng tự đến dâng thịt cho ta. Các ông đã kêu xin tiến quân, thì ta cũng liệu cho xếp đặt: từ đô thành (Thăng Long) vào Nam, cứ độ 60 dặm một, chia đặt ba chỗ đồn binh. Đó cũng là cái ý xa đặt quân xích hầu (do thám), phòng sự không ngờ. Rồi đợi đến sang năm, đem binh tiến lấy cũng chưa muộn nào.”

Thế rồi Nghị lại sai đắp thổ lũy ở ba nơi này và phái quân đến phòng thủ:

1. Một đồn ở bên bờ bắc sông Nguyệt Quyết thuộc huyện Thanh Liêm²²³;
2. Một đồn ở làng Nhật Tảo²²⁴ thuộc huyện Duy Tiên;
3. Một đồn ở Ngọc Hồi thuộc huyện Thanh Trì²²⁵.

Về phần Lê Chiêu Thống, càng ngày nhà vua càng làm cho nhân tâm trong ngoài càng rời rạc như cát, giá lạnh như băng.

Như các bạn đã thấy, từ ngày dựa vào cái “núi băng Tôn Sĩ Nghị”, vua Lê đã hành động nhiều việc tàn bạo, mất hết thiên lương.

Tổng viên đề lĩnh họ Đinh giữ chức giám oí, canh gác khí giới, lương thảo, chứ không trọng dụng vào việc quân quốc, vì ông Đinh đã có can đảm và cao kiến dám phản đối việc cầu viện

nhà Thanh bởi lấy cớ rằng làm vậy chỉ là một cách rước vốc công rắn, thế nào nước mình chẳng mất nếu chúng làm được thành công.

Thằng tay giết hết những viên mục trong nước đã theo Tây Sơn. Rất đổi những đàn bà bị cáo là theo “Ngụy” dấu đang có mang cũng bị phanh thây, xả bụng²²⁶! Nhưng có ngờ đâu những “hòn máu” vô tội trong bụng mẹ chúng kia sẽ vang dậy tiếng kêu oan, làm cho trái tim vua Lê sau này mang xuống tuyền đài hãy còn uất kết chưa tan, lúc đã quê người xương trắng. (Vua Chiêu Thống mất ở Bắc Kinh ngày 16 tháng mười năm Quý Sửu, 1793, hưởng linh 28 tuổi).

TRÁ HÀNG ĐỂ KIÊU LÒNG GIẶC

Vua Quang Trung, sau khi kéo quân từ Nghệ trở đi, làm theo mưu kế của danh sĩ Nguyễn Thiệp²²⁷, một tay am hiểu thời cục Bắc Hà và thông thuộc tình hình quân Thanh, vì đã dạy học ở nhà ông đề lĩnh họ Đinh.

Một mặt, vua cứ thúc quân gấp tiến, ập đánh thật nhanh, khiến cho quân Thanh không kịp trở mình, sẽ phải cúp đuôi sam chạy!

Nhưng, một mặt, vua lại không quên dùng kế làm cho Sĩ Nghị sinh kiêu, đem lòng khinh địch: Vua sai Trần Danh Bính cầm đầu tám người sứ thần, đưa đến cho Tôn Sĩ Nghị ba đạo bắm văn²²⁸ nói rõ về sự tình phải lên thay nhà Lê.

Với giọng khẩn khoản thiết tha, sứ bộ Tây Sơn nài xin Tôn Sĩ Nghị hãy đóng quân ở cửa ải, tra rõ cái nội tình giữa Lê và Nguyễn (Tây Sơn) từ trước đến giờ.

Chẳng những sai sứ đưa thư, tỏ ý “cung thuận” như vậy, vua Quang Trung lại thả trả nhà Thanh tội tuần dương binh là bọn Hác Thiệu Tổng 40 người do Ngô Hồng Chấn, nguyên tướng Tây Sơn đóng ở Thăng Long, bắt được từ trước²²⁹.

Làm thế, cốt để “cung” lòng kiêu ngạo của Nghị khiến va tưởng rằng “chàng áo vải Tây Sơn” phen này đến phải “tự trói mình, ra Thăng Long tạ tội” thật đấy.

Nhưng cuộc vận động bằng ngoại giao, bằng hòa bình, từ trước đến sau, hoàn toàn thất bại cả.

Làm ra mặt, Sĩ Nghị cự tuyệt hẳn cái “cung thuận giả đờ” ấy: xé thư ném xuống đất! Giết phẳng Trần Danh Bính! Bắt giam hết cả sứ giả Tây Sơn²³⁰!

Nghị lại truyền hịch đi khắp nước ta: trút tội vào cả trên vai vua Quang Trung, đe dọa đánh rốc đến tận Quảng Nam²³¹, quyết bắt cho được “Nguyễn Huệ” mới cam lòng²³².

Thế rồi quân Thanh, với vẻ “con trời” hách dịch, ủa ạt qua sông Phú Lương²³³, kéo vào Thăng Long, sau khi bọn Ngô Văn Sở rút quân về núi Tam Điệp.

Nào ngờ giữa lúc Sĩ Nghị say rượu nồng, đắm sắc đẹp ở Thăng Long, chính là lúc vua Quang Trung đang lạnh lẽ, hăng hái kéo quân ra Bắc.

Kịp khi tiếp được thủ chiếu vua Thanh bảo Sĩ Nghị phải lấy hết đất cũ cho vua Lê rồi hãy rút quân, bấy giờ Nghị mới tính đến mưu chước tiến hành. Nhưng, muộn lắm rồi, quân Tây Sơn đang rần rộ sắp kéo đến nơi rồi! Thế mà Nghị vẫn hờn hờ tự đắc mà bảo Chiêu Thống khi nhà vua cuống quít lo sợ vì hay tin quân Đàng Trong đã đến Tam Điệp sơn: “Không cần đánh vội, ta cứ lấy thể nhàn rảnh mà đợi quân nhọc mệt!”²³⁴. Nhưng, rồi ít bữa nữa chắc Nghị sẽ phải nói khác lại: “Không sao đánh nổi, ta cứ ung dung mà đợi cái chết!”

PHƯƠNG LƯỢC HÀNH BINH

Quang Trung lập tức cắt cử tướng tá, giao phó mọi việc:

Làm tiên phong, Đại tư mã Sở và Nội hầu Lân: cai quản Tiền quân.

Hô Hồ hầu²³⁵ chỉ huy hậu quân, đóng vai đốc chiến.

Đại đô đốc Lộc, Đô đốc Tuyết cầm đầu Tả quân kiêm coi quân thủy, vượt biển vào sông Lục Đầu: Tuyết ở lại Hải Dương giữ việc kinh lược, làm quân ứng tiếp mặt Đông. Lộc đi gấp lên vùng Lạng Sơn, Phượng Nhỡn²³⁶, Yên Thế²³⁷ để chặn lối quân Thanh chạy về.

Đại đô đốc Bảo vào Đô đốc Long²³⁸ làm tướng Hữu quân, coi quản đội voi ngựa: Long xuyên ra huyện Chương Đức (Hà Đông), rồi rảo đến làng Nhân Mục (Thanh Trì, Hà Đông) để đánh chặn ngang đồn quân Điền Châu²³⁹ của người Thanh; Bảo thúc đội quân có voi từ huyện Sơn Minh (Ứng Hòa, Hà Đông) đổ ra làng Đại Áng (Thanh Trì, Hà Đông) làm ứng binh cho cánh quân Hữu.

Sắp đặt đầu đó, tướng sĩ năm doanh (Trung, Tiền, Hậu, Tả, Hữu) đều vâng theo tướng lệnh Quang Trung Hoàng đế.

Ngày 30 tết, cái ngày quân Thanh ở Thăng Long đang phờn phệ chuốc chén đón xuân bằng dầu mỡ dân Đại Việt, thì quân Tây Sơn, nhanh như chớp, đã qua sông Giản Thủy (thuộc Ninh Bình) rồi.

Trước đó, khi Đề đốc Hứa Thế Hanh, vâng lệnh Tôn Sĩ Nghị, đem bốn cánh quân đi trước, chia đóng Hà Nội, Ngọc Hồi để phòng thủ, thì quân Đàng Trong ầm ầm đổ đến Sơn Nam.

Hoàng Phùng Nghĩa, cựu tướng nhà Lê, do Tôn Sĩ Nghị sai đóng giữ ở Sơn Nam (nay là Nam Định), chưa kịp giao phong, đã vội tan vỡ ngay trước: chạy bạt đến sông Nguyệt Quyết (Thanh Liêm, Hà Nam). Sợ bóng, khiếp oai, bọn quân xích hầu (do thám) của Thanh cũng vội toán loạn chạy, khi thấy quân Tây Sơn kéo đến với lượng đông đảo và vẻ hùng cường!

Để cắt đứt tin thông báo về Thăng Long, vua Quang Trung thúc quân đuổi đến Phú Xuyên (Hà Đông), bắt sống hết bọn quân do thám của Thanh đó.

Quân xích hầu không còn lại một mống! Tin quân kín mít như bưng! Thành thử giặc Thanh đóng ở Hà Hồi²⁴⁰ và Ngọc Hồi²⁴¹ vẫn rượu xuân say khướt, bánh chưng ních no nê, mơ màng trong ngàn lớp mây mù, chẳng biết gì về cảnh núi Thúy non Côi đã chìm trong khói lửa!

Cũng như Nã-phá-luân đệ nhất, Quang Trung hành binh cốt ở nhanh chóng. Mà cái cơ đánh thắng phe địch, cũng là do đó một phần. Vụt đến như bay, làm cho quân Thanh không kịp xoay sở, nên các đồn trại của họ dầu phòng giữ cẩn mật đến mấy đi nữa, cũng không thể chọi nổi với đám quân “từ trời bay xuống” ấy được.

TRẬN ĐÁNH HÀ HỒI VÀ NGỌC HỒI

Thăng Long năm nay (1789) mất Tết! Nhân dân chỉ dốc những chén “khủng bố kinh hoàng” thay cho bánh chưng, dưa hành, thịt mỡ.

Nay đã sang ngày mùng 3 tết. Ông Đình Đề lĩnh vừa mừng vừa sùng sốt khi thấy ông Cống Nguyễn Thiệp đem từ Nghệ An ra biểu chiếc bánh chưng.

Chắc hẳn là chiếc bánh chưng phi thường?

Quả thế, sau khi thấy tên lính hầu đã bị chủ nhân xua ra bằng cái bàn tay “cơ cảnh”, Nguyễn Thiệp mới chỉ vào chiếc bánh chưng, thuyết ông Đình một chập, rồi quay ngay tới cái mục đích mình đến: “Trong nhân chiếc bánh này có tờ mật dụ của vua Quang Trung. Ngài muốn nhờ ông ghé vào một vai trong cuộc đánh phá giặc Thanh đương hòng quận huyện nước ta đó. Xin ông cứ theo kế, làm đúng như lời Ngài dụ, quyết sẽ góp được công lao vào cuộc chiến thắng.”

Ông Đình, vốn có cặp mắt trông sáng thời cục, lại hiểu rõ nghĩa cả quốc gia, nên trước đó, vẫn phản đối việc cầu ngoại viện. Nay được mục kích những thảm họa do quân Thanh gieo rắc khắp dân gian, ông sao khỏi không đau đớn trước cảnh rước voi giày má!

Thì dịp tốt đây! Ông Đình quyết ra tay làm cho chính kiến mình được thực hiện. Nên chi, sau khi xem kỹ mật chỉ của vua Quang Trung, ông không ngần ngại quyết định: xin làm theo đúng như mưu kế của nhà vua²⁴².

Đêm mùng 3 tết, cái đêm ấm áp, êm đềm, vui thú của tiết xuân non, cũng là cái đêm hãi hùng đau đớn của giặc Thanh đóng ở Hà Hồi!

Trong đám binh mã “mập mờ” giữa nửa đêm bữa đó, vang dậy tiếng loa kêu, nhiều giọng thay đổi ứng đáp: nghe như hàng vài vạn tiếng người...

Cái mưu “làm ít hóa nhiều” đó của vua Quang Trung khiến cho quân đồn Hà Hồi bên giặc Thanh càng thêm kinh khiếp trong vòng vây hãm.

Quân Thanh trong đồn liền kéo cờ hàng, sau một cơn khủng khiếp, tan hoang, không còn hơi sức đâu chiến đấu.

Thế là không đợi phải đánh, Quang Trung đã hạ được đồn Hà Hồi, lấy sạch quân nhu, khí giới của giặc.

Trận đầu thắng lợi!

Qua ngày mùng 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789), tức ngày Giỗ trận sau này ở Đống Đa (Loa Sơn)²⁴³, đầu trống canh năm, trời xuân còn đang ngủ trong giấc say sưa mờ mịt, vua Quang Trung đã từ giờ Dần (khoảng bốn, năm giờ sáng) sai thu đồn quân lương vào một khu rồi lấy lửa đốt sạch. Nhà vua lại lấy khăn vàng cuốn buộc ở cổ để tỏ cho tướng sĩ biết rằng phải cố đánh, phải liều chết, chứ không khi nào chịu lùi.

Hai việc này (đốt lương và buộc cổ) cũng cùng một ý nghĩa như khi có giặc Mông Cổ, Đức Trần Hưng Đạo, ngồi trên mình voi, chỉ sông Hố mà thề: “Không phá được giặc, quyết không qua sông này nữa!” Rồi vua Quang Trung xắn tay áo cưỡi voi, chính mình ra trận, thúc quân tiến đánh đồn Ngọc Hồi²⁴⁴. Nhà vua lựa lấy hơn một trăm voi thật khỏe cho đi trước.

Mờ sáng hôm sau, quân Thanh lừa đội tinh kỵ tiến lên. Chợt trông thấy voi, ngựa bên quân Thanh sợ quỳnh, hí lên, rống lên những tiếng kinh hoàng, rồi chạy toán loạn! Thấy thế, quân Nam lại thúc voi xông đến một cách hùng dũng đầy oai thiêng làm cho bên địch xô bồ hỗn loạn, mất hết trật tự.

Gặp cơn gấp, quân Thanh giày đạp lẫn nhau, không ai còn kịp cứu giúp được ai nữa! Rồi chúng lui vào trong cố sức giữ lấy đồn lũy...

Bốn mặt ngoài lũy đều cắm chông sắt? Mặc! Súng ở trong đồn bắn ra như mưa? Cũng mặc! Quang Trung cứ thúc quân đánh... đánh cho kỳ thắng.

VÁN GỠ, BÓ RƠM ĐÃ LẬP ĐƯỢC CHIẾN CÔNG OANH LIỆT

Vâng theo tướng lệnh, quân ta lấy 60 tấm ván gỗ, cứ mỗi 3 tấm lại xếp thành một bó, ngoài phủ rơm tấm nước, cộng được 20 bó như thế. Rồi cứ 10 người lực lưỡng khỏe mạnh, ai nấy, lưng đeo đoản đao, khiêng một bó ấy đi trước. Tiếp sau có 20 tên kính binh cầm vũ khí, tiến theo thế trận chữ “nhất”²⁴⁵.

Gió bắc...

Quân Thanh giở chiến thuật: đốt thuốc súng chứa trong ống để khói mờ tỏa làm cho loạn mắt quân Nam. Nhưng may, sau đó một chập, trời quay gió nồm: luồng khói tạt cả về bên phe địch!

Được dịp tốt đó, vua Quang Trung liền hô quân tiến...

Toán lính có ván và rơm để che đỡ đó lăn xả vào trước, đội quân tinh nhuệ theo sau lại trở sức xông vào, cứ xông vào...

Chính vua Quang Trung thân thúc voi, đốc quân cố đánh. Chết lớp này tiếp lớp khác...

Trong giây lát, quân Nam đã lướt đạn súng, vượt rào sắt phá tan cửa lũy, tràn vào được tận trong đồn.

Đánh giáp lá cà! Quân Nam quăng ván gỗ, mau lẹ tuốt đoản đao sáng quắc, chém lung tung...

Đội quân cầm binh khí theo sau lại cướp đường ập đến, hăng hái trợ chiến, chém người như thái rau! Quân Thanh không địch nổi, trận vỡ, người ngã nhào, giày đạp nhau!

Những kẻ địch chạy bừa bốn ngã, chạm phải “máy ngầm” (phục cơ) lại tan tác vì địa lôi ầm nổ do chính giặc Thanh chôn đặt từ trước.

Quân Thanh chết và bị thương về trận này đến quá nửa²⁴⁶ thế nghĩa là đến hơn mười vạn người.

Hạ xong đồn Ngọc Hồi, quân Tây Sơn nhân cái đà đắc thắng, hò reo dũng dục, thẳng tiến, xông đi, phá vỡ luôn được các đồn quân Thanh đóng ở Văn Điển và Yên Quyết.

Kết cục bên Thanh tổn hại rất nhiều: Đề đốc²⁴⁷ Hứa Thế Hanh²⁴⁸, Tiên phong Trương Triều Long, Tả dực Thượng Duy Thăng... đều bỏ xác nơi chiến trường!

Nhân thế thắng, một viên tướng Tây Sơn thúc binh đánh đồn quân Sầm Nghi Đống ở Khương Thượng.

Quân Nam bổ vây kín mít và đánh rất dữ! Nghi Đống, hơi sức đã kiệt, lại không có quân cứu viện, đành trốn ra Đống Đa, thắt cổ tự tử ở trên cây đa. Vài trăm thân binh của Sầm cũng đều tự chết hay bị giết ở quanh vùng ấy²⁴⁹, để lại nắm xương làm tài liệu cho ngày kỷ niệm giỗ trận mừng 5 tháng giêng!

UỐNG RƯỢU TẾT BẰNG MÁU GIẶC THANH

Trong khi quân Tây Sơn đang kịch liệt đánh phá các đồn lũy của quân Thanh ở ngoài châu thành, thì ở trong kinh đô Thăng Long giữa đêm mùng 4 rạng ngày mùng 5 tết, bỗng bốc lên ngọn lửa “nội ứng” do bàn tay ông Đinh đề lĩnh ngầm làm: Soái phủ cháy! Kho khí giới cháy! Kho lương thực cũng cháy! Lửa bùng bùng, khói ngùn ngụt... đốt tan giấc mộng “đế quốc” của Tôn Sĩ Nghị, tướng giặc Thanh!

Theo chương trình tổng công kích, vua Quang Trung, trước đó sai một toán quân từ đường dê Yên Diên (nay là Yên Kiện) ngược lên, xô cờ, khua trống làm nghi binh ở mặt Đông. Bấy giờ, quân Thanh thua chạy, xa xa thấy bóng cờ thấp thoáng và mồn mồn nghe tiếng thì thùng như Hoa Dung đương có Quan Công đứng đợi, ai không mất vía kinh hồn? Giặc Thanh càng sợ càng vội vã chạy... Thành linh một toán quân có voi của Tây Sơn từ làng Đại Áng²⁵⁰ đổ ra, đánh chúng chạy bạt vào phía đầm Mực (Mặc Đàm) ở Quỳnh Đô²⁵¹: hàng vạn người chết vì voi giày đạp!

Mùng 5 tết! Cỏ hoa Thăng Long quả được đón mừng khách chiến thắng. Nói sao làm vậy, vua Quang Trung thật không thẹn với những lời hẹn trước cùng quân sĩ từ 20 tháng Chạp năm Mậu Thân (1788).

Tại sao vua Quang Trung vào thành Thăng Long (giữa trưa²⁵² ngày mùng 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu, 1789) được chóng và dễ như vậy?

Vì khi nhà vua đương đánh quân Thanh ở Ngọc Hồi, thì Đô đốc Long kéo quân đi từ lúc tinh sương, đã do đường Nhân Mực ập đến Khương Thượng, đánh trại quân Nghi Đống đóng giữ ở đó.

Nghi Đống thua, rồi chết ở Đống Đa! Long đường hoàng dẫn quân vào Thăng Long, kéo cờ Tây Sơn dưới bóng xuân tươi mới.

Rượu tết chưa cạn! Tôn Sĩ Nghị đã phải dốc chén đắng cay!

Trước đó, tức bữa mùng 4, Nghị mới thấy đồn Ngọc Hồi phi ngựa đến cáo cấp. Tin đâu sét đánh, làm Nghị bủn rủn cả người! Rồi lại tiếp luôn được tin đồn Hà Hồi cũng bị Tây Sơn đánh phá: không khéo bọn Nghị phen này lại đến như Thoát Hoan, Thái tử Mông Cổ ngày trước, phải lẩn trốn vào trong một thứ đồ đồng, mới thoát khỏi lưới gươm của đức Trần Hưng Đạo!

Nghị sợ cuống, vội sai Thang Hùng Nghiệp đem quân đi cứu.

Hồi canh năm sáng mồng 5, về phía tây bắc, ngoài thành Thăng Long, đùng đùng súng nổ không dứt tiếng... Nghi liền sai lính kỵ mã đi do thám. Còn mình thì trèo lên kỳ đài, nghe ngóng binh tình. Té ra đồn Điền Châu ở Khương Thượng đã bị phá! Quân Nam ồ ạt kéo vào cửa ô, dưới một góc trời, sát khí ngùn ngụt bốc!

Trong khi viên tướng đôn mạt vô tài ấy còn đang xao xuyên rồi ren, thì nay thành Thăng Long thành lĩnh lại nổi khói lửa: chực đốt cả tính mạng Sĩ Nghi cho cháy theo soái phủ và các kho khí giới, quân lương.

Sự chẳng ngờ ấy khiến Nghi càng thêm vô cùng sợ hãi!

Không kịp đóng yên ngựa, Nghi vội đem theo vài tên kỵ binh, vượt qua cầu phao sông Nhĩ, chạy trước về mạn Bắc!

Chạy! Chạy!... Tướng sĩ các doanh bên Thanh xô đẩy nhau chạy!

Nhưng không chịu nổi trọng lượng, cầu sông Nhĩ gãy! Ném xuống lòng sông hàng vạn con người làm nghẽn tắc cả dòng nước²⁵³.

Sĩ Nghi chạy đến địa phận huyện Phượng Nhỡn, nghe nói Đắc Lộc hầu bên Tây Sơn đổ lại từ mặt đông sắp đón đường chẹn đánh, lại càng khiếp sợ, quăng hết những đồ mang theo ra dọc đường để chạy thoát thân. Vì vậy, hết thảy sắc thư, cờ hiệu, bài lệnh và ấn tín của tướng Thanh đều bị Tây Sơn bắt được ráo.

Thấy Nghi thua chạy, đạo binh Vân, Quý (Vân Nam, Quý Châu) vừa đến Sơn Tây²⁵⁴ phải vội tìm đường tháo về.

SỢ Tây Sơn, “CON TRỜI” NHÁO NHÁC CHẠY LOẠN!

Đã mục kích chiếc thân “hèn nhát” của chú Sĩ Nghi bại trận, lại phong văn Tây Sơn sắp kéo sang giết cho tiết giống khách, sau khi hung hăng đuổi đánh đến Lạng Sơn, người Thanh càng thêm kinh hoàng bối rối... Từ cửa ải Nam quan về Bắc, người Tàu dốt già, cống trẻ, lũ lượt nheo nhóc chạy đi lánh nạn. Vì vậy, trong khoảng vài trăm dặm, hơi khói vắng tanh, vẽ thành bức tranh điêu hiu quạnh quẽ trên nội địa Tàu!

Một phen quát gió, thét mây, oai vũ vua Quang Trung làm bạt vía người Tàu đến thế!

Hát bài khải ca, nhà vua vào thành Thăng Long, vui thưởng cái xuân oanh liệt. Quang Trung có thể tự hào mà nói: Núi Nùng ơi! Sông Nhĩ ơi! Hoa xuân, cỏ xuân trong chốn cố đô này ơi! Chính ta là “đấng cứu chuộc” của các ngươi đây!

Nhưng kìa, chiếc chiến bào màu đỏ của trang anh hùng cứu quốc giờ sao đã đổi ra sắc đen cháy vậy?

Vì vua Quang Trung xông pha súng đạn trong mấy ngày xuân, nhuộm đẫm chiến bào trong hơi thuốc súng, nên “chiếc áo cứu quốc” kia mới biến thành cái màu “rực rỡ vẻ vang” đó!

Hai mươi vạn giặc Thanh cúp đuôi hổ đói... đã chạy bạt rồi! Nghìn xưa non sông gấm vóc đã phục lại rồi.

Quân Tây Sơn vui vẻ ăn tết Khai Hạ²⁵⁵ tại thành Thăng Long (ngày mồng 7 tháng giêng), cái tết vẻ vang nhất trong lịch sử dân tộc Đại Việt²⁵⁶.

Nhân dân bấy lâu căm giận quân Thanh ỷ thế, cậy quyền, từng giờ nhiều ngón dã man tàn ác: cướp chợ, hiếp gái, coi tính mệnh người Nam không bằng cái kiến, con sâu... Nhân dịp phen này Sĩ Nghi bại trận, quân gia như đàn chuột chạy dài, dân Nam ai nấy vùng lên, ứng dụng ngay câu cụ Khổng đã dạy: “Dĩ trực báo oán.” Vì vậy, những quân Mãn Thanh, sau khi thua vỡ, chạy vào các thôn trang ngoài thành, lại bị dân gian giết gần hết²⁵⁷!

Nhưng, cái lối chiến tranh văn minh, chính vua Quang Trung biết thực hành ngay từ bước chân vào thành: Một mặt yết bảng chiêu an, cấm quân lính không được xâm phạm của dân cái tơ cái tóc. Một mặt ngăn cấm nhân dân trong xứ: hề thấy bại binh Thanh chạy trốn không được

giết càn²⁵⁸.

Nhà vua lại hạ lệnh cho phép quân Thanh ra thú và nhân gian không được chứa chấp một người Thanh nào. Dưới bóng ân điển ấy, số quân Thanh được toàn hoạt đưa đến Thăng Long: hơn 800 người²⁵⁹! Họ đều được ban phát lương ăn và áo mặc.

Như trước đã nói, Đắc Lộc hầu Tây Sơn, dẫn binh từ Đông Đạo (miền Hải Dương) đổ lên, đón chẹn ở gần Phượng Nhỡn: Tôn Sĩ Nghị hoảng sợ, vội quăng bỏ hết thảy quân ấn, kỳ bài, sắc thư... Vì vậy, vua Quang Trung khám phá được vô số giấy tờ quan trọng, bí mật của tướng Thanh, khi Đắc Lộc hầu đem về Thăng Long trình nộp.

Trong sắc thư, đại ý vua Thanh Cao Tông (1736-1795) bảo Tôn Sĩ Nghị:

Nghe lời khanh, trẫm cho đem binh mã ra cửa ải nhưng cứ nên từ từ đi dần, đừng vội. Khanh trước hãy truyền hịch ra oai, rồi thả Lê thần về nước để họ chiêu lập nghĩa binh, tìm Lê Tự tôn (chỉ Chiêu Thống), đương đầu với Nguyễn Huệ đã. Nghe họ chọi nhau ra sao, bấy giờ sẽ liệu.

Nếu lòng người Nam còn mến Lê, thấy quân ta (Thanh) đến giúp ai cũng phấn khởi háng hái thì Nguyễn Huệ tất phải chịu lui. Bấy giờ sẽ sai Lê Tự tôn tiến binh đuổi bắt Nguyễn Huệ. Còn khanh thì kéo binh đến tiếp ứng sau. Thế là ta không khó nhọc mà được thành công. Đó là chức thứ nhất.

Nếu trong nước Nam nửa theo phe kia, nửa theo phe nọ, thì Nguyễn Huệ chắc không chịu lui. Vậy khanh nên đưa thư, dỗ bảo họa phúc xem Huệ xoay trở ra sao.

Khi nào quân thủy của ta đã từ Mân²⁶⁰ Quảng²⁶¹ kéo ra biển khơi thì cứ đánh phá lấy Thuận²⁶² Ngãi²⁶³ trước. Rồi mới thúc quân bộ tiến lên khiến cho Nguyễn Huệ sau lưng và trước bụng đều thụ địch cả thì thế nào Huệ cũng phải hàng phục.

Thế rồi ta cứ nuôi sống cả hai: Thuận Quảng²⁶⁴ về Nam, cắt đứt cho Nguyễn Huệ: Hoan²⁶⁵, Ái²⁶⁶ ra Bắc, chia cho Lê Tự tôn. Ta cứ đóng đại binh ở giữa, coi quản cả đôi. Về sau sẽ lại liệu cách xử trí. Đó là chức thứ 2...

Đọc rõ cái dã tâm của nhà Thanh như thế, vua Quang Trung đưa bức thư ấy cho Ngô Thì Nhậm và nói: "Ta xem chiếu thư của nhà Thanh, biết họ chỉ nghề đòn xóc hai đầu, nghe đảng nào mạnh thì bên đảng ấy, chứ có thật lòng giúp Lê chi đâu! Chẳng qua họ mượn việc đó để lột miệng, kỳ thật chỉ chực tìm cách vơ lợi vào mình đó thôi. Nay họ đã bị ta đánh thua, nhin thì nhục, nhưng muốn báo thù lại thì khó. Muốn cho dân nghỉ nước yên, ta tất phải tạm gác can qua, dùng đến ngọc bạch. Vậy, đối với những tên tàn binh của Thanh mà ta đã bắt được, ta nên cấp dưỡng tử tế, rồi sau sẽ tha cho chúng về Tàu. Khanh là tay khéo bề từ lệnh, phải nên lập tức đưa thư sang Thanh dàn xếp cho êm việc đi!"

CHIÊU THỐNG SANG TÀU

Đống Đa đã nuốt xác quân thù!

Sông Nhĩ lại uống máu phe địch!

Tin dữ ấy đập mạnh vào trái tim ỷ lại của vua Chiêu Thống.

Trước đó, vua Chiêu Thống đang cùng Sĩ Nghị họp ở nơi màn trướng, đứng hầu xung quanh có tám người bày tô thân cận là Hoàng Ích Hiếu, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân, Phạm Như Tùng, Nguyễn Viết Triệu, Phạm Đình Thiện, Lê Văn Trương và Phạm Quý Thích²⁶⁷. Bỗng "tiếng sét" bại trận giáng giữa đám người đang chập chờn giấc xuân mộng ấy: Sĩ Nghị chạy trước, vua Lê cũng vội vã nhảy ngựa theo sau, có Viết Triệu tùy tùng trong cơn gió bụi. "Sóng" nguy biến đã bủa quanh mình, vua Lê vội sai bọn Lê Quýnh, Trịnh Hiếu và Hoàng Ích Hiếu ruổi ngựa chạy về nội điện, hộ giá Thái hậu và Nguyên tử. Còn Hoàng đệ Duy Chỉ thì hộ vệ Hoàng phi và bọn cung tần. Khi đến bến sông, họ bối rối trước những hiện tượng: cầu phao đã gãy, thuyền lại không có

chiếc nào!

Vội vã, vua Lê chạy lên mạn đê Nghi Tàm, cướp được một chiếc thuyền chài, chở sang ngang. Cánh bè trôi giạt trong sông khiến ông vua “Mống Siêu” có cái cảm tưởng đau buồn: đời là sóng nước, mình là thân bè, chẳng hay rồi đây mặt nước chân mây, nào đâu là bờ bến của thân bè trôi nổi!

Đoàn ngự vượt sông sang Bắc. Trưa mồng 6 (tháng giêng, năm Kỷ Dậu, 1789), chạy đến núi Tam Tầng. Không kịp đái hoài đến cảnh cỏ non xanh ròn, lộc tơ mơn mởm dưới bóng xuân tươi, đoàn ngự cố sức ngày đêm đi gấp đường, rón theo cho kịp Tôn Sĩ Nghị. Ngó lên tiền đò, vua Chiêu Thống cảm thấy đầy những chông gai giông tố!

Khi đến đồn Hòa Lạc²⁶⁸, vua Lê rước Thái hậu vào nghỉ trong cái sơn trại của một viên thổ hào. Bấy giờ đoàn ngự nhìn đói hàng hai ngày, ai nấy mệt lả, vừa được thết đãi cơm nước xong thì quân Tây Sơn đã ầm ầm đuổi đến! Viên thổ hào vội sai con đưa đường do lối tắt dẫn đoàn ngự trốn đi: Tối ngày mồng 6 ấy, mới đến cửa Nam quan, vua Lê ngọt ngào từ tạ Tôn Sĩ Nghị:

– Tôi không giữ nổi xã tắc, may được Tướng quân phụng chỉ sang cứu, cảm kích vô cùng! Nay Tướng quân bỏ đi, tôi không dám lại phiền giúp nữa. Xin chúc Tướng quân về triều, được vạn phúc. Còn tôi xin quay về ở lại đất nước, thu nhặt dân binh, toan tính công việc khôi phục. Nếu sau này làm nên công việc thì cũng là nhờ ơn Tướng quân. Nếu không xong, bấy giờ tôi lại xin làm như ý Tướng quân đã bảo.

Với cái kiểu “trò tàu” và với cái giọng “con trời ra phết” Sĩ Nghị lấy tay viết vào tấm ván:

“Quang Bình²⁶⁹ bất diệt tắc bất hưu” (nghĩa là không diệt được Quang Bình thì không thôi). Rồi Nghị nói với vua Chiêu Thống:

“Tôi đã dâng biểu dâng Thiên triều giúp thêm binh mã rồi. Chẳng bao lâu, đại binh sẽ kéo đến tiếp cứu đây. Chỗ Nam quan này gần kề quân địch, mà đồn lương lại chưa có, thật không tiện dùng dằng ở lại. Chi bằng hãy tạm vào đóng ở Nam Ninh²⁷⁰ sẽ liệu khu xử.”

Thế là vua Lê, theo lời mời của Nghị, vào công quán ở Quế Lâm²⁷¹ rồi bị an trí ở Yên Kinh, cuối cùng vua tôi Chiêu Thống đến phải nuốt lệ uống hờn, đau thương cái bước cùng đờ vì bị người Thanh lừa gạt:

Dem sức muối mà toan vác núi,

Lấy thân hồ muốn mượn oai hùm!

Tồn cô, phục Sở những ai ai, dở dang thân thế!

Tá Hán tù Yên là thế thế, khe khát nỗi đời²⁷²!

Và:

Ăn đất khác gì giun dưới rãnh.

Đốt mình cũng tựa bướm vào đèn.

Nằm ngồi bao quản thân tàn, ổ chó chuồng gà thừa sạch sẽ!

Sống chết mặc dầu số mạng, con ong, cái kiến nhẽ xoay vần!...²⁷³

VIỆT THANH GIAO THIỆP

Sau khi quân Thanh đại bại dưới bóng cờ thiện chiến của trang anh hùng nước Nam, Càn Long nghiêng răng căm giận, đòi Tôn Sĩ Nghị về kinh hậu cứu, cử Phúc Khang An²⁷⁴ làm Tổng đốc Lương Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây) đốc suất binh mã chín tỉnh đem 50 vạn quân, định ngày kéo đến ải Nam quan, chực quyết một phen sống mái với ta để rửa cái nhục thua trận trước.

Nhưng còn đang trù trù trước cái mưu định ấy, Khang An đã được ngay một bài học trước

mắt: 20 vạn quân Sĩ Nghị nào đâu cả? Bây giờ chỉ thấy chiếc thân lếch thếch, tiều tụy trong bộ áo một viên tướng bại trận chết hụt, trốn về! Khang An lại phong văn²⁷⁵ oai võ của vua Quang Trung và khí diễm của quân Tây Sơn, nên không ngần ngại vứt bỏ chữ “chiến”, ôm lấy chữ “hòa”, nhưng khéo lót miệng bằng câu đạo đức giả: “Nam Bắc tắt được binh lửa, thật là phúc lớn cho sinh linh và cũng là cái may to cho kẻ biên thần.”

Đại Việt đại thắng! Nhưng vua Quang Trung định tạm gác binh đao, muốn giải quyết việc giao thiệp với nhà Thanh bằng cách hòa bình.

Dân Tàu bấy giờ vì tin lời đồn đại, tướng Tây Sơn kéo thật sang tận nội địa Tàu, giết tuyệt giống khách, nên họ mới nôn nao kéo nhau chạy trốn! Thực ra, bản tâm vua Quang Trung, khi đó, chưa hề có ý xâm lược nước Tàu. Chính Ngài đã tỏ ý ấy trong thư viết cho Thang Hùng Nghiệp, binh bị đạo ở Quảng Tây: “Bộc tông vô xâm biên phạm cảnh dĩ đắc tội vu Thượng quốc.” (Tôi không hề có ý xâm phạm biên cảnh để được tội với Thượng quốc).

Ý ngài nghĩ: nước nhà sau cơn nguy biến, nguyên khí đã kiệt, cần phải bổ dưỡng ít lâu mới khôi phục được nguyên trạng. Thế thì chính sách khôn khéo bây giờ là hãy phải làm hòa với Thanh để mình có đủ thì giờ mà mài nanh giũa vuốt đã.

Kế hoạch ấy đã định, nhà từ lệnh Ngô Thì Nhậm cứ việc đi theo con đường do vua Quang Trung đã vạch sẵn mà tiến hành công việc ngoại giao.

Bấy giờ nhà Thanh đã gờm, thấy có ý muốn hòa, nên Tả giang Binh bị đạo Thang Hùng Nghiệp gửi mật thư cho Tây Sơn, gợi ý bảo vua Quang Trung nên nhân dịp này vận động cho khéo mà lên thế chân họ Lê. Nghiệp sẽ đứng trong ngầm giúp cho chóng nên việc.

Bằng giọng “trịch thượng” kém lịch sự và vụng ngoại giao, tờ mật thư của Nghiệp đây:

... Xét ra họ Lê bên An Nam thần phục bên Thiên triều đã lâu, một sớm bị họ Nguyễn Tây Sơn nhà người! chiếm đoạt mất đô thành, nên Hoàng đế (chỉ vua Thanh) phải sai tướng đem binh ra khỏi cửa ải, khôi phục đất nước cho họ Lê, và cứ cho vẫn được nối chức chịu phong như trước. Chẳng dè Lê Duy Kỳ đón kém, vô tài, không thể dấy nhưc làm được trò trống gì cả, song cứ dắt mẹ chạy trốn hoài, đến nỗi làm cho nhà Lê không ngóc lên được! Từ đấy về sau, Thiên triều quyết không thể đem nước An Nam mà giao cho Lê Duy Kỳ nữa!

Họ Nguyễn Tây Sơn nhà người nên nhân trước khi chưa có chỉ dụ, mau mau làm biểu đem sang đây, gõ cửa kêu với Đại Hoàng đế (vua Thanh) rằng Lê Duy Kỳ không được dân vọng trông vào, nhân dân bơ vơ tan đi bốn ngả: bắt đắ dĩ tôi phải đem binh ra thay nhà Lê mà vỗ về dân chúng. Nào ngờ dọc đường, thành linh gặp phải quân nhà vua, đụng ai họ giết nấy: Tình thế dữ dội lắm. Nếu chúng tôi bó tay chịu trói, thì thế nào cũng đến bị giết hết sạch.

Vì vậy, dám di binh, di mục theo tôi phải hết sức chống cự lại. Chúng tôi tự biết như thế là có tội nặng lắm. Hiện nay, tôi đã tra xét hai người chống cự Thiên binh (quân Thanh) ấy, đem ra trị tội cho chính pháp cả rồi.

Rồi nên nhờ người tâu xin với Đại Hoàng đế (vua Thanh) cúi thương thói rợ không biết gì, uốn theo lời xin mà tha thứ. Nên chẳng cứ để Lê Duy Cận đứng giám quốc? Kính xin Nhà vua ban chiếu chỉ phán bảo cho.

Đặt lời cung thuận như vậy, chắc được Đại Hoàng đế soi xét lòng thành, sẽ cho nhà người chủ trì việc nước. Bấy giờ sẽ có thể lại sai người sang kêu cầu Thiên triều ban cho ân điển (chỉ việc cầu phong).

Bản đạo (Thang Hùng Nghiệp tự xưng) nhân vì giữ chức ở biên giới, tương lai có rất nhiều việc giao thiệp với An Nam nhà người, nên phải viết thư kín này mà ngỏ ý cho biết.

Thuận theo thì được phúc, trái nghịch thì phải vạ, tùy nhà người tự chủ đấy...

(Dịch theo nguyên văn chữ Hán)²⁷⁶.

Nhận được bức mật thư ấy của Nghiệp, vua Quang Trung biết người Thanh ra mặt làm hòa,

chứ chẳng dám dờ dờ gì nữa, nên mới chịu cho người đứng lên dàn xếp như vậy. Vì thế, Nhà vua lại càng coi khinh “Thiên triều”.

Chúng có ấy tỏ rõ ở trong tờ biểu của Ngài²⁷⁷ gửi cho vua Thanh Càn Long do phó Đô đốc Hồ Hồ hầu thân đem sang Tàu²⁷⁸:

... (lược)...

... Tôi là Nguyễn Quang Bình, ở khuất nẻo bên An Nam, bấy lâu vẫn được tắm gội trong thanh giáo.

Nguyên từ hai trăm năm tới nay, quốc vương họ Lê tôi mất quyền, việc nước vẫn do bầy tôi là họ Trịnh cầm nắm. Kịp đến Tiên vương Lê Duy Diêu (tức vua Hiến Tông nhà Lê) tuổi già, tiền phụ chính Trịnh Đổng mờ tối, biếng nhác: binh kiêu, dân oán, trong nước rã rời!

Tôi vốn kẻ mặc áo vải ở Tây Sơn, nhân thời thế, nổi lên làm việc. Mùa hạ năm Bính Ngọ (1786), cất quân ra diệt họ Trịnh, trả lại nước cho nhà Lê.

Năm ấy (Bính Ngọ, 1786) Tiên Lê vương tạ thế²⁷⁹, tôi lại phò lập Tự tôn là Duy Kỳ (Chiêu Thống) lên nối ngôi. Duy Kỳ là người dâm bạo, không lo chính sự nước nhà: trong thì kỷ cương rối bết ở triều đình, ngoài thì gây hiềm khích với biên giới. Lại còn hãm hại kẻ trung lương, giết chết người đồng tông là khác nữa! Thần dân trong nước chạy đến kể lể với tôi nài xin đem binh ra trừ kẻ loạn.

Tôi nghĩ: nước này là nước đã được Thiên triều phong cho tôi đâu dám tự tiện làm việc phế truất?

Mùa đông năm Đinh Mùi (1787), tôi sai một viên tiểu tướng đem quân ra hỏi tội những kẻ ở bên tả hữu giúp Kiệt làm xăng, thì Duy Kỳ lại sợ bóng sợ gió, đương đêm chạy trốn tự chác lấy cái lo vào mình!

Mùa hạ năm Mậu Thân (1788), tôi tiến đến đô thành Lê, lại giao cho Duy Cận, con Tiên Lê vương, giữ lấy nước coi việc thờ tự. Tôi từng sai sứ giả sang gõ cửa ải, hòng đem hết nội tình trong nước mà trình bày.

Nhưng mẹ Duy Kỳ đã trước sang Đẩu Áo ải (có sách viết là Khả Lưu ải) kể lể xót xa với Tôn Sĩ Nghị, Tổng đốc Lương Quảng, rồi lặn lưng cầu cứu.

Sĩ Nghị là kẻ đại thần ở biên cương, đáng lẽ phải xét kỹ căn do, dò tìm cái có tại sao Duy Kỳ lại trốn bỏ nước và tại sao tôi phải vào nước, rồi tâu cùng Đại Hoàng đế, đợi ngài phân xử để dẹp mối loạn.

Trái lại, vì ham tài sắc, chỉ nghe lời đàn bà (chỉ mẹ vua Chiêu Thống), Nghị xé biểu chương của tôi, ném xuống đất, làm nhục sứ giả, xua đuổi về. Ý hẳn muốn khua dân, dấy binh, tăng công, gây chuyện!

Mùa đông năm ngoái (Mậu Thân, 1788), Nghị điều bát huy động nhiều quân, kéo khỏi cửa ải, mượn tiếng khôi phục nhà Lê, truyền hịch đi khắp trong nước: đổ tội cho tôi! Hẳn chực đánh rốc đến Quảng Nam, đào cây đánh rễ, để trừ mối lo sau cho Duy Kỳ.

Tôi ở hẻo lánh tận tít chân trời, đường xá xa xôi, núi sông cách trở, chẳng hay việc đó có hẳn do ý Đại Hoàng đế sai làm hay do Tôn Sĩ Nghị vì một người đàn bà (mẹ của Chiêu Thống) xui khiến, rồi mong kiêu hãnh lập công ở biên thù để hòng kiếm lợi lớn?

Hay tin có binh mã Thượng quốc ra khỏi cửa ải, tôi nghĩ: tấc lòng “sợ mạng trời, phục nước lớn” của mình bấy nay đã bị kẻ khốn thần ngăn trở mà cái có Duy Kỳ trốn bỏ nước kia lại bị che lấp không thông đạt lên được, sau này mỗi binh tranh hùng ra thì tai vạ không phải là ít!

Ngô Hồng Chấn, viên tiểu tướng của tôi, bấy giờ đang đóng ở Lê thành. Tôi sai nhóm hỏi ý kiến họ hàng Lê vương, văn võ thần liêu và kỳ lão cùng hào mục trong nước, thì muôn miệng một lời, ai cũng theo về với tôi.

... Bản thân tôi không phải tham đất đai và nhân dân của nhà Lê đâu, song vì lòng dân ép buộc, tôi muốn từ chối cũng không sao được.

Vì thế tôi phải sai viên gia tướng là Trần Danh Bích cùng tám người sứ thần đem ba đạo bắm văn của Duy Cận, con Lê vương, và của quần thần cùng dân chúng đến gõ cửa tướng doanh, khẩn khoản nài xin Tôn Sĩ Nghị hãy cứ đóng quân ở nơi quan ải tra rõ nội tình trước đây đã.

Cùng một lúc ấy, tôi lại sai thả trả bọn tuần dương binh Hác Thiệu Tông bốn mươi người mà Ngô Hồng Chấn (tướng Tây Sơn) đã bắt được. Thế là tôi vẫn chăm chăm tỏ ý cung thuận, chứ có dám công nhiên chống cự đâu.

Vậy mà Tôn Sĩ Nghị riêng nghe lời ton hót đặt để của mẹ Duy Kỳ xoay giết Trần Danh Bích, thết bọn tuần dương binh²⁸⁰ giam cầm sứ giả, lừa quân vượt sông Phú Lương (Nhĩ Hà) thẳng tới Lê thành (Thăng Long). Tướng tá của tôi phải rút quân về Nam.

Tôn Sĩ Nghị được thế, tàn sát dữ quá! Hắn lại phi sức cho các quan nhà Lê lũng những tướng sĩ của tôi ăn náu ở các thôn trại để bắt đem nộp. Ngày nào hắn cũng giết đến ba, bốn chục mạng! Chứa dồn lại có tới hơn nghìn người.

Duy Kỳ nhân dịp tốt ấy, tha hồ chém giết những viên chức sắc mục²⁸¹ đã theo tôi. Rất đổi va phanh mổ cả những đàn bà có mang, không để sót giống lại! Cái ngón thâm độc ấy còn gì quá quắt hơn nữa!

Ôi, kể ra, nhân dân ở nơi góc biển này, ai chẳng là con đỏ của triều đình? Đại Hoàng đế là bực "Cửu quá hóa thành" há lại ưa viễn vông, hám công lợi, trước gây sự với ngoài biên cương, khiến hạng dân vô tội phải sa vào vòng tên đạn?

Thế mà Sĩ Nghị không biết lựa theo đức ý bề trên, lại đi giết người như ngóe, chẳng những riêng muốn cam tâm một mạng tôi, lại còn chục bắt giết cho kỳ tuyệt vây cánh của tôi nữa! Hắn rao toạc lên tờ hịch, cốt dồn người ta vào chỗ chết mới nghe!

Ôi, cứ kể nhân, sĩ, giáp binh ở một dải bờ biển này sánh với Trung Hoa, không được một phần muôn. Nhưng lạch sâu trước cạp dữ ở sau, lòng người sợ chết, ai cũng phải hăng hái lên.

Tôi không tránh cái tiếng "ném chuột vỡ đồ" bèn đem dăm ba tên trai tráng trong làng trảy ra.

Mồng 5 tháng giêng năm nay (Kỷ Dậu, 1789) tôi tiến đến Lê thành, những mong Tôn Sĩ Nghị nghĩ lại, họa may có thể đem ngọc lụa thay đồ can qua, xoay binh xa làm hội xiêm áo? Tôi nhũn nhặn xin yết kiến, nhưng Nghị không hề trả lời.

Qua bữa sau, quân Sĩ Nghị xông vào đánh trước: vừa mới giao phong đã đổ vỡ chạy tan bốn ngã, xô dè lẫn nhau mà chết! Thấy xác đầy nội, nghẽn sông! Còn những quân chạy trốn ra các thôn trang ngoài thành lại bị dân đánh giết hầu hết. Ấy vì trước đây Nghị đóng đồn ở quanh thành, hắn không biết ngăn cấm quân gia để chúng hiếp gái, cướp chợ, làm cho nhân dân căm giận đến tận xương tủy!

Ngay bữa vào thành, tôi lập tức ngăn cấm trong xứ: hễ thấy bại binh chạy trốn, nhân dân không được phép giết. Bọn tàn binh ấy được đưa đến đô thành còn hơn 800 người tất cả. Tôi đã sai lấy lương thực trong kho mà ban phát cho.

Trộm nghĩ: binh đao vẫn là việc bất đắc dĩ của thánh nhân. Đại Hoàng đế thâm nghiêm ngự nơi cửu trùng. Những chuyện cương trường, Tôn Sĩ Nghị không hề tau rõ từng việc một! Hắn che lấp tai mắt nhà vua đến nỗi làm cho sự thế rối ren đến thế.

Châu chấu đá xe, tôi thật không dám. Song, cửa vua xa cách muôn dặm, hễ tôi nhúc nhích làm gì liền bị kẻ khốn thần hiếp đáp! Không sao nhịn nỗi, nên hình tích mới dường như chống cự.

Thiết nghĩ: nước tôi từ Đinh, Lê, Lý, Trần trở đi, thế đại đổi thay, chẳng phải chỉ là một họ. Hễ ai có thể làm rào giậu ở phương Nam, thì Thiên triều, rộng lượng như biển, thường vẫn làm ngõ nổi nhỏ, lựa theo đạo trời, cốt giữ lòng rất công bình, rất nhân từ mà vun xới cho cái cây đã

mọc, mặc dầu có những chuyện như bọn Ô Mã Nhi và Hoàng Ngũ Phúc đã làm bất lợi cho nước nhỏ này!

Nay lòng trời đã chán nhà Lê. Con cháu họ Lê đón kém, hèn yếu, không được lòng dân theo về.

Tôn Sĩ Nghị, vì có nông nổi, không thấu suốt sự tình và lý do, nên mới chực vùa giúp gây dựng lại cho họ Lê ấy. Hắn gây mối binh tranh, khiến cho bọn sinh linh phải cay đắng khổ khổ! Hắn lừa dối bề trên, tàn ngược kẻ dưới đến thế là cùng!

Tôi đóng quân ở thành Long Biên (Thăng Long), ngẩn cổ ngóng trông về cửa trời... Gợi có tờ biểu tạ tội và trần tình này nhờ quan Quảng Tây phân tuần Tả Giang bình bị đạo (chỉ Thang Hùng Nghiệp) chuyển tâu bày giúp.

Nép nghĩ: Đại Hoàng đế là bậc theo ý trời, ban trị hóa, làm cho cảnh khô lại xanh tươi, cây kiệt lại nảy nở. Xin ngài lựa theo tự nhiên, thứ cho tôi cái tội đón đánh Sĩ Nghị và xét cho tôi tấc thành đã mấy phen gõ cửa ải, dâng lời tâu bày. Xin Ngài lập kẻ tư mục để chặn dân, dựng nước phen giâu để vững thế, ban ơn mệnh mới, cho tôi làm An Nam quốc vương, đứng làm phiên bình một phương, kính giữ cái chức phiên phục, khiến cho bản quốc có người cầm đầu cai quản.

Tôi xin kính cẩn sai sứ giả sang cửa cung khuyết, xưng phiên, sửa lễ cống²⁸². Lại sẽ xin đem số người (tù binh) hiện còn của nhà vua mà dâng nộp để tỏ tấc dạ rất thật này...

Kèm theo tờ biểu trên, vua Quang Trung còn có bức thư gửi cho Thang Hùng Nghiệp, cuối thư có những lời khinh miệt và dọa nạt “Thiên triều”.

... Ôi quân lính, cốt hòa thuận, không cốt đông, cốt tinh nhuệ, không cốt nhiều. Người tính cuộc thắng lợi là tính ở phần quân “thắng” hay “cong” chứ không phải lấy mạnh đè yếu, nhiều hiếp ít. Ví bằng tấm tình này không được bày tỏ. Thiên triều không chịu ban chút khoan dung cứ muốn động binh để tranh chiến, làm cho nước nhỏ không được phục nước lớn, thì tôi cũng chỉ biết thuận theo ý trời, nghe xem số mệnh mà thôi...

Những lời giả đồ cung thuận, nhưng đầy vẻ ngạo nghễ ấy của nhà Tây Sơn làm cho Thang Hùng Nghiệp rụng rời kinh hãi!

Nhất là xem hết tờ biểu trên. Nghiệp tưởng chừng như nó có tính cách khiêu khích để cuốn “con sư tử đang mê ngủ” (chỉ nhà Thanh) vào vòng khói đạn lần nữa!

Nghiệp nói với sứ giả Đại Việt là Hồ Hồ hầu: “Bây giờ không phải là lúc quân hai bên đương đánh nhau, vậy sao lại thả tuyến giọng tức giận? Muốn cầu phong tước hay muốn lại gây binh tranh mà nói những lời như thế?”

Vì, để giữ thể diện cho “Thiên triều”, Nghiệp phải dìm bức thư ấy, không dám để lọt đến mắt vua Càn Long.

VỀ NAM LẦN THỨ BA

Quét sạch chông gai do quân Thanh gieo rắc, vua Quang Trung gỡ nhân dân ra khỏi móng vuốt Tôn Sĩ Nghị, xông hương “chiến thắng” khắp miền núi Tản, sông Lô.

Bắc Hà từ đây sẽ êm ấm nằm dưới ngọn cờ bất khả xâm phạm của trang anh hùng cái thế.

Nhưng, cũng như hai lần trước, vua Quang Trung, sau khi dẹp yên Bắc Hà, lại không quên rút quân vô Nam, giữ lấy căn cứ địa từ Thăng, Điện trở ra Bắc²⁸³.

Màn quân sự hội nghị vừa mở, vua Quang Trung dặn bảo các tướng văn võ:

“Việc binh ở Bắc giao cho Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân. Việc từ lệnh với nhà Thanh ủy cho Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích. Phàm việc, ta cho tùy tiện mà quyết định. Nay ta về Nam, nếu việc nào không quan trọng khẩn yếu thì không cần bẩm báo làm chi...”

Lần này là lần thứ 3, vua Quang Trung lại từ giã sông Nhĩ non Nùng giữa những tiếng khải hoàn vui vẻ, hùng tráng và oanh liệt...

Từ đây, đóng giữ Bắc Hà và giao thiệp với Mãn Thanh, trọng trách ấy trút cả lên vai mấy người bầy tôi thân tín của Quang Trung Hoàng đế.

Ngô Văn Sở làm tổng thống quân quốc cơ vụ, Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích chủ việc từ lệnh để đối phó với Mãn Thanh.

Chính Ngô Thì Nhậm đã đóng vai sứ thần sang Tàu vận động với Phúc Khang An để nối lại mối thiện cảm với nước lớn.

Về phần nhà Thanh, trước Hùng Nghiệp, sau Khang An, họ đều chủ ý giảng hòa.

Sau khi lên thế chân Tôn Sĩ Nghị, Khang An tay cầm con ấn Tổng đốc Lương Quảng, xoay ngay chính sách ngoại giao: năm mươi vạn quân lấy từ chín tỉnh, qua tháng tư mùa hạ năm Kỷ Dậu (1789) thấy đều bãi về. Cây cờ lớn đề chữ “Đề đốc cứu tỉnh binh mã”, chỉ là một “lá bùa” hư trương thanh thế, chứ chính nó đã dẫn lối cho sứ bộ Tây Sơn vào “nói chuyện” với Khang An ở Quế Lâm rồi.

Khang An đã khéo “dàn cảnh” ở ngoài, các thần (bầy tôi trong Nội các) Hòa Thân²⁸⁴ lại vun vào bằng những cuộc vận động ở trong như: xin bãi binh, đừng gây sự ở ngoài biên thù để khỏi làm lao phí trong nước, lại xin vua Thanh phong vua Quang Trung làm quốc vương để thay Lê trị vì. Rồi vin lịch sử làm chứng cứ, Hòa Thân nói với vua Càn Long: “Từ xưa đến giờ, Trung Quốc chưa bao giờ đặc chí ở cõi Nam cả. Chính Tống, Nguyên, Minh rút cục cũng đều thua hỏng: gương ấy không xa, hãy còn trờ trờ!” Vì vậy, chẳng bao lâu, vua Thanh cũng phải vượt bụng làm lành, niềm nở chìa tay đón lấy Tây Sơn, nhưng không quên “rửa mặt” bằng những điều kiện này:

1) Để đền bù cái chết của Đề trấn Hứa Thế Hanh, Tây Sơn phải lập cho cái đền thờ tại nước Nam mà xuân thu trí tế viên tướng tử trận ấy²⁸⁵.

2) quốc vương nước Nam, sang năm, nhân dịp bát tuần khánh thọ của vua Càn Long, phải thân sang triều cận²⁸⁶.

NGOẠI GIAO THẮNG LỢI

Như trước đã nói, vua Quang Trung cũng muốn sớm yên việc ngoài để rảnh tay lo cuộc kiến thiết trong nước.

Khi thấy việc ngoại giao đã đầy vẻ lạc quan, ngài liền đứng cái tên khác là Quang Bình vào một bức thư nhũn nhặn hơn, kém khiêu khích hơn, rồi sai cháu là Nguyễn Quang Hiến, bầy tôi là bọn Vũ Huy Tấn²⁸⁷, Ngô Vi Quý và Nguyễn Đình Cử sang Tàu để cột chặt mối dây thân thiện giữa Đại Việt và Mãn Thanh.

Đại lược bức thư ấy:

... Tôi nổi lên từ Tây Sơn, lấy đất Quảng Nam trước, đối với nhà Lê vốn không phân biệt trên dưới.

Năm ngoái (1788) đã sai người sang gõ cửa Thượng quốc giải bày duyên cớ gây chuyện với nhà Lê, bởi tại biên thần dìm thư, cho nên không đạt lên được.

Kịp khi quân Thượng quốc ra khỏi cửa ải để chực tiến đánh, thì tháng giêng năm nay (1789) tôi trước đến đô thành nhà Lê, muốn hỏi Lê Duy Kỳ về cớ tại sao cầu viện. Chẳng dè quan quân Thượng quốc mới thoát trông thấy, đã vội hăng hái giết bừa! Bọn thủ hạ tôi khốn nỗi bó tay chịu trời. Lại gặp cầu sông đứt gãy, đến nỗi quan quân có sự tổn thương!

Xiết nỗi sợ hãi, nhiều lần tôi phải sai người sang gõ cửa tạ tội và xin đưa trả những quan quân còn sót lại. Còn người giết hại quan Đề trấn (tức Hứa Thế Hanh) thì chính tôi mắt thấy phải trị tội rồi.

Đáng lẽ tôi phải thân đến cửa khuyết giải tình, tạ tội là phải; ngặt vì nước tôi vừa mới quan cơn binh lửa, dân tình chưa yên, nên phải kính sai thẳng cháu là Nguyễn Quang Hiển theo biểu vào châu...

Sứ bộ của phe chiến thắng, lẽ tất nhiên phải được kẻ bại trận – dầu kẻ ấy vẫn lên mặt là “Thiên triều” là Thượng Quốc – tiếp đón một cách niềm nở, long trọng.

Khi sứ bộ về, vua Thanh, để tỏ tình thân mật âu yếm, có gửi tặng vua Quang Trung một chuỗi trân châu.

Thế rồi trình trọng đem oai “sách phong An Nam quốc vương”, Thanh Lâm, hậu bố Quảng Tây, vâng lệnh vua Thanh, lóc cóc sang Nam lấy lòng một bức anh hùng chiến thắng.

Không muốn chịu phong ở Thăng Long, vua Quang Trung nói thác với sứ Tàu Thành Lâm, khi Lâm mới đến cửa Nam quan: “Thành Thăng Long đã tắt hết vượng khí; xin mời sứ giả vô Phú Xuân.”

Thành Lâm cho thế là trái lẽ, không chịu vào Thuận Hóa.

Vua Quang Trung cũng gắng, không buồn ra Bắc nhận tờ sách phong của một “Thiên triều” chiến bại, nên cứ thoái thác là nhà vua đang se mình, giùng giàng lần lữa mãi.

Nhưng rồi việc ấy kết thúc bằng cách sai cháu ngoại là Phạm Công Trị mạo đứng nhận phong.

Còn sắc và ấn thì ngày 12 tháng Chạp, năm Canh Tuất (niên hiệu Càn Long thứ 55, 1790) giả vương Đại Việt, khi sang Tàu, đi đến ải Nam quan, có sai lũ bồi thần là Nguyễn Văn Danh và Ngô Văn Sở đem bọn vệ sĩ đến Chiêu Đức đài nhận lĩnh vào ngày 13 tháng ấy²⁸⁸.

Việc giao thiệp với Mãn Thanh đến đây đã có kết quả mỹ mãn lắm.

CHÚT SÂM LÀM BẠN CẢ trào THANH

Muốn người Thanh phải “cung đốn” nhân sâm, nhưng không chịu cái tiếng đi xin, vua Quang Trung hành động rất khôn khéo: cho Nguyễn Hoàng Khuông sang Tàu, đem theo một bức thư trong đó nhà vua dặn sứ thần Đại Việt mua nhân sâm, vì Quốc thái (mẹ vua Quang Trung), tuổi đã 80, cần dùng nhân sâm bổ dưỡng để quốc vương có thể yên tâm về việc thần hôn mà sang triều cận vua Thanh được.

Ngài liệu trước rằng bức thư dặn mua sâm đó tất sẽ qua mắt bọn biên thần nhà Thanh trước. Một khi họ đã hay biết việc đó, lẽ tất nhiên họ phải tìm cách “lấy lòng” khách chiến thắng, thì thế nào họ chẳng hai tay dâng sâm đến tận nơi.

Quả nhiên, khi Phúc Khang An xem bức thư dặn mua sâm ấy, An không làm lơ, nên phải kiếm ngay bốn lạng nhân sâm, giao Thang Hùng Nghiệp cắt người ruổi ngựa đưa sang tận Lạng Sơn để nhờ chuyển đạt lên Quang Trung Hoàng đế²⁸⁹.

Cũng một việc yêu sách nhân sâm một cách gián tiếp ấy, trang anh hùng Đại Việt lại làm vua tôi nhà Thanh còn một phen bận rộn nữa.

Năm Canh Tuất (1790) vua Cao Tông nhà Thanh nhận được tờ tấu của Tôn Vĩnh Thanh nói về việc vua Quang Trung dặn Nguyễn Hoàng Khuông mua sâm, vua Thanh liền sai mở kho Thượng Phương, tặng ngay một cân nhân sâm tốt nhất hạng. Việc ấy đã tỏ trong lời dụ này của vua Thanh:

Quốc vương (chỉ vua Quang Trung) nhân vì mùa xuân năm nay (Càn Long năm thứ 55, Tây lịch 1790) sang châu chúc phúc muôn dặm đi xa phải tạm nhãng việc đình tỉnh, nên có dặn bọn bồi thần mua nhân sâm để phụng dưỡng mẹ già. Thế đủ thấy rằng quốc vương đã chăm tỏ tấc thành chiêm cận²⁹⁰, lại tha thiết lo việc thần hôn²⁹¹. Thật là trung hiếu kiêm toàn đáng khen, đáng chuộng lắm lắm.

Vậy ban cho một cân nhân sâm để giúp mẹ khanh²⁹² tẩm bổ tuổi già. Nếu giao cho bọn Nguyễn Hoàng Khuông, thì e không đem về kịp trước khi Quốc vương khởi trình.

Vậy phải đặc cách cho chạy ngựa trạm, giao sâm cho Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh sai người đem đến ả Nam quan chuyển giao viên trấn mục nước Nam đệ lên quốc vương thu nhận.[293](#)

Thế là vua Quang Trung được phe chiến bại hai lần biểu nhân sâm, một của rất báu đối với thời đại bấy giờ theo như lời vua Thanh Càn Long đã nói trong một tờ dụ khác:

Nhân sâm không phải là của dễ kiếm được, thế mà Thiên triều ban cho như vậy, thật là cái ơn chan chứa ngoài lệ thường[294](#)

Nhận được nhân sâm rồi, vua Quang Trung sai viết biểu tạ vua Càn Long, trong có những câu đập trúng vào nhược điểm ưa phỉnh của “Thiên triều”:

臣有母有親報答仰憑於大造

君為師為父生成深冀於隆霑

*... Thần hữu mẫu hữu thân, báo đáp ngưỡng bằng ư đại tạo
Quân vi sư, vi phụ, sinh thành thâm ký ư long triêm*

Dịch:

... Tôi có mẹ già, báo đáp nhờ công gây dựng lớn.

Ngài là sư phụ, sinh thành mong lắm móc mưa rào.

HAI THỚT VOI LÀM KHỔ NGƯỜI TÀU!

Xuân Canh Tuất (1790).

Phúc Khang An làm theo ý vua Thanh đã định trong tờ dụ gửi cho vua Quang Trung ngày tháng năm năm Càn Long 54 (1789), giục quốc vương (Quang Trung) sửa soạn sang triều cận.

Nhưng không muốn hạ mình làm một việc không xứng đáng đối với khách chiến thắng, vua Quang Trung nói thác là có tang mẹ không tiện đi, xin sai con là Quang Thùy đi thay vậy.

Cho thế là không nên, Khang An phái người sang Nam căn dặn dõ dành rằng: cực chẳng đã nếu quốc vương không thân sang triều cận được, thì nên chọn lấy một người trượng mạo giống mình mà cho đi thay.

Sau khi được tin quốc vương nước Nam – kỳ thực chỉ là giả vương – sắp sang triều cận, triều Thanh nhậm lo sắp đặt mọi việc đón tiếp cho được chu đáo, vua Thanh dụ Phúc Khang An: đến tháng tám năm Càn Long 55 (1790) mới là tiết bát tuần vạn thọ. Mà nhà vua, năm ấy, nghỉ ở Nhiệt Hà suốt mùa hạ, mãi đến mồng 3 tháng tám mới về Bắc Kinh. Vậy Khang An phải liệu tính trước trình kỳ mà dặn bảo quốc vương nước Nam. Quốc vương có thể nội trong tháng ba sẽ khởi hành. Và khoảng 21, 22 tháng bảy thì có mặt tại Nhiệt Hà cũng được. Vua Thanh lại căn dặn An liệu tính hành trình cho vừa vạn, cốt khiến cho quốc vương đi đường được ung dung, không đến nỗi phải vất vả[295](#).

Về phần vua Quang Trung, ngài vẫn nhớ mình là nước nhỏ, không muốn già néo để “dây” ngoại giao nửa chừng phải đứt, nên ngài chọn Phạm Công Trị (là cháu gọi ngài bằng cậu)[296](#) cho đội tên ngài, đóng vai giả vương, sang Tàu mừng thọ.

Khi vua Thanh thấy Quảng Tây Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh tâu việc Ngô Văn Sở báo tin quốc vương nước Nam định đến tháng ba năm Canh Tuất (1790) thì sang chúc thọ và Sở tỏ ý muốn cùng đi chuyến ấy để thỏa lòng chiêm cận, vua Thanh hý hứng ra mặt, phê vào biểu văn do sứ thần Tây Sơn Nguyễn Hoành Khuông đem sang rằng:

Vui mừng xem rồi, thì bồi thần của khanh vừa đến, liền giao cho y cầm về. Khanh xem lời châu phê của trẫm đây, càng nên vui mừng thêm. Sắp được gặp nhau rồi ta cũng cùng một niềm ân cần ấy..[297](#)

Phương châm ngoại giao đã ấn định. Việc phái giả vương sang Tàu liền được thực hiện.

Sứ bộ gồm có các quan văn võ cao cấp này:

Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Vũ Danh Tiêu, Nguyễn Tiến Lộc và Đỗ Văn Công... Ấy là không kể những viên quan thấp cũng được cử đi cho đủ số như Đoàn Nguyễn Tuấn chẳng hạn.

Ngoài các yếu nhân đó của Chính phủ Tây Sơn, người ta còn nhận thấy có cả Nguyễn Quang Thùy, con trai thứ của vua Quang Trung, cùng đi với giả vương nữa.

Sứ bộ gồm 150 người đem theo tờ biểu văn tạ ơn vua Thanh về việc tặng triều châu và hà bao do Nguyễn Quang Hiến²⁹⁸ sang sứ lần trước. Và đồng thời lại cử sang Tàu một ban văn tự nhạc công đem theo mười bài từ khúc chúc thọ (khánh chúc vạn thọ từ khúc thập chương) để biểu diễn, hát mừng vua Thanh về dịp bát tuần vạn thọ.

Mười bài Chúc hồ từ ấy là do Phan Huy Ích vâng mệnh vua Quang Trung mà làm ra rồi sai viết vào bức kim tiên đệ sang Tàu.

Còn việc lựa lấy mười người nhạc công theo sang triều cận để biểu diễn 10 bài chúc phúc ấy theo dịp phách giọng ca, là do chỉ dụ vua Thanh đã dặn từ trước.

Về sau, khi sứ bộ đã sang tới nơi, dự yến ở ngự điện, bộ Lễ nhà Thanh dẫn nhạc công nước ta vào hát mừng. Vua Thanh đẹp lòng, khen ngợi, hậu thưởng cho tiền tệ; lại sai quan Thái thường kén lấy 10 người tuồng hát (chữ nho là lê viên) ăn mặc theo lối nhạc công Nam: đội mũ áo cổ tràng (giao lĩnh y), đồng thời hòa tấu giữa những tiếng đàn, tiếng sáo, tiếng笙, tiếng trống...

Vua Thanh lại vời nhạc công ta vào trong cung cấm dạy những người “lê viên” ấy hát tiếng Nam, diễn khúc điệu: vài ngày tập quen.

Khi mở tiệc, người ta dẫn nhạc công Nam và Bắc chia đứng hai hàng, đối mặt mà hát: thể cách cùng phù hợp nhau.

Mười khúc điệu ấy²⁹⁹ là:

1. Mãn đình phương
2. Pháp giá dẫn
3. Thiên thu tuế
4. Lâm giáng tiên
5. Thu ba tế
6. Bốc dưỡng tử
7. Yết kim môn
8. Hạ thánh triều
9. Lạc xuân phong
10. Phụng hoàng các³⁰⁰.

Ngày 29 tháng ba³⁰¹ năm Canh Tuất (1790). Sứ bộ khởi trình từ đô thành Nghệ An: qua ngày 13 tháng tư thì tới Lạng Sơn.

Giờ Ty, ngày rằm tháng tư, cửa ải Nam quan mở, Sứ bộ bước sang nội địa Tàu, vào hành lễ ở Chiêu Đức cơ. Các đốc phủ trấn bên Thanh đem các viên đài, phủ, huyện, tiếp ứng hộ vệ sứ bộ lên đường. Phúc Khang An làm bạn đồng hành với giả vương. Ngựa nghèo ồn ào, cờ quạt san sát, rung động cả hang sâu, che rợp cả núi biếc. Cho nên Phan Huy Ích, tác giả Tình sa kỷ hành, tả trong bài “Xuất quan”³⁰² đã có câu:

滿山旗蓋護征塵

Mãn sơn kỳ cái hộ chinh trần

Nghĩa là:

Cờ lọng san sát đầy núi ủng hộ cho khách đi xa trên bước bụi đời.

Ngoài các món biếu xén theo lệ thường, nhà Tây Sơn còn tặng thêm nhà Thanh hai thớt voi.

Nhưng hai thớt voi này lại là một cái gánh nặng trút lên vai người Mãn. Vì chạy từ trạm nọ qua trạm kia, người Tàu phải hầu voi, áp tải voi, sao cho chu tất. Nên chi món quà biếu ấy đã gây thành cái nạn khổ sở, nhọc nhằn, phiền phí cho người Thanh suốt một dọc đường.

CÁI SE MÌNH CỦA ÔNG HOÀNG TA VUA THANH CŨNG PHẢI SẴN SÓC

Khi hay tin Quang Thùy cùng đi, vua Càn Long nhà Thanh tưởng Thùy là Thế tử của quốc vương nước Nam, nên có đặc cách ban chỉ: phong Quang Thùy làm Thế tử và hứa rằng khi Quang Thùy đến Nhiệt Hà, vào châu, sẽ phát sắc thư và ban áo mũ.

Nhưng sau thấy phái bộ Đại Việt nói Quang Toản mới là Thế tử, Quang Thùy chỉ là Vương tử thôi, vua Thanh bèn sai các thần đối soạn sắc thư, phong Quang Toản làm “An Nam quốc vương Thế tử”. Trong bài chế sách phong ấy có những câu vuốt ve Quang Toản, như:

... túy chất ôn thuần,

Anh tư khôi đặc

Thính hạc minh chi âm họa, duật bồi lan ngọc thành hàng.

Đương Lý huấn chi thân thừa, khoái đồ hành chi xuất đốt.

Di yến dực nhi trấn phủ hữu phương, chấn vi trường tử.

Dị long quang nhi cơ cừu khắc thiệu, tấn hiệp kang hầu...

Và thêm những lời khuyên gắng:

Tại gia tư hiếu, tại quốc tư trung, lệ nãi tâm ư phỉ giải.

Học vi nhân thần, học vi nhân tử, tu quyết nghiệp dĩ vô khiên..[303](#)

Dầu vậy, đối với Quang Thùy trong chuyến đi này, vua Thanh Cao Tông cũng tỏ ý rất ân cần trọng đãi. Chứng cứ ấy cũng tỏ rõ trong những đồ ban tặng này:

Một đôi ngựa dụng hà bao lớn[304](#),

Hai đôi hà bao nhỏ,

Bốn hộp hương khí,

Đọc đường, Quang Thùy nhuốm bệnh! Hay tin ấy, vua Thanh lại thưởng cho Quang Thùy một cái như ý bằng ngọc (ngọc như ý nhất bính) và kèm thêm những lời chúc lành: “... Để làm điềm tốt lành lớn, tức khắc ngày nay được qua khỏi yên lành.”

Rồi vua Thanh lại dụ Phúc Khang An phải để Vương tử Quang Thùy về trước điều trị, phải phái người hộ tống Vương tử đến tận cửa ải giáp giới nước Nam.

Làm theo mệnh lệnh ấy, viên Tổng đốc Lương Quảng Tàu bấy giờ phải cất người đưa Quang Thùy đến cửa Nam quan để trước về nước chữa chạy thuốc thang. Còn giả vương và phái bộ cứ việc thuận đường thẳng trẩy.

Giả vương ĐƯỢC HƯỞNG NHỮNG CÁI TÔN QUÝ của TÀU

Giả vương và phái bộ Đại Việt được nhà Thanh ứng tiếp cực long trọng. Từ châu Ninh Minh tỉnh Quảng Tây ra đi, phàm các thứ gạo, bột, rau, thịt hằng ngày đều do các nhà chuyên trách Mãn Thanh tiếp tế cung ứng hoặc đi đường thủy hoặc đi đường cạn. Từ đường xá trên bộ đến

đồ bển mặt thủy thủy đều chỉnh tề nghiêm túc để đón rước vị thượng tôn của triều đình. Dọc đường yến tiệc khao thết giả vương và phái bộ Đại Việt rất ưu hậu. Hễ có của ngon, vật lạ gì, vua Thanh lại sai chạy ngựa trạm đưa đến thết khách.

Khi giả vương cùng Phúc Khang An mới khởi trình từ tỉnh Việt, vua Càn Long sai đưa tặng giả vương bánh sữa, quạt và đồ hương khí.

Vua Thanh lại dặn Phúc Khang an: trong khi đi đường, bạn tổng quốc vương nước Nam, hễ được vua Thanh phê phán gì vào những tờ trần tấu của An thì An cũng nên đưa cả cho quốc vương cùng xem khiến cho trong lòng quốc vương khỏi ngờ vực. Ấy là chưa kể những quà vua Thanh đưa tặng quốc vương như một đôi ngự dụng hà bao lớn, ba đôi hà bao nhỏ, sáu hộp hương khí và những lời khen lao phê vào biểu văn, nào “tình từ chân chí”, nào “truân thiết thành khẩn” là khác.

Quốc vương, khi ở nước, thường đeo cái đai da sắc đỏ (hồng thính). Vua Thanh muốn tỏ ý ưu đãi khách chiến thắng một cách khác thường, sai chế sẵn áo mào đúng kiểu để thưởng cấp cho giả vương sau khi tới kinh. Ngoài đó ra, vua Càn Long lại định thưởng thêm cho chiếc “hoàng kim thính đới” nữa.

“Hoàng kim thính đới?” Một thứ đai bằng da có cần hoặc nam vàng. Theo như lời dụ của vua Thanh, thì thể chế Mãn triều bấy giờ chỉ những bực tông phiên (phiên thân họ đồng tông với nhà vua) mới được dùng thứ đai ấy. Thế mà nay ban nó cho giả vương nước Nam thật là một thứ “sủng vinh khó gặp”.

Vua Thanh lại dặn: trong khi đi đường, quốc vương nên cứ thắt cái đai đỏ (hồng đới), đợi khi tiến kinh, vào diện cận, bấy giờ sẽ để thưởng để thắt chiếc đai vàng mà “Thiên triều” đã sắm sẵn cho kia³⁰⁵.

Bấy giờ vua Thanh Cao Tông mới in xong cuốn *Ngự chế tập, Thạch cổ thi tự, mặc khắc* liền gửi tặng giả vương một tập.

Trong khi bạn tổng giả vương, Phúc Khang An không quên làm công việc như một nhà trình thám: Phàm tình hình đi đường với giả vương thế nào, An đều tâu hết với vua Thanh.

Chẳng những vậy, ba bức thư của giả vương gửi về Thăng Long và các chỗ khác cũng đều bị An sao lục rồi tiến trình lên vua Mãn Thanh. Giả vương cũng đã liệu trước tất có sự “kiểm duyệt thư tín” ấy, nên các thư tín gửi về nước đều không niêm cả.

Khi vua Càn Long xem lời tâu và bản sao lục của An, có khen quốc vương cẩn thận và biết việc. Lại khen trong thư quốc vương phân xử việc nước thật là rành rọt có thứ tự, có đầu mối.

Nhưng, nhân việc này, ta thấy thêm cái vi ý nhà Thanh rất ân cần trọng đãi nhà Tây Sơn bấy giờ:

Sau khi nhận thấy việc “kiểm duyệt thư tín” ấy chẳng những khiếm nhã đối với vị thượng tôn, mà lại làm bất tiện và ngăn trở đến việc riêng của khách nữa, nên vua Thanh có dụ Phúc Khang An:

Quốc vương vào triều, chúc thọ, đi lại phải lâu mất độ tám, chín tháng. Tất phải có thư đi tin về để bàn bạc việc nước. Nếu hết thấy thư tín đều không niêm chẳng hóa ra không phải là đạo tỏ tín nghĩa với người ngoài?

Tức thì vua Thanh ra lệnh: Từ rày trở đi các thư tín đi lại, quốc vương không cần nệ theo cái thành lệ mà hết thấy phải không niêm nữa. Đó là một cách ưu đãi khác thường, vì theo thể chế nhà Thanh bấy giờ, phàm các ngoại phiên đệ trình văn báo đều không được niêm phong.

Tháng năm, giả vương bước vào địa phận tỉnh Giang Tây. Vua Thanh được tin do tờ “truyền đơn” của tỉnh Trục Lệ đứng khắc, khai rõ: để cung ứng quốc vương An Nam, mỗi ngày tiêu về “túc điểm”³⁰⁶ hết 2.000 lạng bạc, “tiêm điểm”³⁰⁷ hết 1.000 lạng. Từ Châu phải góp thêm 500 lạng; Thạnh Uyển phải góp thêm 1.000 lạng. Số bạc hơn 4.000 lạng ấy chỉ để cung ứng ở dọc đường. Ấy còn chưa kể những tiền chi phí về yến tiệc, thuyền bè, xe, ngựa, phu hầu...

Vua Thanh giựt mình, phát gắt, dụ bọn quan lại có trách nhiệm về việc tiếp khách ấy rằng: “Ngay như nhà vua thết đãi các bậc vương công, đại thần Mông Cổ và các sứ thần các nước, mỗi lần dùng đến một trăm mâm cỗ yến thể mà cũng chỉ tiêu hết đến một nghìn lạng bạc là cùng.”

Về việc này, tóm lại là do Phúc Khang An ban đầu làm việc chưa biết tính toán chằm chước! An lại có ý cao hứng, cho việc ngoại phiên thân đi triều cận là việc hiếm thấy trong sử sách nên mới sinh phô phang để đến nỗi các viên đốc phủ ở các tỉnh như Giang Tây đón ý lướt theo, rồi cứ lần lượt tăng dần lên mãi! Họ lại muốn sửa lại cả đường sá cầu cống và trang hoàng cả những nhà cửa ở dọc đường. Rất đỗi, người ta lại định đốn bỏ hết những cây cối khô chết ở vệ đường nữa!

Rồi vua Càn Long đoán: “Số bạc cung ứng ấy nếu không phải do bọn tổng biên ta sự chằm mút, tất do những viên đi hộ tống quốc vương bày vẽ xoay xỏa ở dọc đường. Nếu việc ấy khởi đầu từ Quảng Tây thì lỗi tại Phúc Khang An; nếu từ Giang Tây thì lỗi tại Hà Giụ Thành.”

Chỉ vì một việc cung ứng giả vương này, vua Thanh phải một phen nhọc lòng, mệ trí để tra xét việc “mỗi ngày tiêu hết 4.000 lạng bạc” ấy. Sau té ra tờ truyền đơn in chương trình kê các khoản cung ứng giả vương đó là do Lương Khẩng Đường ở Trực Lệ định ra. Nhưng kỳ thực phí tổn về “tiên điểm” và “túc điểm” suốt dọc đường ở những nơi giả vương trải qua, mỗi ngày cũng hết hơn hai trăm lạng bạc!

Mồng 8 tháng sáu, giả vương rời khỏi Nam Xương (thuộc tỉnh Giang Tây). Qua ngày 15 tháng ấy, giả vương được thưởng cái thú trắng rằm ở Hoàng Cương thuộc tỉnh Hồ Bắc.

Vũ Xương, một địa điểm sẽ ghi bằng chữ vàng trên trang lịch sử Trung Hoa Dân Quốc sau này, vì chính tại đó Hoàng Hưng kéo cờ nghĩa, thực hành công cuộc quang phục giữa năm Tân Hợi (1911). Chẳng dè trước đây hơn một trăm năm, giả vương Đại Việt đã được hưởng cái thù phụng sung sướng ở đất ấy (ngày 16, tháng sáu, năm Canh Tuất, 1790).

Ngày 24 tháng sáu, hoa cỏ Hứa Châu (cách Nhiệt Hà hơn 2.100 dặm) đón chào giả vương và phái bộ Đại Việt.

Để tỏ tình thân mật và ý trọng đãi khách quý, vua Thanh sai chạy ngựa trạm đưa đến 5 quả vải (lê chi ngũ cá) tươi mới tặng giả vương hai, Ngô Văn Sở một. Còn hai quả? Cố nhiên về phần Phúc Khang An. Cái ý ân cần trình trọng của vua Thanh tỏ rõ trong lời dặn Phúc Khang An nói với giả vương: “Vải sản ở phương Nam. Chắc An Nam cũng có của này, tưởng không quý mấy. Nhưng ở kinh đô bên này (Tàu) không hề có vải; mỗi năm phải do Mân Nam dâng tiến, nên rất quý. Trừ phi bậc vương, công đại thần thì không được hưởng cái ơn khác thường ấy. Nay đặc cách cho chạy trạm đem đến ban thưởng (bưu thưởng), thật là một thứ ơn ban ngoài lệ thường. Lại nghĩ: Ngô Văn Sở là bề tôi thân tín và đặc lực của quốc vương, chuyến này Sở lại nài xin mấy lần để cùng đi chiêm cận, đáng khen tấm lòng thành đó! Vậy nên Sở cũng được hưởng cái ân thưởng này.”

Đầu thu. Gió heo may như gợi tấc lòng tha hương lữ thứ. Phái bộ Đại Việt ngày mồng 1 tháng bảy, đặt chân trên đất Từ Châu thuộc tỉnh Trực Lệ, giả vương cùng các nhân viên tùy tùng, khi sắp tới kinh đô nhà Thanh, đã thấy Đức Minh, Thị lang Bộ Lễ, thân đón tiếp ở tận Lương Hương.

Rồi giả vương dùng trà do vua Thanh từ trước đã sai Kim Giản cắt trà phòng thị về theo Đức Minh đến chực sẵn để dâng tiến.

Để tỏ ý ưu đãi khác thường, vua Càn Long, khi tiếp giả vương ở hành cung Nhiệt Hà, cho làm lễ “bảo kiến, thỉnh an” trong một bầu không khí cực êm đềm, thân mật. Lễ đó, theo như lời dụ của vua Thanh Cao Tông, chỉ những ai trong bọn đại thần có nhiều huân lớn, công to mới được dùng.

Đến Nhiệt Hà, giả vương được vua Thanh ân cần tiếp đãi và ban tặng bài thơ, đại ý nói: Năm trước phải đem binh sang Nam, là cốt khôi phục cho nhà Lê. Nhưng nhà Lê đã đến lúc không

được trời tựa, nên phải phong cho họ Nguyễn (Tây Sơn) vì Nguyễn đã quy phục thật tình. Rồi, với giọng “đạo mao” của hạng người “ta đây kẻ giò”, tác giả bài thơ ấy trình trọng khuyên: “Phải nên giữ gìn lấy đất nước, đừng để họ khác nổi lên. Dặn con cháu phải nên dốc một lòng thần phục Đại Thanh. Lúc nào cũng nên kính cẩn nơm nớp như cầm bát nước đầy. Như vậy mới được tắm gội ơn trời và hưởng phúc lâu dài.” [308](#)

Ngày 20, tháng tám năm Canh Tuất (1790). Sứ bộ ta được vua Thanh ban chỉ khiến về nước. Giữa ngày ấy, sứ bộ ăn tiệc ở đền Chính Đại Quang Minh với bao nhiêu vẻ huy hoàng long lẫy. Rồi hai sứ thần là Phan Huy Ích và Vũ Huy Tấn, được đặc cách vời đến bên ngự tọa vua Tàu, được ban thứ rượu “đề hồ” đựng trong chén bích ngọc do chính tay vua Thanh Cao Tông rót mời.

Để ghi việc vui mừng mà cảm động ấy, Phan Huy Ích có viết một bài trường thiên này:

聖壽啓昌辰 Thánh thọ khải xương thì,
梯航同祝嘏 *Thê hàng đồng chúc hỏ,*
指南早錫駟 *Chỉ Nam tảo tích biền,*
宴筵隆寵數 *Yên diên long sủng số,*
班列肅明堂 *Ban liệt túc Minh Đường*
曉雲擁鸞輅 *Hiếu vân ủng loan lộ*
烟裊寶爐香 *Yên niểu bảo lô hương*
丹庭奏韶濩 *Đan đình tấu Thiệu hộ*
恩旨自天來 *Ân chỉ tự thiên lai*
禮官呼潘武 *Lễ quan hô Phan Vũ*
應召起出班 *Ứng triệu khởi xuất ban*
五中喜且懼 *Ngũ trung hỉ thả cụ!*
僂僂登殿堦 *Khu lữ đặng điện giai,*
閣老前引步 *Các lão tiền dẫn bộ,*
趨向龍座旁 *Xu hướng long tọa bàng*
曲踞聆溫論 *Khúc kỳ linh ôn luận*
案頭玉酒壺 *Án đầu ngọc tửu hồ*
斟酌出御手 *Châm chước xuất ngự thủ*
親賜碧玉卮 *Thân tứ bích ngọc chi.*
加額恭領受 *Gia ngạch cung lĩnh thụ.*
傾飲不敢餘 *Khuynh ẩm bất cảm dư*
醞酬潤肺腑 *Đề hồ nhuận phế phủ.*
反爵交侍臣 *Phản tước giao thị thần,*
叩謝連稽首 *Khấu tạ liên khể thủ.*
降階還就班 *Giáng giai hoàn tựu ban*
足蹈而手舞 *Túc đạo nhi thủ vũ!*
聖人子庶邦 *Thánh nhân tử thứ bang.*

恩育曠前古 *Ân dục khoáng tiền cổ*
海南翰墨臣 *Hải Nam hàn mặc thần*
僥倖叨簡顧 *Kiêu hãnh thao giản cố!*
表詞嘉肫虔 *Biểu từ gia truân kiên,*
珍品賞詩句 *Trân phẩm thưởng thi cú.*
禁內賜遊觀 *Cấm nội tứ du quan*
特召凡三度 *Đặc triệu phàm tam độ*
趨蹌殿陛間 *Xu xương điện bệ gian*
奎文幸親睹 *Khuê văn hạnh thân đố.*
重奉御前杯 *Trùng phụng ngự tiền bôi,*
天尊洒甘露 *Thiên tôn sái cam lộ*
旌獎荷鴻施 *Tinh tướng hạ hồng thi*
韶鈞長戀慕 *Thiệu quân trường luyến mộ,*
藩國奉琛頻 *Phiên quốc phụng thám tần.*
幾得奇遭遇 *Kỷ đắc kỳ tao ngộ?*
飛箋報國人 *Phi tiên báo quốc nhân:*
皇華第一部 *Hoàng hoa [309](#) đệ nhất bộ [310](#).*

Dịch:

Thánh mở vậ xương minh.

Lặn lội đi chúc thọ;

Xe chỉ nam sớm ban

Tiệc linh đình được dự.

Ban cò [311](#) tấp Minh Đường [312](#).

Xe loan mây sớm phủ.

Đỉnh trầm tỏa khói thơm

Sân rồng hòa nhạc Hộ [313](#)

Ân chỉ xuống từ trời;

Lễ quan kêu Phan [314](#), Vũ [315](#).

Được vời ra khỏi ban

Hồi hộp mừng lẫn sợ...

Khúm núm bước lên thềm

Theo các thần [316](#) dẫn bộ.

Rảo đến bên ngai rồng

Khom quỳ, nghe ngọt dụ

Chính tay vua nghiêng bầu

Rót rượu trên án ngự
Chén bích ngọc thân ban
Ngang trán giờ, lĩnh thụ
Cạn chén không bớt thừa
Rượu ngon nhuần tạng phủ
Trao chén lại thị thần
Tạ ơn liền khể thủ
Xuống thềm trở về ban
Chân khoa, tay lại múa!
Coi các bang như con
Ơn ấy hiếm từ cổ
Văn thần góc biển Nam
Ưa may được quyển cổ.
Khen: lời biểu trưân kiền³¹⁷;
Thưởng thơ: ban của lạ
Cung cấm cho đi xem
Riêng vời những ba độ,
May được ngó khuê văn³¹⁸.
Khi rảo nơi đường bộ.
Lại được chén ngự tiền:
Rượu trời rảy cam lộ
Khen, thưởng: ơn rộng to!
Tiếng Thiều³¹⁹ lòng trứu mộ,
Phiên quốc tuy năng sang
Kỳ thay nay gặp gỡ!
Báo tin người nước hay:
Thứ nhất đây Sứ bộ!

Vua Tàu rót rượu mời sứ thần Đại Việt: thật là một việc chưa từng có trên trang sử ngoại giao giữa ta và Tàu xưa.

Phải, trong con mắt của vua Tàu ngày trước, người mình ở những triều suy yếu, có được đếm xỉa gì đến đâu. Ngay như vua Lê Chiêu Thống, khi thất thế ở Tàu, chỉ được người Thanh liệt vào hàng quan tam phẩm; huống chi là hạng sứ thần đi phò một ông giả vương! Nếu không phải vì triều Quang Trung có binh mạnh tướng hùng, sừng rỗng, gươm bén ở sau lưng làm hậu thuẫn cho ngoại giao và các văn thần đương thời đã dùng văn chương làm vẻ vang cho nước, thì chúng ta ngày nay đâu có hân hạnh được đọc bài thơ ghi cái vinh dự lớn trong hội “áo xiêm ngọc lụa” ấy!

PHÁI BỘ QUAY VỀ VỚI VINH DỰ

Mồng 4 tháng mười. Sứ bộ quay về đến tỉnh thành Hồ Nam. Khi thấy Trần Dụng Phu, một

viên quan nhà Thanh, tâm tình về việc quốc vương nước Nam từ khi ngồi thuyền thì sự phục thực khởi cư có phần thuận tiện thỏa thích và tinh thần lại càng sáng kiện hơn lúc đi trên đường bộ, vua Thanh lấy làm mừng rỡ lắm³²⁰.

Hằng năm, vua Thanh vẫn thân viết chữ “Phúc” ban cho các vương, công đại thần và các đốc, phủ các tỉnh để làm quà mừng xuân mới.

Nay vua Thanh muốn tặng món quà ấy cho quốc vương Đại Việt, nhưng sợ đến mùng 1 tháng Chạp mới thử bút rồi viết đưa cho thì, khi quốc vương nhận được, đã qua tết Nguyên đán mất rồi! Vì vậy, vua Thanh phải đặc cách viết trước, khiến cho quốc vương nhận được ngay từ trong năm để đến sang Giêng năm mới, treo chơi trong tâm xuân.

Để tiễn gót quốc vương về nước, Trần Dung Phu hộ tống suốt cả dọc đường. Khi về đến Nam quan đã là ngày 29 tháng mười một. Bấy giờ mới cùng nhau từ biệt. Lúc đó đã gần ngày lễ Gia Bình tức ngày lễ Chạp. Vua Thanh, ngoài chữ “Phúc” nói trên, lại ngự viết chữ “Thọ” để ban tặng cho quốc vương làm quà cát khánh trong tiết tâm xuân³²¹. Đồng thời còn tặng thêm những quà như:

Một hộp các trái cây đã làm thành mút để dùng ở dọc đường (nhưng dặn không cần viết biểu tạ ơn).

Một đôi hà bao lớn trong đựng đồ bát bảo bằng các thứ ngọc thạch các màu sắc.

Vua Thanh lại chính tay viết để tặng quốc vương bốn chữ đại tự “Củng cực quy thành” (拱極歸誠)³²² và đôi câu đối:

祝嘏效尊親永矢丹忱知弗替

*Chúc hồ hiệu tôn thân, vĩnh thỉ đan thềm tri phất thế*³²³

觀光膺寵錫載稽青史未前聞

*Cận quang ưng sủng tích tái kê thanh sử vị tiền văn*³²⁴

Ngày 11 tháng bảy năm Canh Tuất (1790), khi giả vương bộ kiến ở hành cung Nhiệt Hà, vua Càn Long có tặng một bài thơ do nhà vua tự làm lấy:

瀛藩入祝值時巡

初見渾如舊識親

伊古未聞來象國

勝朝往事鄙金人

九經柔遠祇重驛

嘉會於今勉體仁

武偃文修順天道

大清祚永萬千春

Doanh phiên nhập chúc, trị thời tuần,

Sơ kiến, hỗn như cựu thức thân.

Y cổ vị văn lai Tượng quốc.

Thắng triều vãng sự bỉ kim nhân

Cửu kinh nhu viễn chi trùng dịch

Gia hội ư kim miễn thể nhân.

Võ yển, văn tu, thuận Thiên đạo

Đại Thanh tộ vĩnh vạn thiên xuân...[325](#)

Giả vương bảo Phan Huy Ích họa lại bài ấy:

上塞恭瞻玉輅巡
傾葵一念效尊親
波澄桂海遵候度
日暖莫階見聖人
萬里梯航歸有極
九天雨露沐同仁
乾行景仰無疆壽
普率胥陶帝世春

Thượng tái cung chiêm ngọc lộ tuần,
Khuyh quý nhất niệm hiệu tôn thân
Ba Trùng, Quế Hải tuân hầu độ
Nhật noãn minh giai kiến thánh nhân
Vạn lý thê hàng qui hữu cực
Cửu thiên vũ lộ mộc đồng nhân
Kiền hành cảnh ngưỡng vô cương thọ.
Phổ suất tư đào đế thế xuân.[326](#)

Bài họa vần ấy dâng lên, được vua Thanh châu phê khen rằng: “Thi diệc gia thỏa” (thơ cũng hay và êm).

Giả vương còn được tặng tiền rất hậu:

Bốn đôi hà bao nhỏ trong đựng đồ bát bảo bằng vàng và bằng bạc.

Một cái hà bao trong chứa bốn cái kim ngân tiền và bốn thứ đồ đeo bằng vàng, bạc.

Áo mặc, đồ dùng, một vạn lạng bạc và các đồ thượng phương trân ngoạn (đồ quý báu của nhà vua chơi).

Khi giả vương vào bệ kiến xin từ biệt, vua Thanh muốn tỏ tình ân cần thân thiết, bèn mời vào bên giường ngự, lấy tay vỗ vai giả vương, vỗ về yên ủi ôn tồn. Lại sai họa công vẽ một bức chân dung đưa tặng để làm kỷ niệm.

Sứ bộ đi từ cuối xuân Canh Tuất (1790) đến 29 tháng mười một năm ấy thì về.

Những cuộc tiếp đón và tiễn đưa đã làm triều đình Thanh mất ngọt một năm bộn rộn. Sứ giả Mãn Thanh do vua Càn Long sai phái trong dịp có khách chiến thắng này tấp nập đi lại, vẽ thành một cảnh náo nhiệt ở dọc đường.

Cho nên Đoàn Nguyên Tuấn, một người trong Sứ bộ hồi ấy, đã viết bằng giọng đắc thắng ở cuối cuốn Tinh Sà Ký Hành[327](#) của Phan Huy Ích, một tập thơ ký thuật chuyến đi sứ này, rằng:

... Thị hành dã, Đại hoàng đế đặc cách Đốc thần bạn tống; Chu xa tinh kỳ diêu nhân nhĩ mục. Sở chí quan lại bôn tẩu nghinh phó, Thu, đế Nhiệt Hà hành cung; phục tông Giá, hồi Yên Kinh, chi Tây Uyển, Liên tuần tiến yết: thiên sủng ưu dị. Tông lai ngô quốc sứ Hoa vị hữu như thử chi kỳ thả vinh giả!...[328](#)

Nghĩa là:

... Chuyển đi này được nhà vua (Thanh) đặc cách cho quan Tổng đốc (Tàu) đi bạn tống. Thuyền xe cờ quạt quáng cả tai mắt người ta. Đi tới đâu, quan lại phải bôn tẩu đón tiếp đến đó. Mùa thu (Canh Tuất, 1790), đến hành cung ở Nhiệt Hà; lại theo xa giá (vua Thanh) về Yên Kinh, đi Tây Uyển. Luôn luôn tiến yết hàng tuần, được ơn trời âu yếm, ưu đãi khác thường. Trước giờ người mình đi sứ Tàu chưa có lần nào lạ lùng và vẻ vang như vậy...

Đó, một cuộc chiến thắng về ngoại giao của vua Quang Trung! Một trang vinh dự viết bằng chữ vàng trên đoạn Nam sử cận đại!

GIÚP TÀU ĐÁNH DỆP GIẶC CƯỚP

Phạm Quang Chương làm đồn tướng dưới triều Quang Trung, ngày 11, tháng bảy, năm Canh Tuất (1790) đi tuần trên mặt bể, gặp một chiếc thuyền của bọn Trần Triều Cầu là thuyền hộ ở huyện Tuy Khê tỉnh Quảng Đông bị cướp biển bóc lột; Chương bèn đánh giết bọn cướp, thu lại được chiếc thuyền ấy cho Triều Cầu.

Bấy giờ giả vương nước Nam đang ở bên Tàu, vua Thanh lấy làm khen ngợi về việc này lắm. Thanh Càn Long sai thưởng cho Chương hai tấm đoạn lớn nhưng bắt giao tận nơi giả vương để khi về nước, giả vương cấp cho đồn tướng Phạm Quang Chương. Vua Thanh lại dặn: “An Nam và Việt đông giáp liền nhau về mặt biển, hễ gặp có thuyền cướp trốn nấp ở miền duyên hải thuộc bờ cõi của quốc vương thì quốc vương cần nên sức bảo các trấn mục đồn tướng tiểu bắt nghiêm ngặt. Nếu chúng chống sự bắt bớ thì cứ việc giết đi, chớ đừng nên cho là người của Trung Quốc, mà còn e dè, miễn là cốt giữ cho yên ở mặt biển...” [329](#)

Khi Ngô Văn Sở làm thủy quân đô đốc, Lê Văn Nhân làm đô đốc, sau khi tiếp được công văn của nhà Thanh bảo hội binh tiểu giặc, liền sai tướng đem binh lính đuổi bọn giặc Tàu: giết chết hơn 20 đứa, bắt sống được 2 tên, rồi giao hai tên bị bắt ấy cho Đê Sảnh nhà Thanh xét xử. Vua Thanh để thưởng công cho các quan ta trong vụ này, có sai Phúc Khang An đem tặng các thứ như nhiều, chè tàu, vải tàu, ngân bài... [330](#)

ĐỐI VỚI TIÊM LA

Tây Sơn nổi lên từ năm Tân Mão (1771), ban đầu còn đụng chạm với chúa Nguyễn ở Thuận Quảng, rồi cuộc chiến cứ lan rộng ra khắp Gia Định lục tỉnh, sau chạy đến cả những đảo Phú Quốc, Côn Lôn...

Cuộc nội chiến này đã hấp dẫn lính Xiêm đặt chân lên luống cày ở đất Lục tỉnh cũng như cuộc bôn bá của vua Lê Chiêu Thống ở Bắc Hà đã đưa quân Thanh đến đóng ở thành Thăng Long.

Nguyên từ hồi Long Xuyên thất thủ, chúa Nguyễn Ánh đã sai Mạc Thiên Tứ và Tôn Thất Xuân sang Tiêm cầu cứu. Đến tháng sáu năm Mậu Tuất (1778), chúa Nguyễn Ánh lại sai cai cơ Lưu Phúc Trung sang Xiêm tu hiếu [331](#) và hỏi tin tức Thiên Tứ.

Năm Giáp Thìn (1784) như trước đã nói, chúa Nguyễn Ánh qua Tiêm La cầu Xiêm cứu viện. Bọn tướng Xiêm là Chiêu Tăng, Chiêu Sương [332](#) đem hai vạn thủy binh và ba trăm chiến thuyền sang Nam. Bấy giờ Trương Văn Đa, phò mã Tây Sơn đang đóng giữ Gia Định, vội vàng cáo cấp với Nguyễn Huệ hồi ấy còn làm Long Nhương Tướng quân. Long Nhương Tướng quân bèn làm theo chiến lược của Lê Xuân Giác: đem hết quân cứng mạnh đặt mai phục ở Xoài Mút [333](#) (thuộc Định Tường) bên Rạch Gầm [334](#) rồi dùng chước nhử quân Xiêm đến.

Quân Tiêm La đã không thuộc đường đất, lại quen mui mấy trận thắng lợi ban đầu, cứ đổ rốc xuống Mỹ Tho. Long Nhương Tướng quân liền thúc quân thủy, quân bộ đổ ra đánh úp: Tiêm binh phải đại bại, chỉ còn vài nghìn quân tàn theo đàng núi Chân Lạp nheo nhóc trốn về [335](#).

Sau trận thua năm Giáp Thìn (1784) này, người Xiêm sợ Tây Sơn như sợ cọp [336](#).

Vì những việc đã xảy ra như thế, nên Tây Sơn và Tiêm La hồi ấy thường có những chuyện xích mích trên đường ngoại giao.

Đến năm Canh Tuất (1790), vua Quang Trung đã giảng hòa với Mãn Thanh, đã phái sứ bộ Đại

Việt sang Tàu để gây mối thiện cảm.

Khi sứ ta và sứ Tiêm gặp nhau ở khuyết đình nhà Thanh, hai bên cùng dự yến tiệc đến gần hai tuần, thế mà vẫn không có hình tích một chút nào cả. Và, trong khi cùng liệt ở triều ban bên Tàu, đầu đầy noi theo điển nghi, ai nấy túc mục, sứ ta cũng như sứ Xiêm, cả hai đều lãng quên những tư hiềm về việc nước³³⁷.

ĐỐI VỚI AI LAO VÀ DIỄN ĐIỆN³³⁸

Ai Lao ở về phía tây nước ta. Xưa, về đời vua Lý Thánh Tông (1054 -1072), năm Long Chương Thiên Tự thứ 2 (1067) mới bắt đầu sang ta dâng lễ cống. Sau đó lại không thông hiếu³³⁹ gì nữa. Năm Hưng Long thứ 5 (1297) đời vua Trần Anh Tông (1293-1314), Ai Lao xâm lấn Long Giang, Phạm Ngũ Lão đem quân đánh phá quân Lào, lấy lại được chỗ đất người Lào đã chiếm.

Khi Bình Định vương Lê Lợi mới khởi nghĩa, (1418), đánh giặc Minh, người Lào có kết hiếu với ngài. Sau, vì có hiềm khích gì đó, Ai Lao đem quân đánh úp dinh trại của Lê Lợi: ngài đốc quân đánh lại, phá tan được quân Lào. Từ đó, giữa ta và Lào, dứt hẳn sợi dây giao hiếu.

Cuối đời Lê mới bắt đầu gọi nước Ai Lao là Vạn Tượng.

Đời chúa Hi Tông triều Nguyễn, Nhâm Tuất năm thứ 9, đặt Ai Lao doanh để giao thông với các bộ lạc ở phía tây bắc. Quốc trưởng Ai Lao mới sai sứ dâng biểu, xưng phiên, sửa lễ cống³⁴⁰.

Năm Tân Hợi (1791), vua Quang Trung, vì thấy Chiêu Ấn, quốc trưởng Ai Lao, không dâng cống, bèn sai Nghệ An Đốc trấn Trần Quang Diệu làm Đại Tổng quản và Đô đốc Lĩnh tượng chính Lê Văn Trung làm đại tư lệ đem hơn vạn quân sang đánh phá nước Lào. Vua Ai Lao cự chiến không nổi, phải kéo quân trốn đi. Bọn Diệu vào trong thành, thu hết vàng bạc, của báu, ngựa, voi đem về, và chia quân ở lại đóng giữ nước Vạn Tượng³⁴¹.

Trong khi vua Quang Trung trị vì, chẳng những Ai Lao phải thông sứ, tu cống, mà cả nước Diễn Điện cũng sai sứ do đường duyên biên châu Hưng Hóa vào thông hiếu với ta nữa.³⁴²

Phần thứ tư: NỘI TRỊ

ĐẸP PHÁI PHẢN ĐỘNG

Đối với “bếp lửa” nhà Lê, sau khi đã vạc, vua Thanh Càn Long, cũng như vua Quang Trung, không muốn một tàn lửa nào có thể nhân hơi gió hay sức quạt mà bùng bốc lên nữa.

Khi cho bọn Nguyễn Đình Bái 38 người (đám theo vua Lê Chiêu Thống) cùng với 43 người trong gia quyến họ về nước, vua Thanh phải dặn Phúc Khang An nói với quốc vương (chỉ vua Quang Trung) biết trước rằng họ về đến nước Nam, thì quốc vương cứ quản thúc. Về phần họ, chắc họ phải yên phận, giữ phép không dám gây sự khuấy rối gì đâu. Nhưng nếu họ có mật đem thư tít Lê Duy Kỳ (Chiêu Thống) về nước để phẫn hoặc lòng người, thì quốc vương cứ việc trừng trị, không cần phải e dè kiêng nể vì có bọn họ đã do “Thiên triều” cho về.

Nhưng, than vạc lại hồng kia không phải do bọn ở Tàu về, mà lại chính bởi Hoàng Ba Lê Duy Chi (em vua Chiêu Thống), người vẫn lẫn quất ở trong nước.

Duy Chi³⁴³ thấy cuộc Việt Thanh giao thiệp đã mười phần xong xuôi, không thể còn gửi hy vọng “cuốn bụi lại về” vào anh là Chiêu Thống nữa, bèn lén đến châu Bảo Lạc thuộc trấn Tuyên Quang, nương tựa viên thổ tù tên là Khoan Triều, rồi chiêu hiền, mãi mãi, có chí khôi phục nhà Lê. Lúc ló ra, lúc im bật, tung tích bất thường, Duy Chi khuấy rối một vùng biên thùy, Tây Sơn nhiều lần phái quân đi tiêu mà chưa dẹp yên được. Từ đó, Duy Chi lẫn quất ở trong rừng núi, người ta không biết đích xác ở đâu.

Khi hay tin Duy Chi lại vùng vẫy ở Bảo Lạc, tràn lan đến cả những vùng Mục Mã, Thái Nguyên, quan lưu thủ thành Thăng Long liền cất Phan Văn Chuẩn đem binh đi dẹp.³⁴⁴

Sau lại dựa vào lực lượng bọn thổ tù Nùng Phúc Tấn và Hoàng Văn Đồng, Duy Chí chiếm giữ Tuyên Quang, Cao Bằng làm chỗ đứng chân, rồi liên kết với các xứ Vạn Tượng, Trấn Ninh, Trịnh Cao và Quy Hợp, mưu đánh phá trấn Nghệ An trước.

Sức phản động ấy không phải không to! Song kết cục, dưới thế lực toàn thịnh của Tây Sơn bấy giờ, “chim chích” vẫn không sao địch nổi “bồ nông” được.

Năm Canh Tuất (1790), vua Quang Trung sai Đại Tổng quản Trần³⁴⁵ Quang Diệu và Đô đốc Nguyễn Văn Uyển đem 5.000 tinh binh do đường phía trên trấn Nghệ An đi đánh dẹp, bắt ngay được hai cừ khôi xứ Trấn Ninh là Thiệu Kiểu, Thiệu Đế (tháng sáu năm Canh Tuất), diệt được hai xứ Trịnh Cao, Qui Hợp (tháng tám, năm ấy): đánh được xứ Vạn Tượng khiến cho Quốc trưởng xứ ấy phải bỏ thành chạy dài, phó mặc voi, ngựa chiêng, trống cho quân Tây Sơn chiếm lấy. Luôn dịp quân Tây Sơn đuổi riết đến xứ Tiêm La (nay là Thái Lan) chém được chủ sớ xứ Vạn Tượng là Tả Phan Dung và Hữu Phan Siêu (tháng mười năm ấy).

Đánh tan đám ngoại ứng rồi, Nghệ An Đốc trấn Trần Quang Diệu, phất cờ “đại thắng” quay về Bảo Lạc.

Địa thế Bảo Lạc hiểm, ba mặt đều là núi đá bích lập, chỉ hở một mặt phía bắc có thể thông sang nước Tàu.

Bấy giờ nhờ có quận Diên, phiên thần của nhà Lê cũ, coi giữ cửa ải Tụ Long, làm hướng đạo cho Tây Sơn, đưa đường đi đánh hoàng Ba Lê Duy Chi ở Bảo Lạc³⁴⁶.

Các tướng Tây Sơn, với một số binh tinh nhuệ, do cửa ải Tụ Long sang qua đất Tàu, đi ba ngày, sẵn vào thành Bảo Lạc, bắt sống Hoàng Ba với Phúc Tấn và Văn Đồng, điệu về Tụ Long rồi sai đóng cũi đưa về Thăng Long và dâng thư vào Phú Xuân báo tiệp.

Vua Quang Trung vì nể có Ngọc Hân Công chúa, nên nói thác lên rằng cứ giam hoàng Ba đấy, không được giết. Nhưng kỳ thực ngầm bảo chở đi trầm hà³⁴⁷ (1790).

Để khoe với Mãn Thanh cái võ công hiển hách ấy, vua Quang Trung sai bày tội Vũ Vĩnh Thành

và Trần Ngọc Thị sang Tàu báo tin thắng trận.

ĐỐI PHÓ VỚI ĐÁM THÂN SĨ CỐ LÊ

Nhân tâm Bắc Hà, nhất là trong đám thân sĩ bấy giờ, còn in sâu trong óc, nhuần thấm trong mạch máu những ân đức và công nghiệp của vua Lê Thái Tổ (1428-1433), nên dầu thấy Chiêu Thống uơon hèn bất lực đến đâu, họ cũng hết sức vùa giúp cho cái triều đại mà họ xưa nay vẫn quyến luyến quý mến ấy.

Lòng ái đơi đó, sĩ phu Bắc Hà đã từng tỏ rõ trong bao cơn giông tố xông đến lay chuyển “cây” Lê. Hồi Mạc Đăng Dung (1527-1529) tiến ngôi, đã gọi lòng công phần cho bao người, khiến họ được dịp tỏ dạ trung nghĩa với nhà Lê bằng những cái chết rất can đảm, rất tiết liệt, rất cảm động. Nhân sĩ khí và nhân tâm ấy, họ Trịnh mới dễ diệt Mạc dưới cái danh nghĩa phù Lê. Sau khi khôi phục Thăng Long (Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 16, 1593), nhà Trịnh nắm hết quyền chính, chỉ để cho nhà Lê cái ngai hờ và chút danh suông, nhưng vẫn không dám ngang nhiên lột lấy chiếc hoàng bào và cái mũ miện kia, cũng chỉ vì kiêng nể cái sĩ khí đó, nên không muốn đi theo vết xe đổ của nhà Mạc xưa.

Đến Bắc Bình vương ra Bắc lần thứ nhất, cũng vì vin vào đại nghĩa phù Lê, nên mới thành công dễ dàng trong việc diệt Trịnh.

Nay vua Quang Trung tuy có công đánh đuổi Tôn Sĩ Nghị, quét sạch 20 vạn quân Thanh, nhưng đám thân sĩ Bắc Hà bấy giờ – phần đông chỉ biết trung với cá thể một ông vua, một triều đại, chưa có cái nhận thức rõ rệt về quan niệm quốc gia, – không khỏi nảy ra những việc phản động một khi thấy vua Quang Trung do cái đà chiến thắng Đại Thanh bước lên địa vị làm chủ nhân ông suốt cả Bắc Hà, theo ý nghĩ của họ, là địa bàn thuộc quyền sở hữu riêng của nhà Lê. Vì thế, từ “khối” thân sĩ đương thời, mới âm ỉ nhen lên những “than lửa” rồi ren trong lúc thay triều đổi họ.

1) *Việc Trần Quang Châu*: Năm Quang Trung thứ nhất (1788), Trần Quang Châu, người huyện Gia Bình (Bắc Ninh), đứng lên xưng suốt hương binh, chống với quân Tây Sơn ở sông Thiên Đức³⁴⁸.

Năm Mậu Thân (1788), quân Thanh kéo sang nước ta, vua Lê Chiêu Thống cho Châu đem quân đi hộ giá, làm tiên phong đại Tướng quân, hướng dẫn quân Thanh trong khi họ mượn danh nghĩa cứu Lê để thực hành ý muốn thôn tính Đại Việt. Nhưng qua năm Kỷ Dậu (1789), quân Thanh thua, vua Lê chạy, Châu quay về vùng các huyện, âm mưu cùng với bọn Trần Danh Ấn, Dương Đình Tuấn và Lê Trọng Vĩ, chống lại tân triều bằng những cuộc võ trang bạo động. Rồi trong vòng 3, 4 năm, Tư khấu Vũ Văn Dũng nhà Tây Sơn thường phải cầm quân đi đánh dẹp: kết cục anh và cháu của Châu đều tử trận cả. Qua năm Nhâm Tý (1792), Tây Sơn mới bắt được Châu rồi giết chết vì Châu không chịu khuất phục.

2) *Việc Dương Đình Tuấn*. Người huyện Yên Thế (Bắc Giang), Tuấn đem hai con, một cháu và người nhà kháng chiến với Tây Sơn để bảo vệ cho vua Chiêu Thống, khi vua này chạy đến huyện Nhân Mục (1788). Dem cái thế lực như đá Thái Sơn, Tây Sơn không khó gì trong việc đối chọi với trứng: Tuấn bị thương, con cháu và gia thuộc bảy người của Tuấn đều chết trận. Năm Mậu Thân (1788), Tuấn cắt nhiều dân phu hàng huyện lên đón quân Thanh tận cửa Nam quan để... đem về làm mồi cho gươm súng của quân Tây Sơn hùng kiêu.

Năm Kỷ Dậu (1789) Tuấn lại hoạt động sau khi tiễn đưa vua Chiêu Thống đến cửa ải Nam quan. Nhưng cái đóm lửa hầu tàn ấy không sao đương nổi trước cơn gió lộng của tân triều: Tây Sơn đã đuổi quân Tuấn đến tận huyện hạt Yên Thế, lại bổ luôn ba đồn đóng chẹn, đốt cả nhà và làng Tuấn: rồi dồn Tuấn vào rừng. Chẳng bao lâu, Tuấn phải ôm bầu tâm sự mà chết.

3) *Việc Nguyễn Phú*. Nguyễn Phú người Gia Lâm (Bắc Ninh), từ năm Đinh Mùi (1787) tụ họp thủ hạ, kháng chiến với Tây Sơn ở xã Tiến Lâm, nhưng bị Tây Sơn đánh tan và giết hết.

4) *Việc anh em cha con Phạm Đình Đạt*. Có thể nói nhà Phạm Đình Đạt ở Vũ Giàng (Bắc Ninh) là một nhà bài Tây Sơn. Em hai của Đạt là Tạo sĩ Phạm Đình Phan, em ba là Tiến sĩ Phạm Đình

Dữ và con trưởng là Phạm Duật đều vào trong núi Huyền Đinh (ngàn Treo Đanh) mưu việc khôi phục nhà Lê, lật đổ Tây Sơn. Năm Kỷ Dậu (1789), sau khi vua Lê Chiêu Thống chạy sang Tàu, Phan còn họp tập dân binh, hoạt động ở miền Lạng Giang. Nhưng rồi những cuộc thất bại đã đem đến cho Phan biết bao phần uất đến nỗi Phan phải uống thuốc độc mà chết. Còn Phạm Đình Chấn, em tư của Đạt, đem hơn 500 hương binh, cũng nổi lên chống với Tây Sơn, nhưng chỉ chác lấy cuộc tàn phá cho nhà và cho làng. Hai con của Đạt là Đình Cù, Đình Ninh cũng đều bị bắt và bị giết trong một ngày vì đã tham dự vào cuộc khởi binh chống lại triều mới.

Dùng nhân tài

Nguyễn Huệ, với cặp mắt sáng khác đời, chẳng những thấy rõ được mọi vật trong đêm tối, mà rất sáng suốt trong việc liên tài hay dùng người. Trừ ra khi nào có ai cường cường không chịu hàng phục, Huệ xét để người ấy lại chắc sẽ có hại cho mình về sau thì thể tất phải tính. Một ví dụ:

Năm Giáp Ngọ (1774), Tham tán Nguyễn Đăng Trường bên Nguyễn theo chúa Duệ Tông không kịp, dắt mẹ vào lánh ở thành Quy Nhơn.

Bắt được Đăng Trường, Nguyễn Huệ vì liên tài, lấy lễ tân sư (vừa là bạn, vừa là thầy) mà đối đãi, song Đăng Trường không chịu, từ tạ xin đi.

Huệ nói: “Tiên sinh đi chuyến này, phỏng xoay lại trời đất được không? Sau có ăn năn, e muộn quách rồi!”

Đăng Trường nói: “Tài trai ở đời lấy trung hiếu làm đầu. Tôi nay dắt mẹ tìm vua, đối với đại nghĩa là quang minh lắm. Còn cùng hay thông, được hay hỏng là số mệnh cả, chứ có ăn năn nỗi gì!”

Huệ khen là hăng hái, rồi để cho đi.

Đến năm Đinh Dậu (1777), Nguyễn Huệ lại bắt được Đăng Trường. Huệ nói: “Lần này tiên sinh tính sao?” Đăng Trường đáp: “Bây giờ chỉ có chết thôi, can chi phải hỏi nữa!” sau dụ hàng không được. Huệ bắt đắ dĩ phải sai giết đi. (*Quốc triều sử toát yếu*, tiền biên, quyển 1 tờ 36b-37a)

Khi ra Bắc, vua Quang Trung để ý ngay đến việc thu dùng nhân tài, nên những nhân vật xuất sắc như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích đều “vì người yêu mà hết sức làm đóm”. Đáp ơn tri ngộ, mấy ông này đã đem văn chương tô điểm cho non sông tổ quốc, chiến thắng Mãn Thanh về mặt ngoại giao.

Nhà vua lại rất cưng chiều và tin dùng Vũ Huy Tấn³⁴⁹ thị trung đãi chiếu. Tỏ ý thân yêu, ngài thường vuốt ve bộ râu dài đẹp của Tấn. Nhiều khi ra đi, vua Quang Trung đường bệ ngự voi đi trước, Huy Tấn nhỏ nhả cưỡi voi đi sau. Dấu hiệu đó tỏ ra Huy Tấn là tay văn mặc trọng yếu ở đương thời, không thể thiếu ở tả hữu Hoàng đế.

Để ghi ơn tao tể ấy, Vũ Huy Tấn có mấy câu Kỷ sự rằng:

文章屢奉綸音獎

眉鬢親承御手叉

更有一班堪畫處

輦途聯象接光華

Văn chương lữ phụng luân âm tưởng.

Mi mấn thân thừa ngự thủ thoa.

Cảnh hữu nhất ban kham họa xứ.

Liễn đồ liên tượng tiếp quang hoa.

(Trích trong Hoa trình tỳ bộ thi tập)

Dịch:

Văn hay, lời thánh thường khen ngợi.

Râu tốt, tay vua vẫn vuốt ve.

Lại có chuyện này nên tả vẽ:

Liền voi, rạng vẻ lúc đi, về.

Vì nhà vua chinh phục được trái tim của Tấn, nên Tấn đã phơi gan, giải ruột, đem tấm thân hăng hái dâng cả lên bàn thờ quốc gia. Chính Tấn bảy lần gõ cửa Nam quan (*vi thần thất độ khấu Nam quan*), vận động giảng hòa với Trung Quốc.

Đối với những phái chịu ra, vua Quang Trung không câu nệ họ là người cũ hay mới, có khoa danh hay không, thấy đều dung nạp và thu dụng, miễn họ có chân tài và thực tâm ghé vai gánh vác việc nước.

Nhưng, đối với những phái thích ẩn độn, ngài chẳng những không ép buộc bức bách, mà lại không đoạt chí của họ nữa.

Chúng có đó thấy rõ trong việc ngài xử với Trương Quán³⁵⁰ và Nguyễn Thiệp³⁵¹:

Trương Quán là con cháu công thần nhà Lê. Tây Sơn muốn thu dùng, song Quán không chịu; thế mà các nhà cầm quyền bấy giờ cũng để cho Quán được tự do vui thú giang hồ, bạn cùng cỏ, hoa, mây, khói, suốt đời ôm chủ nghĩa độc thân.

Như trước đã nói, Nguyễn Thiệp nhiều lần từ sính, không chịu ra làm quan, vậy mà vua Quang Trung vẫn nhìn Thiệp bằng con mắt biệt đãi, không hề tức giận mỗi khi mời mãi không ra, cho gì không lấy. Song, trước thanh phong cao tiết của nhà danh sĩ ấy nhà vua vẫn một niềm tôn kính như thầy.

Coi mấy việc trên, đủ thấy vua Quang Trung có tài biết rõ người và có độ lượng dung được người. Chính nhờ cái tài ấy, cái độ lượng ấy, các bộ máy quân sự, ngoại giao và chính trị, mới chạy rất hợp lý, rất nhanh chóng và kết quả rất sai trĩu tốt tươi.

Vả, ơn tri ngộ của ngài thấm sâu vào xương tủy nhiều thân thần, nên về sau, khi băng, ngài để lại biết bao niềm thương nỗi tiếc cho người đương thời. Chẳng thế, Phan Huy Ích đã viết mấy câu cảm hoài khi gặp Quốc tang³⁵² (thu Nhâm Tý, 1792):

遭際機緣難再得

從今羈旅雁臣孤

Tao tế cơ duyên nan tái đắc!

Tòng kim ký lữ nhạn thần cô!

Dịch:

Duyên may gặp gỡ còn đâu nữa!

Nhờ đậu từ đây, chiếc nhạn cô!

Chính trị

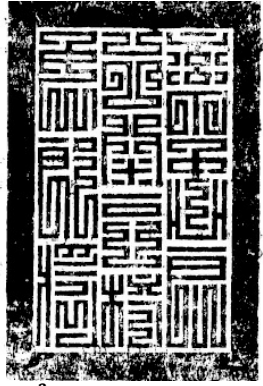
Sau khi từ Phú Xuân (Huế) bước lên cái ngai hoàng đế, vua Quang Trung phải cưới ngay voi, hươu ngay kiếm, đánh đuổi giặc Thanh để giữ lấy chủ quyền và lãnh thổ. Kế đó, mặt Bắc, phải giao thiệp với Tàu, mặt Nam, phải đối phó với chúa Nguyễn, nên trong năm năm trị vì (1788-1792), ngài chưa được mấy lúc rảnh tay lo việc nội trị...

Vả, triều Tây Sơn cầm quyền không được lâu, nên dấu tích chính trị của triều đại ấy, dầu ai thấy xa, nghe rộng đến đâu cũng không thể nhặt lượm tài liệu nào khác ngoài mấy quyển chính

sử, ngoại truyện, dã sử của ta và ít trang ký tái của mấy nhà truyền giáo ngoại quốc hồi đó.

Dầu sao mặc lòng, căn cứ vào các mảnh vụn lịch sử, chúng ta ngày nay sinh sau hàng trăm rưởi năm, cũng có thể nhận thấy trong vua Quang Trung có lắm cái sáng kiến và đặc sắc về chính trị cũng như về quân sự.

Khi đã chiến thắng Mãn Thanh về võ lực và ngoại giao, vua Quang Trung một mặt lo đàn áp các phần tử phản động ở trong, một mặt dự bị khôi phục lấy đất Lương Quảng, lẽ tất nhiên ngài phải đặt việc võ bị lên trên hết mọi vấn đề khác.



Một cái ấn tín của nhà binh đời Tây Sơn, trong có mười chữ này:

率忠良二衛三校中郎將

Suất Trung lương nhị vệ, tam hiệu Trung lang tướng.

Về quân hiệu, ngoài tên ngũ quân Trung, Tiền, Hậu, Tả, Hữu như đã thấy tổ chức trong khi đánh giặc Thanh ra, lại có những quân đặt tên là Tả bát, Hữu bát, Ngũ chế, Càn thanh, Thiên cán, Thiên trường, Thiên sách, Hồ bồn, Hồ hầu, Thị lân, Thị loan nữa.

Ở hàng huyện về ngạch võ, có viên Võ phân suất cầm đầu, Binh chế thì có từng Đạo, từng Cơ và từng Đội: lấy Đạo thống Cơ, lấy Cơ thống Đội.

Vì bấy giờ đang mưu đồ công cuộc đánh Tàu, nên trong nước phải dùng đến chính sách cưỡng bách tòng quân: từ 12, 13 đến 60 tuổi, đều phải ra lính hết³⁵³.

Một nhà truyền giáo lúc bấy giờ có chép rằng người Nam bấy giờ theo anh em Tây Sơn đi trận, trở nên gan dạ, hùng kiện, một người đương nổi mười người, đánh đâu thắng đấy³⁵⁴.

Năm Quang Trung Nguyên niên (1788), Ngô Thì Nhậm có dâng sớ bằng chữ nho, điều trần về việc nội trị, đại ý nói:

Xưa kia nhà Chu đã thắng nhà Ân, phân phong các anh em gậy lấy cái thế như rết trăm chân, giúp đỡ lẫn nhau nên chư hầu không dám đoạt, nhà Chu hưởng nước được 800 năm. Nhà Hán, khi mới đại định, phong ngay đồng lính, gậy thành cái hình như hai hàm răng cùng cắn chặt lấy nhau, nên thiên hạ họ phục là mạnh, nhà Hán trị vì lâu đến 400 năm. Nay Bệ hạ (chỉ vua Quang Trung) nếu biết làm theo như thế thì có thể sánh với Chu Hán đấy.

Vua Quang Trung nghe theo, bèn chia phong các con giữ các địa bàn:

Con cả, Quang Toàn làm Thái tử.

Con thứ, Quang Thùy làm Khang công, lĩnh Bắc thành, Tiết chế Thủy bộ Chư quân.

Con thứ ba, Quang Bàn làm Tuyên công, lĩnh Thanh Hoa đốc trấn, Tổng lý quân dân sự.

Nhà vua lại sai các huân thần và danh tướng hiệp sức giúp việc cho các hoàng tử đã lĩnh những trọng trấn ấy.

Bộ máy hành chính gồm có những cơ quan này.

Tam công, Tam thiếu, Đại Chung tể, Đại tư đồ, Đại Tư khấu, Đại tư mã, Đại Tư không, Đại Tư cố, Đại Tư lệ, Thái úy, Ngự úy, Đại Tổng quản, Đại Đồng lý, Đại Đô hộ, Đại đô đốc, Đô đốc, Nội hầu, Hộ giá, Điểm kiểm, Chỉ huy sứ, Đô tư, Đô úy, Trung úy, Vệ úy, Quán quân, Tham đốc, Tham lĩnh, Trung thư sảnh, Trung thư lệnh, Phụng chính, Thị trung Đại học sĩ, Hiệp biện Đại học sĩ, Thị trung Ngự sử, Lục bộ Thượng thư, Tả hữu Đồng nghị, Tả hữu Phụng nghị, Thị lang, Tư vụ, Hàn lâm...

Mỗi trấn đặt một trấn thủ về hàng võ và một hiệp trấn về hàng văn. Mỗi huyện đặt một văn phân tri, một võ phân suất, một tả quản lý và một hữu quản lý. Công việc của quan văn là trưng đốc binh lương, xét xử từ tụng. Phận sự của quan võ là coi quản và thao diễn quân lính từ Đạo

đến Cơ, từ Cơ đến Đới.

Trong các xã, các thôn thì có xã trưởng, thôn trưởng.

VIỆC XÃ HỘI

Muốn cho tiện sự giao thông ở một địa điểm thích trung (kể theo địa thế nước ta bấy giờ), vua Quang Trung đặt thêm một số đô thành ở trấn Nghệ An, gọi là Trung Đô (sẽ nói kỹ ở phần kiến trúc). Và muốn cho mới mẻ tai mắt thiên hạ, ngài đổi tên Thăng Long làm Bắc thành.

Từ đời Lê, Bắc Hà chia làm 11 xứ (hoặc trấn):

- 1 – Xứ Nam (Sơn Nam)
- 2 – Xứ Đông (Hải Dương)
- 3 – Xứ Bắc (Kinh Bắc)
- 4 – Xứ Đoài (Sơn Tây)
- 5 – Xứ Yên Quảng (nay là tỉnh Hải Ninh)
- 6 – Xứ Lạng (Lạng Sơn)[355](#)
- 7 – Xứ Thái (Thái Nguyên)
- 8 – Xứ Tuyên (Tuyên Quang)
- 9 – Xứ Hưng (Hưng Hóa)
- 10 – Xứ Thanh (Thanh Hoa)
- 11 – Xứ Nghệ (Nghệ An)

Đến triều Quang Trung, ngoài chín xứ để yên như cũ, có chia lại hai xứ Sơn Nam và Thanh Hoa (1788)[356](#).

Xứ Sơn Nam chia làm hai trấn: phía trên xứ ấy gọi là Nam thượng hoặc Thượng trấn; phía dưới giáp biển gọi là Nam hạ hoặc Hạ trấn. Trước kia, phố Hiến là lỵ sở của Sơn Nam, đến bây giờ lỵ sở Hạ trấn đóng ở Vị Hoàng bên sông Nhị, cách dưới phố Hiến vài dặm; còn lỵ sở Thượng trấn thì đóng ở Châu Cầu (nay thuộc Hà Nam), cách phía dưới kinh đô độ hai mươi dặm, ở ngay bên đường cái quan ăn thông từ Bắc vào Nam Hà[357](#).

Xứ Thanh Hoa cũng chia làm hai: Về mặt Bắc gọi là Thanh Hoa ngoại; về mặt Nam gọi là Thanh Hoa nội[358](#).

Mỗi xứ chia làm nhiều phủ, mỗi phủ chia làm nhiều huyện, mỗi huyện chia làm nhiều tổng và mỗi tổng chia làm nhiều xã. Tựu trung có nhiều xã lại chia ra từng thôn[359](#).

Còn kinh đô mà xưa ta gọi là Kẻ Chợ thì gồm có một phủ, hai huyện, mười tám phường[360](#).

KIẾN TRÚC

Từ khi còn làm Đại nguyên súy Tổng quốc chính Bình vương, Nguyễn Huệ đã để tâm đến việc lập tại Nghệ An một kinh đô mới. Vì ngài cho rằng, đối với địa thế nước ta hồi ấy, Nghệ An ở vào khoảng giữa đất nước, đạo lộ thích quân và là chỗ đất rau rốn của tổ tiên ngày trước.

Từ trước, ngài đã truyền bảo La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp về Nghệ chọn đất dựng kinh đô cho kịp kỳ ngài về ngự. Nhưng La Sơn phu tử chưa làm xong, nên ngài giá hồi Phú Xuân tạm cho sĩ tốt nghỉ sức.

Đến ngày mồng 1 tháng sáu năm Mậu Thân (1788) trước khi lên ngôi Hoàng đế, ngài lại sai thảo chiếu giục Nguyễn Thiệp làm việc ấy. Ý ngài muốn cắm đất làm tân đô ấy ở vào khoảng chỗ dân cư, phía sau Phù thạch hành cung, nhưng gần về mạn núi. Nếu không thế thì cho

Nguyễn Thiệp được tùy tiện mà chọn định, miễn là nội ba tháng phải làm xong³⁶¹.

Sau khi nhận được tờ chiếu ấy, Nguyễn Thiệp thì xem đất, trấn thủ Thân thì đứng đốc suất quân lính các đạo đánh đá ong, thợ thuyền các hiệp xây cất doanh tác, rồi chằng bao lâu, dưới chân núi Kỳ Lân ở Nghệ An, đồ sộ nổi lên một khu nội thành, trong có long lâu ba tầng, điện Thái Hòa hai hành lang để phòng có lễ triều hạ. Thật xứng đáng với cái tên mới mẻ đẹp đẽ là Phượng Hoàng Trung Đô hoặc Trung kinh Phượng Hoàng thành.

Về việc đổi đóng đô ở Nghệ An này, vua Quang Trung có sai Ngô Thì Nhậm viết một bức thư ngoại giao gửi cho Lưỡng Quảng Tổng đốc Phúc Khang An bày tỏ duyên cớ. Đại ý nói: Nước ta từ Lý, Trần về sau đều đóng đô ở Thăng Long cả. Gần đây vương khí ở đấy đã tan hết rồi. Bấy giờ bờ cõi nước ta, về phía nam, mở rộng hơn trước. Sự đóng kinh đô chỉ có Nghệ An là chỗ đất vừa vặn ở giữa, nên đã chọn nơi núi Phượng Hoàng ở Nghệ đặt làm Trung đô rồi. Từ nay phàm các công việc đi lại, đường xá xa hơn Thăng Long gấp bội, vậy mong bên Tàu lượng thứ cho cái lỗi chậm trễ³⁶².

THUẾ KHÓA, NÔNG CHÍNH

Hồi còn nhà Lê, nhân dân phải đóng một thứ thuế xâu dịch gọi là “điền tiền”. Vì nhà Lê phỏng theo cái phép cố định thời xưa, có đánh thứ thuế ấy. Rồi hễ có những việc xâu dịch công tác thì lấy tiền công ra thuê mộ người làm.

Đến triều Quang Trung, nhà vua thấy quốc gia mới khai sáng, muốn rút bớt xâu thuế để nói nhẹ cho dân, bèn bãi bỏ cái phép đánh thuế “điền tiền³⁶³” đó.

Từ năm Mậu Thân (1788), trong nước gặp lúc loạn ly, lại bị quân Thanh kéo sang chà xát giày đạp, gia dĩ luôn năm mất mùa, nhân dân phần vì cơ cật, phần vì dịch lệ, chết đến 7, 8 phần 10.

Trước tình hình ấy, nhà vua phải làm một việc quyền nghi: đánh thuế vào các tư điền để lấy gạo lúa.

Bấy giờ đình thiếu, điền đa, ai còn sống lại thường phải đóng nặng thuế điền, vì thế nhiều nhà giàu đến phải bỏ ruộng không nhận.

Xem trong bài chiếu “Khuyến nông” như có chép trong tập *Hàn các anh hoa* của Ngô Thì Nhậm, đủ thấy vua Quang Trung bấy giờ chú trọng vào hai việc:

1. Khuyến khích canh nông.
2. Chăm lo cho nhân dân sinh tụ đông đảo.

Từ khi binh lửa luôn năm, lại thêm vào đấy những nỗi cơ cật, nhân dân siêu dạt, đồng ruộng bỏ hoang, nên thực số đình điền bấy giờ không bằng 4, 5 phần mười trước.

Ngài bèn ra lệnh:

Phàm những dân nào trước đó kiêu ngạo tha phương, trốn tránh lao dịch hoặc vì có thể hương mẫu quán mà đến ở, hoặc vì đi buôn bán làm ăn mà ngụ cư, hễ đã vào làng ở sở tại được từ ba đời trở lên thì mới cho ở, còn ngoài ra bắt về bản quán hết thảy, chứ biệt xã không được chứa chấp. Những ruộng công, ruộng tư đã trót bỏ hoang, nay đều cho về nhận lấy cày cấy, chứ không được bỏ bê trễ, để đến nỗi số ruộng thực khẩn phải chịu khổng thuế mãi.

Các sắc mục, các xã trưởng và các thôn trưởng sở tại phải xét số đình thực tại có bao nhiêu suất, số dân siêu dạt mới về được bao nhiêu suất, rồi xem số thực điền đã thực khẩn được bao nhiêu mẫu, còn số hoang điền mới khai khẩn được bao nhiêu mẫu, đều phải đăng vào sổ bộ, nộp lên các viên phân suất, phân tri ở huyện mình để họ chuyển đệ lên triều đình, triều đình sẽ phái quan khâm sai đi khám lại cho đúng sự thực, bấy giờ mới sẽ liệu định việc bổ thuế cho công bằng.

Nếu xã nào cứ chứa những người ngụ cư mà không bắt họ phải quay về nguyên quán, nếu những người trốn tránh ấy cứ lần lữa không chịu về, và nếu ai biết chuyện mà cáo tố ra thì

những sắc mục, xã trưởng, thôn trưởng sở tại và những kẻ trốn tránh ấy đều phải trị tội cả.

Xã nào ruộng hoang đã đến hạn mà vẫn chưa nhận lấy khai khẩn thì cứ do viên sắc và bộ hạ xã ấy phải chịu trách nhiệm về việc đóng thuế ruộng công chiếu theo ngạch thuế điền cũ mà nộp gấp bội.

Ruộng tư một khi đã sáp nhập làm ruộng công thì thuế đóng cũng như ngạch thuế công điền.

Sở dĩ ban ra cái mạng lệnh ấy, là vì nhà vua muốn hạ lưu dân quay về làng cũ, chăm việc canh nông, đừng lười biếng để hại đến cuộc mưu sinh, ngõ hầu nhà vua cùng trăm họ được hưởng cái vui đông đúc, giàu có, thịnh vượng.

Sau hồi chiến tranh, sổ điền không được minh bạch: hoặc ruộng bỏ hoang mà vẫn phải chịu thuế hoặc ruộng xấu mà vẫn phải đóng thuế vào hạng thượng đẳng điền; hoặc kẻ cường hào hay tui Thanh kiều, nhân dịp hỗn quân hỗn quan trong lúc Tôn Sĩ Nghị tiến đóng Thăng Long, bá chiếm của hạng yếu bóng, lép vế. Thành thử, về việc hộ, hay có lắm chuyện rắc rối vì ruộng đất.

Để giải quyết vấn đề về địa chính rất phức tạp ấy, năm Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung hạ chiếu bảo trong nước làm lại sổ điền. Hai văn thần là Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích đều tán thành việc này.

Ruộng tư cũng như ruộng công, chia làm ba hạng, hạng nào có thuế riêng hạng ấy:

Ruộng công:

Hạng nhất: mỗi mẫu nộp thuế 150 bát³⁶⁴ thóc.

Hạng nhì: mỗi mẫu nộp thuế 80 bát thóc.

Hạng ba: mỗi mẫu nộp thuế 50 bát thóc.

Cả ba hạng mỗi mẫu phải ra một tiền quý về thuế thập vật và 50 đồng kẽm về thuế khoán kho.

Ruộng tư:

Hạng nhất: mỗi mẫu nộp thóc thuế 40 bát.

Hạng nhì: mỗi mẫu nộp thóc thuế 30 bát.

Hạng ba: mỗi mẫu nộp thóc thuế 20 bát.

Cả ba hạng đều phải ra mỗi mẫu là 30 đồng kẽm tiền khoán kho. Còn tiền thập vật cũng như lệ ruộng công kể trên.

Ngoài thuế ruộng ra, triều Quang Trung theo lệ cũ cũng đánh những thứ thuế như dung tiền, cước mễ.

Vụ mùa tháng mười năm Quang Trung thứ 4 (1791), thóc lúa các nơi đều được phong đăng cả. Năm phần mười trong nước đã khôi phục được cái quang cảnh thái bình thuở xưa.

Sở dĩ xã hội bấy giờ chóng đi đến thịnh vượng là nhờ ở cách tổ chức lương thiện và ở chính sự hậu sinh (nhân hậu và hậu sinh). Hễ năm nào gặp nạn đại hạn hay hồng thủy thì lại ra ơn đại xá; hễ kẻ nào phạm tội nhẹ hoặc phụ khiếm mà trốn đi thì đều được bỏ qua, không xét hỏi nữa³⁶⁵.

VIỆC HỌC VIỆC THI

Theo như lời trong “Lập học chiếu”³⁶⁶ thì sau khi đại định, vua Quang Trung cũng rất tỏ ý sùng đạo Nho, lưu tâm yêu kẻ sĩ, mong được những tay có thực tài ra giúp việc quốc gia.

Tại các dân xã đều cho lập nhà xã học: chọn trong đám nho sĩ hàng xã lấy người có học, có hạnh, đặt làm xã giảng dụ để dạy những học trò trong hàng xã mình.

Các đèn từ ở các phủ vẫn để cho dân bản hạt nhận giữ, nhưng dùng chung làm trường học hàng phủ, triều đình sẽ bổ một viên phủ huấn đạo đến dạy học tại đó.

Gặp khoa thi hương thì lựa lấy những hương tú tài; hạng ưu được thăng vào quốc học; hạng thứ, cho vào phủ học.

Đối với các ông cống triều Lê, phàm những người tại quán chưa nhậm chức gì, nhà vua cũng muốn dùng họ cả. Ngài có ban chiếu bảo họ đến cửa khuyết đình để lựa bổ sung những chức như huấn đạo, tri huyện. Còn các cựu nho sinh và các cựu sinh đồ đều phải đợi có khoa thi thì thi: hạng ưu được đỗ; hạng liệt phải bãi về xã học.

Đến hạng sinh đồ mua bằng ba quan³⁶⁷ ở triều Lê trước thì đều bị loại về hạng “dân” hết thảy; cũng phải chịu giao dịch như dân thường.

Chữ viết đời Quang Trung

光 文 (Tám chữ “văn học, chính thuật, Quang Trung ngũ niên” này là do tác giả tô theo
中 學 trong đạo sắc của Phan Huy Ích do vua Quang Trung phong ngày 18 tháng tư nhuận,
五 政 năm Quang Trung thứ 5, 1792).
年 術

Ngoài những việc dùng chữ nho, sùng đạo Nho, trọng kẻ sĩ ấy ra, vua Quang Trung còn có cặp mắt trông xa và kiến thức cao vút, đã biết sớm quý trọng tiếng mẹ đẻ, cho nó cũng có một địa vị ở đương thời để mong nhờ nó, tư tưởng để được truyền bá, giáo dục để được phổ thông. Chỉ một việc trọng chữ Nôm này, đời sau cũng đủ tưởng thấy cái óc sáng kiến của nhà chính trị thiên tài ấy.

Thấy Nguyễn Thiệp, danh sĩ Nghệ An, học rộng, đạo cao, đáng làm mực thước cho hậu học, nhà vua nhiều lần sai đem vàng lụa làm sính lễ, mời Thiệp ra giúp chính sự. Song, ngoài việc mang chiếc bánh chưng, góp chút công vào việc đánh Tôn Sĩ Nghị ra, Thiệp không chịu xuất chính, nên bao lần trả lại các sính nghi.

Dẫu vậy, không chịu bỏ phí nhân tài, vua Quang Trung có nhờ Nguyễn Thiệp dịch Kinh Truyện ra tiếng Nôm để tiện về truyền bá đạo lý Khổng, Mạnh giữa vòng dân chúng.

Vâng mạng vua Quang Trung, Thiệp đã làm được một ít sách, nhưng chưa xong trọn thì vua đã thăng hà! Rồi những dịch phẩm bằng Nôm ấy đều bị tịch thu, thiêu hủy, xóa nhòa theo dấu tích của triều đại Tây Sơn!

Cũng một ý muốn dùng Nôm làm lợi khi để mở trí dân ấy, ngay từ khi làm Đại Nguyên súy Tổng quốc chính Bình vương, ngài đã đem tiếng mẹ đẻ ứng dụng trong công văn như ở tờ chiếu gửi cho La Sơn Phu tử.

Chiếu truyền La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp khâm tri:

Ngày trước ủy cho Phu tử về Nghệ An tướng địa làm đô cho kịp kỳ này hồi ngự. Sao về tới đó chưa thấy dựng việc nhỉ? Nên hãy giá hồi Phú Xuân kinh hữu tức sĩ tốt.

Vậy chiếu ban hạ phu tử tảo nghi dữ trấn thủ. Thận công sự kinh chi doanh chi tướng địa tu đô tại Phù Thạch hành cung sảo hậu cận sơn. Kỳ chính địa phỏng tại dân cư chi gian, hay là dấu cát địa khả đồ duy phu tử đạo nhấn giám định, tảo tảo tốc thành. Ủy cho trấn thủ Thận tảo lập cung điện kỳ tam nguyệt nội hoàn thành, đặc tiện giá ngự. Duy Phu tử vật dĩ nhân tốt thị Khâm tai! Đặc chiếu!

Thái Đức thập nhất niên (1788) lục nguyệt, sơ nhất nhật”³⁶⁸

Hiện nay người ta còn truyền tụng hai câu trong chiếu “cầu hiền” của triều Tây Sơn:

Hễ cha mô dù có chí giỏi giang,

Đù mẹ đũa chẳng suy tâm ủy dụng

Lại tục truyền một dật sự về ông nghề Mọc (?) ở triều Quang Trung:

Mới đỗ Tiến sĩ, ông Mọc và ông Đào (?) ai cũng cậy mình hay chữ, không đảng nào chịu nhường đảng nào. Việc tranh giành cái cộ ấy phải chờ đến lệnh phán xử của nhà vua.

Vua Quang Trung bèn hạ chỉ phán bảo: “Sai lính đánh một hồi trống, mỗi người làm một bài phú, hễ dứt hồi trống mà ai xong trước thì là người hay chữ.” Đào làm bài *Nghè Đào Phú*, Mọc làm bài *Nghè Mọc Phú*.

Trong khi nghè Đào mới được một đôi câu (trong đó câu kỳ lạ đào đào) thì nghè Mọc đã ứng khẩu làm xong bài phú theo cái đầu đề tên mình:

Hữu nhất nhân hề: dẫn đui ếch, vãnh râu trê

Giàu vỏ quạch, cái môi thâm xít

Rượu hăng dê (?) con mắt đỏ hoe

Không rằng không, có cũng rằng không nghè ngôn chuyện ai nào dám địch;

... (Lược. Vì vế này nói nhá)

Thử sở dĩ trước là thằng Mọc, nay đổ ông nghè giả dư!

Đó chắc là những chuyện chế giễu do mấy nhà trào phúng Bắc Hà ở đương thời hoặc đầu triều Nguyễn bịa đặt ra để mỉa mai cá thể vua Quang Trung không giỏi chữ Hán hoặc để công kích cái chính sách nhà vua bấy giờ dùng văn Nôm trong chiếu, biểu, thi, phú... mà, theo ý họ, là một lối “nôm na mách qué” không nhập nhã dưới những con mắt đang thiên trọng Hán văn.

Nhưng nhân hai câu chiếu văn và chuyện dật sự trên đây, ta lại xét đến nhiều bài văn ở triều Cảnh Thịnh (1793-1800), Bảo Hưng (1801-1802), tuy là quân quốc trọng sự mà cũng dùng Nôm, như “Canh Thân (1800) xuân, nghĩ Diệu quận quân thứ quốc âm hiệu văn”³⁶⁹, “Dụ nghị súp quốc âm chiếu văn”³⁷⁰ và “Kỷ Mùi (1799) đông nghĩ ngự điện Võ Hoàng hậu tang”³⁷¹... thì đủ biết sự dùng quốc âm trong văn đường bệ đã hầu thành “gia sáo” và thói quen của nhà Tây Sơn rồi. Vậy nay có thể quả quyết: vua Quang Trung đã mạnh bạo đánh đổ cái thành kiến, cái tập quán hàng ngót hai nghìn năm chỉ quý Hán văn, không dám trọng dụng Việt ngữ.

Tương truyền rằng: mỗi khoa thi, cứ kỳ thứ ba (Đệ tam trường), nhà vua buộc các sĩ tử phải làm thơ phú bằng tiếng mẹ đẻ.

Sau khi xem xét bài biểu của Nguyễn Thiệp nói về ba điều quân đức, dân tâm và học pháp³⁷² nhà vua có ý muốn chỉnh đốn lại việc học, nên qua năm Quang Trung thứ 5 (1792) định thiên đô về Nghệ An: dựng nhà Sùng chính thư viện, cử Nguyễn Thiệp làm Viện trưởng, giữ việc giáo dục quốc dân. Nhưng, cái “thai” thư viện đó không được nhìn thấy ánh sáng, là vì chưa kịp thực hiện thì vua Quang Trung đã băng.

ĐỐI VỚI TÔN GIÁO

Cũng như các triều đại khác, triều Quang Trung cũng tôn sùng đạo Nho, đạo Phật và đạo Bách Thần.

Có điều rất đáng chú ý, khi Tây Sơn cầm chính quyền, đạo Gia tô cũng được tiến hành tấn tới. Chứng cứ ấy ta thấy ở câu này trong bức thư của Giáo sĩ Le Roy gửi cho Blandia, đề ngày 18 juillet 1793: “Từ khi nhà Tây Sơn lên làm chủ, tôn giáo được tấn bộ”³⁷³.

Nhà vua có ý muốn chấn chỉnh Phật giáo trong nước, nên đối với những sư nào không xứng đáng thì bắt hoàn tục làm ăn; chỉ cho những tăng nhân nào có đạo đức, có học thức mới được trụ trì ở chùa chiền để quy Phật³⁷⁴.

Ngài lại muốn cho sắc tướng chốn thuyền môn được trang nghiêm, nên xuống chiếu bắt bỏ bớt những chùa nhỏ ở các làng, truyền đem gỗ gạch làm chung ở mỗi phủ, mỗi huyện một ngôi chùa rất to tát, rất đồ sộ, rất đẹp đẽ³⁷⁵.

Ngoài ra, triều Quang Trung cũng làm cái việc phong sắc cho bách thần theo như lẽ lối từ đời

Lý Cao Tông (1176–1210) truyền lại³⁷⁶:

Ngày 22 tháng sáu, năm Quang Trung thứ 5 (1792) triều đình có ban sắc cho vị thần là Đổ công Đại vương, trong có hai vế đối:

九服清怡共樂太平之景象

三靈和晏永祈申錫之庥禎

Cửu phục thanh di, cộng lạc thái bình chi cảnh tượng.

Tam linh hòa yến, vĩnh kỳ thân tích chi hựu trinh.

Dịch nghĩa:

Lạng trong chín cõi, vui chung cảnh đẹp thái bình.

Yên ổn ba linh³⁷⁷ ban mãi phúc lành rộng rãi.

Trên tấm sắc mực đen giấy vàng này có đóng cái ấn son đỏ đề bốn chữ triện “hòa nhu chi bảo” (和柔之寶)³⁷⁸.

TÍN BÀI

Tuổi còn trẻ, chí đang hăng, tiền đồ còn đầy hy vọng, vua Quang Trung quyết mài gươm, thét lửa một phen để làm thực hiện cái chí cao xa bấy lâu vẫn ôm ấp.

Để đi đến con đường đánh Thanh, ngài từ khi lên cầm quyền chính, hết sức chấn chỉnh vũ bị, sửa soạn chiến tranh.

Số đình bấy giờ, sau bao cơn trong nước loạn ly, không được minh bạch, nhất là từ miền Linh Giang (sông Gianh) ra ngoài Bắc, dân số ần lậu còn nhiều.

Vả, bấy giờ nhà vua ngày đêm cùng các tướng tá mưu việc Bắc phạt. Ai nấy đồng thanh: “Việc cần kíp ngày nay là phải biết đúng số dân để tiện việc tuyển lính.” Ngài lấy làm phải, nên tháng sáu, năm Quang Trung thứ 3 (1790), hạ chiếu sai các trấn phải đốc các dân xã cải tu sổ đình, chia làm bốn hạng:

1) Hạng vị cập cách: từ 9 đến 17 tuổi.

2) Hạng tráng: từ 18 đến 55 tuổi.

3) Hạng lão: từ 56 đến 60 tuổi.

4) Hạng lão nhiều: từ 60 tuổi trở lên.

Để tránh sự ần lậu, nhà vua sai chiếu theo sổ đình, phát cho mỗi người một cái thẻ, tên gọi “Tín bài”, trong in bốn chữ lớn “Thiên hạ đại tín”³⁷⁹.

Trên mặt thẻ ở chỗ hồi văn bốn bên thì đề tên, quê quán và in đầu ngón tay tả của người có thẻ để làm tin.

Tín bài ấy ai cũng phải đeo, gặp người xét hỏi thì phải đưa trình. Ai không có thẻ, ấy là lậu dân, hoặc phải bắt xung làm phòng quân, hoặc phải đem xuống tàu, cho đi những nơi đất rộng miền rừng núi. Trách nhiệm ần lậu ấy, tổng trưởng (chánh tổng), lý trưởng phải chịu.

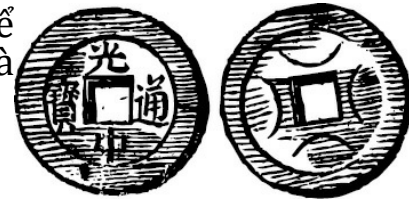
ĐÚC TIỀN ĐỒNG

Sau khi lên ngôi, vua Quang Trung có cho đúc một thứ tiền bằng đồng để tiêu dùng trong nước.

Hồi năm 1937, một nhà từ thiện ở làng Cót (trước thuộc Hà Đông, nay thuộc Hà Nội) có đứng lên xây một cái cầu bắc qua sông Tô Lịch. Khi đào lòng sông để xây móng chân cầu, người ta có nhặt được mấy đồng tiền đồng về đời Quang Trung. Cứ như mấy đồng tiền ấy tôi đã được thấy (xin coi hình vẽ), thì khuôn khổ cũng bằng những đồng tiền đồng “Gia Long”: giáp biên có cái

gờ theo vành tròn, gần lỗ có cái gờ theo hình lỗ vuông. Mặt trái thì trơn, có bốn hình vành cung day lưng vào lỗ vuông, mặt phải thì có bốn chữ (光中通寶) (Quang Trung thông bảo).

Năm Quang Trung thứ 4 (1791) có lẽ vì dự bị việc làm binh khí để đánh Tàu và đúc tiền đồng để rộng tài nguyên cho dân gian, nên nhà vua hạ lệnh thu hết các thứ đồng tốt trong nước.



PHÁ LỆ CỐNG NGƯỜI VÀNG

Khi Việt – Thanh đã giảng hòa, Tổng đốc Lương Quảng Phúc Khang An có đưa thư báo vua Quang Trung rằng: “Mỗi khi thay triều đổi họ, nhà nào bên Nam cũng cống người vàng để làm tạ lễ, thì nay Tây Sơn cũng nên sắm người vàng để đưa sang Thanh.”

Nói đến lệ cống người vàng³⁸⁰ ta nên xét kỹ lịch sử nó đã. Các bạn đọc có rõ những nỗi khó khăn trọng đại của việc này ra sao, bấy giờ mới biết cái công phá được lệ cống người vàng là vĩ đại, đáng đời đời ghi nhớ.

Nguyên xưa Đức Lê Lợi giật nhà Minh tàn ngược, nổi lên từ núi Lam Sơn: Ròng rã mười năm trường (1418-1428) mới đuổi được giặc Minh về nước, ban bố bài cáo Bình Ngô. Trong khi tấn công giặc Minh ấy, Đại tướng Lê Nhân Chú³⁸¹ bắt sống được An Viễn hầu Liễu Thăng ở Chi Lăng (thuộc Ôn Châu, trấn Lạng Sơn), ngày 18 tháng chín, năm Đinh Mùi (1427). Rồi viên tướng Minh ấy phải đem thân đền trả cái nợ tàn khốc vô nhân đạo của đồng bào họ đã ngược đãi người Nam.

Tuy đã dẹp yên giặc Minh, nhưng nhân dân còn mang một vết thương rất nặng vì bao năm tranh chiến. Muốn chữa cho họ mau lành, vua Lê Thái Tổ (1428-1433) có làm mấy việc quyền nghi trong lúc điều đình với người Ngô, không nghe quốc dân xui giục về việc thẳng tay giết hết giặc Minh cho hả lòng bầy nay căm giận, nên khi đã ký hòa nghị rồi, Ngài tha cho bọn quan lại, quân dân nhà Minh được về Tàu đến hơn 86.000 người, lại cấp cho bọn Vương Thông tướng Minh, hơn 500 chiếc thuyền và vài ngàn cỗ ngựa để cho toàn hoạt về nước. Đó đúng như trong bài *Bình Ngô đại cáo* đã nói: “*Ta muốn cho được tuyền quân là hơn, và mong cho dân được yên nghỉ*” (dịch).

Vì ý nghĩ ngài đã muốn như vậy, nên phạm các việc trang trải với người Minh, ngài phải buộc lòng làm quyền biến cho được việc một lúc. Chính ngài chẳng những tạm bợ trong việc lập Trần Cao, người giả danh là dòng dõi họ Trần, để cho mau êm chuyện ngoại hoạn, mà ngài lại còn phải quyền nghi làm việc cống người vàng cho nạn can qua khỏi kéo dài mãi.

Nguyên từ năm Bính Ngọ, niên hiệu Bình Định vương thứ 9 (1426), vua Lê chiến đấu với giặc Minh đã ngót mười năm ròng rã rồi, lòng ngài bấy giờ chỉ mong sao đuổi quân Ngô ra khỏi bờ cõi nước nhà sớm được ngày nào thì nhân dân sớm thoát cái nạn lầm than ngày ấy.

Đến tháng mười một năm đó (Bính Ngọ, 1426), Vương Thông nhà Minh sau khi trải qua bao trận thất bại, có ý giảng hòa, rút quân kéo về, nhưng không vin vào danh nghĩa gì để bãi binh được. Thông dựa ngay vào lời chiếu ở đầu niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424) bảo tìm lập con cháu họ Trần, bèn ngầm khuyên dỗ vua Lê làm việc ấy, bắt đắ dĩ ngài phải dẫn lòng ưng thuận.

Trước đó, có Hồ Ông trốn ở nhà Cầm Quý, thổ quan ở Ngọc Mạ (nay là phủ Trấn Định thuộc Nghệ An) mạo xưng là cháu ba đời vua Trần Nghệ Tông (1370-1372), vua Lê bèn sai đón lập Hồ Ông làm Trần chúa, đổi tên là Trần Cao, kỷ nguyên là Thiên Khánh. Còn ngài thì xưng là Vệ quốc công.

Sau khi được đứng lên làm bồ nhìn, Cao “ngư” ở núi Không Lộ thuộc huyện Thạch Thất, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây dưới quyền giám chế của Lê Quốc Hưng do vua Lê sai phái³⁸².

Ngay hồi ấy, vua Lê đã thay Trần Cao, đưa tờ biểu sang nhà Minh xin phong cho Cao, nhưng nhà Minh cứ làm lơ, không nói sao cả. Qua năm Đinh Mùi niên hiệu Bình Định vương thứ 10 (1427), vua Lê lại sai sứ bộ Lê Thiếu Dĩnh³⁸³ đem biểu văn³⁸⁴ đi với nhân viên do Vương Thông cất cử cùng sang Yên Kinh để giao thiệp về việc cầu phong này.

Kèm với biểu văn ấy có những phương vật này:

1 pho người vàng thể thân (trong *Khâm định Việt sử* quyển 14, tờ 24 chép là hai pho người vàng thể thân).

1 cái lư hương bằng bạc;

1 cái lọ bạc để cắm hoa, 300 tấm lụa tiến (thổ quyên);

14 đôi ngà voi;

20 bình đựng thứ hương ướp áo, 30.000 nén hương vòng;

24 khối trầm thơm³⁸⁵.

Sau, Lê mất, nhà Mạc (1527-1593) sợ Minh hỏi tội, có đúc người vàng sang cống để làm của lót. Vả, vì muốn “hối lộ” thật nhiều cho Minh, họ Mạc chắc phải đúc người vàng to hơn và nặng hơn thuở nhà Lê trước.

Năm Bính Thân, hiệu Quang Hưng thứ 19 (1596), vua Lê Thế Tông (1573-1599) bấy giờ tuy đã khôi phục Thăng Long³⁸⁶ nhưng còn bị người Minh vạ vạ là không phải thực dòng dõi họ Lê, nên ngài phải thân lên ải Nam quan để cùng người Minh dự việc hội khám.

Người Minh trùng trình không đến họp, yêu sách người vàng... (*Khâm định Việt sử*, quyển 30, tờ 15)

Rồi vua Lê phải sai lũ Đổ Uông đem hai pho người vàng, người bạc và cống lên Lạng Sơn để châu chực đưa cống phẩm, song lại bị người Minh thoái thác bằng lời văn hoa giả dối (*Khâm định Việt sử*, quyển 30, tờ 18b - 19b).

Qua năm Quang Hưng thứ 20 (1597), lại sai Phùng Khắc Khoan³⁸⁷ sang sứ Tàu để giao thiệp với người Minh về việc cầu phong. Cũng nhờ ông Phùng là người có tài ngoại giao, nên mới nói êm được việc người Minh hạch sách người vàng lớn, nhỏ, nặng, nhẹ.

Về việc này, trong truyện Phùng Khắc Khoan ở loại *Nhân vật chí* sách *Lịch triều hiến chương có chép*:

... Đinh Dậu năm thứ 20, (ông) vâng mạng đi sứ. Bấy giờ người Minh ăn của lót của mâm độc họ Mạc, không chịu dung nạp ông. Khắc Khoan châu chực, có đưa lên xoái ty, hết sức nói họ Mạc là kẻ cướp ngôi, tội trạng đã rành rành. Nay con cháu nhà Lê gõ cửa quan, chờ mạng lĩnh. Nếu Thiên trào phò Mạc nén Lê thì là về hòa với kẻ gian, làm hại người ngay, sao tỏ nghĩa lớn với thiên hạ giữ danh giáo cho muôn đời được nữa! Người Minh khen, để cho ông vào trong cửa ải. Ông bèn được trẩy tới kinh đô (nhà Minh).

Khi đã tới Yên kinh, Lễ bộ đường có trách ông về việc người vàng thể thân không làm đúng y mẫu cũ, họ bèn bắt ông ngừng lại, chứ không để cho ông vào châu. Khắc Khoan cãi: họ Mạc cướp lẩn thì danh là nghịch, nhà Lê khôi phục thì danh là thuận. Họ Mạc được theo hình thức làm người vàng thể thân đã là hưởng ơn may mắn lắm rồi. Đến như họ Lê đời đời làm cống thần thì hình dáng người vàng đã có mẫu sẵn ở đó. Nay nếu vin lấy họ Mạc làm lệ thì sao nêu rệt được cái nghĩa răn dũ khuyển lành?

Lời trạng của ông được thấu đến tai vua Minh, vua Minh rồi cũng thuận theo cái hình thức của Tiền Lê³⁸⁸. (dịch)

Năm Mậu Tuất, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 14 (1718) đời vua Lê Dụ Tông (1705-1729), Bình bộ Hữu Thị lang Nguyễn Công Hãng đóng vai chính sứ, sang Thanh cầu phong cho vua Dụ Tông (*Khâm định Việt sử*, quyển 35, tờ 21b-22b).

Về việc này trong truyện Nguyễn Công Hãng³⁸⁹ ở *Tang thương ngẫu lục*, quyển trên, tờ 10b-11b có chép:

... Trước kia Thái tổ Hoàng đế đánh người Minh ở núi Mã Yên (thuộc Ôn Châu, Lạng Sơn)

chém được tướng Minh An viên hầu Liễu Thăng. Kịp khi nộp cống khoản, người Minh trách móc bắt đền, phải đúc người vàng để thay thế nó.

... Họ Mạc cướp ngôi, người Minh sai Cừ Loan, Mao Bá Ôn sang đánh. Mạc sợ, lấy người vàng đúc lót xin hòa.

Hồi mới trung hưng, nhà Minh vặn hỏi về việc tự tiện giết chết cống thần của Minh là Mạc Mậu Hợp, (nhà Lê) lại phải dùng người vàng để tạ.

Nhân thế, các triều thành ra lệ thường công. Ông (Nguyễn Hăng) xin bỏ đi. Bộ viện (nhà Minh) lại đem việc cũ ấy ra hỏi. Ông nói: “Quốc vương nay giữ cơ nghiệp của tổ tiên, về việc cống hiến, không thiếu thốn gì, còn chuyện thân thành nạp khoản là chuyện việc cũ thì kẻ sứ thần này không dám biết tới.

Họ lại vặn hỏi về việc Liễu Thăng. Ông nói: “Liễu Thăng là tướng nhà Minh kia. Còn nhà Thanh ta rộng có muôn nước, thế mà lại bo bo đòi của lót để báo thù cho người xưa thì lấy gì khuyên được người ta đến với mình?...” (dịch)

Thế rồi bắt đầu từ Nguyễn Hăng, lệ cống người vàng và lệ cống nước rửa ngọc trai³⁹⁰ mới dừng lại được.

Sau khi đi ngược thời gian, xét lại lịch sử, chắc các bạn đã nhận thấy việc cống người vàng là bắt đầu từ đời vua Lê Thái Tổ, qua Mạc đến Lê trung hưng. Tựu trung ở đời Lê Giụ Tông tuy nhờ tài ngoại giao của ông Nguyễn Hăng mà ta tạm thoát được cái “nợ Liễu Thăng” trong một lúc³⁹¹. Nhưng cái nợ này vẫn còn truyền tử nhược tôn mãi, nên bên ta mỗi một triều đại nào lên, cũng phải “trả nợ đây” vì yếu thế, lép vế!

Khác hẳn các triều xưa, vua Quang Trung đối với Mãn Thanh, trước đã chiến thắng về quân sự, sau lại chiến thắng về ngoại giao, không khi nào chịu cong lưng gánh cái nợ vô lý và bất công ấy.

Phải, ngài đưa thư phản kháng Phúc Khang An khi viên này lên tiếng yêu sách về việc bắt cống người vàng; ngài thẳng tay cắt cái gánh nặng ấy đã mấy mươi đời vẫn chất trên lưng dân Nam, ngài rửa được cái nhục nghìn thu cho lịch sử.

Nguyên văn bức thư ấy, xin trích lục ra dưới đây:

昔陳莫歷代以得罪於中國獻代身金人本國國長起自布衣乘時集事與黎王無有君臣之分其去留在天數向背在人心非有意於黎之國如篡奪者比且前者孫部堂提兵而來本國國長不得已而應之從無侵犯邊境以得罪於上國今承概按陳黎莫貢金人之例是本國國長明正得國反儕於偽莫之科而一念恭順出於畏天事大之誠反與陳擒烏馬兒黎殺柳昇同律本國國長於情有屈不能無望於鈞衡也夫古者諸侯朝見天子或朝于方岳或覲于京師有能來者自來不能親來遣其子弟入侍貴在奉琛執贄上下之情通至於金人替形入朝唐虞三代以及漢唐宋未常有是大人宣佈教聲亦唯以隆古治朝之良法美意令諸下國元明二代之所為事不師古何足效也伏望追繳鈞命免鑄獻金人之事云云³⁹²

... Tích Trần, lịch đại dĩ đắc tội ư Trung Quốc, hiến đại thân kim nhân. Bản quốc Quốc trưởng khởi tự bố y, thừa thì tập sự, dữ Lê vương bản vô hữu quân thần chi phận. Kỳ khứ lưu tại thiên số, hướng bội tại nhân tâm, phi hữu ý ư Lê chi quốc như soán đoạt giả tí.

Thả, tiền giả Tôn bộ đường (Tôn Sĩ Nghị) đề binh nhi lai, bản quốc Quốc trưởng bất đắc dĩ nhi ứng chi, tông vô xâm phạm biên cảnh dĩ đắc tội ư Thượng quốc.

Kim thừa khái án Trần, Lê, Mạc cống kim ngân chi lệ, thị bản quốc Quốc trưởng minh chính đắc quốc phản sài ư Ngụy Mạc chi khoa, nhi nhất niệm cung thuận xuất ư úy thiên sự đại chi thành, phản dữ Trần cầm Ô Mã Nhi, Lê sát Liễu Thăng đồng luật, bản quốc Quốc trưởng ư tình hữu khuất bất năng vô vọng ư quân hành dã.

Phù, cổ giả chư hầu triều kiến thiên tử: hoặc triều vu phương nhạc hoặc cận vu kinh sư. Hữu

năng lai giả tự lai, bất năng thân lai khiến kỳ tử đệ nhập thị, quý tại phụng thâm, chấp chí, thượng hạ chi tình thông.

Chí ư kim nhân thế hình nhập triều: Đường, Ngu, Tam đại dĩ cập Hán, Đường, Tống vị thường hữu thị!

Đại nhân (Phúc Khang An) tuyên bố giáo thanh, diệc duy dĩ long cổ trị triều chi lương pháp mỹ ý linh chư hạ quốc. Nguyên, Minh nhị đại chi sở vi, sự bất sự cổ, hà túc hiệu dã?

Phục vọng truy hiệu quân mệnh, miễn chú hiến kim nhân chi sự...[393](#)

Dịch nghĩa:

“... Xưa, các đời Trần, Mạc vì được tội với Trung Quốc, phải dâng người vàng để thế hình.

Quốc trưởng nước tôi từ trước là một người áo vải, nhân thời thế vùng lên làm việc, đối với Lê vương vốn không có cái vai lựa ai là vua, ai là tôi chi cả. Còn hay hết, là ở số trời; theo hay bỏ, là ở lòng người. Quốc trưởng nước tôi có ý lấy nước của Lê đâu mà sánh với kẻ giành cướp được?

Vả, trước đây, Tổng đốc họ Tôn (Sĩ Nghi) đem binh lính đến. Quốc trưởng nước tôi bắt đắ dĩ phải ứng phó lại, chứ không hề xâm phạm bờ cõi để được tội với Thượng quốc bao giờ!

Nay thấy ngài theo lệ Trần, Lê, Mạc cũ mà bắt cống người vàng, thế thì Quốc trưởng nước tôi được nước một cách quang minh chính đại, té ra lại phải liệt vào hàng tiếm ngục như nhà Mạc, mà chút lòng cung thuận ra từ tắc thành sợ trời, thờ nước lớn lại phải chịu chung một luật như nhà Trần bắt Ô Mã Nhi, nhà Lê giết Liễu Thăng ư?

Thế thì kể về tình, Quốc trưởng nước tôi có điều bị ức, không thể không trông ở ngài cân nhắc cho vậy.

Này, xưa kia, chư hầu triều kiến thiên tử: hoặc chực ở phương nhạc, hoặc châu ở kinh sư. Ai đi được thì tự mình đến, ai không thân đi được thì sai con em vào hầu, chỉ cốt dâng ngọc, thám, tỏ đồ tin, để cho cái tình trên dưới được thông suốt.

Đến như bắt lấy người vàng thế hình vào châu thì suốt từ Đường, Ngu, Tam đại (Hạ, Thương, Chu) đến Hán, Đường và Tống đều chưa làm thế bao giờ.

Ngài đã rao truyền tiếng tăm giáo hóa của Thượng quốc cũng nên đem phép hay, ý tốt của triều đại thịnh trị ngày xưa mà sai bảo mọi nước dưới, chứ bắt chước làm gì cái việc làm của Nguyên, Minh là việc không học theo cổ ấy?

Mong ngài soi xét, miễn cho sự đúc dâng người vàng...”

Bức thư phản kháng ấy quả có công hiệu. Vua Thanh phải nhượng bộ, rồi tỏ cái ý “bắt chẳng được, tha làm phúc” trong câu thơ này tặng giả vương[394](#) do vua Quang Trung phái sang Tàu:

勝朝往事鄙金人

Thắng triều vãng sự bỉ kim nhân!

Nghĩa: “Triều Thanh đây cho việc triều trước bắt cống người vàng là đáng khinh bỉ!”

Thế là vua Quang Trung triều Tây Sơn, một tay cái thế đại anh hùng, một đối tượng để người ta ghi nhớ trong ngày Giỗ trận, đã làm được một việc ngoại giao thắng lợi cũng như về mặt quân sự, đã hoàn toàn thắng lợi ở xuân Kỷ Dậu (1789).

ĐÒI LẬP NHA HÀNG Ở TÀU

Muốn mở mang về kinh tế, vua Quang Trung chú trọng vào việc buôn bán, hết sức khuyến trương việc mở “thị trường”.

Vua phái người sang điều đình với Mãn Thanh xin mở chợ buôn bán ở Bình Thủy quan thuộc tỉnh Cao Bằng và Du Thôn ải thuộc tỉnh Lạng Sơn, nhưng miễn đánh thương thuế.

Vua Quang Trung lại xin lập nha hàng ở phía Nam Ninh thuộc tỉnh Quảng Tây, mục đích cốt để dân Nam sang đó buôn bán làm ăn, khiến đường thương mại ngày một thuận lợi phát đạt.

Nhưng, muốn để bảo vệ tính mệnh tài sản cho Việt kiều sang Tàu doanh nghiệp, vua Quang Trung yêu cầu nhà Thanh cho ta đem quân sang đóng tại chỗ nha hàng sẽ lập ấy.

Những điều yêu sách đó đều được vua Thanh nhất nhất ưng thuận cả.

Sau cảm ơn người Thanh, vua Quang Trung có sai gửi thư cho Lưỡng Quảng Tổng đốc Phúc Khang An, chỗ nói về việc này đã được chuẩn y, nguyên văn có mấy câu như: "... Khai quan thông thị, sử bách hóa vô ứng, dĩ lợi dân dụng"³⁹⁵. Nghĩa là mở cửa ải, thông buôn bán, khiến các hàng hóa không ngừng đọng để làm lợi cho dân dùng.

YÊU SÁCH NGỰA TỐT CỦA TÀU

Mùa thu năm Canh Tuất (1790), vua Quang Trung phái giả vương sang Tàu, được vua Thanh tặng tiền rất hậu. Tự trung có thứ ngựa từ tàu ngựa vua Thanh ban ra là giống ngựa rất hay được vua Quang Trung rất vừa ý. Theo như trong tờ Khất mã biểu (biểu xin ngựa) đòi Tây Sơn đã nói, thì con ngựa được tặng từ năm Canh Tuất kia sau vì không chịu thủy thổ nên đã hỏng mất. Rồi muốn được thứ ngựa hay ấy của nhà Thanh, vua Quang Trung lại sai viết sang Tàu để "xin" nữa. Nói nhún rằng "xin", kỳ thực cũng là một lối "yêu sách khéo". Trong bài biểu có câu:

恕其冒妄干求之罪

錫以權奇馳騁之良

... Thứ kỳ mạo vọng can cầu chi tội

Tích dĩ quyền kỳ trì sinh chi lương...

Nghĩa là:

Thứ cho cái tội cầu bậy xin liều

Ban cho thứ ngựa giống hay, chạy khỏe...

ĐÒI ĐẤT BẢY CHÂU THUỘC HUNG HÓA XƯA

Từ hồi cuối Lê, 6 châu thuộc Hưng Hóa và ba động thuộc Tuyên Quang đều chìm ngập dưới bàn tay "xẻo xén" của tụi thổ tư nhà Thanh. Những đất bị sáp nhập bản đồ Lưỡng Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây) ấy không được may mắn trở về chủ cũ Đại Việt, mặc dầu ta đã đòi hỏi nhiều lần.

Nay, vua Quang Trung, không nỡ để một tấc đất phải luân vong, đáp theo tiếng gọi của thần Nghĩa vụ, mạnh bạo đưa tờ biểu nhờ viên Tổng đốc Lưỡng Quảng chuyển đạt lên vua Thanh, yêu cầu chia lại bờ cõi cho minh bạch.

Nguyên văn tờ biểu đòi đất ấy như sau đây:

請還興化七州地表

臣仰荷天恩賜履南服欽奉御詩訓以保守疆界世傳子孫之道夙夜祇懼奉以守邦今惟臣起自布衣幸有國邑尺土寸民皆大皇帝之賜豈敢以彼疆此界塵瀆至尊祇以交南分土叨忝作屏四封所抵具在寶書

臣國一帶沿邊西北接內地臨安廣南開化三府自前莫敬寬以牛羊蝴蝶普園三峒內投欽奉聖祖仁皇帝賜莫俘于前黎復還其地乃在康熙二十八年事其後土目韋福廉又以其地內屬事已經久斷以本國賭祝河為界乃在興化宣光邊地經前任雲貴督部鄂爾泰遵旨豎碑自賭祝河以西至車里國嵩陵醴泉黃巖綏阜合淝萊州謙州等七州並屬本國興化之地○迨前黎庚申本國逆臣黃公瓚之父黃公舒阻兵據守垂三十年前黎姑息不辦七州之民以地勢遼遠本國不能控制夤緣內附自此以來內地沿邊內官勒令邊民改裝插牌徵稅

臣自守命啓邦綢繆鳩集內事正殷邊情委曲未及辦理 迺茲本國鎮日報稱七州民久經內地征繕

本國行移調徵一切勒旨阻當源委情由蓋由前黎不能恪遵封守有以馴致○欽惟大皇帝陛下聖量
洪慈安勸庶邦年前北番合楞隨土爾扈特投順旋賞給遊牧之地矧此邊隅叢爾豈是列於職方是必
封疆之吏不以其事上聞邊民便其游移所在官員從而驅勒臣不敢委分土為閒 土而曲隱情由不
一聲明於光輝之下也輒敢冒昧繕表憑兩廣總督公福康安轉奏臣謹於南閩界首耑員等候並遣文
武員目咸就興化界首節次查清質當七州土界賜歸本國屬籍○臣仰藉寵靈虔修保守遙望闕庭侯
奉聖訓不勝瞻仰惶懼之至

Thỉnh hoán Hưng Hóa thất châu địa biểu

Thần ngưỡng hà thiên ân, tứ lý Nam phục. Khâm phụng ngự thi huấn dĩ bảo thủ cương giới, thể truyền tử tôn chi đạo, túc dạ chi cụ, phụng dĩ thủ bang.

Kim duy: thần khởi tự bố y, hạnh hữu quốc ấp; sách thổ, thốn dân, giai Đại Hoàng đế chi tứ khởi cảm dĩ bỉ cương thủ giới trần độc chí tôn?

Chi dĩ Giao - Nam phân thổ, thao thiểm tác bình, tứ phong sở để cụ tại bảo thư.

Thần quốc nhất đới duyên biên; tây bắc tiếp nội địa Lâm An, Quảng Nam, Khai Hóa tam phủ. Tự tiền Mặc Kính Khoan dĩ Ngưu Dương, Hồ Điệp, Phổ Viên tam động nội đầu, khâm phụng Thánh tổ Nhân hoàng đế tứ Mặc phu vu tiền Lê, phục hoàn kỳ địa. Nãi tại Khang Hi nhị thập bát niên sự.

Kỳ hậu, thổ mục Vi Phúc Liêm hựu dĩ kỳ địa nội thuộc, sự dĩ kinh cửu, đoán dĩ bản quốc Đồ Chúc hà vi giới. Nãi tại Hưng Hóa, Tuyên Quang biên địa kinh tiền nhậm Vân Quý đốc bộ Ngạc Nhĩ Thái tuân chỉ thụ bi, tự Đồ Chúc hà dĩ tây chí Xa Lý quốc Tung Lăng, Lễ Tuyền, Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì, Lai Châu, Khiêm Châu đẳng thất châu tịnh thuộc bản quốc Hưng Hóa chi địa.

Đãi tiền Lê canh thân, bản quốc nghịch thần Hoàng Công Toàn chi phụ, Hoàng Công Thư, trở binh, cứ thủ, thù tam thập niên. Tiền Lê cô tức bất biện, thất châu chi dân dĩ địa thế liêu viễn, bản quốc bất năng khống chế, di duyên nội phụ.

Tự thử dĩ lai, nội địa duyên biên, nội quan lạc linh biên dân cải trang, sáp bài, chinh thuế.

Thần tự thụ mệnh khải bang, chù mâu cựu tập, nội sự chính ân, biên tình ủy khúc vị cập biện lý.

Nãi tự bản quốc trấn mục báo xung: thất châu dân cửu kinh nội địa chinh thiên, bản quốc hành di điều trung, nhất thiết lạc chỉ trở đáng. Nguyên ủy tình do cái do Tiền Lê bất năng khác tuân phong thủ hữu dĩ tuần trí!

Khâm duy: Đại Hoàng đế Bê hạ: thánh lượng hồng từ, an khuyến thứ bang. Niên tiền, Bắc phiên Hợp lăng tùy Thổ Nhĩ Hồ Đặc đầu thuận, toàn thưởng cấp du mục chi địa. Thần thử biên ngưng loát nhĩ, khởi thị liệt ư chức phương? Thị tất phong cương chi lại bất dĩ kỳ sự thượng vãn; biên dân tiện kỳ du di, sở tại quan viên tòng nhi khu lạc!

Thần bất cảm ủy phân thổ vi nhàn thổ, nhi khúc ẩn tình do bất nhất thanh minh ư quang huy chi hạ dã.

Triếp cảm mạo muội thiện hiếu, bằng Lương Quảng Tổng đốc công Phúc Khang An chuyên tấu. Thần cần ư Nam quan giới thủ, chuyên viên đẳng hậu, tình khiến vãn võ viên mục hàm tự Hưng Hóa giới thủ, tiết thứ tra thanh chất đáng thất châu thổ giới tứ qui bản quốc thuộc tịch.

Thần ngưỡng tạ sủng linh, kiên tu bảo thủ, dao vọng khuyết đình, hậu phụng thánh huấn, bất thăng chiêm ngưỡng hoàng cụ chi chí...

Dịch:

“Thần được nhờ ơn trời, cho ở cõi Nam, vâng lời ngự thi dạy đạo gìn giữ bờ cõi, đời truyền con cháu, thần vẫn sớm tối kính sợ, theo để giữ nước.

Nay nghĩ: thần từ kẻ áo vải dấy lên, may có đất nước; Một thước đất, một người dân đều là ơn

của Đại Hoàng để ban cho cả, há dám phân biệt bờ này cõi nọ làm nhàm đến bậc chí tôn? Chỉ vì phần đất cõi Nam lạm đứng làm phen giậu, bốn bề giáp ranh những đâu, đã có sách báu chép rõ.

Một dải biên thù nước thần, mặt tây bắc giáp ba phủ Lâm An, Quảng Nam, Khai Hóa bên thượng quốc. Trước kia, từ Mạc Kính Khoan đem ba động Ngưu Dương, Hồ Điệp và Phổ Viên phụ vào Thượng quốc, đã kính được đức Thánh tổ Nhân hoàng đế ban tên tù họ Mạc cho nhà Lê và trả lại đất ấy rồi. Đó là việc năm Khang Hi thứ 21 (1689). Về sau, thổ mục là Vi Phúc Liêm lại đem đất ấy mà phụ vào Thượng quốc. Việc xảy đã lâu, rồi cứ lấy sông Đổ Chúc bên nước thần làm giới hạn. Ở chỗ đất Hưng Hóa và Tuyên Quang trước kia đã do viên Tổng đốc Vân Quý Nhạc Nhĩ Thái vâng chỉ dụ, đứng dựng mốc: từ sông Đổ Chúc trở về phía tây cho đến bảy châu Tung Lăng, Lễ Toàn, Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì, Lai Châu, Khiêm Châu nước Xa Lý (?) đều thuộc về đất Hưng Hóa của nước thần.

Đến năm Canh Thân. Nhà Lê trước, Hoàng Công Thư, cha của tên nghịch thần Hoàng Công Toàn dấy binh, giữ đất đến 30 năm! Nhà Lê nhù nhờ không trang trải xong. Dân bảy châu ấy, vì thấy địa thế xa xôi, nước thần không khống chế được, bèn dần dà phụ vào thượng quốc.

Từ đó trở đi, các quan chức nơi biên giới của thượng quốc bắt ép nhân dân vùng biên viễn đổi lối ăn mặc, đeo thẻ, chịu sưu thuế. Thần từ ngày chịu mệnh mở nước đến nay, ràng rít tổ ở, còn bận về việc hộ nội trị, nên tình hình ngoài biên giới hã còn nấn ná chưa kịp khuôn xếp.

Hiện nay, viên trấn mục của bản quốc báo cáo rằng: thổ dân bảy châu ấy từng chịu thương quốc đánh thuế và cai quản đã lâu, nên bản quốc hể ra lệnh đánh thuế hoặc điều bát binh lính thì nhất nhất lại bị chống mệnh, ngăn trở. Cơn có đầu đuôi chỉ vì nhà Lê trước không biết kính giữ lấy đất, lâu dần thành quen, nên mới đến thế.

Kính nghị: Đại Hoàng đế Bệ hạ, lượng thánh hiền từ rộng rãi, vỗ yên khuyên bảo mọi bang. Năm ngoái tên Hợp Lăng rợ Bắc phiên theo Thổ Nhĩ Hồ Đặc đầu hàng cung thuận, liền được thưởng cấp cho đất du mục; hưởng chi đối với chỗ biên ngưng nhỏ xít ấy há lại liệt vào chức phương? Đó chắc là bởi kẻ quan lại ở biên cương không chịu trình việc này lên nhà vua, dân vùng ấy lấy sự được nấn ná qua quít làm tiện việc và quan viên sở tại lại đứng bên trong xui giục bắt ép.

Thần không dám bỏ một phần đất làm đất hoang, nên không thể không đem tình do và khúc nôi mà giải bày ở dưới ánh sáng.

Vậy xin đánh liều, mạo muội làm biểu, nhờ quan Tổng đốc Lương Quảng Phúc Khang An chuyển tâu lên cho.

Thần kính sai các viên chức chuyên trách chờ đợi ở cửa Nam quan, lại sai văn võ viên mục đến tới tận cõi Hưng Hóa lần lượt tra xét cho rõ ràng ổn thỏa để đất bảy châu ấy lại được ban về thuộc trong bản đồ bản quốc.

Thần ngược nhờ oai linh ân sủng của Bệ hạ, kính xin gìn giữ lấy đất đai. Xa trông cửa khuyết, vâng theo lời dạy của đấng thánh khôn xiết sợ hãi ngóng trông...”

Sau thấy các nhà dương đạo bên Thanh làm lơ, không chịu trang trải việc đất đai ấy vì lấy có rằng bấy lâu bờ cõi đã định, không thể thay đổi được nữa, vua Quang Trung bao xiết bất bình quyết chí làm đến kỳ cùng cho đạt được mục đích.

Ngài thường nói cùng các tướng tá: “Cứ thả cho ta vài năm nữa, ta nuôi vững oai lực, gây đủ nhuệ khí, ta có sợ gì chúng nó (chỉ Mãn Thanh) đâu!”³⁹⁶

Từ đó ngài rất chú trọng việc binh bị, rèn quân lính, đóng chiến thuyền, định làm một cuộc phi thường chưa từng có trên trang lịch sử Đại Việt: khôi phục đất hai tỉnh Quảng.

Phải, cái chí muốn xẻ mảnh địa đồ Mãn Thanh đó, của vua Quang Trung đã tỏ rõ trong câu chuyện giữa ngài và một vị cận thần:

Vua Quang Trung hỏi:

“Này, muốn biết việc làm của các đế vương nước ta thì coi ở sách nào?”

Vị cận thần tâu:

“Ở Nam sử.”

Nhà vua lại hỏi:

“Trước ta đây có ai dám đánh quân Tàu không?”

Vị cận thần tâu:

“Có, nào đức Trần Hưng Đạo đánh giặc Nguyên, nào vua Lê Thái Tổ đánh giặc Minh, chuyện xưa hãy còn nhiều lắm.”

Vua Quang Trung thêm:

“Song le, có ai dám sang tận Tàu mà đánh rồi chiếm lấy đất?”

Vị bày tâu ấy tâu:

“Chưa!” (Sở dĩ không kể trận Lý Thường Kiệt đánh Khâm, Ung, Liêm có lẽ vì Lý đánh được rồi, nhưng lại bỏ, không chiếm lấy đất chăng?)

Thấy nói “chưa” vua Quang Trung liền hăng hái phán:

“Vậy thì để ta sẽ làm cho mà coi.”

Cái động cơ sửa soạn làm nhưng thủ sang đánh Thanh chính đã ngầm ngầm từ đây.

Về việc vua Quang Trung không biết Nam sử này, chúng ta nay có thể tin được không? Không! Vì chính *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, quyển 30 tờ 1b có chép ngài khi còn nhỏ, có học nơi Giáo Hiến, một thầy dạy cả văn võ. Vả, theo như bức thư “Trần biện hôn nghị” do Ngô Thì Nhậm thảo cho thị thần nhà vua đứng tên gửi cho viên tri phủ họ Vương ở phủ Thái Bình bên Tàu thì vua Quang Trung là người “tính trời ham học, dầu ở trong vòng can qua bận rộn cũng không quên giảng đạo lý: ngày thường nghị luận có khi khơi mở rành mạch ra được lắm điều mà sách vở ngày xưa chưa từng phát xiển được”³⁹⁷.

Như vậy, chắc ngài không đến nỗi không biết việc Trần Hưng Đạo và Lê Thái Tổ. Nhưng nhân câu chuyện vấn đáp trên đây, ta càng tin chắc vua Quang Trung quyết tâm vấn tội Mãn Thanh, đòi đất Lưỡng Quảng, để nhảy lên một nấc cao hơn đức Trần, vua Lê thuở trước.

Căm giận người Tàu, vua Quang Trung định tâm quyết một phen chiến đấu với họ để rửa cái hận nghìn thu cho lịch sử: mất đất về Bắc!

Trước kia quyết liệt ra mặt, nhà vua còn làm mọi việc khiêu khích, lấy gậy ông đập lưng ông!

Trong *Vạn quốc sử ký* quyển IV trang 8, tác giả Cương bản Giám phu có chép:

... Khi Nguyễn Quang Bình (một tên khác của vua Quang Trung) đã lấy binh lực đoạt được nước rồi tiêu nhiều, của hết, bèn sai hơn trăm chiếc tàu ô và mười hai viên tổng binh mượn tiếng đi làm lương thực cho quân gia nhưng thực ra dùng nhiều bọn giặc biển Tàu làm kẻ đưa đường, cướp bóc những miền Mân³⁹⁸, Việt³⁹⁹, Giang⁴⁰⁰, Chiết⁴⁰¹. Mãn Thanh náo động! Các tỉnh tâu trình rằng bắt được giặc biển thấy có những con ấn binh tướng và tổng binh do nước An Nam phong cho. Nhà Thanh có tư việc đó sang hỏi bên An Nam: nhưng nào có hay chính họ Nguyễn (chỉ vua Quang Trung) có dính dáng và biết thừa việc đó! (dịch)

Sự thực?

Nhân dịp bấy giờ có bọn giặc ở Lưỡng Quảng, bị triều Thanh áp bức xưa đuổi, túng thế, họ phải về hàng bên ta, vua Quang Trung liền thu dụng lấy tên đầu đảng, phong cho làm chức tổng binh, dùng chúng khuấy rối nội địa Tàu khiến cho người Thanh không thể ăn ngon, ngủ yên được.

Vua Quang Trung lại lợi dụng đảng “Thiên địa hội” khiêu khích Mãn Thanh.

Nguyên, sau khi Mãn Thanh vào làm chủ nhân ông 400 triệu người Hán, các di dân, chí sĩ nhà Minh không chịu khuất phục dưới quyền thống trị của họ hàng Thanh Thánh Tổ (1662-1772), liền hăng hái đứng dậy, ngầm tổ chức một cơ quan bí mật, kêu tên là “Thiên địa hội”, nhằm theo cái đích lật đổ chính phủ Mãn Thanh, khôi phục nhà Minh cũ.

Hồi đó, họ đang hoạt động ở Tứ Xuyên. Vua Quang Trung muốn dùng họ làm lợi khí để quét lại Thanh, liền dung túng và ám trợ đảng “Thiên địa hội” để họ làm rối ren ở biên thùy Tàu.

Kế hoạch đó quả có công hiệu: đường giao thông thuộc hải phận Tàu bị nghẽn! Biên giới Mãn Thanh thường có cảnh báo (báo động) không yên!

Biên thần Mãn Thanh tuy biết rõ những sự biến đó toàn do vua Nam đứng sau giật giây sai khiến, song vì sợ oai võ và thế lực nước ta bấy giờ đương bùng bột, hùng cường, nên người Thanh đành phải bấm bụng, chịu dầu, ngậm cay đắng, không dám ho he chắt vấn hay phản đối chi hết!

MƯỢN CỜ CẦU HÔN ĐỂ CHỤC ĐÁNH LẤY LƯƠNG QUẢNG

Nhâm Tý, niên hiệu Quang Trung thứ 5 (1792) nhà vua sắp đặt kế hoạch Bắc phạt.

Muốn dò ý vua Thanh và do thám nội lực Trung Quốc bấy giờ hư thực ra sao, vua Quang Trung bèn tính đến việc cầu hôn với Công chúa Tàu.

Ban đầu, nhà vua sai thị thần gửi cho viên Thái bình tri phủ họ Vương bên Tàu nhờ đạo đạt lên Công trung đường đứng làm mối cho.

Trong thư có nói: “... quốc vương tôi là chủ tể một nước, không thể thiếu tay giúp đỡ việc nội trị. Nghĩ muốn gỡ cửa ải, dâng tờ biểu, kíp vì quốc vương mà cầu hôn, lại e việc là việc trọng đại, nếu chưa có tay trong dung nạp trước thì đâu dám tự bày tỏ để mang tiếng rằng chưa có rùi đã chực dẫn cây.[402](#)

Sau, nhà vua lại sai thị thần gửi cho Vương tri phủ để tranh biện về việc cầu hôn ấy là chính đáng, trong có những câu mềm mỏng nhưng lý sự như:

... Quốc vương tôi nổi lên từ nơi đồng bãi, mở đất ở phía nam để có nhân dân xã tắc, đã được Đại Hoàng đế (vua Thanh) dựng làm phiên binh ở ngoài, nếu lại được liên kết phủ phế thì các vương Mãn Châu Mông Cổ có thể lấy tư cách là con rể mà giúp đỡ ở mặt đông bắc, quốc vương tôi há lại không thể lấy địa vị Châu Trần mà trở sức ở phía tây nam hay sao?[403](#)

Trải qua mấy lần nhờ biên thần Tàu đánh tiếng rồi, sau vua Quang Trung sai gửi biểu thẳng lên Càn Long để yêu cầu việc đó.

Nguyên văn tờ biểu cầu hôn ấy như dưới:

請婚表

臣本一介布衣仰荷皇恩叨司南服既自展 觀闕庭特令抱見請安賞賚更蕃稠蒙異渥凡交南從古所不常得之事一一以施諸臣

迨臣欽旨回國仰奉聖恩垂眷恩旨頻頒浩蕩皇恩莫可名狀不料臣荒遠猥賤承恩至此尊親在念圖報無由惟願得時叩天闈邇瞻日表而地遙勢隔力不從心一過南關便成疏遠臣夢寐鈞韶眠想雲漢恆恐自同碌碌泛然於聲教之外辜負聖慈並生並育之恩

竊惟聖人顯比諸侯聯疎為親事存古道臣國之始涇陽受命于炎帝嫗姬禋降於貉龍實祖文郎啟封交趾百男承襲世守南藩幸承蔭於中華獲登名於文獻世代雖遠記載猶徵宋朝興國以來羈縻臣邦擯為化外不在明堂之列僅同彭濮之聯

我皇清受天眷命奄有萬方子照至以皆胞庭寰瀛而罔外欽惟大皇帝陛下德同天地道高軒虞懷諸侯柔遠人不以近代故常為限

臣叨蒙聖視之如子齒從親王之序雖分在荒情同生鞠念惟萬物不隱情於天地家庭之心事敢不

暴白於至尊之前頃臣家遭降鞠中饋乏人締造初基方舟寡助思托蔭于玉樹擬保固夫苞桑仰見聖朝長白發祥茂膺帝祉子孫千億奕葉蕃昌向來天家法式王姬下貺必由貴近擇諧從無泛及外臣之例分嚴中外極覺無階惟是一念戴親翹企之私轉輾不能自己

竊望天潢玉波及下藩庶臣仰荷慈恩獲親麟趾閔睢之化元吉施祉肅雍式型宜其家人以教國人習中夏之餘風脫海濱之舊染俾臣國內臣庶同相望於德化之中臣家世雲仍永保藩封承休無斃此臣之大願望也祇茲分外求霑事非常格謀諸執事無敢轉為題達君門萬里瞻望懸懸輒敢不自揣量冒昧披誠謹委陪臣恭候奏事之暇為臣代叩遡叙一段衷素伏望高聰俯垂睿鑑軫臣區區戀慕之誠恕臣蠻貊妄求之失臣遠在海南翹瞻宸北廛祝聖天子壽考萬年永作萬邦父母臣不勝戰慄之至。

Thỉnh hôn biểu

Thần bản nhất giới bố y, ngưỡng hà hoàng ân thao tư Nam phục. Kỷ tự triển cận khuyết đình, đặc lĩnh bảo kiến thỉnh an, thưởng lai cánh phồn, trừ mộng dị ác. Phạm Giao Nam tông cổ sở bất thường đặc chi sự nhất nhất dĩ thi chư thần.

Đại thần khâm chỉ hồi quốc, ngưỡng phụng thánh ân thù quyển, ân chỉ tần ban, hao dăng hoàng ân mặc khả danh trạng! Bất liệu thần hoang viễn ỏi tiện, thừa ân chí thử! Tôn thân tại niệm, đồ báo vô do!

Duy nguyện đặc thời khẩu thiên hôn, nhĩ chiêm nhật biểu; nhi địa dao, thế cách, lực bất tông tâm, nhất quá Nam quan, tiện thành sơ viễn!

Thần mộng mị Quân thiều, miến tướng Vân Hán, hằng khủng tự đồng lục lục, phiếm nhiên ư thanh giáo chi ngoại, cô phụ thánh từ tịnh sinh, tịnh dục chi ân!

Thiết duy: thánh nhân hiển tử chư hầu, liên sơ vi thân, sự tồn cổ đạo.

Thần quốc chi thủy: Kinh Dương thụ mệnh vu Viêm đế, Âu Cơ ly giáng ư Lạc Long. Thực tổ Văn Lang, khái phong Giao Chỉ, bách nam thừa tập, thế thử Nam phiên, hạnh thừa ấm ư Trung Hoa, hoạch dăng danh ư văn hiến, thế đại tuy viễn, ký tái do trung.

Tổng triều hưng quốc dĩ lai, cơ mi thần bang, thần vi hóa ngoại, bất tại Minh Đường chi liệt, cần đồng Bành Bộc chi liên.

Ngã Hoàng Thanh thụ thiên quyển mệnh, yểm hữu vạn phương, tử chiếu chi dĩ giai bào, đình hoàn danh nhi vãng ngoại.

Khâm duy: Đại Hoàng đế Bệ hạ, tức đồng thiên địa, đạo cao Hiên, Ngu, hoài chư hầu, nhu viễn nhân, bất dĩ cận đại cổ thường vi hạn.

Thần thao mong thánh thị chi như tử, sỉ tông thân vương chi tự, tuy phận tại thương hoang, nhi tình đồng sinh súc.

Niệm duy vạn vật bất ẩn tình ư thiên địa, gia đình chi tâm sự cảm bất bộc bạch ư chí tôn chi tiền: Khoảnh thần gia tao giáng súc, trung quỹ pháp nhân, đế tạo sơ cơ, phương chu quả trợ, tư thác ấm vu ngọc thụ, nghĩ bảo cố phù bao tang.

Ngưỡng kiến Thánh triều: Trường bạch phát tường, mậu ung đế chỉ, tử tôn thiên ức, dịch diệp phồn xương. Hướng lại thiên gia pháp thức: vương cơ hạ chúc tất do quý cận trạch hài, tông vô phiếm cập ngoại thần chi lệ. Phận nghiêm trung ngoại, cực giác vô giai! Duy thị nhất niệm đới thân, kiều sỉ chi tự, chuyển triển bất năng tự dĩ!

Thiết vọng thiên hoàng ngọc phái ba cập hạ phiên thứ thần ngưỡng hạ từ ân, hoạch thân lân chi. Quan thư chi hóa, nguyên cát thi chỉ, tức ung thức hình, nghi kỳ gia nhân, dĩ giáo quốc nhân: tập Trung hạ chi dư phong, thoát hải tần chỉ cư nhiễm, tí thần quốc nội thần thứ đồng tương vọng ư đức hóa chi trung.

Thần gia thế vân nhưng, vĩnh bảo phiên phong, thừa hưu vô dịch. Thử thần chi đại nguyện vọng dã.

Chỉ tư phân ngoại cầu chiêm, sự phi thường cách, mưu chư chấp sự, vô cảm chuyển vị đề đạt!

Quân môn vạn lý, chiêm vọng huyền huyền! Chiếp cảm bất tự sủy lượng, mạo muội phi thành, cần ủy bồi thần cung hậu tấn, sự chi hạ, vị thần đại khẩu, tố tự nhất đoạn trung tố.

Phục vọng cao thông phủ thù duệ giám, chấn thần khu khu luyến mộ chi thành, thứ thần man mạch vọng cầu chi thất.

Thần viễn tại Hải Nam, kiêu chiêm thần bắc, cận chúc thánh thiên tử thọ khảo vạn niên, vĩnh tác vạn bang phụ mẫu. Thần bất thăng chiến lật chi chí...

Dịch:

Thần vốn là một kẻ áo vải, được nhờ ơn cả, lạm giữ cõi Nam. Từ khi vào triều cận nơi cung khuyết, đã được đặc cách làm lễ bảo kiến vẫn an, lại được ban thưởng trọng hậu, ơn lạ dồi dào. Phàm những sự mà cõi Giao Nam từ xưa chưa ai từng được đều nhất nhất ban cho thần cả.

Kịp khi thần khâm mạng về nước, lại được đủ ơn đoái thương, luôn ban thánh chỉ. Cái ơn lồng lộng ấy của nhà vua thật không sao kể ra, tả ra cho xiết! Thần là kẻ hèn mọn nơi hẻo lánh, chẳng ngờ lại được hưởng ơn đến thế! Tấc lòng canh cánh mong báo đáp bậc tôn thân, song vẫn chưa bởi đâu mà đền bồi được!

Chỉ mong được thường gõ cửa giới, gần nhìn bóng nhật, nhưng đất ở xa, thế cách trở, sức làm không được như ý muốn: hễ qua khỏi cửa Nam quan thì lại thành xa và sơ ngay!

Thần vẫn mơ tưởng nhạc Quân Thiều, ngóng trông Vân Hán, hằng e mình rồi cũng đến như hạng tầm thường, phải liệt trần ở ngoài vòng thanh giáo, làm cô phụ cái ơn sinh nuôi tất cả của thánh từ!

Trộm nghĩ: Thánh nhân quý hiển hơn chư hầu, liên lạc chỗ sơ cho thành thân mật, làm theo việc cũ lối xưa.

Nước thần, ban đầu, vua Kinh Dương chịu mệnh nơi Viêm đế, bà Âu Cơ kết duyên với vua Lạc Long: tổ nước Văn Lang, mở cõi Giao Chỉ, trăm trai nối dõi, đời giữ phen giậu phía nam, may nhờ phúc ở Trung Hoa, được nổi danh là nước văn hiến. Thế đại dẫu xa, sử sách còn đủ khảo xét.

Từ khi nhà Tống dấy lên, ràng buộc nước thần, ruồng ra ngoài vòng đức hóa, không liệt vào hàng Minh Đường, chỉ để cũng như hạng Bành Bộc!

Nhà Thanh ta được trời quyền cố, rộng có muôn phương, chỗ nào có bóng mặt trời soi đến đều coi nhân dân là chung một bọc mà ra, lấy hoàn doanh làm gia đình mà không gấy ai ra ngoài cả.

Kính nghĩ: Đại hoàng đế Bê hạ đức ngang với trời, đất, đạo cao hơn vua Hiền Viên, vua Ngụ Thuấn, võ về cho chư hầu mến phục, dịu dàng cho người xa hướng về, không choèn choèn theo cái lối thường của các triều đại gần đây.

Thần lạm được thánh thượng coi như con ruột, liệt vào hàng các thân vương. Phận này dẫu ở tận nơi xa khuất, nhưng tình ấy vẫn được kể như đẻ nuôi.

Thiết nghĩ: muôn vật không giấu tình riêng với trời đất, thì câu chuyện tâm sự về gia đình dám chẳng giải tỏ ở trước bậc chí tôn? Mới đây, nhà thần gặp vận rủi ro, thiếu người chủ quỹ trông nom việc dâng cơm canh thờ cúng! Trên nền gậy dựng phong hóa đang thiếu người đỡ đần. Vạy muốn núp bóng dưới cây ngọc, hòng bám vững vào gốc dân.

Ngước thấy thánh triều phát từ Trường Bạch⁴⁰⁴, đầy dãy phúc lành, con cháu nghìn ức, nổi đời phồn thịnh. Bấy nay lẽ lối nhà vua, vẫn chọn những chỗ quý hiển gần gũi để gả các Công chúa, chứ không có lệ gả tràn đến các chư thần ở ngoại phiên. Cái phận đã nghiêm nhật chia ra trong ngoài như thế thì thật rất khó bám víu! Chỉ vì một niềm tôn mến, lòng riêng ngóng trông, nên cứ trần trọc không sao thôi được.

Trộm mong cành ngọc nhà trời lan tràn đến cả kẻ ngoại phiên ở dưới, ngõ hầu thần được ngửa đội ơn lành, gần gũi gót lân, đem cái phong hóa *Quan thư* ban ra những phúc nguyên cát.

Những điều kính ghín hòa thuận từ nơi người nhà sẽ nêu làm khuôn mẫu cho người trong nước để họ tập quen cái dư phong của chốn trung hạ, trút bỏ cái thói cũ của nơi bờ bể khiến thần dân trong nước của thần được thỏa sự trông mong ở trong vòng đức hóa.

Nhà thần đòi đòi được phúc lành như mây hợp, giữ mãi phiên phong, hưởng sự tốt lành không cùng. Đó là điều mong mỏi lớn của thần vậy.

Chỉ vì nay cầu ơn ngoài phận, việc xảy khác thường, nên bàn với những kẻ chấp sự, không ai dám vì thần mà chuyển đạt chút tâm sự này lên! Cửa vua muôn dặm, trông ngóng đăm đăm. Nay bèn đánh bạo không tự suy xét mạo muội bày tỏ tấc thành, kính sai kẻ bồi thần sang châu hầu để sau lúc tấu bày rảnh rang, sẽ vì thần mà kêu thay kể lễ khức nhôi cơn cơ.

Nép mong bậc cao sáng rủ thương, xét cho thần lòng thành quyến luyến triu mến, tha cho thần cái lỗi rợ mọi cầu liều.

Thần xa ở biển Nam, ngóng trông sao Bắc xin chúc Thánh Thiên tử thọ khảo muôn năm, mãi làm cha mẹ muôn nước Thần bao xiết quá đối run sợ...”

Như các bạn đã thấy, trên đây vua Quang Trung đã đưa tờ biểu sang nhà Thanh cầu hôn Công chúa Tầu.

Nhưng sự thực việc ấy ra sao, mỗi thuyết một khác.

Theo nhiều sách chép thì năm Nhâm Tý (1792), vua Quang Trung có sai sứ bộ sang Thanh định yêu sách nhà Thanh hai việc: cầu hôn và đòi đất Lưỡng Quảng. Nhưng khi sứ bộ sang đến nơi thì được tin vua Quang Trung ở nước thẳng hà, họ bèn dìm tờ biểu “khiêu khích” ấy đi mà đổi làm tờ biểu cáo ai báo tin buồn cho triều Thanh biết.

Mà *Đại Nam chính biên liệt truyện*, sơ tập, quyển 30, tờ 41b cũng chép:

Năm Nhâm Tý (1792). Huệ sai làm biểu sang nhà Thanh, cầu hôn để dò ý vua Thanh, cũng muốn mượn chuyện ấy làm mối khởi binh; nhưng rồi bị bệnh, nên không làm trọn được.

Đó là thuyết thứ nhất. Còn thuyết thứ 2 như có chép trong gia phả họ Vũ⁴⁰⁵ do Vũ Vĩnh Thứ, cháu ba đời của Vũ Văn Dũng, soạn năm Bính Ngọ, niên hiệu Tự Đức thứ 22 (1870), thì đại khái như thế này: Nguyên từ ngày rằm tháng tư năm Quang Trung thứ 4 (1791) nhà vua có phái trung sứ đi từ Phượng Hoàng Trung Đô (Nghệ An) đem sắc mệnh này cho Đại đô đốc Vũ quốc công Vũ Văn Dũng trong khi đang nghỉ giả hạn ở nhà:

勅

海陽招遠大都督大獎軍翊運功臣武國公進加領北使正使兼全應奏請東西兩廣以窺其心公主一位以激其怒慎之慎之其用兵形勢盡在此行他日前鋒卿其人也欽哉勅命

光中四年四月十五日

Dịch âm:

Sắc Hải dương Chiêu viễn Đại đô đốc Đại tướng quân dực vận công thần Vũ Quốc công tiến gia lĩnh Bắc sứ chính sự kiêm toàn ứng tấu thỉnh Đông Tây Lưỡng Quảng dĩ khuy kỳ tâm, Công chúa nhất vị dĩ kích kỳ nộ. Thận chi! Thận chi! Kỳ dụng binh hình thế tận tại thử hành Tha nhật tiên phong: Khanh kỳ nhân dã Khâm tai! Sắc mệnh!

Quang Trung tứ niên tứ nguyệt thập ngũ nhật.

Dịch nghĩa:

“Sắc sai Hải Dương Chiêu Viễn Đại đô đốc Đại tướng quân dực vận công thần Vũ Quốc công được tiến phong làm chức Chính sứ đi sứ Tầu kiêm toàn quyền trong việc tâu thưa xin lại hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây để dò ý, cầu hôn một vị Công chúa để chọc giận. Cẩn thận đấy! Cẩn thận đấy! Tình thế dụng binh ở như chuyển đi này cả. Ngày khác làm tiên phong chính là khanh đấy! Kính thay lời sắc sai này!

Ngày rằm tháng tư, năm Quang Trung thứ 4 (1791).”

Cứ như ý trong lời sắc mệnh trên đây thì ra vua Quang Trung chỉ mượn hai việc đòi đất và cầu hôn ấy làm có để dò ý và chọc giận vua Thanh. Vì nếu vua Thanh nổi giận mà cự tuyệt thì cuộc giao thiệp giữa hai nước Việt Thanh sẽ nổi lên những trận giông tố quyết liệt, Bắc Nam sẽ nói chuyện với nhau bằng gươm lớn, súng dài: bấy giờ cuộc chiến tranh sẽ ngã ra một trong hai thế: một là vua Quang Trung tự làm binh thủ, cho Vũ quốc công Vũ Văn Dũng làm tiên phong, đường đường trống giông cờ mở, kéo binh sang tận đất Tàu mà vẫn tội vua Thanh; hai là lừa cho vua Thanh nhân lúc quá giận, không kịp suy nghĩ sâu xa, hấp tấp sai tướng xuất quân sang Nam để mua lấy cuộc thất bại đau đớn nhục nhã như trận Đống Đa ngày trước. Bấy giờ bên ta lại đứng vào thế nghênh địch, ứng chiến. Mà chuyển đi đòi đất và cầu hôn này, Vũ Văn Dũng phải đóng một vai chính trị tối quan trọng: vừa làm Chính sứ trong cuộc ngoại giao, vừa làm trinh thám chuyên môn về quân sự. Vì có phải chỉ chuyên một việc uấn ba tác lược để giao thiệp với triều đình Mãn Thanh thôi đâu, Dũng lại còn phải dò xét núi sông hiểm dễ thế nào, đường sá gần xa thế nào, thủy lục tiện nghi thế nào và binh lực nhà Thanh thực, hư, mạnh yếu thế nào, nhất nhất phải nhận xét cho tinh tường, ghi nhớ cho rành mạch, rồi đem những tài liệu quân sự ấy để dâng vua Quang Trung để ngài tính kế, bày mưu liệu cơ chế thắng.

Nhưng kết cục việc Dũng đi ấy ra sao?

Cứ theo như gia phả họ Vũ mà ông Hòe đã thuật ấy, thì khi vào bệ kiến vua Thanh Càn Long, Vũ Văn Dũng có tâu xin hai việc:

Việc thứ nhất là cầu hôn, vì phối sất là việc quan trọng, quốc vương hiện nay đã to tuổi, mà hôn nhân chưa định xong bởi chưng trong nước thì toàn là hạng thần tử, các phiên phong láng giềng thì lại không được quốc vương ưa thích, nên muốn vua Thanh xét tình cho.

Việc thứ hai là xin đất đóng đô, vì lấy có rằng quốc vương ở một nước hẻo lánh, thủy bộ không tiện, mà vượng khí trong nội địa thì hết mất rồi!

Hai việc ấy tâu lên, vua Thanh châu phê giao cho đình nghị.

Nhưng trong khi đình thần nhà Thanh chưa kịp bàn xét thì liền hôm sau, bọn Vũ Văn Dũng nhận được bệ kiến ở Ý Lương các, lại dâng tấu chương thứ hai xin vua Thanh ban cho hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây làm đất đóng đô và ly giáng một vị Công chúa để gây cho nước biên thùy cái phong hóa của Trung Quốc.

Thì may sao hai việc ấy đều được vua Thanh chuẩn y cả. Nhưng vua Thanh chỉ ưng cho một tỉnh Quảng Tây để làm đất đóng đô thôi.

Việc đòi đất mới đến đây. Còn việc ly giáng Công chúa thì đã đi được bước dài hơn:

Sau ngày tiếp Nam sứ ở Ý lương các, vua Thanh liền sai bộ Lễ soạn nghi lễ việc cưới gả, định ngày cho Công chúa sang Nam đẹp duyên với quốc vương.

Nhưng chẳng may, sau đó mấy hôm, Vũ Văn Dũng nhận ngay được tin chẳng lành: Vua Quang Trung băng! Vì vậy, mọi việc đều lờ lảng lờ dờ, bọn Dũng đành ôm mối hận mà trở về.

Rồi từ đó, việc thôn tính Lương Quảng chỉ là câu chuyện mỹ đàm trên trang lịch sử Đại Việt, mà cơ đồ vua Quang Trung cũng dần dần tan theo giấc xuân mộng của nàng Công chúa Tàu!

MA BÍNH CƯỚP ANH HÙNG

Dưới triều Quang Trung, võ công, văn trị, nội tu, ngoại nhượng, mọi mặt đều có vẻ khả quan cả. Một vị Hoàng đế anh hùng mới 40 tuổi, cái tuổi đương hăng hái, đầy hứa hẹn, phải gánh vác một công cuộc phi thường, bỗng bị thần Chết đến nạt rồi cướp đi há chẳng phải là một cái hận nghìn thu còn ngậm?

Một buổi chiều thu, gió heo may vi vút nhả khí tiêu sơ trong lùm thông núi Ngự, hơi lạnh lay gợn làn sóng yếu đuối trên mặt sông Hương... Vua Quang Trung đang ngồi, bỗng hoa mắt, sầm tối mặt mũi, dâm mê man.

Chúng bịnh ấy, sử chữ nho chép là “huyễn vận” (眩暈). Mà “huyễn vận” là một thứ bịnh do thiếu máu, bộ tiểu não bị tổn thương và thần kinh suy yếu mà sinh ra. Khi phát thì, trong một lúc, mắt hoa, tri giác mờ tối không biết gì cả.

Rồi từ đó bịnh ngày một tăng thêm, khó có hy vọng qua khỏi!

Khi bịnh xoay nặng, ngài triệu Trần Quang Diệu, trấn thủ Nghệ An, về triều, bàn việc thiên đô về Nghệ An, nhưng việc đó chưa quyết định xong thì bịnh tình nhà vua ngày một nguy kịch.

Ngài có trời trăng cùng bọn Diệu: “Sau khi ta mất, việc tang chế chỉ nên sơ sài thôi, nội trong một tháng phải liệu mà chôn cất. Các người phải nên hiệp sức giúp Thái tử (Quang Toản), sớm thiên đô về Nghệ An để không chế thiên hạ...” [406](#)

Qua ngày hai mươi chín, tháng chín, năm Nhâm Tý [407](#) niên hiệu Quang Trung thứ 5 (1792), Thái Tổ Võ hoàng đế thăng hà bỏ dở công cuộc định đánh Mãn Thanh, khôi phục lấy Lưỡng Quảng!

LỜI KẾT

Trước khi hạ lời kết thiên lịch sử ký sự này, tôi hăng xin dịch một bài bằng chữ Hán của một nhà báo ngoại quốc viết về “Nguyễn Huệ”, trước để thay lời tóm tắt ôn lại suốt cả hai tập sách của tôi đã ghi chép về lịch sử, sự nghiệp vua Quang Trung (1788-1792), sau để giới thiệu với các bạn đọc thân mến: “người lịch sử” ấy của chúng ta đối với con mắt người ngoài ra thế nào. (Chỗ nào tôi có phụ chú hoặc có tỏ ý dị đồng với nguyên tác thì chưa ở dưới. Còn lời chú của bài báo ấy thì tôi nói là “lời chua của nguyên tác” cho khỏi lẫn).

Nguyễn Huệ

Hồi thế kỷ XVIII, Việt Nam nảy một vị anh chúa, cru hùng, cương nghị, chiến công rực rỡ, oai danh ngang với Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh và Lê Lợi cùng được người đời xưng tụng: Ấy là vua Quang Trung [408](#) Nguyễn Huệ, triều Tây Sơn.

Nguyễn Huệ, người làng Tây Sơn, thuộc Quy Nhơn, năm 1774 cùng anh em [409](#) là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ dấy binh, một keo mà đánh đổ được họ Cựu Nguyễn (Sử chép hậu duệ Nguyễn Hoàng là Cựu Nguyễn, họ Nguyễn Huệ là Tân Nguyễn) [410](#).

Năm 1786, Nguyễn Huệ vào thành Thăng Long, nhất thống được cả bờ cõi ba kỳ.

Năm 1789 [411](#), vua Càn Long sai Tôn Sĩ Nghị đem hơn hai mươi vạn quân Lưỡng Quảng và Vân Quý ang Nam; thế mạnh như sóng xô lướt!

Huệ chỉ có mười vạn quân, nhưng hăng hái xông ra, đánh nước lạ, nắm phần thắng [412](#), chia quân làm ba đạo, nhân đêm trừ tịch [413](#) đổ ra đánh úp, huyết chiến hàng sáu ngày đêm: quân Tôn Sĩ Nghị bị thua một cách thảm hại, chết và bị thương đến quá nửa.

Trận ấy, Nguyễn Huệ cưỡi voi lớn, thân ra tận tiền tuyến [414](#) đốc chiến, không nghỉ một chút nào. Chiếc Hồng bào Huệ mặc bị khói thuốc súng hun ám thành ra sặc đen.

Nguyễn Huệ, suốt đời khéo biết dùng binh, liệu việc như thần. Bộ hạ văn võ như Trần Văn Kỷ, Ngô Thì Nhậm, Vũ Nhậm, Nguyễn [415](#) Văn Sở và Trần Quang Diệu... đều là những tay khai quốc tuấn kiệt cả.

Huệ từng hai lần vào thành Thăng Long [416](#), bốn lần hạ Gia Định. Hùng tài như Nguyễn Phúc Ánh cũng vẫn không sao chống nổi.

Tiếc rằng trời không cho sống lâu, ở ngôi mới được 5 năm đã bị bịnh mất, khiến người bằng diếu bùi ngùi mất một anh hùng rồi vận mệnh triều Tây Sơn cũng do đó mà sụp đổ!

(Thần Long – Việt Nam danh nhân dật sử, IV – Nam Phong, Chợ lớn, tập 2, số 6, trang 23).

Sau 21 năm (1771-1792) [417](#) tung hoành trên mảnh đất ngót 32 vạn thước vuông, mấy trận

đánh bại quân Xiêm, dăm ngày quét sạch hai mươi vạn quân Tôn Sĩ Nghị, sự nghiệp anh hùng ấy ngoài chút oai thừa ở mộ giả Linh Đường (thuộc huyện Thanh Trì), nắm xương nắm không yên ở phía nam sông Hương, nay còn gì để lại?

Dẫu vậy, còn chút dấu vết ở Đống Đa, võ công oanh liệt của vua Quang Trung vẫn còn tro tro ở bia miệng!

Mồng 5 tháng giêng, ngày giỗ trận, ta thử cùng nhau bằng điệu cổ nhân.

Vào chùa Đồng Quang, ta tham thiền: Thuyền từ đâu? Cành dương đâu? Nước cực lạc đâu? Phật ngồi tự tại, nào hay nông nổi chúng sinh!

Lên đền Trung Liệt⁴¹⁸ ta vãn cảnh: Hoàng Diệu đâu? Đoàn Thọ đâu? Nguyễn Tri Phương đâu? Bia đá đứng im, phó mặc bụi bay, gió thổi!

Ta không khỏi, bùi ngùi...

Loa Sơn, tức Đống Đa kia ơi! Có phải chính mi đã nuốt xác quân Thanh để ghi chiến công phi thường của vị anh hùng hoàng đế?

Vậy, mi hãy cùng cỏ xuân, hoa xuân, cây xuân hát khúc thiên lai để ca tụng cái sự nghiệp bất hủ của “chàng áo vải” con nhà nông dân ở ấp Kiên Thành, mẹ tên là Nguyễn Thị Đồng, cha tên là Nguyễn Phi Phúc!

Phụ lục: Quang Toản (con vua Quang Trung)

Nguyễn Quang Toản

Lấy hiệu Cảnh Thịnh (1793-1800)

Lại đổi Bảo Hưng (1801-1802)

LỆ NGÔN

1) Phần phụ lục này là dịch theo Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập, quyển 30, tờ 43b-56b.

2) Theo lệ phiên dịch, lẽ tất nhiên người dịch phải giữ đúng từng chữ từng câu trong nguyên văn. Vậy từ cốt truyện đến lời văn người dịch không có quyền được sửa đổi.

3) Quốc sử quán xưa vì theo quan niệm triều đại, nên mới dùng những chữ như “ngụy”, “tiếm” và “nhuận” để chỉ về “thắng triều” (triều đã bị người ta đánh thắng tức là cái triều đã bị diệt). Lại vì ngày xưa theo lệ tị húy (kiêng tên nhà vua) nên trên sử sách hễ gặp những chữ quốc húy thì đều bớt nét hoặc tránh hẳn mà viết ra chữ khác, hoặc bỏ hẳn chữ “đệm” ở trên tên người ta đi.

Nay, chúng ta chỉ đứng về phương diện sử học, cần tìm lấy sự thật để tiện học hỏi cho nên, khi dịch xin lược bỏ những chữ “ngụy” ở trong nguyên văn cho dễ hiểu và phàm những tên người, tên đất mà, khi dịch, biết là vì kiêng húy mới in khác đi thì đều xin chép theo tên thật cho khỏi lầm lẫn. Cử lệ:

Nguyên văn chép là Ngô Nhậm, xin cứ dịch là Ngô Thì Nhậm; nguyên văn chép là Thanh Ba, xin cứ dịch là Thanh Hoa...

4) Phàm những năm ghi bằng can chi, khi dịch đều chưa thêm dương lịch cho dễ tính.

5) Phàm những lời chua của nguyên thư thì khi dịch đều ghi trong hai cái ngoặc đơn nói là “nguyên chú” còn những chỗ nào không đề “nguyên chú” thì tức là lời chua thêm của người dịch.

6) Muốn cho dễ hiểu và đúng văn pháp khi dịch, một đôi chỗ xin thêm chủ ngữ hoặc bổ túc từ vào câu văn cho người đọc nhận ngay thấy nghĩa.

Quang Toản tên là Trát. Mẹ họ Phạm, người phủ Quy Nhơn, cùng Hình bộ Thượng thư Bùi Văn Nhật và Thái sư Bùi Đắc Tuyên là chị em cùng mẹ khác cha, tuổi 30, được sách phong hoàng hậu, sinh 3 trai, 2 gái. Toản là con cả.

Trước kia, khi giả vương sang triều cận, vua Thanh sắc phong Quang Thùy là An Nam quốc vương Thế tử; sau biết Thùy là con thứ, bèn đổi phong Toản làm Thế tử, cho thêm ngọc như ý, gấm và hà bao.

Năm Nhâm Tý (1792) Huệ mất, Toản mới 10 tuổi, đời năm sau, Quý Sửu (1793) làm Cảnh Thịnh nguyên niên, sai lữ Ngô Thì Nhậm⁴¹⁹ sang Thanh báo tang và thỉnh mệnh nối ngôi. Bọn Nhậm, chưa ra khỏi cửa ải, vua Thanh đã biết tin do Lương Quảng Tổng đốc tâu báo trước, liền xuống chiếu chỉ phong Toản làm An Nam quốc vương, sai Quảng Tây án sát Thành Lâm sang Bắc Thành (Thăng Long) tuyên phong. Toản cũng mượn người khác đứng nhận. Sứ Thanh trong bụng cũng biết là giả dối.

Toản, sau khi đã tập phong, lấy em là Quang Thùy làm Khang Công, tiết chế các doanh thủy bộ mạn Bắc, kiêm coi quản quân dân mọi việc: Quang Bàn làm tuyên công, lĩnh Thanh Hoa⁴²⁰ Đốc trấn, Tổng lý quân dân sự vụ; cậu là Bùi Đắc Tuyên làm Thái sư, đốc thị các viên cơ mật trong ngoài; Thái úy Phạm Công Hưng đồng chưởng quân quốc trọng sự; trung thư phụng chính Trần Văn Kỷ làm mọi việc cơ mật ở viện Trung thư, được ủy thác hết các văn thư, từ lệnh và hiểu thị; Thiếu phó Nguyễn⁴²¹ Quang Diệu, hộ giá Nguyễn Văn Huấn, Nội hầu Nguyễn Văn

Tứ và tư lệ Lê Trung cùng trấn Nghệ An; đại tư khấu Vũ Văn Dũng, đại tư cố Nguyễn Văn Dụng, thiếu bảo Nguyễn Văn Danh⁴²², Đại tư mã Ngô Văn Sở. Hình bộ Thượng thư Lê Xuân Tài, tuần kiểm Chu Ngọc Uyển và Tiết độ Nguyễn Công Tuyết cùng trấn Bắc thành. Bãi bỏ cái lệnh bắt dân đeo tín bài, thôi việc sai bắt dân ẩn lậu.

Toản tuổi nhỏ, chỉ chăm chơi đùa, phàm việc đều quyết định ở Đắc Tuyên. Đắc Tuyên tự do làm oai, làm phúc: trong ngoài đều oán.

Năm Quý Sửu (1793), quân ta⁴²³ vây Quy Nhơn; Nhạc sai người cáo cấp, Toản sai lũ Phạm Công Hưng đến cứu. Quân ta đã rút về, bọn Hưng bèn bức bách Nhạc mà chiếm cứ lấy thành Quy Nhơn. Nhạc tử thẹn tức bực mà chết. Toản phong con của Nhạc là Bảo làm Hiếu Công, phái người canh giữ.

Năm Giáp Dần (1794), Toản sai hộ giá Nguyễn Văn Huấn và điểm kiểm Trần Việt Kết đánh úp Diên Khánh⁴²⁴: quân thua, phải quay về. Toản lại sai tổng quản Nguyễn Quang Diệu, Nội hầu Nguyễn Văn Tứ lại đem quân vào vây Diên Khánh; cầm cự nhau đến hàng tháng.

Mùa đông năm ấy (Giáp Dần, 1794) Đắc Tuyên sai Ngô Văn Sở thay Vũ Văn Dũng điều bát quân sự ở Bắc thành, và triệu Dũng về. Dũng về đến trạm Mỹ Xuyên. Bấy giờ phụng chính Trần Văn Kỷ có tội, bị phát phối ở nơi trạm ấy. Kỷ mật báo Dũng rằng: “Thái sư (chỉ Đắc Tuyên) ở ngôi cao tốt của kẻ làm tôi, thiện tiện làm việc uy phúc, sẽ bắt lợi cho xã tắc. Nếu không sớm tính đi thì sau hối sao kịp!”

Dũng bèn mật mưu với Phạm Công Hưng và Nguyễn Văn Huấn⁴²⁵: thanh ngôn đi Nam đã để tế cờ, nhưng nhân lúc ban đêm, đem đồ đảng vây Đắc Tuyên ở chùa Thiên Lâm⁴²⁶.

Đêm đó, Tuyên vì tình cờ có việc, ngủ lại trong phủ của Toản. Dũng vây phủ đòi bắt Tuyên. Toản bắt đắc dĩ phải bắt Tuyên đưa cho Dũng. Dũng bỏ Tuyên vào ngục.

Ngô Văn Sở là đảng của Tuyên. Dũng kiêu chiểu sai Tiết chế Quang Thùy đóng gông Sở lại, điệu đến kinh thành. Lại sai Nguyễn Văn Huấn đem binh vây Quy Nhơn, bắt Đắc Trụ, còn Tuyên, giải về, thù dật thành phản trạng, rồi dìm xuống nước mà giết chết cả. Toản không thể chế trị nổi chỉ khóc lóc mà thôi.

Quang Diệu đang vây Diên Khánh, hay tin ấy, cả sợ, nói với bộ hạ rằng: “Chủ thượng thì không có đức cứng mạnh, đại thần thì giết hại lẫn nhau: thế là biển cổ lớn rồi. Không dẹp yên nội biến, còn chống cự gì được người ngoài?” Ngay hôm ấy, Diệu cởi vây rút về.

Dũng cho rằng Diệu có nhân nghị với Đắc Tuyên⁴²⁷, sẽ xảy ra sự biến, bèn ủy cho Công Hưng đem binh đón Diệu, điều đình việc ấy⁴²⁸.

Bấy giờ Nguyễn Văn Huấn đang giữ Quy Nhơn, hay tin Diệu về, vội trước đến tạ tội; Diệu chẳng buồn hỏi đến.

Diệu kéo quân đến An Cựu, đóng đồn ở bờ phía nam sông (sông Hương).

Bọn Dũng và Nội hầu Tứ đóng quân ở phía bắc sông (sông Hương) lấy nê mang lệnh vua mà chống cự lại.

Quang Toản lo sợ, không biết làm thế nào, sai người đi lại úy dụ và hòa giải cả hai. Diệu mới đem kẻ chiêu đả⁴²⁹ vào yết kiến, giảng hòa với bọn Dũng. Diệu xin lấy Lê Trung thay Huấn giữ Quy Nhơn mà vờ Huấn về.

Bấy giờ Quang Toản đã thân chính: 5 ngày một lần thiết triều. Năm ấy (Giáp Dần 1794), Thái úy Công Hưng bị bệnh mất, Toản bèn lấy Diệu làm Thiếu phó, Huấn làm Thiếu bảo, Dũng làm Đại tư đồ, Nguyễn Văn Danh⁴³⁰ làm Đại tư mã: gọi là tứ trụ đại thần.

Có người gièm với Toản rằng: “Diệu uy quyền quá trọng, sắp có chí toan tính khác!” Toản mê hoặc lời nói ấy, bèn thu lấy binh quyền của Diệu, chỉ cho Diệu giữ bản chức mà phụng thị nhà

vua.

Diệu đem lòng ngờ sợ, thường cáo bệnh không vào chầu, cho vài trăm thủ hạ ngày đêm cầm binh khí để tự vệ. Quang Toản hằng sai quan trung sứ đến úy lạo và dụ bảo Diệu.

Mùa hạ năm Đinh Tỵ (1797), quân ta đánh Quy Nhơn, chưa hạ được; lại tiến vây Quảng Nam, Đà Nẵng, Cầu Đê và Hải Vân. Toản sai Nguyễn Văn Huân đem hết quân ra chống cự. Lại khởi phục binh quyền cho Diệu để chặn giữ cửa bể Noãn Hải.

Mùa thu (Đinh Tỵ, 1797) quân ta kéo về.

Năm Mậu Ngọ (1798). Tiểu triều Bảo⁴³¹ đánh úp lấy Quy Nhơn, sai người đến thông khoản với ta⁴³². Quân ta chưa đến, Toản đã ra quân vây thành Quy Nhơn, bắt Bảo đem về, giết chết bằng cách bắt uống thuốc độc. Rồi sai Đại Tổng quản Lê Văn Thanh⁴³³ giữ Quy Nhơn.

Thái phú Lê Văn Ứng⁴³⁴ nói với Toản rằng: “Cuộc biến Tiểu triều là do Lê Trung gây thành ra đó!” Toản vờ Trung đến, sai tráng sĩ trói lại mà chém Trung.

Lại tin lời gièm vu của Thượng thư Hồ Công Diệu. Toản giết chết Thiếu bảo Nguyễn Văn Huân.

Từ đó, tướng tá lìa lòng, ai cũng ngơm ngớp ngờ sợ!

Đại đô đốc Lê Chất là con rể của Lê Trung, từng lập được nhiều chiến công, bấy giờ sợ vạ lây đến mình, liền theo về với bên ta.

Năm Kỷ Mùi (1799), quân ta lại tiến đánh Quy Nhơn. Lê Văn Thanh đóng cửa thành cố chết để giữ. Quang Diệu và Văn Dũng đem binh thuyền đến cứu. Khi tới Quảng Ngãi, nghe quân ta đã đổ bộ, giữ chỗ hiểm, Diệu ở ngoài núi Thạch Tân; Dũng đem quân đi theo đường tắt Chung Xá, mưu đánh úp đằng sau quân ta.

Đêm đến, có một con nai, xông chạy, quân tiền đạo của Dũng ồn ào la ó, truyền lầm là quân “Đồng Nai” bèn sợ hãi tan vỡ. Quân ta thừa dịp, tiến vào: quân Dũng giày đạp lẫn nhau, chết mất nhiều lắm.

Quân cứu đã tuyệt, Văn Thanh bèn cùng Thượng thư Nguyễn Đại Phác, Thiếu úy Trương Tiến Thúy đem thành xuống hàng.

Quân ta đã được Quy Nhơn, bèn đổi tên thành ấy rằng thành Bình Định, để chưởng Hậu quân Vũ Tinh, Lễ bộ Ngô Tông Chu ở lại trấn giữ.

Toản hay tin Quy Nhơn đã thất thủ, cả kéo binh đến. Khi tới Trà Khúc, Toản giục các tướng ra quân, Trần Viết Kết nói: “Nay, phong sắc không tiện, xin hăng kéo quân về!” Toản bèn lưu Diệu và Dũng giữ Quảng Nam, Nguyễn Văn Giáp giữ Trà Khúc, còn mình thì quay về.

Trước đó, trận Thạch Tân, quân Dũng không đánh đã tự vỡ, Dũng sợ, cầu xin Diệu giấu kín sự ấy đi. Từ ấy, hai người cố kết rất chặt chẽ, hẹn làm đôi bạn sống chết có nhau.

Lũ Trần Viết Kết, Hồ Công Diệu và Trần Văn Kỷ vốn ghét Quang Diệu. Họ lấy cớ để nói Quang Diệu về việc Quy Nhơn thất thủ, Diệu đóng binh ở một chỗ, không làm được công cán gì. Rồi họ kiêu chiểu sai Dũng bắt Diệu mà giết đi. Dũng được thứ ấy, đưa cho Diệu xem.

Diệu cả sợ, bèn kéo quân về Phú Xuân, cắm rào ở bờ phía nam sông Hương, thanh ngôn lên rằng đem binh đến để giết bọn giặc ở bên cạnh vua.

Toản sai người đến vờ: bọn Diệu đều không vâng chịu mệnh lệnh.

Kỷ đồ tội cho Trần Viết Kết và Hồ Công Diệu. Kết trốn. Toản bắt Công Diệu đưa cho Quang Diệu. Bấy giờ Quang Diệu mới cởi binh, vào triều cận.

Toản dụ bảo: “Các khanh là trụ thạch của quốc gia, nên vì nước mà đồng lòng gắng sức để trừ ngoại loạn, bắt tất phải đem lòng nghi ngờ.” Lũ Quang Diệu đều khóc tạ, xin lại đem quân vào lấy Quy Nhơn. Toản ưng cho.

Năm Canh Thân (1800), bộ binh của Diêu vây dưới thành Quy Nhơn, thường thường khiêu chiến. Vũ Tánh đóng chặt vách thành tự giữ lấy. Diêu ở ngoài, đắp cái lũy dài bao quanh bốn mặt để xây thành.

Dùng lấy hai chiếc thuyền “Định quốc đại hiệu” và hơn trăm chiếc chiến thuyền chận ngang cửa bể Thi Nại. Lại dựng hai cái đồn, trong đặt súng đại bác, ở Nhan Châu về phía tả cửa bể và ở núi Tam Tòa về phía hữu cửa bể, để đứng cao mà bắn ra. Phòng thủ rất là nghiêm ngặt.

Mùa hạ (Canh Thân, 1800). Thế tổ⁴³⁵ ta đem đại binh đến cứu Bình Định (Quy Nhơn); bộ binh đóng ở Thị Dã; thủy binh án ngữ ở ngoài cửa bể Thi Nại. Quân ta thủy lục không thông được với nhau. Vũ Tánh cũng ở trong thành cố giữ, đợi quân cứu. Hai bên cầm cự đã lâu.

Bấy giờ lũ Lưu Phúc Tường, điển quân thương đạo bên ta, liên kết với các xứ Vạn Tượng (Ai Lao), Trấn Ninh, khuấy rối thành Nghệ An. Từ Thanh Hoa⁴³⁶ trở ra, thổ tu⁴³⁷ các trấn đều dậy nghĩa binh hưởng ứng. Các cố đạo Tây cũng khua đám tín đồ người Nam ở sở tại nổi lên như ong. Nhiều người trung nghĩa ở Bắc thành cũng vượt bể, thật lòng vào đầu hàng, vì quan quân (bên chúa Nguyễn) mà trở sức. Nhân dân các trấn hễ thấy gió nồm bốc lên, thì mừng với nhau rằng: “Chúa Nguyễn thuận buồm kéo ra!”

Tình thế Quang Toản ngày một cùng quẫn, Toản sai người đem đồ hậu tộ đến vời Nguyễn Thiếp (tức Thiệp).

Khi Thiếp đến, Toản đem việc nước ra hỏi. Thiếp nói: “Hồng rồi!” Thiếp lại hỏi: “Ai theo?” Toản nói: “Trao cho gươm, ấn, ai dám không theo?” Thiếp nói: “Nếu vua không theo thì làm thế nào?” Toản im lặng.

Thiệp lui, nói với người thân rằng: “Đôi cá nước cạn, họ Nguyễn về quê. Non sông của chủ cũ, chẳng bao lâu, chung quy lại thuộc chủ cũ” Rồi Thiệp bảo Toản lui giữ Vĩnh⁴³⁸ đô, ngô hầu hoặc còn có thể thư được chăng. Toản cũng do dự, không quyết định.

Năm Tân Dậu (1801), Thế tổ ta thân đốc chu sự, thẳng vào cửa bể Thi Nại, sai Nguyễn Văn Trương và Tống Phúc Lương lĩnh quân tiên đạo xông vào trước đốt đồn thủy của Toản; Lê Văn Duyệt và Vũ Di Ngụy tiếp nối tiến vào.

Dùng đốc thúc các quân chống đánh, đạn súng đại bác bắn ra như mưa: Di Ngụy ngồi ở đầu thuyền, lặn xuống nước chết. Quân ta chết và bị thương khá nhiều, Văn Duyệt thúc đánh càng hăng. Rồi nhân thuận chiều gió, đánh hỏa công, thiêu hết chiến thuyền bên Tây Sơn: khói bốc mù trời! Dùng chỉ chạy được thoát thân.

Thủy quân đã đổ bể, Diêu lại đắp thêm lũy đất, núi đất để đối vào trong thành mà bắn; dựng nhiều đồn và rào làm chước chống giữ lâu dài. Quân ta đánh Diêu: luôn mấy tuần không hạ được. Thế tổ ta bèn lưu bộ tướng Nguyễn Văn Thành giữ Thị Dã, cầm cự với Diêu. Còn ngài thì thân cầm chu sự để đánh thẳng vào Phú Xuân (Huế).

Mồng 1 tháng năm, mùa hạ, (Tân Dậu, 1801), ngài vào đến cửa bể Tư Dung. Phò mã Tây Sơn Nguyễn Văn Trị giữ núi Rùa⁴³⁹, dựng rào gỗ⁴⁴⁰ để chống lại.

Quân tiên đạo (bên Nguyễn) tiến đánh không hạ được, Lê Văn Duyệt và Lê Chất đang đêm, đem vài mươi chiếc chiến thuyền vượt bãi cát vào eo bể Hà Trung đánh úp ở đằng sau, rồi chia quân nhổ hết rào gỗ mà tiến lên. Văn Trị sợ, vỡ, chạy.

Đại binh (bên Nguyễn) tiến đến Trùng Hà, bắt được Trị và Đô đốc Tây Sơn Phan Văn Sách chiêu hàng được 509 tên quân của họ, bèn tiến vào cửa sông Noãn Hải.

Toản rốc hết quân ra chống giữ. Quân ta thừa thắng tiến lên. Quân Toản sợ bóng, sợ gió, đã vội vỡ trước.

Đại binh (bên Nguyễn) kéo thẳng đến kinh đô (Phú Xuân).

Ngày mồng 3 (tháng năm năm Tân Dậu, 1801), Toản đem của bán chạy ra ngoài Bắc, bỏ cả sắc, ấn do triều Thanh đã ban cho. Vừa ra khỏi cầu Phú Xuân vài dặm, quân lính đã tan đi bốn

ngã, Toàn bèn cùng em là Thái tử Quang Thiệu, Nguyên súy Quang Khanh, và lữ Đại tư mã Tứ, Đô đốc Trù tế ngựa ngày đêm nhằm lũy Động Hải mà chạy.

Ngày tết Đoan Ngọ (mồng 5 tháng năm năm Tân Dậu, 1801), Toàn qua đò sông Gianh (Linh Giang), quân ta đuổi theo không kịp. Đến Nghệ An, Toàn ở lại vài ngày, giấu bắt công chuyện, không tuyên bố. Lại cưỡi ngựa trạm chạy ra trấn Thanh Hoa⁴⁴¹. Phi báo cho em là Quang Thùy đem quân đến đón.

Quân ta đã khắc phục kinh đô, sai Lê Văn Duyệt, Lê Chất, Tống Viết Phúc vào cứu Bình Định (Quy Nhơn). Quân chưa đến thì trong thành đã hết lương ăn, Lưu trấn Vũ Tính và Hiệp trấn Ngô Tông Chu đều chết theo thành.

Diệu và Dũng lại giữ lấy thành, sai Đại đô đốc Trương Phúc Phượng và Tư khấu Định⁴⁴² đem quân do đường thượng đạo về cứu Phú Xuân. Phượng hết lương, đến Tả Trạch Nguyên, xuống hàng quân ta. Định xuống Cao Đồi, đánh thua, chạy vào trong Mán rồi chết.

Ha tuần tháng năm (Tân Dậu 1801), Toàn đến Bắc thành, đóng ở phủ của Quang Thùy. Bảy giờ luôn tuần mưa dầm, trước sân ngập nước đến hơn một thước. Khi nước cạn, thành linh đất sụt sâu và rộng mỗi bề đến hàng vài thước. Cái lâu ba tầng ở Nghệ An vô cớ cũng đổ. Người ta đều cho là cái điềm chẳng lành⁴⁴³.

Tháng ấy (tháng năm Tân Dậu, 1801), đổi hiệu làm Bảo Hưng nguyên niên, Toàn hạ chiếu nhận lỗi, vỗ về nhân dân các trấn, lấy Thị trung Đại học sĩ Ngô Thì Nhậm⁴⁴⁴ làm Bình bộ Thượng thư, hiệp biện Đại học sĩ Nguyễn Huy Lịch làm Lại bộ Thượng thư, Thị trung Ngự sử Phan Huy Ích làm Lễ bộ Thượng thư; ngoài ra, mọi người khác đều được phong thưởng theo thứ bậc cả. Lại đắp gò tròn ở ngoài cửa ô Chợ Dừa, xây bó trầm vuông ở hồ Tây để Hạ chí và Đông chí thì chia ra mà tế tự Trời, Đất.

Toàn thân đến Quốc Tử giám để khảo hạch học trò: ai vào hạng ưu thì thưởng cho tiền.

Toàn sai lữ Nguyễn Đăng Sở sang nhà Thanh đưa tuế cống, và xin cứu giúp.

Bảy giờ sứ giả của ta, Trịnh Hoài Đức, đã sang Quảng Đông nộp sắc ấn của nhà Tây Sơn. Vua Gia Khánh (nhà Thanh) dung nạp sứ ta và đuổi lữ Đăng Sở về.

Tháng tám (Tân Dậu, 1801), Toàn sai em là Quang Thùy điểm binh mã, trước đến đóng đồn ở trấn Nghệ An.

Tháng mười một (Tân Dậu, 1801), Toàn để Quang Thiệu, Quang Khanh giữ Bắc Thành, thân đốc ba vạn quân ở bốn trấn và Thanh, Nghệ, tự mình làm tướng mà kéo vào Nam. Bùi Thị Xuân, vợ Quang Diệu cũng đem 5.000 thủ hạ đi theo. Tiết chế Thùy và Tổng quản Siêu⁴⁴⁵ phạm lũy Trấn ninh⁴⁴⁶; Tư lệ Tuyết và Đô đốc Nguyễn Văn Kiên phạm lũy Đâu Mâu; Thiếu úy Đặng Văn Đăng và Đô đốc Lực⁴⁴⁷ liên kết với giặc Tế ngòi, dàn hơn trăm chiếc thuyền ở ngoài bể Linh Giang: binh thế thịnh lắm.

Quân ta lui giữ Động Hải.

Ngày 30 tháng mười hai⁴⁴⁸. Toàn lừa hết quân qua đò sông Gianh.

Thế tổ ta thân chinh⁴⁴⁹, đóng ở Động Hải, sai Phạm Văn Nhân và Đặng Trần Thường đốc suất bộ binh, Nguyễn Văn Trương đốc suất thủy quân, chia đường chống cự.

Mồng 1 tháng giêng, mùa xuân năm Nhâm Tuất (1802) quân Quang Thùy bức lũy Trấn Ninh. Quân ta mở cửa lũy, cố sức đánh lui được.

Toàn lại đem hết quân vây lũy Đâu Mâu: bám vào như kiến mà trèo lên. Quân ta bắn đại bác ầm ầm và ném đá lớn xuống: quân Toàn bị thương và chết nhiều lắm.

Toàn sợ, muốn rút lui, Thị Xuân níu ngựa, cố xin đánh Toàn lại vây quân thúc đánh: từ sáng sớm đến chiều cả chưa chịu lui. Chợt nghe thủy quân bị Nguyễn Văn Trương (bên Nguyễn) đánh bại, quân Toàn kinh, vỡ.

Ngày mồng 2 (tháng giêng Nhâm Tuất, 1802) Toàn chạy đến Động Cao vội qua đò sông Gianh để chạy ra Bắc: kẻ đi theo không còn tới một, hai phần mười, 50 chiếc thuyền lương và quân nhu khí giới đều bị quân ta bắt được cả.

Quang Thùy đến sông Gianh bị quân ta cản lại, không qua đò được phải đi theo đường sơn cước, hơn một tuần⁴⁵⁰ mới tới Nghệ An: gặp Toàn ở đấy. Rồi lại chạy ra Bắc thành.

Trận ấy, Toàn cuốn hết lực lượng mà đến đánh, rồi thua một chuyến hết sạch sành sanh.

Từ đó, rùn chí, ngã lòng, Toàn chỉ ở trong thành, thi bắn và ngâm thơ thôi.

Diệu, Dũng ở Bình Định (Quy Nhơn), hay tin ấy, bèn đem đồ đảng là lũ Từ Văn Chiêu⁴⁵¹, Nguyễn Văn Miên, Nguyễn Văn Giáp, Nguyễn Văn Điểm và Lê Công Hưng đem 3.000 quân, 80 thớt voi trận theo đường thượng đạo sang Lào, đi ra Nghệ An.

Bấy giờ đại binh bên ta đã qua sông Gianh, tiến đánh đồn Tam Hiệu ở Bồ Chính, và hạ được rồi. Thủy quân của Nguyễn Văn Trương đến cửa bể Đan Nhai, đánh phá các thành chắn bằng đất và gỗ, bộ binh của Lê Văn Duyệt và Lê Chất đến sông Thanh Long, cướp được kho Kỳ Lân.

Nghệ An trấn thủ Nguyễn Văn Thân, Hiệp trấn Nguyễn Chiêm, Thủy quân thống lĩnh Đại Thiều úy Đăng (bên Tây Sơn) đều bỏ thành, chạy đến đồn Tiên Lý⁴⁵². Chiêm tự ả chết. Thân chạy đi Thanh Hoa⁴⁵³.

Đại binh (bên Nguyễn) đã lấy được Nghệ An, liền bố đặt quan lại.

Diệu từ Quy Hợp xuống Hương Sơn, nghe tin Nghệ An đã bị phá, bèn qua Thanh Chương, vượt sông Thanh Long (thuộc Nghệ An). Tụng giả dần dần tan đi. Diệu và vợ là Bùi Thị Xuân đều bị quan quân bắt sống.

Văn Dũng cũng bị thổ dân Nông Cống (thuộc Thanh Hoa) bắt được, giải nộp.

Đại binh (bên Nguyễn) đến Thanh Hoa⁴⁵⁴, Đốc trấn Quang Bàn và Thân, Đăng đều xuống hàng.

Quân ta thừa thắng tiến ra, không còn ai dám chống cự nữa.

Ngày 16, tháng sáu (Nhâm Tuất, 1802) Quang Toàn tự liệu thế không chống nổi, bèn cùng các em là Quang Thùy, Quang Thiệu và lũ Tư mã Nguyễn Văn Dụng, Nguyễn Văn Tú, Đô đốc Tú qua đò sông Nhị, chạy lên mạn Bắc. Đến Xương Giang (thuộc Bắc Giang) đê đóng lại, bị dân quê mưu cướp bắt. Quang Thùy tự ả, Tú và vợ cũng tự thắt cổ chết. Toàn bị dân Phượng Nhỡn (thuộc Bắc Giang) bắt được, đóng cũi đưa đến Bắc Thành.

Ngày 23 (tháng sáu, Nhâm Tuất, 1802), Xa giá (vua Gia Long) vào thành Thăng Long. Quan lại văn võ các trấn tranh đến cửa quân đầu thú.

Mùa đông năm ấy (Nhâm Tuất, 1802), Xa giá (vua Gia Long) về kinh (Huế) làm lễ cáo nhà thái miếu, dâng tù binh, trừng trị một cách tận pháp: đào phá mả Nhạc, mả Huệ, tán xương ném đi, giam đầu lâu vào nhà ngục, đổi tên ấp Tây Sơn gọi là ấp An Tây.

Năm Minh mạng thứ 12 (1831), tiếp tục bắt được con Nhạc là Văn Đức, Văn Lương và cháu Nhạc là Văn Đâu⁴⁵⁵ đều khép vào tội chém ngang lưng cả.

Họ hàng dòng giống Tây Sơn thế là hết tuyệt.

Cẩn án⁴⁵⁶ – Anh em Tây Sơn phân trị, không thống nhiếp nhau.

Nhạc khởi từ năm Mậu Tuất (1778) đến năm Quý Sửu (1793): gồm 16 năm.

Huệ khởi từ năm Mậu Thân (1788) đến năm Nhâm Tý (1792): gồm 5 năm.

Toản khởi từ năm Quý Sửu (1793) đến năm Nhâm Tuất (1802): gồm 10 năm.

Cộng 25 năm tất cả.

Nhưng từ năm Kỷ Dậu (1789), Lê mất, Huệ mới giữ nước. Cứ tính từ năm ấy (Kỷ Dậu, 1789) đến năm Nhâm Tuất⁴⁵⁷ (1802) là năm Quang Toản bị bắt thì chỉ được 14 năm thôi.

VĂN NÔM ĐỜI CẢNH THỊNH (1793-1800)

Xưa kia, ta đối với văn nô, thường chỉ chuyên chú vào văn vần, mà ít luyện tập đến văn xuôi. Cho nên, trong khi ta đã có những câu lục bát hoặc bài hàn luật rất điêu luyện, rất bóng bẩy, rất nhẹ nhàng, thế mà, về tản văn, ta hãy còn chập chững trong bước ấu trĩ! Đó vì trước triều Tây Sơn, phàm những văn thể như hiểu văn, dụ văn, chiếu văn này khác, ta thường viết bằng chữ nho, chứ ít khi dùng đến tiếng mẹ đẻ.

Không “năng học” thì không bao giờ “hay” được: đó là cái nhẽ tất nhiên.

Nhân khảo về đoạn sử Tây Sơn, tôi có tìm được ít nhiều văn nô – cả tản văn lẫn vận văn – ở đời ấy. Tựu trung tôi thấy văn vần ở đương thời vẫn tiến hơn văn xuôi, đó càng tỏ rằng vì xưa ta ít chịu rèn luyện văn xuôi, nên bấy giờ đầu đã là cuối thế kỷ XVIII, vậy mà văn xuôi hãy còn thô sơ và lủng củng đến thế!

Vậy xin cử một bài chiếu văn từ năm Giáp Dần (1794) đời Cảnh Thịnh làm lệ, để các bạn thấy cái trình độ văn xuôi của ta cách đây 150 năm nó ra thế nào: nó lủng củng những chữ Hán! Nó không được chải chuốt, sáng sủa, gãy gọn, rõ ràng, khúc chiết và dễ hiểu như văn xuôi bây giờ.

DỰ NHỊ SÚY⁴⁵⁸ QUỐC ÂM CHIẾU VĂN

(Phiên âm theo bản chữ Nôm trong *Giụ am văn tập*, sách viết trường Bác Cổ, số A 604 quyển thứ 5, tờ 5b-7b)

Lời dẫn

Như các bạn đã thấy ở truyện Nguyễn Quang Toản, từ năm Giáp Dần (1794) các tướng nhà Tây Sơn nhân dịp Tự quân thơ ấu, quốc gia lăm việc, chèn bẩy lẫn nhau, tàn hại lẫn nhau để tranh chiếm lấy quyền bính. Trần Quang Diệu đang vây Diên Khánh, hay tin Vũ Văn Dũng làm mưa làm gió ở triều đình, giết chết cha con Bùi Đắc Tuyên, bắt giam Ngô Văn Sở, bèn lật đật rút quân kéo về đóng quân ở phía nam sông Hương để uy hiếp Văn Dũng.

Vua Cảnh Thịnh phải sai người đi lại úy lạo phủ dụ, hòa giải cả đôi.

Dưới đây là bài chiếu do nhà vua bảo Phan Huy Ích làm để dụ hai tướng Diệu, Dũng.

Nguyên văn bằng chữ Nôm, nay tôi phiên ra quốc ngữ và giải nghĩa những chỗ khó hiểu.

Chiếu Thiếu phó Diệu Quận công Trần Quang Diệu, Tư đồ Dũng Quận công Vũ Văn Dũng khâm tri:

Nhị khanh⁴⁵⁹ là huân cựu đại thần⁴⁶⁰, Quốc gia trụ thạch⁴⁶¹, người thì phụng tuân cố mệnh⁴⁶², bảo dục trẫm cung⁴⁶³, người thì chuyên chế Bắc thành, bình hàn vương thất⁴⁶⁴. Trẫm vốn lấy làm cổ quăng tâm lữ dãi dĩ chí thành⁴⁶⁵.

Khoảnh nhân biên sự khổng cực⁴⁶⁶, trung lao khanh đẳng đồng binh vu ngoại⁴⁶⁷. Như nay thổ trí đồn ngữ đã rồi, mà hồi triều nghị sự, cùng lo tính thủy bộ cơ nghị dĩ đồ hậu cử⁴⁶⁸, để cho thượng hạ chi tình tương đạt⁴⁶⁹ thì cũng là phải. Dầu là chưa có triệu mệnh, mà đã thiện hồi⁴⁷⁰, cũng chẳng qua cấp ư quốc kế, lược ư lễ văn⁴⁷¹, trẫm cũng chẳng hà trách những điều tế quá⁴⁷².

Bổng nay nhị khanh tự hoài nghi cụ, cách hà ủng binh, bất lai triều yết⁴⁷³. Tầng dĩ lữ ban dụ chỉ, hãy còn suy thác trì hồi⁴⁷⁴! Trong quân thần phận nghĩa, mà tự xử dượng ấy, khanh đẳng nghĩ đã yên lòng hay chưa?

Trẫm thanh niên lăm chính⁴⁷⁵, đường thành tín ngự hạ có điều chưa được tố phu⁴⁷⁶, khiến

tới nỗi những kẻ huân cựu đường ấy còn phải quải ngại vu tâm⁴⁷⁷, ấy cũng là trầm chi quá thất⁴⁷⁸.

Tướng nay đương buổi tông thành nhất thủ, kinh địch tại tiền, dẫu quân thần đồng tâm mưu lược còn e phát cập⁴⁷⁹, bỗng lại gây nên nội hoạn⁴⁸⁰, thì nữa quốc sự làm sao!

Ví như trầm chẳng suy lượng bao hàm⁴⁸¹, lại có lòng tường hại tướng thần⁴⁸², ấy là tự tiện kỳ vũ dục, thế ắt nguy vong lập kiến⁴⁸³. Mà Khanh đảng dĩ binh hiệp chế khiến cho chủ bính hạ di, đại cương vẫn xuyên⁴⁸⁴ thì cũng chung quy loạn vong. Thủ nghĩ hai nhẽ ấy, trầm an nhiên vì chi hồ? Khanh đảng an nhiên vì chi hồ⁴⁸⁵?

Dầu như Khanh đảng còn ngại tiếng “phạm thượng” mà lại bất năng thích nghi⁴⁸⁶, thiên tương nội đạo viên quân tầm lộ tha khứ⁴⁸⁷, để đến nỗi nhân tính hung động⁴⁸⁸, địch quốc ngoại thừa⁴⁸⁹ thì tận khí tiền công, thù nhậm kỳ cứu⁴⁹⁰?

Trầm thừa tông miếu xã tắc chi trọng⁴⁹¹, nhị Khanh vi triều đình đồng cán chi thần⁴⁹², nhẽ đầu lương tương nghi trở⁴⁹³, sự biến hoạn sinh⁴⁹⁴, chẳng là di tiểu thiên thu⁴⁹⁵ vậy du!

Sổ nhật lại phản phúc tư duy⁴⁹⁶, tẩm thiện câu giảm⁴⁹⁷, tướng chung quốc gia đại kế hệ tại tư tu⁴⁹⁸. Vậy đã khai thành trì dự⁴⁹⁹, mà Khanh đảng còn chưa khai thích, trầm vưu bất an vu tâm⁵⁰⁰!

Vả, kinh lẫm Khanh đảng biểu nội⁵⁰¹: sở chư thố trí các điều cũng là đương hành sự nghi⁵⁰², song Khanh đảng còn đối khuyết liệt binh, vị lại triều yết⁵⁰³, thì quân thần chi nghĩa chưa được minh chính⁵⁰⁴. Như trong nước mà chưa thuận đạo, quân thần hầu để lo đường chính sự làm sao!

Dù như Khanh đảng muốn rằng tiên y tấu biểu, hậu thủy xu triều⁵⁰⁵ thì ra quân nhược thần cường⁵⁰⁶, cương thường diên đảo, dầu có chính sự cho hay, thi hành sao đặng? Như lấy thế làm binh gián⁵⁰⁷, e chưa hợp trong sự thế.

Khanh đảng đã thực lòng ái quốc, thì tua⁵⁰⁸ giữ đạo tôn thân, thế lòng trầm suy thành đãi ngộ⁵⁰⁹, sớm nên thích kỳ hiềm nghi⁵¹⁰, qui triều tạ quá mà hãy phu trần sự lý⁵¹¹. Như việc binh hung nên khu xử những làm sao, trong quan liêu tiến thoái những làm sao, cùng triều thần thương nghị rồi thì thỉnh chỉ phụng hành.

DIỆU QUẬN QUÂN THỨ QUỐC ÂM HIỂU VĂN

Phiên âm theo bản chữ Nôm trong *Giụ am văn tập* (sách viết trường Bác Cổ, số A 604), quyển 5 từ 13a-14b

LỜI DẪN

Bài hiểu văn dưới đây là của Giụ am Phan Huy Ích vâng theo chỉ dụ vua Cảnh Thịnh (1793-1802) làm từ mùa xuân năm Canh Thân (1800) dán yết ở nơi quân thứ Quy Nhơn để hiểu dụ nhân dân và quân lính.

Nguyên Quy Nhơn trước là địa bàn của Nguyễn Nhạc.

Năm Quý Sửu (1793) quân bên Cựu Nguyễn⁵¹² vây bức thành Quy Nhơn. Nhạc sai con là Bảo chống cự lại nhưng quân vỡ, Bảo phải thua chạy, Nhạc bấy giờ đang đau ốm, sai ruổi thư ra Phú Xuân để cáo cấp.

Chúa Cảnh Thịnh sai lữ Thái úy Phạm Công Hưng, Hộ giá Nguyễn Văn Huấn, Đại tư lệ Lê Trung và Đại tư mã Ngô Văn Sở đốc suất 17.000 bộ binh, 80 thớt voi và Đại thống lĩnh Đặng Văn Chân đem hơn 30 chiếc chu sớ chia làm 5 đường vào cứu.

Quân Cựu Nguyễn cỡi vây, rút lui. Bọn Hưng vào thành Quy Nhơn. Nhạc sai đem một mâm vàng, một mâm bạc ra để khao quân, Hưng bèn tịch biên kho dựn thu lấy giáp binh, chiếm cứ

lấy thành ấy. Nhạc uất tức, hộc máu ra mà chết⁵¹³.

Từ đó Quy Nhơn lại thuộc dưới quyền thống trị của chúa Cảnh Thịnh.

Qua năm Mậu Ngọ (1798). Bảo nổi cuộc phản công, bắt tù Thanh Uyên hầu⁵¹⁴ là tướng của triều đình Phú Xuân lưu lại để kiềm chế Bảo, rồi Bảo chiếm giữ thành Quy Nhơn, sai Đô đốc Đoàn Văn Cát và Nguyễn Văn Thiệu giữ Phú Yên; sau lại đưa thư xin xuống hàng chúa Nguyễn.

Nhưng quân Cựu Nguyễn chưa đến thì binh Phú Xuân đã kéo tới vây thành bắt Bảo rồi.

Năm Kỷ Mùi (1799), sau trận Thạch Tân, Diêu, Dũng đều thua, Quy Nhơn lại bị bên Cựu Nguyễn lấy được.

Từ năm ấy, cái tên “Bình Định” do chúa Nguyễn Ánh đặt cho để thay vào hai chữ “Quy Nhơn” mới bắt đầu thấy trên sử sách.

Cuộc chiến tranh ở thành Quy Nhơn này bước sang thời kỳ kịch liệt cũng từ khi thành ấy bị đổi tên làm Bình Định, do Chương hậu quân Vũ Tính và Lễ bộ Ngô Tông Chu bên Cựu Nguyễn cùng gánh trọng trách trấn thủ.

Để đi giựt lại Quy Nhơn, Trần Quang Diệu, Thiếu phó bên Tây Sơn, từ ngày 21 tháng chạp năm Kỷ Mùi (1799), tiến quân vào mặt nam, qua ngày 29 (tháng mười hai Kỷ Mùi, 1799), Diêu đến đèo Bến Đá chia quân làm ba đạo, lách núi non, vượt hiểm trở mà thẳng tiến. Đến ngày mồng 2 tết Canh Thân (1800) Diêu bức thành Quy Nhơn bao vây bốn mặt⁵¹⁵. Rồi kết quả trận này ra sao, chắc các bạn đã thấy rõ ở truyện Nguyễn Quang Toản như trên đã chép đó.

Sau khi nhận được tờ biểu của quận Diêu để trong ống tre, cẩn niêm, dâng lên từ nơi quân thứ, khi đã vây thành Quy Nhơn, chúa Cảnh Thịnh như đã nói ở trên, có sai Phan Huy Ích làm bài hiểu văn bằng nôm này niêm yết nơi quân thứ của Diêu tại Quy Nhơn để vỗ về yên ủi lòng quân lính.

Có xét lai lịch việc Quy Nhơn như thế, ta mới hiểu thêm một đoạn lịch sử ở đương thời và khỏi ngỡ những chỗ dụng ý trong bài hiểu văn dưới đây (viết theo văn thể biên ngẫu đối nhau) của tác giả.

Nhất hiểu Quy Nhơn phủ quan, quân, dân thứ đẳng tri:

Tướng vâng quyền chế ngoại⁵¹⁶, dẹp lửa binh mà giúp lấy dân lành.

Người sẵn tính giáng trung⁵¹⁷, cỡi lưới ngược lại noi về đường thuận.

Mấy lời cặn kẽ.

Đòi chốn sum vầy,

Quý phủ ta: cội gốc nền vương,

Giậu phen nhà nước.

Miền thang mộc⁵¹⁸ vốn đúc non gậy (?) bể, mở mang bờ cõi bởi từ đây⁵¹⁹.

Hội phong vân⁵²⁰ từng diu phượng vin rồng, ghi tạc thẻ quyền⁵²¹ đành dãi để.

Dấu cờ nghĩa đã sáng công dục vận⁵²².

Buổi xe nhung thêm đóng sức cần vương.

Mấy phen gió bụi nhọc còn đòng⁵²³, giúp oai võ cũng đều nhờ đất cũ.

Ba huyện đá vàng bền tắc dạ, cãm cừu thù chi để đội giời chung.

Tiệc ca phong524 chiêm nhận vừa yên,

Vời Tĩnh Hải tắm kinh lại động525.

Đoàn ngoại vũ lung lãng quen thói, nương thế đèo, đường Bến Đá chia ngăn526.

Kẻ khốn tu527 giáo giở bên lòng, phụ ơn nước, chốn thành vàng phứt bỏ528!

Nơi trọng địa xảy nên gai góc.

Lũ lương gia529 lây phải làm than.

Kẻ thì sa vào thế hiệp tòng530, trót lỗ bước dễ biết đâu tránh thoát;

Kẻ thì quá nghe lời khua dụ531, dẫu cầm hờn nào có kịp nản than.

Giận vì địch thế bãi buông tuồng.

Xót đến dân tình càng áy náy.

Trong một cõi, nổi hoành ly532 là thế, đầu tên, trước đạn, nghĩ cỏ cây âu đã đổi màu xưa.

Trên chín lần niềm chắc ẩn là bao, sớm áo, đêm com533, mong đèm chiếu lại cùng êm nếp cũ534.

Chước điễn khấu ngựa vâng tiếng ngọc535.

Việc đồng nhung xa chỉ ngọn đào536.

Bản chức537 nay: chịu mạng đèn phong538.

Buông oai trưởng liễu539.

Thế phân đạo gấu giò (?), hùm thét, suối rừng pha đồn lũy đã tan tành;

Cảnh sơ xuân540 hoa rước, oanh chào, đất nước thấy quan quân càng hơn hở.

Súy mạc vốn quyết bài tất thắng541.

Tông thành âu hẹn buổi phục thu.

Ngẫm chúng tình542 đà quay quắt bấy lâu, sự biến ấy hoặc có người nghi cụ543.

Vậy tướng lệnh phải đình ninh đòi nhẽ, thân cố ta cho biết nẻo tòng vi544.

Nghiệm cơ giời đành thu góp về nhân.

Vâng nơi thánh lấy chở che làm lượng.

Bao nhiêu kẻ trót theo đảng dữ, như đã thích mê hồi thiện545, thì đều noi chức nghiệp cũ cho yên.

Hoặc mấy người riêng bắm (?) chí cao, mà hay nỗ lực lập công, ắt lại chịu ân thưởng nay càng hậu.

Dẫu trước có hà tỳ546 nào xá trách.

Ai sớm hay hối ngộ547 thấy đều dung.

Hội thanh ninh548 đành trên dưới đều vui.

Người Bái quận549... móc mưa hiệp sái550

Phương tị tỵ vi kíp chầy chưa tỏ551,

Thủa Côn Cương ngọc đá khôn chia552.

Nghĩa cả mà làm,

Lòng ngay xá giữ,

Nay hiểu.

Lời bạt

Viết cuốn *Quang Trung* này tôi có ý muốn đem ra ánh sáng chút ít sử liệu bấy nay đã tốn bao công mới tìm tòi nhặt lượm được. Rất mong các bậc cao minh trong giới sử học đoái đến mà nhã chính cho những chỗ sơ sót, thiếu thốn.

Tiếc rằng, vì trình độ, vì hoàn cảnh, tôi buộc lòng phải dùng một phương tiện thích ứng mà trình bày sách này cho “vừa tầm” với tiếng đòi hỏi của thời đại.

Với nỗ lực, tôi còn mong có một bộ *Quang Trung* “như ý” ở một ngày mai tươi sáng.

Có nhiều bạn hỏi về chân dung vua Quang Trung.

Nay xin đáp chung: Tấm ảnh người cưỡi ngựa, mặc nhung phục mà nhiều sách báo gần đây rập theo một tờ tạp chí trước kia không phải là di tượng vua Quang Trung thật đâu, vì đó chỉ là một người do họa sĩ vẽ theo tưởng tượng. Bởi vậy, trong *Quang Trung*⁵⁵³ tôi có cho đặt tấm hình bán thân mà nhiều người đã nhận lầm là chính ảnh vua Quang Trung đó vào cuối phần thứ hai cho vui mắt, cho mỹ quan, nhưng không hề dám nói là ảnh của ai cả.

Hoa Bằng – Hoàng Thúc Trâm

Sách báo tham khảo

Sách báo chữ Hán

- An Nam nhất thống chí* (Học Tồn và Trưng Phủ)
- Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập* (quyển XXX-XXXII)
- Hàn các anh hoa* (Ngô Thì Nhậm)
- Bang giao hảo thoại* (Ngô Thì Nhậm)
- Lê quý kỷ sự* (Sách viết trường Bác Cổ)
- Giụ am văn tập* (Phan Huy Ích)
- Lê triều dã sử* (sách viết trường Bác Cổ)
- Giụ am ngâm lục* (Phan Huy Ích)
- Lê triều dã sử nhật ký* (Sách viết trường Bác Cổ)
- Tây Sơn thủy mạt ký* (Sách viết trường Bác Cổ)
- Tây Sơn bang giao tập* (Sách viết trường Bác Cổ)
- Đại Nam tiền biên liệt truyện* (quyển VI)
- Đại Thanh thực lục* (Sách in trường Bác Cổ)
- Đông Hoa toàn lục* (Sách in trường Bác Cổ)
- Thanh triều sử lược* (Tá Đẳng Sở Tài)
- Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Quốc sử quán)
- Ngự chế Việt sử tổng vịnh* (Vua Tự Đức)
- Việt sử* (Nguyễn Đình Tuân)
- Vạn quốc sử ký* (quyển IV, Cương bản Giám phụ)
- Trần Công Sán sự trạng* (Sách viết trường Bác Cổ)
- Nguyễn Hữu Chỉnh sự trạng* (Sách viết trường Bác Cổ)
- Hạnh am văn tập* (sách viết, do ông Đào Duy Anh cho mượn)
- Liễu am thi tập* (sách viết nhà tác giả)
- Đại Nam nhất thống chí* (tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Nghệ An)
- Hoa trình tùy bộ thi tập* (Vũ Huy Tấn)
- Tinh sa kỹ hành* (Phan Huy Ích)
- Lập Trai tiên sinh hành trạng* (Chu Tiến Trí, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Văn Siêu)
- Quốc triều sử toát yếu* (Cao Xuân Dục)
- Lịch triều hiến chương loại chí* (Bình chế chí, Bang giao chí)
- Lịch sử thượng chi kim nhân* (Đình Lịnh Uy, Nam Phong số 96, Juin 1925)
- Sơn Tây di sự* (Nam Phong số 177)
- Tang thương ngẫu lục* (Kính Phủ và Tùng Niên)
- Việt sử bổ di* (Sách viết trường Bác Cổ)

Phủ biên tạp lục (Lê Quý Đôn)

Lê kỹ tục biên (Dã sử – Sách viết trường Bác Cổ)

Nam hà tiếp lục (Lê Đản)

Lê kỹ (Dã sử – Sách viết nhà tác giả)

Bắc hành lược biên (Lê Quýnh)

Đại Nam đồng văn nhật báo (số 7, ngày 11, Octobre 1891)

Nam Phong số 6 (Chợ Lớn)

Sách chữ Pháp

Notions d'Histoire d'Annam (Ch. B Maybon)

Nouvelles lettres édifiantes des Missions de la Chine et des Indes Orientales

L'Empire d'Annam (Ch. Gosselin)

Notes historiques sur la nation annamite (Le Grand de la Liraye)

Cours d'histoire annamite (Trương Vĩnh Ký)

Histoire moderne du pays d'Annam (Ch. B Maybon)

Histoire d'une citadelle annamite: Bắc Ninh (Ardant du Picq)

Nomenclature des communes du Tonkin (Ngô Vi Liễn)

Sách báo quốc văn

Ai tư vấn (Ngọc Hân Công chúa)

Bắc sở tự tình phú (Lê Quýnh)

Tây Sơn xuất sự hịch (Nguyễn Hữu Chỉnh)

Sử ký Đại Nam Việt (Annales annamites, Giáo hội, Saigon)

Nho giáo quyển III (Trần Trọng Kim)

Đông thanh

Tao đàn

Nước Nam (từ số 26 có thiên Quang Trung của chuyết tác)

Trịnh gia chính phủ (Nhật Nham Trịnh Như Tấu)

Mai (số 108, ngày 27, Octobre 1939)

Ngày nay (Xuân 1940, số 198)

Pháp Việt tạp chí (số 254, ngày 16 Janvier 1939)

Xuân Trung Bắc (1939 và 1943)

Tri Tân (những số 12, 34, 35, 75, 83, 101, 103, 104)

Bắc Giang địa chí (Nhật Nham Trịnh Như Tấn)

Tân văn tuần báo (Xuân Bính Tý, 1936)

Việt Nam sử lược quyển hạ (Trần Trọng Kim)

Thế giới tân văn (số 28 -29)

Sử liệu đương thời

Hai đạo sắc Phan Huy Ích:

a) Một đạo ngày mồng 1 tháng năm năm Thái Đức thứ 11 (1788).

b) Một đạo ngày 18 tháng tư nhuận, năm Quang Trung thứ 5 (1792)

Sắc phong thần đời Quang Trung (Trần liệt phẩm tại khu lịch sử ở Hội chợ 1940 -1941)

Chiếu truyền La Sơn phu tử (Trần liệt phẩm của giáo sư Hoàng Xuân Hãn)

Tiền đồng đời Quang Trung.

Ấn Trung lang tướng triều Tây Sơn.

Ấn loát phẩm bằng mộc bản năm Canh Thân (1800) đời Cảnh Thịnh.

TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN

GÓC NHÌN SỬ VIỆT

Là một trong những quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, nhưng một vấn đề Việt Nam đang phải đối mặt chính là sự đứt gãy về mặt lịch sử - văn hóa. Tức thế hệ trẻ ngày nay không còn được đọc hay hiểu được những gì ông cha ta đã viết. Ngoại trừ giới nghiên cứu, đại bộ phận học sinh, sinh viên ít hoặc không có thói quen tìm đọc những thư tịch cổ của ông cha. Góp phần dẫn đến tình trạng đó là việc rất nhiều tài liệu thư tịch cổ quý giá của ông cha ta hoặc nằm sâu trong các kho tàng của các viện nghiên cứu như Viện Sử học Việt Nam, Viện Triết, Viện Hán-Nôm, Thư viện Quốc gia..., hoặc thuộc về các tổ chức cá nhân sưu tầm sách cổ.

Trước thực tế trên, Công ty cổ phần sách Alpha (Alpha Books) xây dựng đề án Alpha Di sản, mục đích dịch thuật, tái bản các tài liệu, thư tịch cổ có giá trị... Hơn hết, Alpha Books mong muốn xây dựng lại nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, chất lượng cho các cơ quan, trường học, thư viện, các trung tâm nghiên cứu và cá nhân, nhằm gìn giữ vốn quý văn hóa của dân tộc.

Xuất bản tháng 10/2014

1. *Quang Trung (1788-1792)* - Hoa Bằng
2. *Trần Hưng Đạo*- Hoàng Thúc Trâm
3. *Nữ tướng thời Trung Vương* - Nguyễn Khắc Xương
4. *Phan Đình Phùng* - Đào Trinh Nhất
5. *Lương Ngọc Quyến* - Đào Trinh Nhất
6. *Nguyễn Thái Học* - Nhưộng Tống
7. *Vua Hàm Nghi* - Phan Trần Chúc
8. *Việt - Pháp bang giao sử lược* - Phan Khoang
9. *Việt - Hoa bang giao sử* - Huyền Quang, Xuân Khôi, Thi Đạt Chí
10. *Việt - Hoa thông sử sử lược* - Bế Lãng Ngoạn, Lê Văn Hòe
11. *Việt Nam ngoại giao sử* - Ưng Trình
12. *Sử ký Đại Nam Việt* - Khuyết Danh

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>